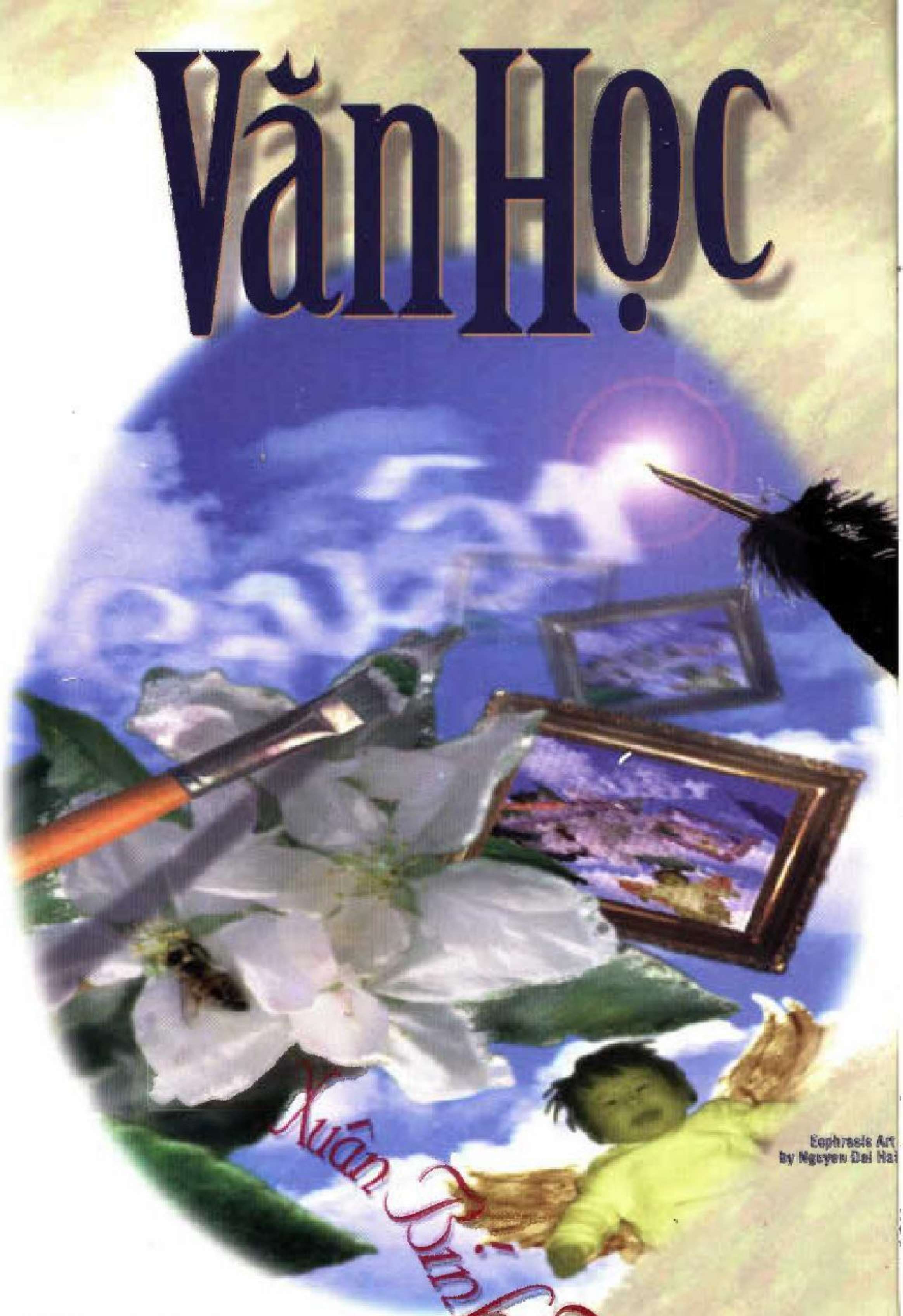
Văn Học



Số 117 & 118
THÁNG 1 & 2
NĂM 1996

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về
Văn Học
PO Box 1359
Garden Grove, CA 92642-1359
USA
Phone: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN–0885–128X

Bùn in đầu tiên
của Thạch Hãn
1/22/1996

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Tạp chí Văn Học và các văn hữu cộng tác trong số báo này kính chúc quý độc giả và văn hữu xa gần một năm Bính Tý dồi dào sức khoẻ và hoàn toàn như ý.

CHÂU VĂN THỌ ❁ NGUYỄN MỘNG GIÁC ❁ MAI KIM NGỌC ❁ NGUYỄN XUÂN HOÀNG ❁ THẠCH HÃN ❁ VÕ THẮNG TIẾT ❁ CAO XUÂN TỨ ❁ NGHIÊM XUÂN HỒNG ❁ ANDREW LÂM ❁ LƯU TRƯỜNG KHÔI ❁ TRẦN MỘNG TÚ ❁ NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH TRANG ❁ ĐINH LINH ❁ HOÀNG BÍCH ĐÀO ❁ NGUYỄN QUÍ ĐỨC ❁ NGUYỄN THÀNH VIỆT ❁ LẠI THANH HÀ ❁ LILY DIZON ❁ HOÀNG LỘC ❁ DƯƠNG NHƯ NGUYỆN ❁ ĐOÀN NHẬT ❁ BÙI VĨNH PHÚC ❁ NGŨ AN ❁ PHẠM XUÂN ĐÀI ❁ VÕ PHIẾN ❁ TRẦN HỒNG CHÂU ❁ THẢO TRƯỜNG ❁ HẢI PHƯƠNG ❁ HOÀNG NGA ❁ NGUYỄN MẠNH TRINH ❁ THƠ THƠ ❁ HỒ MINH DŨNG ❁ TRIỀU HOA ĐẠI ❁ PHÙNG NGUYỄN ❁ THƯỜNG QUÁN ❁ NGỰ THUYẾT ❁ NGUYỄN HUY THẠCH ❁

VănHọc

Số 117 & 118, Tháng 1& 2 năm 1996

NGUYỄN MỘNG GIÁC	5	nhìn lại một năm văn chương
CAO XUÂN TỨ	14	*đêm trừ tịch*
MAI KIM NGỌC	15	câu chuyện văn đầu năm
NGHIÊM XUÂN HỒNG	31	*giả đò*
THẠCH HÃN	33	tôi thuộc về đâu?
VĂN HỌC	43	giới thiệu nguyễn đại hải
VĂN HỌC	45	giới thiệu trần đệ
VĂN HỌC	46	giới thiệu andrew q. lâm
ANDREW Q. LÂM	47	gỗ mun và hồn ma bóng quế
VĂN HỌC	58	giới thiệu lưu trường khôi
LƯU TRƯỜNG KHÔI	59	chiếc áo trắng
TRẦN MỘNG TÚ	73	*chiều cuối năm ở isaquah*
VĂN HỌC	74	giới thiệu nguyễn phương quỳnh trang
NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH TRANG	75	anh hai
ĐINH LINH	84	hai kẻ đãng trí
HOÀNG BÍCH ĐÀO	89	*mùa xuân và tuyết*
VĂN HỌC	90	giới thiệu nguyễn quí đức
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	91	tết tại tenderloin
NGUYỄN THÀNH VIỆT	95	mùa bão
VĂN HỌC	108	giới thiệu lại thanh hà
LẠI THANH HÀ	109	bà bán rau thì-là

LILY DIZON	117	đi tìm đại úy nguyễn tấn hưng
HOÀNG LỘC	131	*về hội an, uống rượu đợi người*
DƯƠNG NHƯ NGUYỆN	132	những cỗ quan tài của tĩnh tâm
ĐOÀN NHẬT	138	*lời cho yêu dấu*
BÙI VĨNH PHÚC	139	bùi bích hà, một mình trong nỗi nhớ
NGỮ AN	148	*những cuối năm buồn*
PHẠM XUÂN ĐÀI	149	thư viết trong muà xuân
VÕ PHIẾN	154	nhà văn
TRẦN HỒNG CHÂU	158	*cựu thời hoa*
THẢO TRƯỜNG	159	xóm nghèo
HẢI PHƯƠNG	170	*di chỉ, mùa xuân năm 2000*
HOÀNG NGA	171	cố nhân
NGUYỄN MẠNH TRINH	186	*dường như*
THƠ THƠ	187	trăng mật
HỒ MINH DŨNG	194	phù thịnh
TRIỀU HOA ĐẠI	212	*đường xuôi xa*
PHÙNG NGUYỄN	214	cành lê hoa mùa đông
THƯỜNG QUÁN	221	*nước non ngàn dặm*
NGỰ THUYẾT	224	đi tìm
NGUYỄN HUY THẠCH	235	ghi chép
VĂN HỌC	243	toà soạn với bạn đọc
VĂN HỌC	244	giới thiệu sách mới

CẢM TẠ

Trong lúc chuẩn bị số báo Xuân Bính Tý, Văn Học được sự trợ giúp nồng nhiệt và tích cực từ những nhà văn, nhà thơ Mỹ gốc Việt bằng cách cung cấp tác phẩm, hình ảnh và tiểu sử trong một thời gian khá cấp bách. Đặc biệt, Nguyễn Đại Hải đã mất nhiều thì giờ hoàn tất tranh bìa trong một thời gian ngắn, và thân mẫu của Nguyễn Phương Quỳnh Trang đã phải gấp rút thức đêm rửa ảnh cho kịp ngày báo lên khuôn. Nếu không có sự đáp ứng nhanh chóng của Lưu Trường Khôi, Đinh Linh, Lại Thanh Hà, Nguyễn Thành Việt, Nguyễn Phương Quỳnh Trang, số báo xuân này sẽ khó hoàn tất. Nguyễn Quí Đức và Trần Đệ cũng đã mất nhiều thì giờ liên lạc với các bạn trẻ ở khắp nơi trên nước Mỹ để tiếp tay với Văn Học giới thiệu đến cộng đồng người Việt hải ngoại những nhà thơ, nhà văn trẻ Việt Nam viết bằng Anh ngữ.

Văn học chân thành cảm tạ những ưu ái và nhiệt tình đó.

Ban Chủ Trương

Nhìn Lại Một Năm Văn Chương Hải Ngoại

Nguyễn Mộng Giác

Năm 1995 đánh dấu hai mươi năm trưởng thành của cộng đồng tị nạn Việt Nam hải ngoại, nên trong tất cả mọi ngành sinh hoạt, người ta đều muốn nhìn lại hai thập niên qua, tổng kết những thành quả, tìm hiểu những gì được và chưa được của ngành mình.

Ngành văn trong năm qua đã có nhiều cố gắng làm công việc tổng kết ấy.

Trên tạp chí *Văn Học*, đã có nhiều ý kiến đánh giá thành quả và triển vọng của văn học hải ngoại. Từ tháng 7 năm 1994, trên *Văn Học* số 99, Ban Chủ biên *Văn Học* đã phát động một cuộc thảo luận rộng rãi về vấn đề này, hy vọng đến tháng 4 năm 1995 cuộc thảo luận sẽ mang lại một bản sơ kết về hai mươi năm văn học hải ngoại, làm tài liệu căn bản cho những công trình nghiên cứu về sau.

Văn Học đã đưa ra mười câu hỏi gợi ý:

1. Lấy tiêu chuẩn nào để một tác phẩm được xem là một tác phẩm văn chương?

2. Lấy tiêu chuẩn nào để xác định một tác phẩm là thuộc về dòng văn học hải ngoại?

3. Văn học hải ngoại có phải là dòng nối dài của văn học Miền Nam trước 1975 hay không?

4. Những khác biệt căn bản giữa văn học hải ngoại và văn học Miền Nam 1954-1975, giữa văn học hải ngoại và văn học quốc nội?

5. Các trào lưu, giai đoạn hình thành của văn học hải ngoại.

6. Đặc tính của văn học Việt Nam hải ngoại, so với văn học các sắc tộc di dân khác.

7. Khả năng và triển vọng của văn học hải ngoại: Sẽ phát triển hay sẽ

suy tàn? Vai trò của giới trẻ trong sáng tạo và thưởng ngoạn văn chương.

8. Đời sống người cầm bút hải ngoại.

9. Các tác giả được ưa chuộng? Những tác giả tiêu biểu cho từng thời kỳ?

10. Các cuộc tranh luận bút chiến trên văn đàn hải ngoại.

Thành thực mà nói, hồi đó Ban Chủ biên *Văn Học* quá lạc quan, nghĩ rằng với cái mốc đáng nhớ là hai thập niên xa quê hương, giới cầm bút sẽ tham gia hăng hái vào cuộc thảo luận chung quanh 10 câu hỏi gợi ý. Trên 9 số báo dẫn đến số kỷ niệm 30.4.1995, cũng có những bài phỏng vấn, những ý kiến đóng góp, những cuộc hội thảo bàn tròn...nhưng nhìn chung, những phát biểu ấy chỉ mới là những suy nghĩ trực phát đầy chủ quan. Một ý kiến đưa ra, không có những ý kiến khác "đối thoại" về ý kiến trước, nên không có "thảo luận" đúng nghĩa với chữ thảo luận. Một số nhà văn, nhà nghiên cứu ban đầu nhận phần việc sơ kết một thể loại văn chương nào đó theo yêu cầu của *Văn Học*, nhưng khi bắt tay vào việc, họ mới kinh hoảng trước trở ngại chất chồng: làm sao thu thập được hết tài liệu sách báo của thể loại, làm sao liên lạc được với các tác giả định cư rải rác trên khắp thế giới, chưa kể những ràng buộc khe khắc của cuộc mưu sinh.

Dự tính tổng kết qui mô hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại không thành, nhưng nhu cầu nhìn lại, đánh dấu đoạn đường đã qua vẫn còn đó. Sau số 109 ra đầu tháng 5.1995, *Văn Học* tự lượng sức mình, mở ra mục giới thiệu "Tác giả và Tác phẩm" để cung cấp những tài liệu sơ khởi về một số tác giả hải ngoại. Nói cho đúng, không phải *Văn Học* đứng ra "giới thiệu" các nhà văn với bạn đọc bốn phương. *Văn Học* chỉ làm nhiệm vụ trung gian, để các tác giả "tự giới thiệu" với bạn đọc. Chính các tác giả cung cấp tài liệu về tiểu sử, thành quả sáng tác của mình, chính các tác giả lựa chọn những bài thơ, truyện ngắn vừa ý để gửi cho bạn đọc. Việc "tổng kết" trở thành "sưu tầm tài liệu". Lực bất tòng tâm, *Văn Học* xin thú nhận điều đó.

Trong năm 1995, có những tuyển tập văn chương đánh dấu hai mươi năm văn học hải ngoại thực hiện bằng phương thức "sưu tầm tài liệu" như *Văn Học* đã làm. Các nhóm thực hiện cố gắng cho sách ra đời đúng vào thời điểm 30.4.1995, cho đúng với ý nghĩa kỷ niệm hai mươi năm và thuận lợi cho việc phát hành. Nhưng vì nhiều lý do, nhiều công trình hoàn tất trễ. Chúng tôi ghi nhận được các tuyển tập sau đây:

1. *Hai mươi người viết tại Canada 1975-1995*, do Nắng Mới Montréal xuất bản. Nhóm thực hiện gồm Hồ Đình Nghiêm, Lưu Nguyễn, Luân Hoán, Song Thao, Trang Châu, Vũ Ngọc Hiến. Trong "Lời vào tập", nhóm

thực hiện nói rõ: "Tuyển tập Hai Mươi Người Viết Tại Canada được hình thành ngày hôm nay không nói lên được tất cả những sắc thái của nền văn học Việt Nam tại Canada trong hai thập niên lưu vong, nhưng cũng hy vọng ghi lại được những nét tiêu biểu của nền văn học này. Tuyển tập được ấn hành nhằm, cùng với các cộng đồng Việt Nam trên khắp thế giới, ghi dấu một đoạn đường khởi đầu chông gai nhân kỷ niệm hai mươi năm văn học hải ngoại."

2. *Tuyển tập truyện ngắn hai mươi năm văn học Việt Nam hải ngoại*, do Trung tâm Văn bút Việt Nam hải ngoại và Trung tâm Văn bút Tây Nam Hoa kỳ phối hợp thực hiện, một công trình đồ sộ dày 900 trang sưu tập truyện ngắn ưng ý nhất của 49 tác giả hải ngoại thuộc nhiều thế hệ khác nhau, với lời giới thiệu của nhà thơ Viên Linh. Công lao thực hiện, trên thực tế phải ghi nhận là của nhà thơ Định Nguyên, nhà thơ Cao My Nhân và nhà văn Ngọc Anh. Truyện do các tác giả tự chọn lấy rồi gửi cho nhóm thực hiện tuyển tập, nhưng nhóm thực hiện quyết định việc chọn mời những ai vào tuyển tập, nên sau khi sách ra, vẫn có lời ra tiếng vào về những kẻ đáng lẽ có mặt mà vắng mặt, những kẻ đáng lẽ chưa đáng có mặt mà có mặt...Trăm người trăm ý biết theo ai, dù sao người bỏ công lao tiền bạc ra thực hiện một công trình như vậy cũng phải có chút quyền lựa chọn theo yêu ghét của mình.

3. *20 năm văn học Việt Nam hải ngoại 1975-1995* do nhà xuất bản Đại Nam chủ trương, Cao Xuân Huy, Khánh Trường, Trương Đình Luân thực hiện, in 2 tập dày 1600 trang khổ lớn, qui tụ 158 tác giả gồm cả văn, thơ, phê bình, họa, nhiếp ảnh, với lời nhận định chung của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc. Phương thức thực hiện cũng giống như tuyển tập của Văn bút, nghĩa là sau lời vào tập có tính tổng quan, nhóm thực hiện lần lượt giới thiệu từng tác giả theo thứ tự ABC, không phân dòng, không xếp theo thể loại, không chia khuynh hướng theo một tiêu chuẩn nào đó. Số tiền bỏ ra thực hiện công trình này dĩ nhiên là rất cao, công phu thực hiện cũng cao không kém, dù chỉ có vài ba người. Những ai muốn sưu tầm văn liệu cho việc nghiên cứu về sau phải cảm ơn nhà xuất bản Đại Nam và nhóm thực hiện, vì sưu tầm được 1600 trang tư liệu như thế không phải dễ. Người đọc muốn tìm hiểu thành quả hai mươi năm văn học hải ngoại, thấy bề dày của bộ sách, cũng phải cảm phục tâm huyết của những người cầm bút lưu vong. Những ai muốn phủ nhận nền văn học ấy, chắc phải cảm thấy lương tâm bất an.

4. *Lý luận và Phê bình, Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước*, biên khảo của Bùi Vĩnh Phúc, nhà Văn Nghệ xuất bản, dày trên 600 trang gồm những bài nhận định về văn học hải ngoại mang tính văn học sử lẫn

những bài phê bình về tác giả, tác phẩm. Động cơ thúc đẩy Bùi Vĩnh Phúc thực hiện cuốn phê bình văn học này, như các nhóm khác, vẫn là cái mốc hai mươi năm.

5. *Once Upon A Dream - The Vietnamese-American Experience*, nỗ lực qui tụ đầu tiên của những cây bút trẻ trưởng thành trên đất Mỹ, đánh dấu hai mươi năm định cư trên xứ người. Tuyển tập văn chương hội họa nhiếp ảnh viết bằng Anh ngữ do Andrew Lâm, Trần Đệ, Nguyễn Quí Đức, Nguyễn Đại Hải thực hiện, nhà báo lão thành Stanley Karnow viết bài giới thiệu, nhà xuất bản Andrews and McMeel và nhật báo San Jose Mercury News bảo trợ, ấn hành. Rõ ràng đây là một tuyển tập văn học nghệ thuật thực hiện đúng theo tiêu chuẩn cao của thị trường sách báo Mỹ, khác hẳn các tuyển tập tiếng Việt của thế hệ lớn tuổi. Tuyển tập này nhắc nhở cho thế hệ cầm bút đi trước nhiều điều, quan trọng nhất là vấn đề ngôn ngữ sáng tác của thế hệ trẻ. Tôi sẽ đề cập đến vấn đề này ở phần sau.

6. Cái mốc kỷ niệm hai mươi năm chấm dứt chiến tranh Việt Nam cũng thúc đẩy một số các tạp chí, nhà xuất bản ngoại quốc thực hiện những số báo, những cuốn sách lấy chủ đề Việt Nam hoặc ba nước Đông Dương, như tạp chí *Serpent A Plumes* ở Pháp ra số mùa Xuân 1995 với chủ đề "Rives du Mekong, Rives du Fleuve Rouge" giới thiệu 7 tác giả Đông Dương: Ngọc Khôi, Chuth Khay, Đỗ Kh., Cung Tích Biền, Trần Vũ, Outhine Bounyavong, Võ thị Hảo; nhà xuất bản Mỹ Curbstone Press phát hành tuyển tập văn chương hậu chiến *The Other Side of Heaven* do Wayne Karlin, Trương Vũ và Lê Minh Khuê chủ biên, qui tụ thơ truyện của 16 nhà văn Mỹ, 8 nhà văn Việt Nam hải ngoại, và 12 nhà văn Việt Nam quốc nội.

Việc sưu tập, đánh giá, tổng kết thành quả của hai mươi năm văn học hải ngoại tương đối dễ dàng cho các nhóm thực hiện, do một sự thực không mấy vui: là trong năm năm cuối cùng của hai mươi năm, văn học hải ngoại gần như không có biến chuyển gì mới mẻ. Năm 1990, tờ Văn Xã của nhà thơ Nguyễn Hữu Nghĩa ở Canada ra một số chủ đề tổng kết 15 năm văn chương hải ngoại, tôi có viết một bài nhận định đóng góp. Ba năm sau nhận thuyết trình về đề tài này tại Đại hội Y sĩ Việt Nam ở Houston, đọc lại bài viết ba năm trước, tôi thấy những điều viết cũ vẫn còn đúng. Năm 1995, viết về văn xuôi hải ngoại từ 1975 đến 1995, tôi bàng hoàng nhận ra rằng bài viết mới chỉ khác bài viết trên Văn Xã một vài tiểu tiết. Những năm 1982, 1985, 1987, 1989 đâu có tình trạng trì trệ như thế. Những cây viết mới xuất hiện hàng loạt, nhiều truyện ngắn mới

đăng báo đã làm cho làng văn xa gần bàn tán xôn xao, điện thoại hỏi nhau Mai Kim Ngọc là ai, Thế Giang là ai, Phan thị Trọng Tuyến là ai, Vũ Quỳnh Hương là ai, Trần Vũ là ai...Những điều tiên đoán năm trước, năm sau đã lỗi thời. Sinh hoạt văn chương báo chí chuyển động càng hào hứng thì những người đứng bên lề "nhìn lại" càng bối rối. Đàng này, trên con đường trước mặt cảnh xe cộ vắng vẻ quá, người "nhìn lại" cứ thong dong nhìn gần rồi lại nhìn xa, không sợ những chuyện bất ngờ.

Thật vậy, suốt năm 1995 vừa qua không có tác phẩm quan trọng nào của các tác giả mới, chỉ có tác phẩm của những nhà văn đã thành danh trước 1975 tại miền Nam, như *Thơ tuyển Tô Thùy Yên*, *Thơ Nguyên Sa tập 3*, *Tiếng thì thầm bên bụi tre gai* của Thảo Trường, *Ra biển gọi thầm* của Trần Hoài Thư, *Vết xước đầu đời* của Trần Doãn Nho, *Thơ viết hai tay* của Cung Trầm Tưởng, *Tuyển tập truyện ngắn* của Duy Lam, *Mình lại soi mình*, *Người vái tứ phương*, *Dấu chân cát xóa* của Doãn Quốc Sỹ, *Những chuyện cần được kể lại*, *Đường trường xa xăm* của Phan Nhật Nam, *Quê nhà, bốn mươi năm trở lại* của Phan Lạc Tiếp. Những nhà văn vừa sang trong các đợt H.O. chưa tạo ra những biến chuyển lớn trên văn đàn như đợt thuyền nhân vượt biển đã tạo ra trong những năm đầu thập niên 80, tuy có làm thay đổi không khí sinh hoạt chính trị ở các cộng đồng người Việt. Sự phát triển ồ ạt của ngành truyền thanh truyền hình trong năm 1995 không ảnh hưởng gì tới văn học, dù có tạo những khuấy động lớn lao trong dư luận đại chúng. Thật khác hẳn với giai đoạn năm năm đầu thập niên 80, lúc đó sinh hoạt chính trị và sinh hoạt văn chương song hành với nhau, cả hai đập chung một nhịp tim, có chung một niềm tin, nuôi chung một niềm hy vọng.

Tại sao thế?

Trong bài "Hai mươi năm văn học Việt Nam ở hải ngoại" dùng làm tổng quan cho bộ sách đồ sộ của nhà xuất bản Đại Nam, Nguyễn Hưng Quốc cho rằng văn học hải ngoại những năm gần đây uể oải bế tắc vì "thờ ơ hờ hững dửng dưng đối với văn học của chính những người cầm bút".

Vì sao những người cầm bút hải ngoại lại hờ hững với niềm đam mê của chính mình? Nguyễn Hưng Quốc trả lời: Vì sự sụp đổ bất ngờ và nhanh chóng của chủ nghĩa cộng sản tại Liên Xô, Đông Âu và Việt Nam áp dụng chính sách "mở cửa".

Anh giải thích: "Bao nhiêu bản cáo trạng văn chương nguy nga từng làm say mê hàng triệu người đọc trên khắp thế giới không làm lung lay được ngay cả một viên gạch trên bức tường Bá linh, thế mà, thoắt một cái, vì một nguyên nhân nào đó không ai biết chính xác, tự nhiên bức tường

kiên cố đây máu nước mắt và tội ác ấy đổ nhào. Bài học đầu tiên người ta rút ra là: văn học chẳng phải là một thứ vũ khí gì ghê gớm lắm, nó chẳng làm chết ai cả, chẳng làm thay đổi điều gì cả. Văn chương chỉ là đồ vô dụng. Phát hiện này làm cho nhiều người cầm bút hoang mang, cuối cùng đâm ra hoài nghi văn học nói chung...."

Sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản còn một ý nghĩa khác. Trước viễn tượng Việt Nam sắp được tự do dân chủ, mỗi người Việt Nam lưu vong đều tự đặt cho mình câu hỏi: đến lúc ấy, mình có hồi hương hay không? Câu trả lời, với hầu hết mọi người, chắc chắn là: không...Chúng ta bỗng phát hiện ra một sự thực: quê hương không phải là cái chúng ta không thể rời xa. Phát hiện này không những làm nguội lạnh niềm mơ ước về nước một thời đau đáu trong mỗi chúng ta, mà còn làm lung lay cả sự tồn tại của văn học lưu vong vốn trong suốt mười mấy năm chúng ta ra sức xây dựng như một thứ quê hương thứ hai, quê hương bằng chữ nghĩa và bằng hoài niệm, hầu thay thế cho cái quê hương thứ nhất đã quá xa xôi và ngỡ chừng không bao giờ trở lại được.

...Lưu vong là những kẻ, hoặc tự nguyện hoặc bị cưỡng bức rời khỏi quê hương và không thể trở về quê hương được. Mặc dù chế độ cộng sản trong nước chưa sụp đổ nhưng, thành thực mà nói, rất hiếm người nào trong chúng ta là những kẻ không thể trở về. Trên thực tế, rất nhiều người đã trở về. Có điều không ai về hẳn. Không về chỉ vì không muốn, thế thôi. Sự đối kháng chính trị, yếu tố làm nên bản chất của văn chương lưu vong, là lý do tồn tại của văn chương lưu vong, không còn nữa, hoặc nếu còn, còn một cách khá mờ nhạt. Khái niệm lưu vong đang từ từ lui vào quá khứ. Văn học lưu vong, do đó, đang chuyển mình thành một thứ văn học hải ngoại, hay một cái gì tương tự".

Tôi đồng ý với Nguyễn Hưng Quốc, khi anh cho rằng phong trào cộng sản sụp đổ ở Liên xô và Đông Âu ảnh hưởng lớn tới đà sáng tác của nhà văn hải ngoại, tạo ra tình trạng uể oải cầm chừng suốt năm năm qua. Nhưng tôi không đồng ý với anh, khi anh đi xa hơn, nghĩ rằng giới cầm bút khám phá ra rằng văn chương thực là thứ vô dụng.

Trước biến chuyển lớn lao, cả nhân loại ngỡ ngàng, băn khoăn chưa biết trật tự mới hình thù thế nào, đâu riêng những người cầm bút. Huống chi Việt Nam chưa có những thay đổi ngoạn mục lớn lao như Liên xô và Đông Âu, người trước đây dùng cây bút làm vũ khí đấu tranh vẫn thấy nó còn là vũ khí cần thiết, nó chưa trở thành vô dụng. Chỉ khác là bây giờ người chiến sĩ ấy không còn lao thẳng ngọn bút về phía trước. Anh ta vừa viết vừa hoang mang. Những lời lẽ tranh đấu đanh thép, những khẩu hiệu rực lửa thời đầu thập niên 80 nay chỉ còn nghe thấy trong các cuộc biểu

tình và chương trình hội thoại trên đài phát thanh, không còn thấy trong văn chương. Chứng liệu về chế độ cộng sản do các nhà văn H.O. mang sang không tạo dư luận xôn xao như thời Phạm Quốc Bảo viết *Cùm Đỏ*, Hà Thúc Sinh cho in *Đại học máu*, Hoàng Liên đăng từng kỳ *Ánh sáng và Bóng tối* trên *Văn Học*. Giới cầm bút hoang mang ngưng viết hoặc viết ít đi, theo tôi, không phải vì họ cảm thấy văn chương vô dụng, mà vì họ đứng ở ngã ba đường. Nhà thơ Nguyễn Bá Trạc nhận mình trở thành một người ba phải. Anh nói hộ cho nhiều người:

Đâu là phải
Giữa lãng mạn hay tinh thần thực dụng
giữa chiến tranh và giữa hoà bình
bóng tối đêm đen, vẻ đẹp bình minh
Phát triển kinh tế
  hay công bằng xã hội
Phải. Phải. Phải.
Hay cả hai?
Phải. Phải. Phải.
Đâu là phải
Phút giây này hay vĩnh cửu
đối nhật trình hay cuốn chân kinh
tấm khẩu hiệu
  hay lời khấn nguyện
chỉ một quả tim
  mà chứa biết bao tình.
Tôi thú thật
Tôi là người ba phải
giữa hận thù và giữa yêu thương
giữa lẳng lặng, dửng dưng, không giận ghét
Tôi vẫn bơ vơ giữa ngã ba đường.

Nguyễn Hưng Quốc phân tích sâu sắc và chính xác hơn về văn chương lưu vong. Đúng như anh viết, chế độ cộng sản tan rã (như ở Liên xô, Đông Âu) hay biến thể đột ngột (như ở Việt Nam) đặt người cầm bút lưu vong vào cái thế bất ngờ, khó xử. Nếu chế độ cộng sản ở Việt Nam vẫn y như cũ, nếu bị cắt đứt đường về vĩnh viễn, người cầm bút ở hải ngoại sẽ sống và viết như một nhà văn lưu vong, với hai chủ đề quen thuộc của mọi nền văn chương lưu vong là phản kháng chính trị và lòng hoài niệm. Mũi nhọn phản kháng chính trị bị chùn lại vì hoang mang. Đường về dễ dàng giết chết nốt văn chương hoài niệm, nhớ thương từ một ngọn cau, mái rạ, cây cà, vạt cải...Một cái vé máy bay đủ giải quyết hết những nhớ

nhung xa cách, để sau đó mang về "chốn tạm dung" cái cảm giác chua xót mới tinh khôi của chuyến hồi hương. Cảm giác lạc lõng của người khách lạ. Cảm giác bất lực vì thấy rõ mình đã trở thành người ngoài trong ánh mắt thân nhân bạn bè. Cảm giác chua xót của một số ảo tưởng cũ bị thực tế cải chính, những ảo tưởng từng làm rộn rã văn chương hải ngoại. Không phải ngẫu nhiên mà năm năm trước đây, cụm từ "văn học lưu vong" gần như được mọi người chấp nhận tự nhiên, không hề thắc mắc tranh luận. Và không phải ngẫu nhiên mà ngày nay đa số người cầm bút và nghiên cứu đều tránh dùng cụm từ trên, và dùng một cụm từ "ba phải" nhạt chất chính trị là "văn học hải ngoại".

Năm 1995 đánh dấu sự bế tắc của văn chương lưu vong, nhưng đồng thời cũng đánh dấu bước khởi đầu của một dòng văn chương khác. Dòng văn chương này không mang tính chất lưu vong của thế hệ trước, không thuộc về văn học Việt Nam nhưng thuộc về văn học hải ngoại. Đó là dòng văn chương sẽ dần dần lớn mạnh và giữ vai trò chủ đạo trong vòng mười năm, hai mươi năm tới: Văn chương của thế hệ trẻ viết bằng ngôn ngữ của xứ sở định cư. Tôi dám xác quyết như thế vì tuyển tập *Once Upon A Dream* ra đời hồi cuối năm 1995 ở miền bắc tiểu bang California Hoa Kỳ và may mắn tham dự buổi ra mắt tuyển tập đó.

Tuyển tập này, như đã giới thiệu ở trên, qui tụ sáng tác của những người viết trẻ trưởng thành nơi xứ người, được đào tạo kỹ lưỡng tại các đại học Hoa kỳ, hội nhập trọn vẹn vào dòng sống chính (khác với lớp đi trước hai mươi năm qua vẫn sống bên lề và sinh hoạt trong những ghetto tự tạo), và dĩ nhiên là viết bằng Anh ngữ. Đây không phải là kết quả của một sớm một chiều. Tuyển tập không ra đời một cách bất ngờ, ngẫu nhiên. Nó chỉ bất ngờ đối với lớp người lớn tuổi lâu nay ít quan tâm đến tâm tình của con cháu mình, tự cao tự đại rằng chỉ có thế hệ mình là hiểu biết cộng sản, chỉ có thế hệ mình mới tha thiết đến quê hương. Chiều sâu của tư tưởng, kỹ thuật văn chương cao trong các truyện ngắn, bài thơ viết bằng Anh ngữ trong tuyển tập cho thấy thế hệ này gặp nhiều may mắn hơn thế hệ cha anh. Họ được giáo dục đầy đủ ở các đại học danh tiếng của Âu châu và Bắc Mỹ, hưởng được thành quả của cuộc cách mạng tin học nên tầm nhìn mở rộng ra khắp thế giới, lại không bị vướng mắc vào những tranh chấp thù hận của quá khứ.

Câu hỏi họ đặt ra cho mình là: Ta là ai? Như mọi thế hệ di dân thứ hai, họ khắc khoải đi tìm căn cước, đi tìm nguồn cội, bằng chính kiến thức và kinh nghiệm của mình. Họ tìm trong sách vở, báo chí. Họ kín đáo quan sát và lễ độ đánh giá thế hệ trước. Họ trở về Việt Nam không phải để

nhìn mái nhà xưa như cha mẹ, mà để quan sát, nhận định, bình tĩnh tìm cho ra cái đáng yêu đáng ghét của dân tộc mình. Trở về, họ không bi quan như thế hệ trước. Phần đông sau chuyến hồi hương, thế hệ cầm bút trẻ cảm thấy họ Việt Nam hơn, hăng hái tự tin hơn. Văn chương họ viết ra nặng tình dân tộc, không hề mất gốc lai căn như thành kiến của lớp già.

Nếu họ viết bằng Việt ngữ, chúng ta có lý do để vui mừng là văn học hải ngoại lại khởi sắc, làm phong phú giàu có cho kho tàng văn chương Việt Nam. Nhưng họ không viết được tiếng Việt, để in ra vài trăm bản và tổ chức những buổi ra mắt sách ở quán cà phê, mong bạn bè hảo tâm mua giúp gỡ lại tiền vốn in sách. Họ viết truyện làm thơ bằng Anh ngữ, các cơ sở xuất bản Mỹ in vài vạn bản phát hành khắp thế giới, sách ra mắt trong khung cảnh trang trọng hết sức văn chương với gần 400 độc giả ngồi yên lắng nghe từng câu thơ, đoạn truyện...Dự buổi ra mắt tuyển tập *Once Upon A Dream* hôm ấy, tôi thấy rõ mồn một sự trưởng thành chín chắn của thế hệ cầm bút mới. Họ trưởng thành và kết tụ thành nhóm từ lâu, nhưng nhân dịp kỷ niệm hai mươi năm, họ "ra mắt" với độc giả Mỹ và với thế hệ đi trước. Họ đã có đủ người viết và người đọc để tạo một dòng văn chương cho thế hệ của họ.

Do ngôn ngữ, họ không thể thuộc về văn học Việt Nam dù nội dung sáng tác của họ đậm đà tính dân tộc. Họ thuộc về văn học hải ngoại nếu chúng ta đừng buộc văn học hải ngoại phải nối liền với văn học Việt nam bằng ngôn ngữ. Trên lợi ích và uy tín chung của dân tộc, biết đâu một ngày không xa nào đó, thế hệ trẻ trở thành niềm vinh dự của dân tộc trước cộng đồng thế giới mặc dù trên pháp lý họ không còn là công dân Việt Nam và trong ngôn ngữ họ không nói và viết bằng tiếng Việt. Nhờ tiến bộ vượt bực của khoa học truyền thông, thế giới ngày càng thu nhỏ. Rào cản của ngôn ngữ tới ngày không còn gì quan trọng nữa, mà điều quan trọng là nội dung của các tín hiệu.

Trong năm 1995, lớp trẻ đã phát đi một tín hiệu tốt. Mùa Xuân. ❐

Đêm trù tịch

CAO XUÂN TỨ

đêm tím than, đêm đày, đêm trù tịch
thoạt người về gọi cửa: trả đầu đây!
tôi không may chết cuối thời tang tóc
trả lại tôi, dù còn nửa bàn tay.

bóng loay hoay giữa vũng lầy chất xám
xác đầu thai chui cuống rốn thời gian
quấy về đâu gánh đời xanh nấm cỏ
ngậm ngải bùa, niệm chú, độ qua sông.

đêm lên gân, men vỡ, cay đầu lưỡi
giọt cuồng toan thoa bóp nốt ruồi son
những vết thương nằm chơi trong ngăn tủ
rủ nhau về se chỉ, kéo da non.

sự thật nào nhẫn hơn vùng trán hói
con thò lò mắc ngọng, hót lai rai
tìm đi đâu, máu xé hàng, trầy ngược
thấm trên người, mềm khúc ruột còn tươi.

hoa không tên, hoa dán tường, hoa giấy
đêm chột thui, thò mấy ngón chân dơi
đâu nén nhang - ờ sao mình quên khuấy
trong vô cùng loang chút khói, ngây ngây...

Câu Chuyện Văn Đầu Xuân

Mai Kim Ngọc

Tôi có câu chuyện vui đầu xuân chia sẻ với bạn đọc. Đó là câu chuyện thành công của những người trẻ tại Mỹ, những văn nghệ sĩ gốc Việt viết bằng ngôn ngữ địa phương.

Những ai lưu tâm đến thời sự tất đã phấn khởi khi thấy gần đây xuất hiện những ký giả với tên Việt Nam trong báo chí hay các đài phát thanh của Mỹ, nhất là ở những vùng đông người Việt cư ngụ như Orange County, Los Angeles, San Francisco, San Jose, vân vân... Báo *Register*, báo *LA Time*, báo *San Jose Mercury News* không thiếu những ký giả Việt như Mary Đỗ, Trần Đệ, Andrew Lâm, Lại Thanh Hà, Thuận Nguyễn, Nguyễn Tấn Băng Phương (Lily Dizon), vân vân... Rồi các báo văn học của Mỹ có khối độc giả toàn quốc không phân biệt sắc dân, bắt đầu đăng những truyện những thơ của người viết Việt Nam, như Đinh Linh, Andrew Lâm, Nguyễn Quý Đức, Lại Thanh Hà, vân vân... Đến khi các nhà sách Mỹ gặt hái được kết quả tốt trên thị trường sách truyện toàn quốc với những cuốn như *Where the Ashes Are* của Nguyễn Quý Đức, hay *South Wind Changing* của Jade Ngọc Quang Huỳnh, thì sự thành công của thế hệ trẻ của chúng ta về mặt nhân văn không còn ngờ vực gì nữa...

Tôi phấn khởi vì câu chuyện không những chỉ là vài bài phóng sự có giá trị, vài cuốn truyện hay, vài tập thơ bán chạy, mà còn là cả **một hiện tượng văn học tốt lành**. Tôi nghĩ thành công của họ ảnh hưởng sâu đậm trên nhân văn, trên văn hóa, và trên cả sinh hoạt hàng ngày của chúng ta, đánh dấu một giai đoạn mới của đời sống người Việt tại Mỹ.

Vậy mà cách đây ít lâu, không lâu lắm, chỉ độ một hai năm thôi, nói đến ưu điểm của thế hệ trẻ ở Mỹ, chúng ta không nói đến văn học. Chúng

ta cũng không nói đến nhân văn. Chúng ta chỉ nói đến học vấn, với học vấn được hiểu giới hạn trong những môn học kỹ thuật, như nha y dược, như kỹ sư cơ khí điện tử dầu hỏa, như luật như kế toán doanh thương ngân hàng... Đó là những ngành học mà đa số cha mẹ Việt Nam mơ ước cho con em, khuyến khích con em có khí tới chỗ áp đặt... Còn ngành nhân văn thì kể như bị quên lãng.

Chăn con em vào trường kỹ thuật xong, người ta bắt tay vào những cố gắng phi thường để hổ trợ chúng. Phụ huynh không ngần ngại làm hai việc (thật ra ba hay bốn việc một lúc, nếu kể cả hai vợ chồng) để trang trải tiền ăn, tiền học, tiền sách vở, tiền tầu bay đi về, vân vân và vân vân, bận rộn đến nỗi bản thân không có thì giờ học chút đỉnh anh ngữ lớp tối để hội nhập, nói chi đến giảng dậy cho con em văn học hay văn hóa Việt Nam.

Sự lơ là nhân văn để chú trọng vào những ngành gọi là thiết thực, tuy đem lại kết quả rực rỡ về diện bằng cấp và nghề nghiệp chuyên môn, vẫn có cái giá phải trả của nó. Người ta đã bắt đầu than thở là con em Mỹ hóa. Những luật sư bác sĩ kỹ sư tân khoa xem ra có vấn đề khi liên hệ với cha mẹ, với cộng đồng, và người ta bắt đầu nói tới cái khác biệt giữa hai thế hệ trẻ già. Có người nặng lời còn tuyên bố thẳng thừng là con em lớn lên ở Mỹ lắc cắc nhố nhăng và mất gốc.

Vơ đũa cả nắm tất nhiên là không công bằng. Nhưng nhìn kỹ, chúng ta phải công nhận rằng trong đám con em chúng ta không phải là không có trường hợp mà kiến thức thâm hậu về kỹ thuật không được bổ túc bằng một tiến bộ văn hóa tương xứng, dù là văn hóa Mỹ hay Việt... Nguyên do thật ra cũng không bí hiểm gì. Trong cái môi trường những ngày mới di tản xa lạ và đầy đe dọa, ngoại ngữ các em lại chưa rành rõi, các em đã phải vùi đầu vào những môn khoa học để có lợi thế ganh đua với chúng bạn vào những trường chuyên môn. Phần học trình bắt buộc về nhân văn, các em học cho lấy lệ, học mà không thấm vào người...

Còn cái giáo dục văn hóa tại gia đình, bình thường rất quan trọng và rất hữu hiệu để giúp các em hiểu và xử lý những hoàn cảnh hàng ngày của cuộc sống, các em cũng không có. Thì giờ làm chuyện ấy, các bậc phụ huynh đã đem đầu tư vào lao động phụ trội, hòng thêm lợi nhuận để mua cho các em cái học kỹ thuật mà họ mơ ước. Nặng hơn nữa, trong nhiều gia đình, uy tín của bậc sinh thành đã co lại vì các vị không thành thạo tiếng Anh bằng các em, không biết thưởng lãm bi hài kịch rẻ tiền trên truyền hình bằng các em, không cầm muỗng nĩa giống Mỹ bằng các em, do đó các em bỏ ngoài tai những lời rèn cập của bố mẹ...

Nhưng rồi ta tự hỏi, thế còn văn hóa Mỹ, cái văn hóa cũng có khả năng sản xuất ra những người Mỹ cung cách, lễ độ, và lịch duyệt? Vấn đề

là về hội nhập, các em tuy tiến xa hơn cha mẹ, không dẫn các em hội nhập vào gia đình Mỹ nơi cha mẹ Mỹ ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác giáo dục trẻ con Mỹ cách sống với người với đời...

Kết quả là một số trẻ em Việt Nam tại Mỹ thật ra không bị Mỹ hóa, không bị mất gốc vì văn hóa Mỹ, mà đã lớn lên trong một sự trống vắng văn hóa.... Bề ngoài vẫn là một bác sĩ một dược sĩ một kỹ sư hay một luật sư bình thường, và trong một định chế giới hạn, như trên bàn mổ, sau quầy thuốc, ngoài công trường, hay trước toà, các em có thể sinh hoạt bình thường với số ngữ vựng giới hạn của nghề, với cách xử lý một số hoàn cảnh giao tế trực hệ đến nghề... Nhưng trong đời sống toàn diện, sự trống vắng văn hóa nhiều khi trở thành vấn đề trầm trọng. Tự nó không ác mà cũng không thiện, nhưng nó tước đoạt đi cái duyên dáng, cái cung cách, cái thẩm mỹ, tóm lại nó lóc đi cái da thịt của sự sống, để trơ lại bộ xương cơ bản nhất của lợi nhuận, xa hoa, tiện nghi vật chất, và sự tự mãn vừa lấc cấc vừa tội nghiệp về những thành quả ấy.

Tôi xin đơn cử một hai thí dụ.

Tôi có bệnh nhân rất thân, giao tình hơn hai chục năm đã vượt quá cái liên hệ thông thường giữa bệnh nhân và thầy thuốc. Cụ tuổi trên tám chục, ít học, nhưng cốt cách thấm nhuần văn hóa đất nước. Cụ đau nặng, nhưng bệnh khám phá sớm nên cụ qua khỏi hiểm nghèo. ít lâu sau khi xuất viện, cụ trở lại văn phòng tái khám, mang theo hộp bánh gói trà biếu thày lang. Cụ cũng mang theo cậu cháu đích tôn sắp tốt nghiệp luật khoa, từ xa nghỉ phép về thăm.

Vào tới phòng mạch cậu sinh viên luật khoa bắt đầu cuộc thẩm vấn:

"Tell me in lay-man's words, what's wrong with my Grandpa?"

Tôi ngỡ ngàng với sự sống sượng của cách phát ngôn. Sợ tôi không hiểu Anh ngữ, cậu nhắc lại câu hỏi bằng Việt ngữ,

"Đừng dùng tiếng thuốc chuyên môn nhé, bác sĩ hãy nôm na cho tôi hay vấn đề của ông tôi..."

Ông cụ lúng túng:

"Chẳng qua là cháu bận học lắm... tiếng Việt không rành..."

Nhưng cậu sinh viên ngắt lời ông nội:

"Ông ạ, bên này khác bên nhà. Bệnh nhân có quyền được biết bệnh trạng của mình. Bên này, bác sĩ phải có trách nhiệm với thân nhân và pháp lý..."

Sự việc hôm ấy sau cùng đâu cũng vào đấy. Tôi khám phá ra đối thoại cậu dùng là mượn ở những tuồng Sitcom trên TiVi, và trên đài số 7

tuần trước có một cảnh người luật sư nói với người y sĩ nhân chứng của bên nguyên bằng một câu mở đầu y hệt như vậy. Cậu sinh viên dư biết ông nội thật ra đã bình phục, và không còn vấn đề gì lớn ở diện này... Cậu không định kiện tụng gì, ngược lại còn lấy làm sung sướng vì ông nội đã khỏi bệnh. Chính cậu cũng định hỏi xong bệnh tình ông, cậu sẽ góp lời cảm ơn bác sĩ. Chỉ có điều cậu không được sửa soạn để xử lý một hoàn cảnh rất thông thường trong đời sống là hỏi thăm bệnh tình thân nhân với bác sĩ điều trị... Không chủ tâm mà chút nữa cậu làm hỏng cái giao tình tốt đẹp giữa ông nội cậu và tôi...

Một chuyện nhỏ khác là một sinh viên y đi thực tập với tôi mấy năm trước. Hôm ấy tôi khám một bệnh nhân Mễ điển hình, hồn nhiên chất phác. Anh là thợ trồng tỉa tại một nông trại trong vùng. Vì ngôn ngữ lúng túng, anh và thiếu mạch lạc khi khai bệnh. Người sinh viên Việt Nam bình phẩm: "*Em nghe nói trong đậu ván có dumb factor, ăn nhiều chạy lên óc...*"

Tôi giật mình. Đậu ván là đồ ăn căn bản của người Mễ, và *Bean* là tiếng lóng thường được những người Mỹ trắng vô giáo dục dùng để ám chỉ sắc dân này. Chữ *dumb factor* tạm dịch là *nguyên tố ngu đần*, và câu nói ngắn gọn chỉ có mấy từ mà sỉ nhục nặng nề cả một sắc dân. Chuyện này không phải Mỹ hóa, và văn hóa Mỹ ở thời buổi này không cho phép một người sinh viên y đùa về bệnh nhân mình bằng những lời kỳ thị chủng tộc có khả năng phỉ báng như vậy... Cô y tá quay sững lại yên lặng cau mặt, người bệnh Mỹ trắng giường bên làm bộ không nghe thấy gì, nhìn ra cửa sổ, và tôi cúi đầu ghi nhận sự thiếu văn hóa của người trẻ đồng hương...

Tất nhiên hai thí dụ trên là hai thí dụ cá biệt. Nhưng cá biệt bao nhiêu, và bao nhiêu thanh niên của chúng ta ở Mỹ đã trưởng thành trong dường hướng cá biệt này? Bao nhiêu con em chúng ta ở đất Mỹ này đã lớn lên trong một trống vắng văn hóa thê thảm như vậy, mặc dầu đỗ đạt hiển vinh?

Tôi tự trấn an là phần đông thế hệ trẻ của chúng ta duyên dáng trong một cuộc sống mà trí và tâm nẩy nở hài hòa. Nhưng đó là tự trấn an, và phải đợi đến sự xuất hiện trong cộng đồng chúng ta đám thanh niên thanh nữ có tài có tâm này, tôi mới thực vững bụng mà tin như vậy. Họ tới với chúng ta như một luồng gió mát.

Tôi được trực tiếp làm quen với giới người viết trẻ này lần đầu qua truyện ngắn *Đêm thâu* của Nguyễn Quý Đức đăng trong Văn Học số

111.Truyện rất hay (điều này tôi sẽ bàn thêm sau). Tò mò tôi tìm hiểu về anh, và được biết anh chính là con trai nhà văn Hoàng Liên của *Ánh Sáng Và Bóng Tối*, một cuốn hồi ký giá trị về những năm giam cầm tại miền Bắc sau khi ông bị Việt cộng bắt được tại Huế trận đánh Mậu Thân.

Tôi tìm đọc *Where the Ashes Are*, một tác phẩm khác của anh mà Thạch Hãn bình luận trong Văn Học các số 100-102. Anh viết rất đều tay, tôi tìm lại được trong truyện dài này những ưu điểm văn phong quan trọng của *Đêm thâu*. Rồi tôi tìm đọc những truyện khác của những nhà văn Việt khác viết bằng Anh ngữ, như truyện *The Dill Peddler* của Lại Thanh Hà, *Black Wood and Shadows* và *On The Perfume* của Andrew Lâm... Rồi qua hai tuyển tập *Other Side of Heaven* và *Once Upon a Dream* mới ra liên tiếp gần đây, tôi được đọc vô số tác phẩm của các nhà văn Việt viết bằng Anh ngữ tại Mỹ như Luu T. Khôi, Chu Bảo Long, T.T. Nhu, Trần Trương, Andre de Bắc Liêu, vân vân... Phần lớn là những truyện hay những bài thơ hay, hay theo diện văn học nói chung, và phần lớn viết về những nhân vật Việt Nam và những hoàn cảnh liên hệ đến những nhân vật ấy, hoặc tại Mỹ, hoặc tại cố quốc trước khi họ di tản sang Mỹ...

Tôi xin khai triển đôi chút về các nhà văn trẻ của chúng ta.

Bắt đầu bằng **Nguyễn Quý Đức**.

Như đã nói ở trên, tôi đã bàng hoàng khi đọc truyện *Đêm thâu* của anh. Anh viết bằng tiếng Việt cũng thoải mái như cá trong nước. Theo rõi các truyện ngắn xuất hiện trong văn học hải ngoại, hay ngay trong các báo văn của Mỹ, một truyện như *Đêm Thâu*, thỉnh thoảng mới thấy một lần. Đó là loại truyện mà khi đọc xong, gấp lại, người đọc tự hỏi (với cái quyền của người đọc) là có gì muốn tác giả thay đổi không, để ngạc nhiên thấy rằng ngoại trừ một vài lỗi ấn loát, hay một hai chi tiết không quan trọng gì, tác phẩm hay mà không cần thêm bớt gì nữa.

Trong *Đêm thâu*, Đức đề cập đến cảnh sống quốc nội, đến người quốc nội. Trung thực, anh không phủ nhận cái quan trọng của đồng tiền, nhất là đồng đô-la của người trở về trong lúc giao thời của kinh tế thị trường. Sự quan trọng ấy hiển hiện trong chuyện mua bán, chuyện tiền bạc, chuyện hối lộ, chuyện giao thiệp. Nhân vật nữ chính của anh cũng mang tên là Thu Ngân, và giá trị độc nhất của người trở về có khi tưởng như chỉ là khả năng chi tiền.

Mới đọc hai trang đầu, ta tưởng anh sẽ dẫn độc giả đến những chai sạn của sự việc, thậm chí của con người. Nhưng không, với cái bén nhậy về nhân tâm, với cái trung thực để không mù quáng không những với cái

tối tăm mà còn với cái trong sáng nữa, anh đã khám phá ra điều tốt lành trong Thu Ngân, người con gái xinh đẹp mà vì hoàn cảnh đặc biệt nhiều khi trông như chỉ thích thu tiền.

Bầu không khí anh dựng ra cho truyện, hiện thực đến phũ phàng về chi tiết, mà mờ ảo và thơ mộng về nội dung như cõi nhân tâm của người con trai có lòng trở về cố quốc. Cái bầm dập thể xác cũng như tâm hồn của người con gái là cái bầm dập thể chất cũng như tinh thần của đất nước... Quan trọng hơn nữa, quá cái bầm dập ấy, anh ghi được sự tốt lành của người con gái Việt, và người Việt kiều tỉnh ngộ thấy được cái liên hệ của mình với đất nước không phải vẻn vẹn chỉ là chuyện chi ngân...

Có tình yêu, có tình thương, khẳng định là có thương yêu đậm đà da diết, tuy cái thương yêu có khi lẫn với cái thương đau trong liên hệ này. Sứ điệp này, anh thành thật cảm nhận trước khi gói vào truyện, lại được diễn tả bằng nghệ thuật cao, nhờ vậy mà mất tính chất sứ điệp để hồn nhiên thuyết phục người đọc.

Tác phẩm *Where the Ashes Are* của anh đã được Thạch Hãn phân tích kỹ lưỡng trong Văn Học số 100. Tác phẩm là một hồi ký, hay đúng hơn một tự truyện. Khởi sự từ Tết Mậu Thân, tác giả là một em bé mới mười tuổi đã phải chứng kiến cảnh Việt Cộng đột nhập nhà khách của Đại Biểu chính phủ miền Trung tại Huế để bắt thân phụ giải đi. Từ đấy là những gian truân kế tiếp nhau tới với gia đình cậu bé... Chuyện đồng liêu bạc bẽo, chuyện thực tế hành chánh khi gia đình anh phải trả lại công xa, trả lại dinh Đại biểu chính phủ miền Trung để dời về một căn nhà nhỏ gần trường trung học nữ nơi thân mẫu anh làm hiệu trưởng, chuyện túng thiếu và những xoay trở nhọc nhằn của người mẹ một thân một mình nuôi đàn con dại... Chuyện người chị bất hạnh mang bệnh thần kinh...

Nhưng rồi những khó khăn ấy chỉ là chuyện sứt da chảy vẩy khi so sánh với biến cố xảy đến cho gia đình sau 1975... Cậu bé 16 tuổi sang Mỹ, bỏ lại mẹ ở Đà Nẵng để sống với anh chị đã qua Mỹ du học từ trước... Cậu hội nhập với đời sống Mỹ, lấy quốc tịch Mỹ, sang Nam Dương làm việc tại trại tỵ nạn... Và sau cùng là cuộc đoàn tụ với cha mẹ sau mười sáu năm xa cách...

Thể văn hồi ký và tự truyện rất khó viết cho hay... Nó đầy cạm bẫy. Những cay đắng, những ghen tị, những oán hận, và nhất là cái *TÔI* tệ hại và đòi hỏi... tất cả làm ta dễ mù quáng với bản thân, trở nên bớt bén nhậy với những cái hay cái đẹp của đời sống, nhất là đời sống nơi tha nhân... Nguyễn Quý Đức đã vượt qua những khó khăn ấy, và anh đã tránh cho độc giả cái khó chịu khá thông thường khi đọc thể văn này... Có lẽ nhờ anh rất trung thực khi nói về những "nhược điểm" của mình, từ sự

không cố gắng hơn nữa với mối tình đầu của cậu bé 16 tuổi, cho tới sự thất bại khi bán Hamburger bên Mỹ, cho đến cái bất lực của một thanh niên Việt làm trại tỵ nạn Nam Dương trước những vấn đề quá lớn của đồng bào thuyền nhân... nên độc giả không dội khi anh nhắc đến gốc nguồn quý tộc của bản thân, nội cũng như ngoại đều là danh gia vọng tộc cố đô. Không cường điệu khi anh kể chuyện hiếu thảo, chuyện nghĩa lễ, chuyện tư cách, và ta hoàn toàn xúc động với lòng yêu kính cha mẹ, nhất là với sự gần gũi và kính phục đậm đà anh dành cho cha... Tóm lại, truyện có giá trị văn học cao, kinh nghiệm riêng của tư của người viết và chia sẻ được với người đọc những khám phá chung về nhân sinh.

Lại Thanh Hà theo lời tự thuật sống bằng nghề báo nhưng đích thực là một nhà văn. Truyện ngắn the *The Dill Peddler* cô chọn cho tuyển tập *Once Upon A Dream* viết về một bà già Việt Nam sống ở Mỹ. Con cái bà đã hội nhập và đã thành đạt. Con trai bà làm luật sư dư sức cung cấp cho bà một cảnh sống nhàn rỗi đầy đủ.

Nhưng bà không chịu ngồi không và sống đầy đủ trong cái nhàn rỗi trống rỗng. Bà cũng không hội nhập. Bướng bỉnh, bà nhất định sống theo tập quán cũ, trong đó có thú trồng và bán thì là, cái thú làm vườn có lẽ khi mới di tản đã đóng góp cho sự mưu sinh của gia đình bà, kể cả việc nuôi con ăn học thành luật sư. Bà không có cửa tiệm, di chuyển bằng xe buýt, bán rong thì là trước mấy chợ thực phẩm Việt nam, để sau cùng bị cảnh sát bắt và con trai luật sư phải đi lãnh về.

Cốt truyện lấy từ cảnh sống thường nhật của cộng đồng di tản. Nhưng cũng như ở Nguyễn Quý Đức, kỹ thuật và nghệ thuật cao và cái tâm tốt lành của nhà văn nữ tạo nên một tác phẩm vừa nhẹ nhàng vừa tạo cảm xúc cao. Cái *conflict* giữa mới cũ, giữa hội nhập và không hội nhập, giữa mẹ và con, không cần dao to búa lớn, mà vẫn mở cho ta một cánh cửa nhìn vào tâm hồn con người.

Một truyện khác của Thanh Hà về hai cha con, viết theo quan điểm của người cha, tôi không bắt được trọn vẹn. Tôi không bắt được tâm sự nhân vật người cha của Thanh Hà, tuy tôi cũng viết văn và đã làm cha nhiều năm... Sự việc làm tôi xót xa chạnh nghĩ tới tâm sự nữ sĩ. Thanh Hà không biết mặt cha, thân sinh cô là một sĩ quan hải quân Việt Nam Cộng Hòa bị Việt cộng bắt trong một chuyến xe đò liên tỉnh và mất tích khi cô mới một tuổi. Cô mười tuổi khi theo mẹ di tản sang Mỹ.

Nguyễn Thanh Việt, một nhà văn mà vì một trục trặc nhỏ tôi đã lỡ

không gặp khi lên San Francisco. Anh có cao học văn chương tại Mỹ, rất thích đọc chuyện Việt, và là một trong những nhà văn trẻ viết bằng tiếng Anh của vùng vịnh trên Bắc Cali. Anh đã viết nhiều truyện ngắn, trong đó có *Storm Season* được Thạnh Hãn chuyển ngữ cũng trong số văn học này. Trong truyện này tôi nghĩ các bạn sẽ khám phá được, ngoài những ưu điểm khác về kỹ thuật và văn phong, cái nhìn ân tình của Nguyễn Thanh Việt với văn hóa cội nguồn, kể cả cái văn hóa *thương cho roi cho vọt* của thế hệ cha mẹ...

Tôi cũng được biết anh viết một loạt truyện khác nhau về cùng một gia đình, mỗi truyện viết theo quan điểm của một thành viên của gia đình ấy. Tôi nghĩ thí nghiệm của anh sẽ đem lại nhiều mới lạ của kỹ thuật tiểu thuyết Mỹ hay tây phương nói chung, và dịch sang Việt ngữ, tập truyện này sẽ trở thành một tài liệu văn học quý giá về phương diện bút pháp. Nó sẽ đưa kỹ thuật *quan điểm* của tây phương vào văn chương Việt Nam. Tôi xin mở ngoặc, nhắc lại là *Quan Điểm* ở đây không phải là lập trường của tác giả về xã hội chính trị hay luân lý, mà về việc dùng cái nhìn của nhân vật nào để viết. Thường thường trong truyện Mỹ, câu chuyện chỉ được nhìn bởi một nhân vật, ít nhất là trong một chương, tốt hơn là cả truyện. Nếu không muốn phá thể, tác giả chỉ được đi vào đầu *một* nhân vật và chỉ *một* nhân vật để dựng truyện. Lý do là giữ vững quan điểm như vậy có thể tạo được không khí sống cho truyện, làm cho độc giả dễ đặt mình vào cảnh đang tả. Nó cũng tránh cho tác giả khỏi vô tình cao hứng nhảy vào giảng giải hay lý sự.

Dù muốn dùng hay không, những nhận định kỹ thuật của tiểu thuyết Âu Mỹ về *quan điểm* sẽ hữu ích cho người viết, và du nhập vào trường văn Việt nam có thể đem lại nhiều khám phá mới về khả năng của ngôn ngữ chúng ta.

Andrew Lâm là một người viết trẻ đã thu hoạch được những thành quả cao về cả báo chí lẫn văn học. Thạch Hãn của Văn Học đã viết nhiều về anh, trong những số Văn Học trước, và gần đây trong số 119 nhân dịch truyện *She in a Dance of Frenzy* của anh.

Như các nhà văn đã bàn trên, anh viết về những người Việt Nam, trong cảnh Việt Nam, hay cảnh Mỹ dưới cái nhìn của người Việt tại Mỹ. Anh tha thiết với văn hóa Việt Nam, vấn đề Việt Nam, vấn đề của những bậc cha chú gắn chặt với hoài niệm một thời dĩ vãng oai hùng, vấn đề của chính anh thế hệ anh trong sự giằng co của hội nhập... Anh hoàn toàn hiểu được sự trăn trở của cha anh với quá khứ, với vinh quang cũ cũng

như hận thù và bẽ bàng hiện tại. tuy trong lòng anh không chút hận thù, ngay cả kẻ thù cũ của cha anh và miền Nam quê hương anh.

Bút pháp anh điêu luyện, vượt quá cái chỉnh của chuyện văn phạm ngữ vựng, để đạt tới cái lưu loát hồn nhiên như văn phong của một nhà văn sinh đẻ tại nước này. Một đặc điểm về bút pháp của anh là sự khai triển các sự tích văn học dân gian của quê hương, như truyện Trương Chi Mỵ Nương kể lại trong *On the Perfume*, hay một chút huyền bí liêu trai (cũng trong truyện này) khi nhân vật ông tướng Việt Nam Cộng Hòa tá bãi chiến trường nhìn từ trực thăng dưới trăng, với lũ lượt hồn ma những người vừa mới chết sau trận đánh thất thểu trong đêm đi tìm mà không thấy những người thân đã bỏ làng xóm lánh nạn nơi khác.... Vẫn với cái huyền bí ấy anh làm truyện *Dark Wood and Shadows* hấp dẫn khi vong linh cô bé vì bị mẹ quên thắp cho nén hương hiện về kéo chân bác lính hầu của cha cô khóc lóc. Cái huyền bí nơi anh rất Việt Nam và rất thật, cái ẩn dụ nơi anh có khả năng thuyết phục, không như cái *magic realism* tuy rất hay trong văn học nam Mỹ nguyên quán, nhưng ngây ngô khi thí nghiệm vụng về trên tiếng Việt...

Sự lưu luyến với gốc nguồn với gia tài văn hóa quê mẹ hiển hiện trong mọi câu văn làm ta cảm động, dù anh không chủ tâm. Chỉ khi anh chủ tâm như trong *She in a Dance of Frenzy*, chủ đề *về nguồn* trở thành luận đề, và tác phẩm anh phải gánh lấy cái gánh nặng của văn chương luận đề là hơi cường điệu và lộ liễu. Có thể trách về diện nghệ thuật thuần túy là nữ nhân vật của anh về nguồn hơi vội vã, nhưng riêng tôi hoàn toàn chia sẻ cái tha thiết hướng về cố quốc của anh.

Tôi nghĩ *Dark Wood and Shadows* (đã chuyển ngữ và đăng tải trong số Văn Học đầu xuân này) mới thật là truyện thành công của anh. Ở đây, anh chu toàn từ cách tạo nhân vật cho đến đối thoại, cho đến cái không khí huyền bí khi ẩn khi hiện của toàn truyện. Ba người con mỗi người một cá tính, hai người lính hầu hoàn toàn khác biệt nhau tuy cả hai cùng rất sống động, rất thật... Bà tướng ra bà tướng, rất tư cách, rất bà, vậy mà tấm tình của bà với chồng con hay tấm lòng tốt của bà với người dưới vẫn đấy, không ngụy trang nổi bởi cung cách mệnh phụ bắt buộc của địa vị hay chút cứng rắn sống còn của người vợ lính, dù là vợ một ông tướng can trường nhưng đào hoa... Và cái tình thương cha của cậu bé được tả lại rất tài tình, khi cậu nghĩ tới hiểm nghèo của bố đang bay trực thanh trên một thành phố lâm chiến...

Có nhiều cảnh rất đẹp, như cảnh người anh cậu bé tinh nghịch thổi vào mặt kính xe cho mờ hơi nước để vẽ, mỗi nét vẽ phơi bầy ra cảnh đồi núi đẫm mưa bên ngoài đang vùn vụt chạy về đuôi xe, linh động hóa

những hình tượng mới vẽ với ánh sáng dịu của thiên nhiên đọng trên thủy tinh và nước; như cảnh đốt mã trong lò sưởi, nhỏ bé mà cũng to lớn như một kinh thành đang hỏa thiêu dưới lửa chiến tranh...

Về ẩn dụ, Andrew Lâm cũng tài tình và kín đáo. Hai người lính hầu phải chăng tượng trưng cho hai ông hộ pháp một ác một thiện, rất thích hợp với hình ảnh ngôi chùa tí hon tượng trưng bởi bàn thờ của người chị gái chết yểu. Hình ảnh xe tăng tầu bay đứa bé tinh nghịch vẽ trên hơi nước kính xe, thật ra trên cái phông núi đồi dầm mưa bên ngoài, chính là cái ấn tượng chiến tranh đang đè nặng trong tiềm thức mọi người, ngay cả tiềm thức măng sữa của trẻ em...

Tất cả những tả người tả cảnh tả tình ấy, những ẩn dụ ấy, tác giả truyền thông cho người đọc bằng một bút pháp tinh vi. Không dài dòng thuyết minh, với rất hiếm tĩnh tự, rất hiếm bình luận. Với những sự việc kín đáo mà mãnh liệt, tác giả đi thẳng vào cảm nhận của người đọc.

Nhưng đẹp nhất là cái cấu trúc nghệ thuật của toàn truyện. Tác giả hoàn toàn làm chủ được nhịp xúc cảm của người đọc, gia tăng nó một cách da diết nhưng hài hòa, để sau cùng cho nó nổ tung như màn kết của một trận pháo bông với cảnh lá thư của ông tướng gửi cho vợ bốc cháy trong lò sưởi...

Đinh Linh một nhà thơ kiêm họa sĩ đã thành danh tại Mỹ. Thơ anh phối hợp với họa, đã đem lại cho anh những phần thưởng quan trọng, như giải PEW FELLOWSHIPS IN THE ART 92-93. Thơ và truyện của anh được đăng tải dễ dàng bởi các tập san văn thơ của Mỹ, cạnh tranh một cách thắng lợi với hằng hà sa số những nhà văn nhà thơ khác... Anh rất trẻ, có tài, có khả năng tổ chức cao, và không quản ngại công việc. Sự nghiệp văn chương của anh đầy hứa hẹn.

Đề tài và kỹ thuật của anh hiện tại, phần nào tóm lược bởi những lời anh viết trong tuyển tập của những người được giải PEW Fellowship in the Arts 92-93, "*A fundamental discomfort informs both my poetry and painting. I am disturbed by the discrepencies of the human body, in all of its squalid splendor, and its possible adornments: a badly made shirt from Woodworth, a paper bag, a bullet, mud...*" không nét hoài cố hương, nhưng lòng ưu ái của anh với quê cũ, sự hãnh diện của anh với ngôn ngữ mẹ đẻ đã thể hiện qua việc anh phiên dịch những truyện bằng Việt ngữ của các nhà văn Việt Nam ra Anh ngữ... Trong sinh hoạt phục vụ cho văn hóa Việt, anh như một cái đầu máy xe lửa, năng nổ và đầy thiện chí, làm việc tưởng như không biết mệt.

Trần Đệ là một khuôn mặt rất nổi khác trong nhóm người cầm bút trẻ viết bằng Anh ngữ tại Mỹ. Anh chuyên về báo chí. Tin anh viết ròn gọn vào thẳng nội dung câu chuyện, tóm lại gương mẫu cho thể loại. Bài anh thường được tờ nhật báo nơi anh làm việc đăng tải rất đều trên trang nhất, và tôi nghĩ anh đã thành công lớn trong nghề.

Tôi chưa được đọc truyện ngắn của anh, nhưng sự lưu luyến gốc nguồn hiển hiện qua những bản tin anh viết. Cộng đồng Việt Nam tại vùng vịnh bắc Cali là đề tài chính của anh. Là một phóng viên nghiêm túc, anh không để tình cảm lộ liễu trong những bản tin, nhưng lòng ưu ái với cộng đồng Việt Nam vẫn rất rõ ràng.

Và cũng như Đinh Linh, anh có khả năng tổ chức cao, và anh đã đem khả năng tổ chức này vào việc giới thiệu văn học tiếng Việt của đất nước, quốc nội cũng như hải ngoại, với thế giới, bằng cách tìm chỗ ấn hành những tuyển tập truyện Việt Nam anh và các bạn đã chuyển ngữ sang Anh ngữ... Tập *Once Upon A Dream* là kết quả đầu tiên cho nỗ lực này.

Tất nhiên là còn nhiều nhà văn trẻ khác viết bằng Anh ngữ nữa mà lẽ ra phải nói ở đây, nếu khuôn khổ một số báo Văn Học đã cho phép. Chuyện này phải dành chờ đợi các số tiếp, bạn đọc nào nóng lòng chắc phải tìm đọc lấy trực tiếp tác phẩm của họ.

Tuy nhiên hôm nay chúng ta cũng có thể bàn về những đặc điểm chung, về những khó khăn các bạn trẻ đã vượt qua, và về những đóng góp của họ cho cộng đồng người Việt hải ngoại cũng như cho văn học Việt Nam.

Thứ nhất là họ can đảm. Họ không quản ngại khó khăn, không chọn lựa những con đường dễ dàng và dễ dãi để tới thành công nhất thời.

Điều đáng tự hào lớn là các nhà văn trẻ của chúng thoát được cái tật của mấy nhà văn gốc Á châu mới nổi danh gần đây. Tôi muốn nói Amy Tan với cuốn *Joy Luck Club* và Lely Hayslip với cuốn *Heaven and Earth*. Hai cuốn sách bán rất chạy, và cả hai đã được đóng thành phim đạo diễn bởi Oliver Stone, với ngân sách cũng như thu hoạch khổng lồ...

Vấn đề của hai tác phẩm trên là không có giá trị nghệ thuật cao. Cả hai cũng không có giá trị tài liệu, khi giới thiệu văn hóa qua cảnh sống của các nhân vật gốc Á đông chúng với tác giả.

Amy Tan viết về thế hệ cha mẹ của cô, những người Hoa trung lưu,

những cựu sĩ quan, cựu này nọ tại Hoa lục thời Tưởng Giới Thạch. Khi lục địa bị Trung cộng thống nhất, họ trôi giạt khỏi quê hương để sau cùng chạy sang được Mỹ. Sang Mỹ, họ trở thành cách ly về đầu óc về kiến thức với con cái, về phong tục văn hóa ngôn ngữ với người địa phương. Họ tụ họp nhau thành hội đánh mạt chược, không phải để sát phạt nhau, nhưng để các bạn già đồng cảnh gặp gỡ nhau.... Dưới tay bút của Amy, họ biến thành những hình nộm, ngây ngô một cách tức cười. Họ hạnh phúc trần trề trong cái no ấm cơ bản kiếm được tại xứ Mỹ. Cái 'gây cấn' (tạm dịch chữ *conflict* của kỹ thuật viết truyện Mỹ) là cái đối chọi giữa sự cổ hủ ngây ngô của bà Tầu già chỉ biết tam tòng tứ đức của cổ hương với cái tiến bộ nặng nét nữ quyền của cô con gái lớn lên trong văn hóa Mỹ. Sự thê thảm của Amy Tan là cô bóp méo cuộc sống có lẽ đầy tư duy đầy trăn trở của thế hệ cha mẹ cô, những người Á đông của một nền văn hóa tế nhị và cao độ, thành những con người ngô nghê, đơn sơ đến mức chỉ những mảnh vụn cơm áo nhặt bên lề xã hội Mỹ cũng đủ làm cho sung sướng để tin rằng họ đã tìm được miền đất hứa khi từ bỏ cố hương.

Truyện của Lệ Lý Hayslip cũng đại loại như vậy. Tuy sự bóp méo có khác về chiều hướng, nhưng cách dựng nhân vật cũng khá cẩu thả. Nhân vật chính, có lẽ là chính tác giả, là một cô gái quê nhà nghèo thất học, nhưng cũng được mẹ ngày ngày dậy dỗ đầy đủ về tứ đức tam tòng, cũng được cha tối tối nhắc nhủ về gương sáng anh thư bà Trưng bà Triệu... Lớn lên ở vùng cộng sản, cô đi làm du kích, tin tưởng rằng mình đang chống ngoại xâm cứu nước, để lần lượt bị cả lính cộng hòa lẫn du kích hiếp... Hạnh phúc sau cùng đến với cô khi cô trôi giạt lên tỉnh làm gái bán bar, gặp được anh lính Mỹ... Khi thành phim, *Heaven and Earth* cũng như *Joy Luck Club* đều được viết lại, phần ngây ngô chướng mắt được cắt giảm đi khá nhiều...

Tại sao hai tác giả trên đã phải làm như vậy. Đặt xong câu hỏi, ta thấy ngay cái khôn ranh của kỹ nghệ xuất bản Mỹ. Họ hoàn toàn nhằm phục vụ thị trường là quần chúng Mỹ, một tập thể tuy có học, nhưng có những nhược điểm khá đặc thù có thể gọi là dễ khai thác. Riêng trong trường hợp hai tác giả Á Đông này, những kỹ nghệ xuất bản Mỹ đã khai thác những nhược điểm hoàn toàn phi văn học.

Thứ nhất, quần chúng ấy chỉ muốn tìm cái lạ kỳ ở những nền văn hóa lạ. Họ đọc tác phẩm viết về những nền văn hóa ấy như đọc du ký, chờ đợi những nhân vật những cốt truyện dị kỳ, chấp nhận tất cả những dị kỳ ấy dù có phi lý ngây ngô hay thậm chí phi nhân văn, phi nhân bản đến đâu. Ở đây không có văn học, chỉ có chuyện lạ bốn phương...

Thứ hai, người Mỹ sau chiến tranh Việt Nam, kinh tế suy giảm, không

còn cái tự tại của những thập niên trước về xã hội giàu mạnh của mình. Đang lo lắng như thế, họ tất nhiên sung sướng khi được trấn an rằng xã hội họ còn an bình lắm, và những mảnh vụn từ bàn ăn đời sống của họ cũng dư thừa để mang lại an sinh hạnh phúc cho một đám người Tàu già. Họ sẵn sàng trả giá một hai chục bạc cho món thuốc an thần không cần toa bác sĩ này...

Thứ ba, mấy thập niên này, văn học Mỹ bị ảnh hưởng sâu đậm của phong trào nữ quyền. Mỹ quốc sẵn sàng đón nhận những tác phẩm về những nhân vật nữ bị thua thiệt trong tay nam giới, dã can đảm chống lại quan niệm chịu đựng cam phận của đàn bà thế hệ trước, hay vùng lên dành lấy chủ quyền từ tay đàn ông. Trong trong ngành văn học, phụ nữ Mỹ đã nắm được địa vị then chốt. Họ chiếm đa số tuyệt đối trong hàng ngũ độc giả. Bỏ tiền ra mua sách, chủ yếu là các bà. Ưu thế này dẫn đến ưu thế khác, và để chiều khẩu vị văn học của phụ nữ, đội ngũ chọn sách của các nhà xuất bản được tuyển mộ gần như hoàn toàn từ những cô tú cô cử ban văn chương không muốn làm cô giáo văn tại các trường trung học...

Riêng trường hợp Lệ Lý ta còn phải kể một yếu tố thứ tư. Đó là cả một tập thể cựu chiến binh Mỹ gồm một hai triệu đàn ông đã lần lượt sang Việt Nam, đã trở về với sự bạc đãi của xã hội Mỹ, đã nghĩ mình thua thiệt đủ đường, và trong quá khứ đã yêu một cô gái bán bar của Việt Nam... Họ sẵn sàng mở rộng vòng tay sẵn sàng đón nhận *Heaven and Earth* của Lệ Lý như một liều thuốc tâm lý có tác dụng trị liệu rất cao.

Kinh nghiệm Amy Tan và Lệ Lý Hayslip làm ta lo âu trước khi đọc tác phẩm viết bằng Anh ngữ của các người viết trẻ Việt Nam. Ta biết họ đã bị giới xuất bản Mỹ áp lực để sản xuất ra những truyện ăn khách như vậy. Thấy bản mặt Á đông của các nhà văn Việt, kỹ nghệ tiểu thuyết Mỹ tất nghĩ ngay đến thực đơn cho một cái bánh văn học nóng sốt hợp khẩu vị quần chúng Mỹ... Một chút huyền bí ma quỷ phảng phất triết đông phương, một chút đối thoại ấm ớ kiểu quân tử Tàu thường thấy trong fortune cookies của China Town, một chút hạnh phúc nơi miền đất hứa, một chút nữ quyền, và nếu cần có thể một chút nói xấu Mỹ và miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến vừa qua... và món hàng đắt khách có thể tung ra thị trường với lợi nhuận sáu bảy chỉ số.

Hoàn cảnh như vậy, thành công của thế hệ viết văn trẻ này khó khăn đến đâu? Họ sẽ sản xuất được những tác phẩm văn học nghệ thuật đúng nghĩa, hay truyện của họ chỉ để mua vui cho cộng đồng dị văn, bằng cách lấy văn hóa cố hương ra làm trò hề? Ta hồi hộp hy vọng các bạn trẻ của chúng ta không rơi vào vết bánh xe của người đi trước.

Chúng ta đã sung sướng thở phào khi đọc xong tác phẩm của những nhà văn trẻ Việt Nam tại Mỹ. Tác phẩm của họ đích thực là nghệ thuật là văn học. Người Việt tại Mỹ khẳng định là đã tạo được thành tích lớn trong sinh hoạt văn học tại đất nước này, bằng chính ngôn ngữ địa phương, và thành công của họ đã ra vượt ra ngoài 'ghetto'.

Quan trọng hơn nữa, họ đã thành công trong tự trọng. Họ đã làm văn học nghệ thuật với hãnh diện về quá khứ, về thế hệ cha anh, với sự tự hào là người Việt Nam.

Tuy có lẽ còn sớm, nhưng không quá sớm để suy nghĩ về ảnh hưởng tập thể của những người viết trẻ Việt Nam, về sự đóng góp tích cực của họ cho cuộc sống của người Việt hải ngoại.

Trước tiên là những lợi ích thực tế về mặt truyền thông. Vắng tiếng nói Việt Nam trong câu chuyện của cộng đồng lớn đã đem lại cho ta rất nhiều thua thiệt trong quá khứ. Giới truyền thông Mỹ đã viết về chúng ta một cách bừa bãi như viết về những người từ Hỏa Tinh xuống sống lẫn với họ. Chúng ta chưa quên những bài báo những bản tin của thập niên đầu sau 75 khi giới truyền thông Mỹ đơn phương viết về những vấn đề của chúng ta, như an sinh xã hội, như y tế, như thất nghiệp, như hình sự... Tất nhiên là cộng đồng nào cũng có mặt trái của nó, và cộng đồng chúng ta không phải là ngoại lệ. Nhưng sự thiếu cẩn trọng dù không ác ý của giới truyền thông Mỹ đã tạo ra những sai lầm tuy không khốc hại như thời chiến tranh Việt Nam, nhưng vẫn gây ra những gian khổ quá đáng và không cần thiết cho cộng đồng chúng ta ở đây.

Sự bừa bãi và bất công về truyền thông ấy đã giảm bớt rất nhiều. Có nhiều lý do, nhưng tôi nghĩ một lý do quan trọng là sự hiện diện của phóng viên ký giả gốc Việt có tài trong giới truyền thông của Mỹ.

Tiểu thuyết văn chương cũng có ảnh hưởng tốt trên mặt thực tiễn. Người Việt Nam, nhất là người Việt miền Nam cũ đã bị bóp méo nhiều, không những trong truyền thông Mỹ, mà còn trong tiểu thuyết hay phim ảnh của Mỹ nữa. Ngoại trừ một số rất nhỏ như Robert O. Butler (tôi thân ái gửi lời cảm ơn anh ở đây), phần đông mô tả chúng ta như những con người kỳ dị hay ác độc.

Văn học của người viết trẻ từ cộng đồng chúng ta, sáng tác hay phiên dịch từ những tác phẩm hay của Việt Nam, sẽ dựng lại một chân dung đúng đắn về con người, về văn hóa, về đất nước ta, không những cho độc giả Mỹ mà còn cho cả thế giới Anh ngữ.

Họ chứng minh sức mạnh của văn hóa Việt Nam. Họ khẳng định cho ta thấy rằng, mặc dầu sự sao lãng chung về nhân văn trong những điều kiện cam go những năm tháng đầu của cuộc sống di tản, văn hóa Việt Nam vẫn nở hoa để cho những tài năng trẻ đầy hứa hẹn.

Văn chương của họ dù thể hiện qua Anh ngữ, vẫn thuần túy Việt Nam và tác phẩm của họ khi dịch trở lại Việt ngữ không còn vết tích gì của Mỹ tính. Nó chỉ khác văn học Việt Nam của những người không hề dính lứu đến văn hóa nước ngoài, là nó giàu hơn vì hấp thụ được tinh hoa của cả hai kỹ thuật viết văn. Tiếng Anh nơi họ xem ra như bộ Âu phục, cắt khéo mặc gọn, nhưng tự nó không làm ai mất gốc. Chúng ta đã bỏ khăn đóng áo dài để mặc Âu phục cả trăm năm nay và không vì thế mà chúng ta vong bản... Cùng với các bạn văn viết bằng tiếng Việt, họ giữ cho văn học hải ngoại trường tồn, dù trường tồn trong Anh ngữ, cũng như người Việt mãi mãi trường tồn mặc dù không phải lúc nào cũng khăn đóng áo dài...

Sự yêu mến văn học và nhân văn của họ biết đâu sẽ lan rộng ra trong thế hệ trẻ của chúng ta ở hải ngoại, tạo cho cộng đồng người Việt tương lai một lối sống viên mãn, trong đó cái trí cái tâm cái thẩm mỹ cái cung cách có chỗ đứng chung... Hai sinh viên luật và thuốc tôi kể trên, biết đâu chẳng có dịp đọc những truyện về Việt Nam viết hay dịch bởi những nhà văn trẻ Việt Nam bằng Anh ngữ, và qua đấy hấp thụ lại được văn hóa gốc nguồn, đắp lại chút da thịt văn hóa cho bộ xương đời sống cơ bản của họ.

Trước khi ngưng viết, tôi muốn ghi lại đây những dự đoán tương lai về các người viết trẻ của chúng ta. Tôi nghĩ họ sẽ đi xa, rất xa, trong văn chương cũng như trong sự nghiệp phục vụ văn hóa và đất nước Việt Nam. Họ có một hướng đi rõ ràng vạch ra từ một nhận định rõ ràng, là mặc dầu kinh nghiệm rất Mỹ của họ về văn hóa, về kỹ thuật nghệ thuật, về định chế tự do và nhân quyền, họ là người Việt Nam và sẵn sàng gánh nhận trách nhiệm liên hệ đến tư cách ấy...

Và họ sẽ hoàn tất được trách nhiệm ấy. Lý do là ngoài cái tài, họ còn một lợi điểm khác. Họ hành trình với hành lý trong sáng nhẹ nhàng.

Họ tự tại an bình với quê hương cũ, họ hòa mình với cảnh sống mới, không kỳ thị, không mặc cảm... Với quá khứ chung của đất nước hay riêng của bản thân, họ không cả hận thù, dù nhiều người trong đám có tất cả lý do để hận thù. Tôi muốn nói đến những người mà sự săn sóc thương yêu của cha đã bị cướp đi cả mười mấy năm tuổi thơ như Nguyễn Quý Đức, hay vĩnh viễn như Lại Thanh Hà.

Còn nữa, họ không tìm một căn cước văn học bằng đả phá hay phủ nhận. So sánh với những thế hệ văn nhân Việt Nam trước họ, họ kể như đang làm một chuyện hoàn toàn mới. Họ viết bằng một ngôn ngữ quốc tế, với tham vọng chia sẻ cùng một cử tọa quốc tế những khám phá của họ về con người muôn thủa, qua kinh nghiệm sống Việt Nam và Mỹ của họ. Vậy mà họ không thấy đối kháng giữa cái mới của họ với cái cũ của các bậc cha anh. Không có ở đây cái đoạn tuyệt văn học cay nghiệt sát phạt giữa thế hệ sau với thế hệ trước, như sự đoạn tuyệt với Tự Lực Văn Đoàn bởi văn học miền Bắc bắt đầu năm 45, và bởi nhóm Sáng Tạo của miền Nam, 9 năm sau...

Trái lại, những nhà văn trẻ của chúng ta, như đã nói ở trên, năng nổ tìm cách phổ biến tác phẩm của cha anh và của bằng hữu, quốc nội cũng như hải ngoại, cho cộng đồng Mỹ nói riêng và thế giới nói chung. Họ cặm cụi chia nhau dịch những áng văn viết bằng văn phong của một thế hệ khác, dựng bằng kỹ thuật tiểu thuyết có khi đặc thù của một thời đã qua hay của văn học quốc nội, những kỹ thuật mà cô giáo của họ mấy năm trước tại lớp dạy viết văn trường Mỹ không biết, không dậy, hay không còn dậy nữa...

Nếu đối chiếu với văn học sử của đất nước, họ làm ta nhớ lại cái đối xử cung cách hài hòa nho nhã giữa nhà văn với nhà văn, giữa người với người, khi cụ Phạm Quỳnh và nhóm Nam Phong sửa soạn chuyển văn học nước nhà từ bút lông sang bút sắt, hay khi Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn, mặc dầu tham vọng và cố gắng cải tổ xã hội qua hai tờ Ngày Nay và Phong Hoá, vẫn không thấy nhu cầu phủ nhận công trình văn học của những lớp người đi trước.

Thật là bất ngờ khi những người trẻ lớn lên trong văn hóa Mỹ lại có phong cách Việt Nam rất cổ điển, thấm nhuần cái triết lý không đối đãi không đối nghịch và rộng mở của triết học tam giáo quê hương. Có lẽ đã là cái tốt, thì văn hóa nào văn học nào cũng giống nhau ở cái cốt lõi nhân bản...

Viết về những người trẻ, tôi lây cái thanh thoát của họ và bắt chợt thấy mình nhìn về tương lai với một niềm tin mới. Tôi dừng bút với lời cảm ơn các bạn văn mới đã cho tôi niềm vui lớn đầu xuân năm nay. Niềm vui ấy tôi xin gửi đến chia sẻ với bạn đọc.❐

Giả đò

NGHIÊM XUÂN HỒNG

Đông xưa chàng đến trong mưa bay
Gió mưa tụ hội ở phương này
Nhẹ nhàng khẽ bảo: này nhân nữ
Chớ để duyên vờ cháy tóc mây...

Nàng giữ duyên hờ bằng rong chơi
Bằng câu chuyện vãn, bằng hoa gầy
Bồi hồi kể lại con mộng tưởng
Mộng tưởng xoay tròn...hoa lá bay.

Nàng giữ tình mơ bằng pháp giới
Vũ trụ bàng hoàng trong mắt nâu
Mắt nâu ẩn hiện trời man dại
Tựa ngọn cỏ dài trên đất xưa.

Nàng giữ tình hư bằng hư không
Hư không nhẫn chịu cho sắc hiện
Tám phương cõi nước có bờ mé
Duy chỉ tấc lòng không mé thôi...

BOOK CD-ROM



ONCE UPON A DREAM...

April 30, 1995, marked the 20th anniversary of the Vietnam War. The fall of Saigon was not only the end of a bloody struggle, but also the birth of a new American identity for the nearly one million Vietnamese who have repatriated here.

Once Upon A Dream: **The Vietnamese-American Experience** collects the essays, short fiction, poetry and artwork of the Vietnamese-American community. This rich outpouring of expression from a group that has often been misunderstood weaves a tapestry of exodus and adaptation. It reminds us all that the American Dream still lives.

Book Price: *$14.95*

With its memorable images of sorrow, hope, and change, *Once Upon A Dream* gives mainstream America a revealing glimpse of an unexplored yet growing community among us.

"These are truly new American voices."

To order or for more information: (408) 288-3446 ext.3003

"Tôi Thuộc Về Đâu?"

Thạch Hãn

Hơn một năm trước, khi cầm trên tay cuốn *Where the Ashes Are* của Nguyễn Quí Đức, tôi đã vô cùng hứng thú đọc một lèo từ trang đầu đến trang cuối. Những gì tác giả ghi lại trong cuốn sách đầu tay của mình cho tôi một ấn tượng tốt đẹp về tâm cảm của một thế hệ người Việt trưởng thành trên đất Mỹ, và việc diễn đạt những suy nghĩ, những tâm tình của tác giả bằng Anh ngữ lại càng làm cho tôi thêm phấn khởi. Sau hai thập niên bỏ nước ra đi tìm đất sống, tâm cảm của người Việt âm vang trên toàn thế giới qua một ngôn ngữ phổ cập. Tôi mường tượng ra một sự bung nở tốt lành của những tiếng nói khác từ những người trẻ. Tôi chờ đợi, và đã không thất vọng.

Tuyển tập *Once Upon a Dream...* ra đời vào khoảng cuối năm 1995, quả như một giấc mơ. Một nhóm nhà văn, nhà thơ, họa sĩ và nhiếp ảnh gia trẻ người Mỹ gốc Việt san sẻ những kinh nghiệm hội nhập của họ vào nơi họ đang sống, những va chạm văn hoá và những thách đố họ gặp phải, cũng như tâm tình của họ đối với quê hương. Nhưng nổi bật hơn hết vẫn là ước muốn xác định gốc nguồn của mình, làm rõ nét con người Việt Nam biết trân quý truyền thống văn hóa và luôn luôn hãnh diện nhận mình là một người Việt Nam. Họ có thể mang quốc tịch Mỹ, Pháp, v.v., tên họ bây giờ có chen thêm Cindy, Andrew, hay viết ngược theo kiểu Mỹ, họ vẫn luôn luôn xem mình là người Việt Nam, với tất cả ý nghĩa tốt xấu.

Once Upon A Dream... quy tụ những sáng tác của gần 40 nhà văn, nhà thơ, nhà báo, họa sĩ và nhiếp ảnh gia trẻ. Ngoài sự có mặt của một số rất ít những nhà văn đã thành danh sáng tác bằng Việt ngữ như Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Thị Kim Lan, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Bá Trạc, hay nhiếp ảnh gia nổi tiếng Nguyễn Ngọc Hạnh, những

sáng tác còn lại là tài năng của giới trẻ. Có người đến Mỹ năm 1975, có người đến trễ hơn, ở vào nhiều lứa tuổi khác nhau, nhưng nói chung, hầu hết phần đời thanh niên của họ đều sống ngoài quê hương. Phần lớn họ nói và viết tiếngViệt thông suốt, chỉ có một số rất ít nói được mà không viết được.

Trong những năm trước đây, những ai chú tâm vào sinh hoạt văn học của giới trẻ viết bằng Anh ngữ, thỉnh thoảng vẫn thấy xuất hiện một vài truyện ngắn hay thơ trên một vài tạp chí Việt ngữ hoặc Anh ngữ. Đáng kể nhất trong số đó có Wendy Dương, tên Việt là Dương Như Nguyện, với một vài truyện ngắn đăng trên tạp chí *Thế Kỷ 21*. Một trong những truyện ngắn đặc sắc của Wendy Dương là truyện "The Coffins of Tĩnh Tâm," được dịch ra Việt ngữ với nhan "Những cỗ quan tài của Tĩnh Tâm," và được đăng lại trong số này. Kỳ dư, những bài viết khác thường là biên khảo hay tiểu luận về những vấn đề văn hoá, vấn đề hội nhập và những khó khăn người Việt gặp phải trong quá trình ổn định đời sống nơi họ định cư. Dần dà, tên tuổi các tác giả Việt lần lượt xuất hiện trên báo chí, trước hết là các nhật báo, như *The New York Times, The Wall Street Journal, The Los Angeles Times, The San Francisco Chronicle, The Chicago Tribune, The Orange Country Register, San Jose Mercury News*, v.v. Những bài viết này thường là các bài phóng sự, bút ký về các sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam tại Mỹ, hay các bài tường thuật tại chỗ từ Việt Nam. Do nhu cầu thông tin, các nhật báo lớn của Mỹ thu nhận sinh viên Việt Nam tốt nghiệp ngành báo chí ở các đại học, và giao cho họ trách nhiệm theo sát sinh hoạt của người Mỹ gốc Việt cũng như gởi họ về Việt Nam làm thông tín viên ngắn hạn. Song song với sự hiện diện của những nhà báo trẻ này, còn có rất nhiều sinh viên Việt Nam yêu thích văn chương chọn theo học các ngành sáng tác (Creative Writing) hoặc văn chương (English, American Studies, Asia Studies) ở các đại học, và những truyện ngắn, thơ, tùy bút của họ lần lượt xuất hiện nhiều hơn và đều đặn hơn trên các tạp chí như *Vietnam Forum, Manoa, Horizons, Amerasia, Transfer*, v.v. Đối với những sinh viên này, việc theo học ngành nhân văn và nghệ thuật là một sự chọn lựa khó khăn. Trong lúc phụ huynh Việt Nam khuyên bảo–nhưng thường là ép buộc–con em họ theo học những ngành như y khoa hay khoa học kỹ thuật, họ đã phải tranh đấu rất nhiều với gia đình cũng như với chính mình để đạt được sở nguyện làm nhà văn, nhà thơ, nhà báo, hoạ sĩ, v.v..

Tuyển tập *Once Upon A Dream* chia làm bốn phần theo từng giai đoạn trong đời của người Việt tị nạn: Bỏ nước ra đi (Exodus), Tiếc Thương (Elegies), Hội Nhập (VietAmerica) và Trở lại quê hương (Home Com-

ing). Mỗi một phần gồm thơ, văn xen kẻ với hình ảnh hay tác phẩm hội hoạ, được Nguyễn Đại Hải chăm sóc về phần trang trí và mỹ thuật.

Những bài văn thơ trong phần "Bỏ nước ra đi" phần lớn là những ký ức của bậc cha anh, gồm truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Mộng Giác, Trần Liêu, thơ của Hoàng Liên được dịch ra Anh ngữ, tác phẩm hội họa của Ann Phong và Vi Ly, cùng vài hình ảnh mô tả những chuyến vượt biển thập tử nhất sinh, những tháng ngày sống lây lất trong các trại tị nạn ở Đông Nam Á. Thúy Đinh, một tác giả trẻ hiện là một luật sư, ghi lại ký ức của mình về những ngày bỏ nước ra đi qua tâm cảm của một cô gái mười ba tuổi trong "Of Luggage and Shoes." Dưới mắt cô, nước Mỹ là một thiên đàng của mọi thiên đàng, và cô không nghĩ là có ngày mình sẽ đặt chân lên miền đất hứa đó. Nhưng khi có cơ hội cùng gia đình di tản bằng phương tiện máy bay quân sự Mỹ vào cuối tháng 4 năm 1975, cô đến căn cứ không quân Clark ở Phi Luật Tân, trạm đầu tiên trên đường về đất hứa, cô đã nhìn ra thực tại. Từ đây, cô nhận ra mình không còn đường về, tình hình quân sự trong những ngày qua ở Việt Nam thay đổi đến choáng váng. Khi được chuyển đến Guam một vài hôm sau đó, tình thế chẳng khá hơn gì. Cô bắt đầu nhận ra rằng thiên đường mà cô hằng mong ước đã gieo cho cô nhiều nỗi hoảng sợ khi nghe người ta nói tiếng Mỹ, phải ăn ở trong những căn nhà gỗ trại lính trông như nhà thương, tắm giặt những nơi công cọng không phân biệt phái tính mà phải thay phiên nhau. Sáu ngày sau khi đến Guam, cô chứng kiến cảnh người Việt khóc thương khi hay tin Miền Nam đã lọt vào tay Cộng sản. Nhiều năm về sau, cô nhớ lại:

> *"Những ký ức đó vẫn trở lại, nhiều năm về sau, còn thật hơn cả lúc đó, ngay cả khi tôi đã nói được tiếng Mỹ nhiều hơn là chữ "hello" đơn giản ngày nào. Có lẽ nước tôi đã không mất mà biến thái thành một ý niệm thân thiết với tâm cảm của những người xa xứ, vĩnh hằng, bất biến, trở thành một phần của tâm thức người Việt ở nơi tôi, một phần của tiếng Việt tôi vẫn dùng để nói với cha mẹ. Làm một người tị nạn không có nghĩa là ngoảnh mặt trước thảm hoạ, mà phải trực diện đương đầu, không mệt mỏi, không để cho những chói chang của thiên đàng làm mờ đôi mắt."* ("Of Luggage and Shoes," tr,. 17)

Phần "Tiếc Thương" (Elegies) tiếp theo mở đầu bằng những tác phẩm hội họa của Trung Q. Trần Minhquang Nguyễn, Long Nguyễn, Hoàng Vũ, hai tác phẩm nhiếp ảnh *collage* của Han V. Nguyễn, và hai tác phẩm của Nguyễn Ngọc Hạnh. Phần thơ văn tập trung quanh chủ đề vết thương chiến tranh, hậu quả của những năm ly loạn trước đây trên tâm thức người

Việt xa xứ, sống chơi vơi bên bờ vực của thảm họa giữa một xã hội vẫn còn rất xa lạ với họ. Nguyễn Thành Việt nhìn lại những hậu quả khốc liệt chiến tranh để lại trên quê hương, trên thân thể những người đồng bào của anh trong bài thơ "Vô Đề" (*Untitled*):

.....
Tro bụi vẫn là tro bụi
hơi thở, dông bão, chấn động mải cuốn đi
Tôi đào xới,
đám tro bụi mong tìm được
chút dấu vết của đồng bào tôi,
đã cắt lìa khỏi tôi
ngọt như đường dao tên đồ tể;
lời nói nào cũng chỉ là lớp băng tồi,
ảnh hình nào cũng là liều thuốc dở
sao chữa lành được vết thương vô hình
dai dẳng nhiều năm.

Untitled, tr. 46

Bảo Long Chữ ghi lại hình ảnh của một người phụ nữ Việt Nam sống với hoài niệm của một thời con gái, dù đã có tám mặt con và ngày ngày kiếm sống bằng công việc nhọc nhằn của một công nhân làm tôm ở vùng vịnh Mễ Tây Cơ:

.....
Hai mươi năm
đêm nay
nàng vẫn như ngày mới đến
da thịt trắng ngần
như con bướm đêm khép chặt đôi cánh
mộng mơ trong bóng tối
hai tay chấp lên cầu nguyện
thân xác không chịu dành
cho những ve vuốt thân quen. Tôi làm
điều tôi đã từng làm nhiều năm:
nhẩn nha như con chim hồng tước,
đợi nàng bước vào nhà,
đợi khi cửa sổ tối đen
nàng đi vào giấc ngủ
tôi, ngầy ngật trong cơn nóng
đau nhừ vì mãi đứng nhìn
rồi khập khiểng bước vào phòng

cho đỡ mệt. Suốt đêm
tôi ghi lại
nàng nhảy múa ra sao.

"Điều tôi làm" (What I Do, Bao-Long Chữ, tr. 67)

Khi viết về kinh nghiệm hội nhập, những va chạm văn hóa đưa đến những điều bất thường trong đời sống gia đình hay ngoài xã hội, các nhà văn nhà thơ trẻ người Mỹ gốc Việt luôn luôn cố gắng tìm cách giải thích nguyên nhân đưa đến những thất thường đó. Lưu Trường Khôi, trong truyện ngắn đặc sắc "Legacies" đã dí dỏm mô tả cảnh người cha ghẻ trong truyện của anh, vốn là một giáo sư đại học tại Việt Nam trước ngày đến Mỹ, phớt lờ đi chuyện một cô bán hàng người Mỹ sửa sai ông vì đã ghi nhầm ngày sinh của mình lên mẫu đơn làm thẻ thuê video:

"Tôi nói tiếng Mỹ còn pha giọng Việt rất nhiều. Có lúc tôi cũng nổi cáu lên vì những người da trắng tỏ ra khinh thường tôi, nhất là những đứa con nít nhỏ hơn tôi đến cả ba chục tuổi. Bây giờ thì tôi không còn để cho những chuyện vặt vãnh đó làm tôi bực mình. Tuần này làm việc quần quật; tôi lại đang muốn về nhà sớm. Tôi ghi nhầm ngày hôm nay vào chỗ phải ghi ngày sinh trên tờ đơn thì đã sao?

Có lúc tôi cũng muốn la hét lên cho họ biết rằng tôi biết đọc biết viết, lại có đến ba bằng đại học–hai bằng ở Việt Nam, một bằng ở Mỹ–, và tôi đã được kết nạp làm "hội viên" của quốc gia này bằng giấy tờ nhập tịch, chứ không phải bằng một tấm thẻ thuê video bằng nhựa. Nhưng tức giận để làm gì? Lời nói chỉ như những giọt nước mưa, có rơi dính vào người thì rồi cũng nhẹ nhàng bung ra hay khô đi mà thôi. Người ta chỉ có thể làm tổn thương vì mình đã để cho họ có cơ hội làm tổn thương mình, hoặc vì mình không đề phòng. Đời đã dạy cho tôi bài học đó."

(Legacies, tr. 73)

Hay trong một bài viết khác ghi lại những suy nghĩ của mình về các vấn đề va chạm văn hoá, việc duy trì một lối sống, một nếp suy nghĩ Việt Nam, Lưu Trường Khôi đề nghị chúng ta nên làm nhẹ những vấn đề thường được xem là nặng nề khi anh viết:

"Tôi không coi nhẹ nỗi khắc khoải mà nhiều người Việt vẫn còn mang trong lòng vì hậu quả của chiến tranh. Tôi cũng không có ý đề nghị là mọi người Việt phải tức thời hàn gắn những vết thương của quá khứ, cứ mở miệng cười mà không có lý do. Nhiều lúc, vì đã sống ở Việt Nam cho đến năm tôi lên bảy nuổi, tôi vẫn còn giữ trong lòng mình những ký ức về chiến tranh như một vết

sẹo bí mật. Đối với nhiều người khác, nhất là các bậc cao niên, thì họ cần nhiều thời gian hơn. Dù sao đi nữa, tôi vẫn muốn thấy người Việt ly hương chúng ta có một lúc nào đó, ngừng lại một lát để tán thưởng những khía cạnh nhẹ nhàng, ít nghiêm trọng, trong quá trình hội nhập. Tôi tin rằng dân tộc ta không phải là một dân tộc bị trù ếm phải chịu đựng mãi những dằn vặt về tinh thần. Dưới cái nhìn của tôi, cộng đồng sắc tộc của chúng ta, nhưng quan trọng hơn nữa, đây cũng là một tập thể của con người, nên ngừng lại trong giây lát để tán thưởng những gì đời sống mang lại cho ta. Cái khả năng biết cười–cười với mình và cười với người–mới làm cho chúng ta thật sự là những con người."

(Family Ties: Exposing the Lighter Side of the Vietnamese-American Experience, tr. 93)

Và cũng để minh chứng cho cách nhìn nhẹ nhàng, dí dỏm cần phải có, nhà văn Mỹ gốc Việt trẻ này đề nghị với những người cùng trang lứa mười cách "biến mình thành một người Việt Nam hơn Việt Nam:"

10. Luôn luôn mang dép Nhật ở trong đại học xá.

9. Sau một ngày tập thể dục đến khờ người, kêu bạn hay người thân "đấm lưng" hay dạp lưng" cho? Họ sẽ cho là bạn quái đản, nhưng không sao, bạn sẽ thấy khoẻ người ngay. Bạn bị cúm ư? Kêu bồ đến cạo gió. Không cần phải là người Việt Nam mới biết cách cạo.

8. Học các ngành sau đây (thứ tự ưu tiên do cha mẹ chọn): y khoa, luật, kỹ thuật, nha khoa hay dược khoa. Đừng *bao giờ học làm nhà văn.*

7. Học nhảy cha cha cha, bebop, tango, boston, waltz. *Nhảy cho bồ rã chân mới thôi.*

6. Xem cho đủ bộ "Paris By Night." Xem xong rồi đợt karaoke. Luôn luôn xem Linda Trang Đài và Trizzy Phương Trinh là nữ thần sắc đẹp. Hoặc để thay đổi không khí, xem mười ngàn cuốn phim chưởng, xem xong rồi khóc.

5. Điện thoại reo thì cứ trả lời ngang phè "Allo."

4. Nếu có bồ Việt Nam mà muốn làm đám cưới thì nên đám cưới vào tháng 6.

3. Thu gọn lại những tiếng đa âm cho dễ nói. Ví dụ "Cali," "Los," "Phila."

2. Nói chuyện thỉnh thoảng chen thêm tiếng Tây để người ta biết mình vẫn luyến tiếc thời thuộc địa: Ví dụ, moi, toi, pâté chaud, buche de Noel, gout, maquiller, demi-saison và contre-soleil.

1. Vơ đủa cả nắm. Giống như tôi đang làm trong bài viết này.

(bdd, tr. 100)

Hội nhập để tìm cho mình một đời sống, nhưng không chỉ sống cho mình. Hà Thị Thảo còn muốn thấy thế hệ sau, con cái mình sẽ làm được gì hơn cho quê hương.

Chọn nghề cho con
Anh hỏi em mai sau con mình làm nghề gì
em bảo hãy dạy cho con biết vẽ
để con vẽ bản đồ Việt Nam
nơi hận thù mình gây ra được con lấy sơn bôi lấp
Dạy con cắt vất những vòng kẽm gai
đâm ngang lưng quê hương mình mưng mủ
Dạy cho con làm thầy thuốc
con chữa lành những vết thương đọng máu của ngày qua
Sau hết, dạy cho con tiếng nói của đồng chua nước mặn
xong rồi anh hãy đốt sách đi
Em sẽ dang đôi tay mềm đứng che đống lửa
còn tro tàn anh hãy quét sang bên
tấp cùng tháng năm lệ rơi máu đổ
Hãy để con làm lại quê hương
Hảy để con vẽ kín vòng tròn
mà đường kính là con sông ô nhục
Anh và em đứng ở hai đầu nam bắc
nhìn con thơ say giấc ngủ yên.

Our Son's Profession, tr.130

Phần Hội Nhập, VietAmerica, ngoài văn thơ, còn có nhiều hình ảnh và họa phẩm của Han Nguyễn, T. Lien Shutt, Ann Phong, David Pham, Patrick Tehan, Richard Loci Hernandez, Jim "Mắt Nhung" Gensheimer và Thu Hoang Ly. Phần lớn các hình ảnh ghi lại những kinh nghiệm hội nhập thành công và những nỗ lực duy trì truyền thống văn hoá qua các buổi lễ lược.

Khi có cơ hội trở lại quê hương, mỗi người đều có lý do riêng cho mình, và mỗi người đều có những nhận xét riêng về thực trạng của đất nước. Lily Dizon trở về để tìm cho ra tung tích người cha mất tích hơn 22 năm trước, để rồi lại ra đi mà vẫn không tìm được gì nhiều hơn ngày cô trở về. Nguyễn Quí Đức chua xót nhận ra những bẽ bàng trong đời sống của những người cùng trang lứa ở Việt Nam trong thời buổi "kinh tế thị

trường" đây chụp giật. Trần Đệ, sau hơn hai mươi năm xa quê hương, trở về tìm thăm người chị mà lúc di tản đã mắc kẹt lại, để thấy rằng những lời xin lỗi của mình chỉ là những lời rỗng tuếch, chị em càng ngày càng cách xa. Anh còn chứng kiến tận mắt những thối nát, những mục rữa của một guồng máy hành chánh và kinh tế nặng nề bệ rạc, cảm nhận được những nỗi ê chề, mỉa mai nơi cả những người hiến thân cho chủ nghĩa. Trần Đệ tìm thăm ông bác đi theo cộng sản từ năm 1948, làm đến chức thiếu tướng (một sao) trong quân đội Bắc Việt nay hồi hưu giữa lòng Hànội văn vật mà lại sống trong cảnh nghèo khó, chua chát nhận ra rằng sau nhiều năm đánh Mỹ, giờ người ta chỉ thích đô la. Người con trai của ông còn nói thêm: "Người Mỹ không thắng bằng súng đạn mà lại thắng bằng đô la. Chẳng có cách gì mình đương cự nổi." (tr. 183)

Cuốn sách kết thúc bằng một câu hỏi. Câu trả lời do một người vô danh–danh tánh rong trường hợp này quả không cần thiết–đưa ra như một lời khẳng định vị thế cuả mình:

Tôi thuộc về đâu?

Hoa Kỳ và Việt Nam, hai xứ khác biệt nhau, đang tranh chiếm hồn tôi. Quê hương tôi nằm bên kia bờ đại dương. Tôi yêu quê hương, vì đó là nơi tôi ra chào đời. Nơi chôn nhau cắt rốn. Tôi lo âu cho Việt Nam, vì quê hương tôi đang bệnh hoạn. Đã có chiến tranh, và đã có xung khắc giữa những người đồng bào. Vì những xung khắc đó mà tôi phải bỏ nước ra đi. Hai mươi năm sau khi thoát khỏi Việt Nam, tôi đã trở lại nơi đó. Quê hương tôi giờ đã thay đổi, và tôi cũng đã thay đổi. Nhưng nhờ ký ức, truyền thống, tiếng mẹ đẻ, tôi vẫn duy trì được mối liên hệ của tôi với những người hiện sống ở đó.

Sự liên hệ đó đã có từ bốn ngàn năm nay. Một sự liên hệ làm bằng khổ đau phiền muộn, bằng máu và nước mắt, bằng hy vọng và bằng thắng lợi. Tôi, cũng như nhiều người Mỹ gốc Việt khác, mong muốn được góp tay xây dựng quê hương nằm bên kia bờ đại dương.

Nhưng tôi cũng đã ở Mỹ hai mươi năm. Chưa đủ lâu, nhưng rễ mới cũng đã bắt đầu bén đất. Tôi trở thành một phần của xứ sở này.

Tôi sinh ra ở Việt Nam; tôi lại được tái sinh ở Mỹ. Tôi sẽ còn ở đây. Nhưng càng muốn xây dựng lại quê hương Việt Nam bao nhiêu, tôi lại càng muốn đóng góp cho xứ sở này bấy nhiêu.

Vậy thực sự tôi thuộc về nơi nào?

Hoa Kỳ là nơi tôi ở. Việt Nam là quê hương. Cả hai, như Mẹ và Cha, đều đã ban cho tôi sự sống. Tôi là người Việt; tôi là người Mỹ. Tôi nhận thức được rằng đời sống tựa như một sự chuyển động tái hồi, nhà tôi ở lại có nhiều địa chỉ (kể cả địa chỉ điện tử thư). Đại dương, vùng nước mà lâu nay thường nuốt chửng rất nhiều đồng bào tôi, bây giờ chỉ như một tấm thảm bạc dưới đôi cánh của chiếc máy bay khổng lồ.

Kỹ thuật tân kỳ, ý tưởng mới lạ, những nếp suy nghĩ khác nhau: đây là những thứ tôi muốn giúp dân tộc Việt Nam. Mặt khác, sau khi thoát chết trên đường vượt biển và đặt chân lên đất Mỹ, chính sự lạc quan và niềm tin của tôi vào "Giấc Mơ Mỹ" khiến tôi sẵn sàng đem năng lực tái tạo nước Mỹ.

Một đại văn hào Mỹ có nói: trí thông minh thượng đẳng chỉ thấy ở nơi người nào có thể giữ trong đầu mình cùng một lúc hai ý tưởng đối nghịch nhau mà chiếc đầu vẫn làm việc được. Tôi cho lời đó rất chí lý, và đó cũng là một thử thách lớn cho các thế hệ sau.

Sự xuất hiện đông đảo của một nhóm nhà văn, nhà thơ Mỹ gốc Việt sau khi nhìn thấy những thành quả của thanh niên Việt Nam trưởng thành trên đất người trong các lãnh vực khoa học kỹ thuật lại càng làm cho tôi nghiệm đúng câu nói của W. David Maxwell: "While a person can hardly be considered well educated, if in today's society, he doesn't know the function of a spark plug, it is also true that he leads a diminished existence if the media through which man has expressed his most exalted thoughts and emotions are strangers to him..." (Trong xã hội ngày nay, một người không được xem là có học thức nếu người đó không biết chiếc bu-gi có chức năng gì, nhưng lại càng đúng hơn khi nói người đó chỉ có một đời sống hạn hẹp nếu hắn ta xa lạ với phương tiện con người diễn đạt cảm xúc và những ý tưởng thâm sâu). Cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài đã từng hãnh diện có những bác sĩ, kỹ sư, khoa học gia người Việt trong các ngành hoạt động của xã hội họ định cư, nay lại càng hãnh diện hơn khi thấy có những nhà văn, nhà thơ, những nghệ sĩ tài ba, dùng tài năng của mình để xác định gốc gác một cách mạch lạc, dóng lên những tiếng nói chân thật với cảm nghĩ và cảm xúc của mình. Họ dõng dạc nói "thế hệ trẻ chúng tôi không mất gốc như nhiều bậc cha ông thường lo âu." Hơn thế nữa, họ đóng góp một cách tích cực vào việc bảo tồn văn hoá, cải thiện nếp suy nghĩ để cùng xây dựng một đời sống văn hoá lành mạnh,

giữ được truyền thống tốt đẹp, loại bỏ những hủ tục, định kiến, những nếp suy nghĩ không còn hợp thời. Họ không mang nặng hành trang quá khứ nhiều bằng những bậc cha anh, nhưng họ vẫn chia sẻ, thông cảm và trân quý những kinh nghiệm đắng cay cha anh họ đã chịu đựng. Họ chân thật với chính mình, với người, tâm hồn họ trong sáng và lạc quan. Họ sẽ cùng với những người cùng trang lứa xây dựng một cộng đồng Việt Nam hoàn chỉnh hơn, tốt đẹp hơn.

Họ sẽ là những người mang Xuân đến trong lòng người Việt tha hương!❐



bạn đọc hãng yêu thích các
truyện ngắn của
Trần Doãn Nho đăng trên
Văn Học,
hãy tìm mua

VẾT XƯỚC ĐẦU ĐỜI

TẬP TRUYỆN,
THANH VĂN
XUẤT BẢN

☐ *gồm mười ba truyện ngắn, dày 250 trang*

☐ *bìa màu lộng lẫy, tranh bìa và phụ bản của Đinh Cường*

☐ *giá 12 Mỹ kim*

Liên lạc các hiệu sách nơi bạn cư ngụ,
nhà xuất bản Văn Nghệ,
hoặc tạp chí Văn Học

NGUYỄN ĐẠI HẢI



Nguyễn Đại Hải, một trong ba chủ biên của Once Upon A Dream..., sáng lập và điều hành cơ sở trang trí/ đồ họa bằng máy điện toán Contemporary Creative Source tại San Francsico từ năm 1991. Những tác phẩm nghệ thuật bằng điện toán của anh đoạt nhiều giải thưởng, và năm 1990, anh được đài truyền hình KGO-TV giới thiệu trong chương trình "Khuôn mặt Xuất chúng" (Profile of Excellence).

Hiện nay, anh đang thực hiện một loạt ảnh thi *(visual poetry), lần đầu tiên dùng phương tiện điện toán để tạo nên một loại hình nghệ thuật nhằm diễn đạt văn chương qua thị giác. Hình thức nghệ thuật này được gọi là* Xfrasis, *một khái niệm về nghệ thuật của Hy Lạp được khám phá trong thời đại điện số (digital). Từ* Xfrasis *thoát thai từ* echphrasis, *có nghĩa là kể lại, thuật lại (dùng như động từ), mô tả (danh từ), tái định nghĩa, dẹp bỏ những rào cản (dùng như bổ từ). Danh từ này ám chỉ việc sử dụng ngôn ngữ để diễn tả những hình ảnh thị giác phức tạp. Khi mô tả một hình ảnh theo một cách thế khiến cho những vật thể*

bất động trong hình trở nên có sự sống, đó là Ecphrasis. Từ này còn liên hệ đến những nền văn hoá truyền khẩu: những nền văn hoá mà ý thức về căn cước chung của cộng đồng phát sinh từ những câu chuyện truyền khẩu, những huyền thoại thuật lại trong các buổi hội hè, ở học đường hay trong gia đình.

Ví dụ đầu tiên của hình thái nghệ thuật này trong lịch sử chính là chiếc khiên của Achilles trong trường thi Iliad *của Homer. Lịch sử dân tộc Hy Lạp được vẽ lên trên những mảnh của chiếc khiên. Chiếc khiên bằng thủy tinh này có những phẩm tính huyền diệu, bảo bọc cho dân tộc Hy Lạp. Người ta tin rằng những hình vẽ ecphrasis trên khiên đã xua đuổi được ma vương.*

Với phương tiện điện toán tân kỳ, Xfrasis là một hình thái nghệ thuật khám phá được những kích thước mới của môi trường điện số (digital media). Nghệ nhân xfrasis có thể sắp chồng những diễn đạt của mình, lớp này lên trên lớp kia, tổng hợp các hình thức truyền thông và phương tiện nghệ thuật để tạo thành một tác phẩm phong phú, chuyển động, phức tạp, có âm thanh và hình ảnh. Những dụng cụ điện số (digital tools) ngày càng tân kỳ sẽ giúp nghệ nhân hoàn thành sáng tác của mình trong vòng vài giây, thay vì phải mất nhiều ngày. Môi trường điện số giúp nghệ nhân tổng hợp văn bản, âm thanh, hình ảnh (ảnh chụp, ảnh vẽ, tranh, điêu khắc, hình nọng...), video, các đoạn hoạt hoạ thành một hình thái nghệ thuật có nhiều lớp để diễn đạt một cách toàn diện ý niệm nghệ thuật bên trong nghệ thuật (art within art).

Bìa báo Văn Học *số này do Nguyễn Đại Hải thực hiện trong hình thái đó. Để phổ biến rộng rãi hình thái nghệ thuật mới mẻ này, Hải đang soạn sách và CD-ROM, và sẽ tổ chức những buổi hội thảo để chia sẻ những kinh nghiệm sáng tạo của mình với nghệ nhân.*

TRẦN ĐỆ



Đồng chủ biên tuyển tập Once Upon A Dream..., *Trần Đệ là một biên tập viên của nhật báo* San Jose Mercury News *tại San Jose. Ngoài ra, anh đã từng cộng tác với tạp chí* Newsweek *trong nhiều năm. Bài phóng sự "Coming Home" đăng rong tuyển tập này đã xuất hiện trên* San Jose Mercury News *ngày 13 tháng 2 năm 1994.*

ANDREW Q. LÂM



Andrew Q. Lâm hiện là một biên tập viên của Pacific News Service ở San Francisco. Đến Mỹ năm 1975, lúc anh 11 tuổi. Những bài viết của anh xuất hiện trên nhiều nhật báo ở khắp nước Mỹ, trong số đó có The New York Times, The San Francisco Chronicle, The International Herald Tribune, The Chicago Tribune, The Oregonian và L.A. Times. *Những bài tiểu luận của anh cũng được phổ biến trên các tạp chí như* L.A Times Magazine, Harper's, Mother Jones, San Francisco Focus, Image và Nation. *Truyện ngắn của anh còn được chọn đăng trong các tạp chí và tuyển tập như* Manoa, Amerasia, Transfer, The Other Side of Heaven, Once Upon a Dream, The Literary Companion to Vietnam, Sudden Fiction, *và* Vietnam Forum.

Anh được trao nhiều giải thưởng trong khoảng từ năm 1993 đến 1995, gồm có: Giải Nhà Báo Trẻ Xuất sắc Society of Professional Journalist, Giải Media Alliance Meritorious Award, giải The World Affairs Council Excellence in International Journalism, Học bổng Rockefeller, và giải American Journalist Association National Award.

Anh hiện đang thực hiện một tuyển tập truyện ngắn.

Gỗ Mun Và Hồn Ma Bóng Quế

Andrew Q. Lâm

Sau chuyến bay giông tố chở chúng tôi từ Sài Gòn thăm thân nhân đau nặng trở về, chiếc Cessna nặng nề đáp xuống phi đạo bùn lầy của sân bay Cam Ly. Bên ngoài, màn mưa nhẹ trên nền trời màu xám khói đón chúng tôi trở lại vùng cao nguyên của sương mù vạn niên và rừng thông vi vút. Phi cơ nhẹ nhàng tiến về phía đài kiểm soát, nước bùn tung tóe văng lên đôi cánh sắt trắng. Phi cơ chậm lại, gầm lên dữ dội như con vật bị thương, rồi dừng hẳn trong cơn rung chấn động toàn thân con tàu.

Hạ cánh an toàn, Măng thở phào ngả người ra sau ghế. Bàn tay lẹ làng bật khóa chiếc ví da sấu, Măng lấy ra phong bao đựng tiền trao cho người phi công. Tôi nhìn ra kính trước phi cơ, thấy bóng dáng quen thuộc của chú Lâu và chú Hiển bên chiếc Plymouth của gia đình đỗ gần hai xe tải nhà binh han rỉ. Ô đen cầm tay, hai chú gia nhân vội vã chạy tới trong khi cánh quạt phi cơ quay nốt vòng cuối cùng rồi dừng lại.

Cánh cửa chiếc Cessna mở tung. Gió lạnh ùa vào mang theo mùi đất bùn và mùi nhựa thông. Tôi nghe tiếng thác Cam Ly vọng lại từ sau mấy ngọn đồi xanh. Chú Lâu tới trước. Bàn tay nhợt nhạt xám ngắt vì lạnh, chú dương ô che khung cửa phi cơ đã mở. Rồi đôi môi tái thâm run rẩy, chú ú ớ thưa với Măng những gì không ai hiểu nổi. Măng vừa bước xuống phi cơ vừa hỏi, hoảng sợ vì thái độ của chú:

"Chuyện gì vậy chú? Ở nhà vẫn thường chứ?"

"Bẩm Bà, dạ bẩm Bà..." chú lí nhí, miệng chú phả ra làn hơi thở đã đông thành hơi nước. "Bẩm Bà cô ấy mặc chiếc *duýp* đỏ. Con thề chính mắt con trông thấy."

Chú Hiển khẽ lắc đầu khi bước ngang mặt chú Lâu, kịp thời đỡ anh Tuấn tôi từ phía sau Măng đang nhảy đại xuống đất, một chân đã đạp ngay vũng bùn. Bây giờ thì viên phi công đã chất xong đống hành lý của

chúng tôi vào thùng xe hơi và dang rão bước lại phía gian hàng PX. Măng hỏi:

"Ai mặc *duýp* đỏ?" Giọng Măng bực bội, *tựa hồ như* sau một chuyến bay nhồi sóc lại phải xử lý thêm chuyện tàm xàm này. Thật ra chú Lâu vốn hơi man mát, thường khi hay nói lẩn thẩn một mình. Nhưng thái độ chú hôm nay quá bất thường làm mọi người phải thắc mắc.

"Ba tôi vẫn mạnh chứ chú?" chị Ngọc hỏi. Chị ngồi trên khung cửa máy bay, ngần ngại chưa muốn nhảy xuống sợ hỏng chiếc áo dài màu hồng chị rất thích mà Măng *đã tự tay khâu cho chị*.

"Suỵt." Măng đặt tay lên chị. Rồi đôi mắt sắc của Măng quay sang chú Lâu:

"Nào chú nói đi. Cô nào mặc *duýp* đỏ? Lại con bồ mới của Ông nhà chú phải không? Con nào nào?"

Chú Lâu co dúm người dưới cái nhìn của bà chủ. Chiếc ô chú đang cầm lảo đảo trong tay.

"Bẩm Bà không, không phải vậy. Không phải cô bồ nào của ông... Cô ấy là..." Chú ngập ngừng, mắt chú lấm lét.

"Con nào, chú phải nói ngay." Măng ra lệnh. Bây giờ thì Măng đã nổi nóng, giọng Măng cao hẳn lên một bậc. Vuốt mấy sợi tóc trên trán, Măng nhìn thẳng mặt chú, đợi chú trả lời. Vạt áo dài của Măng phần phật trong gió *như cánh con bươm bướm* trong cơn kinh hoàng...

"Dạ là cô... chính là cô nhà, bẩm Bà," chú nói, mếu máo như muốn khóc. Chị Ngọc và tôi nhìn nhau, không hiểu chú muốn nói gì, ngày nào mà chú chả thấy chị từ khi gia đình tôi dọn lên Đà Lạt. Hai đứa chúng tôi bắt đầu cười ngặt nghẽo, trong khi anh tôi từ bên trong chiếc Plymouth giục giã mọi người lên xe. Chú Hiển bây giờ đã mang ô quay lại đón chị tôi và tôi. *Hai chị em chúng tôi* bèn bầy trò chơi, giả vờ làm nông dân bị lạc trong cơn lụt sông Cửu Long và đang chờ người đến cứu.

"Bẩm Bà, Bà đừng bận tâm," chú Hiển nói, chiếc ô đen của chú che mất bầu trời. "Thằng Lâu cứ cái tật nói bóng nói gió, Bà hơi đâu mà nghe..."

Măng như không lưu tâm đến lời chú Hiển, gạn hỏi chú Lâu cho bằng *được*. "*Cô nhà*... con gái tôi... chú muốn nói con Ngọc?" Giọng nay bình tĩnh hơn, Măng chỉ tay về phía chị tôi đang ngồi trên thềm cửa máy bay, đôi bàn chân dép đong đưa trên mặt nước bùn.

"Không, bẩm Bà không phải cô Ngọc," chú Lâu lắc đầu quầy quậy. "Con muốn nói cô kia cơ, cái cô đã mất rồi ấy..."

Đang đùa nghịch, chị Ngọc và tôi sững lại. Chân chị đang đu đưa

ngoài cửa máy bay bỗng co lại trong vòng ôm che chở của đôi cánh tay mặc áo len của chị. Tôi muốn kêu mà không ra tiếng, người tôi ớn lạnh, tôi ngồi sát lại chị. Chú Lâu không còn làm tôi tức cười nữa. Tất cả nhà im lặng, và tôi lại nghe thấy tiếng thác đổ rì rào xa xa nơi mấy xóm nhà tranh và mấy rặng đồi. Măng hơi lảo đảo bước tới một bước nhỏ, mặt bà xám ngắt như bầu trời nặng mây trên đầu.

"Nói láo!" Măng lớn tiếng. "Chú nói láo." Chú Lâu không cãi nhưng vẫn lắc đầu.

Một giây sau, mắt xa vắng nhìn sườn đồi rậm cây trước mặt, Măng khẽ lẩm nhẩm một mình, "Con gái vấn số của Măng..." Rồi bất thần Măng hốt hoảng, "Chiếc áo đỏ, Trời ơi! Tôi đốt mã chiếc áo ấy cho con tôi năm ngoái."

Măng vụt quay sang chú Hiển, nắm lấy cánh tay chú, "Chú Hiển, hôm nay là mùng mấy?"

"Bẩm Bà, mười tám tháng tám," vừa trả lời Măng chú Hiển bế chúng tôi ra khỏi máy bay.

"Khốn khổ khốn nạn!" Măng khẽ than. Mái tóc đen uốn thành lọn cong của Măng phủ đầy những hạt mưa bụi lấm tấm. "Tôi quên khuấy đi mất ngày giỗ con Ngà. Tôi quá bận săn sóc mấy người em họ đau... Chú Lâu, chú thấy... chú thấy em nó về bao giờ?"

"Bẩm Bà bốn hôm trước," chú Lâu nói.

"Vị chi là hôm mười bốn, một ngày sau ngày giỗ con bé," Măng khẽ nói, giọng như không còn ngạc nhiên nữa. Măng lặng lẽ khóc dưới mưa.

Vào trong xe, chúng tôi yên lặng. Chú Lâu thần thái như chưa hoàn hồn, ngồi trước với chú Hiển, giữa hai chú là hai khẩu M-16. Măng ngồi băng sau, anh tôi và tôi bên phải, chị tôi bên trái. Mưa nặng hạt hơn, lộp bộp trên nóc xe. Chiếc Plymouth đổ xuống con dốc thoai thoải, đằng sau chúng tôi phi trường quân sự với những trại lính bằng gỗ chìm dần trong mưa.

"Chú Lâu," Măng ra lệnh, "chú kể đầu đuôi cho tôi nghe... Mà chú phải kể hết, dù một chi tiết nhỏ cũng không được quên."

"Bẩm Bà vâng." Giọng chú như lạc đi trong khi chú quay lại băng sau thưa chuyện với Măng. Bán diện xương xẩu của chú với cái cổ dài làm tôi nhớ đến con gà trống ngộ nghĩnh chị Ngọc và tôi có lần nuôi. Một người tài xế của ba tôi đã chặn chết nó mùa hè trước__Măng cho là anh ta chủ tâm, vì con gà gáy quá to lại gáy quá sớm đã phá giấc ngủ mọi người trong doanh trại, tôi tớ cũng như lính tráng. Chú Lâu hắng giọng, lưỡng quyền chú rung rung. Chú thường làm như vậy. Khi giặt giũ quần áo cho

chúng tôi, chú hay hát cải lương, món *tiêu* khiến chú ham thích nhất. Khi trình diễn môn hát *này*, chú có thể thao thao bất tuyệt. Bộ điệu chú làm tôi *tức* cười, nhưng bàn tay Măng đặt lên tay tôi làm tôi tức thì yên lặng.

Giọng trầm xuống, nghiêm túc chú bắt đầu, "Sự việc *là* như thế này... Bẩm Bà, Bà còn nhớ tuần trước nữa, *khi* Bà và các cô cậu sửa soạn lên Sài Gòn, Bà dặn *thằng* Hiển và con canh nhà, lo mà bảo vệ ông Tướng *cho* chu toàn. Bẩm Bà, hai anh em con đã làm y lời Bà dậy. Chúng con thay phiên ngủ trong phòng học cuối hành lang. Chúng con đặt *ghế* bố ngay dưới ban thờ cô Ngà, gần bên lò sưởi.

"Các cô các cậu hay *dùng* phấn viết bảng, nên chi chỗ nào cũng đầy bụi *phấn* - từ bàn học cho đến sách vở hay tủ sách nền nhà, chỗ nào cũng phấn là phấn. Tất nhiên là ngay hôm đầu vào ngủ trong đó, con *đã lau* chùi sạch sẽ từng ly từng tí. Vậy mà tối hôm *sau* đến phiên thằng Hiển ngủ, nó lại than là sàn nhà *đầy* phấn bụi. Ghế bố cũng vậy.

"*Thật* ra con biết không ai dám vào viết phấn lên bảng, đám con nít nhà con nếu không có phép Bà đâu dám đặt chân lên nhà trên. Vậy thì *bụi* phấn ở đâu ra?

"Nhưng phấn là phấn *nhiệm* vụ là nhiệm vụ, nên ngay sáng hôm sau con vác *rẻ lau* với chổi lông gà trở lại phòng học lau chùi sạch sẽ. Đêm hôm đó, chính cái đêm lạnh cắt da cắt thịt đó, chuyện lạ, rất lạ, đã xảy ra. Bẩm Bà, bây giờ nghĩ lại con còn chết khiếp... Bẩm Bà, sự việc nó là nó như thế này..." Kể tới đây chú *tặc* lưỡi. Tiếng mưa trên nóc xe như bắt nhịp theo, chú kể:

"Tối hôm ấy sương mù dầy như cháo đặc. Còn gió thì ở đâu mà nhiều thế, rít miết trên ngọn thông. Bỏ mẹ con sắp *nhỏ* lại nhà dưới, con sách khẩu M-16 lên phòng học ngủ. Khi con ra khỏi cửa, mẹ sắp nhỏ như có linh tính, *can* con, '*Anh ơi anh đừng có đi, anh đừng có đi,*' "

Chú bắt chước cái giọng vừa chua vừa sẵng của thím Lâu. Chú bắt chước thật giống làm mọi người kể cả Măng đều phải *tức* cười. Chú nói tiếp, "Con vợ con nó bảo, '*ông Tướng đâu có nhà cho anh bảo vệ. Anh hãy Bảo vệ lấy thân anh, ở nhà với vợ, đi làm gì anh ơi. Nhà trên có ma nào mà lên. Ở đây với em đi.*'

"Bẩm Bà, ai mà thèm nghe con đàn bà nhôm nhà mách qué. Phiên con gác là con đi gác. Con băng qua sương *mù*, mặc gió buốt, lên tam cấp, qua nhà bếp, qua *phòng* khách vắng, leo lên cái cầu thang gác cót két, đẩy cái cánh cửa rít bản lề, vào thẳng phòng học. Quả như rằng, ghế bố lại đầy bụi phấn nhưng con chỉ lấy tay phủi sạch, tắt đèn rồi ôm *súng* ngả lưng xuống trùm mền ngủ. Bên ngoài gió *vẫn hú* nhưng chẳng sao, lính mà, bẩm Bà.

"Thế là xong, mọi chuyện xem ra bình thường và con ngủ thiếp đi ngon lành. Rồi bất thần, có cái gì_không biết là cái gì_đánh thức con dậy. Tựa hồ như ai nói thầm vào tai con, và con khấn Trời khấn Phật là tai con lầm, chẳng qua chỉ là tiếng gió. Con không rõ lúc ấy là mấy giờ, chỉ biết trời còn khuya lắm và bên ngoài cửa sổ tối thui, ngoại trừ ngọn đèn vàng sau lùm cây bên khu trại lính. Đợi lát lâu không thấy gì khác, con toan ngủ lại thì... có cái gì lạnh ghê lạnh gớm kéo cổ chân con. Tựa hồ như một bàn tay con nít, nhưng lạnh buốt như nước đá. Con như tê dại. Con chỉ còn biết nghểnh đầu ra khỏi chăn, ráng mắt ra nhìn.

"Trời Phật ơi, chính lúc ấy con thấy cô nhà, bẩm Bà. Cô bé hiện ra trong một vùng ánh sáng lờ mờ kỳ dị, cô khoảng sáu bẩy tuổi, nhìn kỹ mới nhận ra chiếc *duýp* đỏ cô mặc. Con sợ mất hồn mất vía, bẩm Bà tha lỗi cho con, miệng con há hốc, nước dãi chảy ròng hai bên mép. Cô bé cứ đứng như vậy ở cuối ghế bố mà khóc, tay cổ nắm chân con... Tóc cô dài mềm mại như tơ, da cô trắng như ngà.

Con biết ngay là cô nhà, là cô con gái Bà đã mất. Cô hiện ra mảnh dẻ xinh đẹp như con búp bê. Nhưng con sợ đến nỗi không nhúc nhích nổi. Miệng con há hốc, máu con đông lại, và con nghĩ chắc lúc ấy tóc con dựng đứng trên đầu. Con nằm bất động như một khúc gỗ, trân trân nhìn cô khóc. Cô khóc mải miết, không biết bao lâu, sau cùng cô nín và ngẩng lên nhìn con." Kể đến đây, giọng chú Lâu trầm xuống, như thì thầm. Tôi nghe bàn tay Măng bóp chặt lấy tay tôi.

"Cô nói, '*Chú Lâu ơi. Em lạnh quáááá... Mọi người quên em rồi... Chú Lâu ơi, Măng quên em rồi. Chú làm ơn thắp cho em cây nhang, cho nhà em ấm một chút. Chú nhớ nghe chú, em lạnh quáááá...*'

"Bẩm Bà, nói xong cô buông chân con ra. Rồi quay mình, cô chập chờn bay về phía lò sưởi nơi ban thờ gỗ mun của cô. Như một đám mây lạnh mùa đông, cô biến đi mất. Bẩm Bà, con ráng thu hồn thu vía, bình tĩnh, hy vọng cô không trở lại nhát con đến chết. Sau cùng cục cựa được, con đứng dậy bật nút đèn. Thu hết can đảm, con bước lại ban thờ rút ba cây nhang ra thắp. Con khấn cô, '*Cô Ngà ơi, tôi thắp nhang cho cô rồi. Tôi van cô cô đừng nhát tôi nữa, tôi yếu bóng vía không kham nổi đâu. Tôi thờ Phật, còn vợ và ba con dại phải nuôi. Van cô cô đừng cướp hồn tôi. Sáng ra tôi xin đem đồ cúng cô. Cô Ngà ơi, tôi van cô.*' Khấn xong, con vái cô ba vái, và cắm nhang vào bát nhang nhỏ trước ban thờ. Bẩm Bà, thật ra thì vợ con cũng có lý, mà ông Tướng cũng không có nhà... Dông dài, con muốn thưa là không ai có nhà nên con cũng tự tiện xuống lại nhà dưới với má con bầy trẻ...

"Hôm sau, hai vợ chồng con trở lại sớm với ít trái cây cúng cô khi

Bà chưa về. Con nghĩ có biết chắc Bà cũng không quở trách con. Rồi mấy đêm sau, thằng Hiển này đã tình nguyện gác luôn cả phiên con, nó bảo cô Ngà nay đã được cúng giỗ rồi chắc sẽ không phiền hà gì nó. Nhưng cẩn tắc vô ưu, Bà tin con đi, con không quên căn dặn thằng Hiển mỗi tối phải thắp cho cô nén nhang..."

Chuyện chú Lâu đến đây là hết. Măng gật đầu như ghi nhận chú đã kể xong, và không thấy Măng bảo gì thêm chú quay mặt lại đằng trước. Mùi rượu đế mới đầu thoang thoảng đã tăng theo câu chuyện của chú, bây giờ nghe nồng nặc. Khó chịu, tôi quay sang anh Tuấn ngồi bên phải tôi. Anh đang thổi vào kính xe, biến cửa sổ xe thành một tấm bảng phủ kín hơi nước. Ngón tay anh vẽ những hình tàu bay xe tăng lên mặt kính. Nét vẽ của anh làm kính trong trở lại, bày ra cảnh vật sũng nước bên ngoài với cỏ cây xanh rờn và bầu trời đục xám đang vùn vụt chạy về phía đuôi xe, linh động hóa những hình tượng anh vẽ trong khi chúng sáng lên với màu sắc hiền dịu của tạo vật.

Ngà tuy là chị tôi, nhưng tôi chưa bao giờ biết mặt. Chị chết non vì chứng đau não, một năm trước khi tôi sanh. Vì chị trắng trẻo nên Măng đặt tên chị là Ngà. Khi đẻ ra, tóc chị dài và mượt - Măng cả quyết là nếu sống chị tôi sẽ cao và đẹp lắm. Chị Ngà rất ngoan, Măng vẫn thường nói. Chị không bao giờ khóc nhè hay vòi vĩnh như tôi. Mỗi khi Măng nói vậy, tôi làm bộ nhăn nhó dậm chân cho đến khi Măng phải tức cười và ôm tôi vào lòng, dỗ rằng tôi là đứa con yêu nhất của Măng.

Mỗi năm vào ngày giỗ chị Ngà, Măng thường sắm sửa quần áo, đồ chơi, tiền giấy, tất nhiên là đồ mã, để đốt xuống âm phủ cho chị cũng được thoải mái như mọi người trong nhà. Chúng tôi không phải bao giờ cũng sung túc, Măng vẫn bảo; thủa ấy gia đình tôi nghèo_ba tôi mới là trung tá_và chúng tôi không có tiền, không có tài xế, không có xe hơi. Khi sanh chị, Măng phải một mình đi xích lô vào nhà bảo sanh. Khi chị mất, Măng mua một miếng ngà cho khắc tên chị để cúng. Măng thường nói, chị đã không chết nếu hồi ấy chúng tôi khá giả và quen biết lớn để có thể đưa chị sang Âu châu điều trị. Nhưng ba tôi lại bảo là thật ra không có cách gì cứu chị, chính các bác sĩ cũng không biết làm sao trị liệu căn bệnh não hiếm nghèo và hiếm thấy của chị.

Khi tôi lên một, ba tôi được thăng thiếu tướng. Cảnh sống của chúng tôi khá lên khi ba tôi được bổ nhiệm tư lệnh sư đoàn 9 đóng tại Sa Đéc. ít năm sau, ông thăng lên trung tướng và được bổ nhiệm chỉ huy trưởng trường võ bị Đà Lạt. Chúng tôi được cấp một biệt thự kiểu Pháp, mấy con ngựa, và một chiếc trực thăng. Nhưng Măng không bao giờ quên chị tôi. Dọn lên Đà Lạt, vật đầu tiên Măng gói để mang theo là ban thờ chị tôi,

mặc dầu ba tôi phản đối. Ba tôi nghĩ không nên bám víu lấy người chết. Ông bảo tốt nhất là gửi ban thờ chị tôi vào một tu viện yên tĩnh, vì chúng tôi dời nhà kể như thường xuyên. "Cho con nó yên nghỉ," ba tôi có khi quát lên, nhưng Măng không bao giờ nhượng bộ. Ba Măng cãi nhau liên miên về việc này, nhưng sau cùng bao giờ Măng cũng thắng,

Bây giờ sự việc đã như thế, thật là dễ sợ khi nghĩ hồn ma chị tôi vẫn lẩn quất trong tòa biệt thự, đòi Măng săn sóc như anh em chúng tôi còn sống. Tôi nhắm mắt tưởng tượng chị vẫn ở trên mặt lò sưởi trong cái ban thờ nhỏ bằng gỗ mun đóng theo kiểu một ngôi chùa tí hon. Chiếc ban thờ có mái cong với đôi cột bé tí chạm trổ rồng phượng. Giữa hai cột là chiếc bát hương nhỏ đầy chân nhang và tro nhang màu xám. Nhưng trong nội thất linh thiêng của ban thờ tất cả chỉ có tấm bài vị bằng ngà của chị, đặt đứng như một tấm bia mộ nhỏ. Phải chăng tấm ngà bé này là hiện thân của hồn ma của chị?

"Còn chú, chú Hiển, chú có thấy gì lạ không?" Tiếng Măng làm vỡ bầu không khí yên lặng.

"Bẩm Bà không," chú Hiển trả lời mắt vẫn nhìn con lộ trước mặt. Trong tấm gương chiếu hậu, nét mặt chú bình thản như không,

"Chú muốn nói con gái tôi không nắm chân chú kéo hay nhát chú như nhát chú Lâu?" Măng hỏi gặng.

"Bẩm Bà không. Chắc con cứng bóng vía nên ma cỏ không quấy nhiễu."

"Vậy sao?" Măng nói.

Chú Lâu quay lại nói xen vào câu chuyện, "Nhưng bẩm Bà, con thấy cô nhà. Chính mắt con trông thấy cô nhà." Chú lấy ngón tay tự chỉ vào mặt.

"Tôi biết," Măng gật đầu. "Nhưng ai hỏi chú mà chú nói."

Măng nói tiếp:

"Chú Hiển, chú không có gì để trình lại với tôi?"

"Bẩm Bà không. Chuyện ma cỏ thì lại càng không." Gọn gàng vượt qua chiếc nhà binh chạy chậm đằng trước, chú móc túi lấy ra phong thư. "Tuy nhiên ông Tướng có dặn con trình với Bà là Ông đi Nha Trang họp mấy ngày nữa mới về. Ông dặn con trao Bà lá thư này..."

"Ủa?", Măng hỏi chú Hiển, tay Măng cầm phong thư mà không mở ra. Măng không bao giờ đọc thư ba tôi trước mặt các con.

"Chồng tôi có biết gì về chuyện... ma hiện hồn này không?"

"Bẩm Bà không."

"Cũng tốt thôi." Măng như tự lự. "Nhưng tại sao chú lại gác thay cho chú Lâu, thay vì ngủ dưới trại?"

"Bẩm Bà tại vì," chú Hiến dõng dạc, "trại đông, trống gió mà lại ồn quá. Mà cũng tại vì đám sóc đĩa. Con không thể nào ngủ được khi thằng cha Lâu này ngồi sóc đĩa xướng số trúng bằng mấy câu vè của nó."

"Vậy sao?" Măng vấn tắt, nhưng tôi cười lăn cười bò. Anh Tuấn vỗ đùi và chị Ngọc nói "Xấu hổ, xấu hổ nhé," trong khi chú Lâu trên ghế trên co mình lại như muốn độn thổ. Quả thật chú Lâu rất ồn và rất sính đọc vè khi đánh sóc đĩa. Chú sính vè trong mọi chuyện, nhưng đặc biệt nhất là với sóc đĩa. Chú có thể cất giọng nghêu ngao đọc vè của chú, tựa hồ như mấy con sóc đĩa là những nhân vật mấy tuồng cải lương mà chú đã thuộc lòng.

Lát sau yên lặng lạnh giá lại bao trùm lấy chúng tôi như một chiếc màn vải đục. Trong tay Măng, tôi nghe tay tôi lạnh ngắt như không còn hột máu. Mưa đã nhẹ hạt, máy xe rầm rì, bánh xe lúc lúc chồm qua những ổ gà đầy nước, và tim tôi ghi nhận từng cái dằn của đường. Xe ngang qua hồ Xuân Hương, tôi thấy sương mù lãng đãng như ve vuốt mặt hồ. Đã xế chiều, bầu trời ảm đạm, và mặt hồ phản chiếu lại một lần nữa cái ảm đạm ấy...

Qua hai cây cần gạt nước, tôi thấy cảnh vật di động với những biệt thự ẩn mình sau những hàng rào gỗ và những rặng thông cao. Xe lên dốc, hai bên đường một vài ban thờ nhỏ trang trí bằng những vòng hoa hay bó hoa màu sắc lòe loẹt. Dân địa phương đã dựng những ban thờ này cho linh hồn các nạn nhân xe hơi hay xe gắn máy trên cung đường trơn dốc này. Chú Lâu có lần giảng cho tôi là nếu người chết được tưởng nhớ tới, vong hồn họ không trở về gây thêm tai nạn cho người sống.

Chúng tôi sắp tới nhà. Mái đỏ của ngôi biệt thự hiện ra sau lùm cây xanh; tiếp theo là mấy cánh cửa chớp bằng gỗ che cửa sổ và sân thượng trên lầu hai; rồi đến thửa vườn với chiếc xích đu hiện ra bên phải. Xe quẹo gắt vào chiếc cổng rào kẽm gai, và một chú lính vui vẻ từ trạm canh nhảy ra, súng và đàn đeo lủng lẳng sau lưng. Anh ta kéo mạnh cổng rồi chào chúng tôi khi xe chạy qua. Chị Ngọc vẫy tay, và Măng gật đầu chào lại. Trên sân lát đá trống vắng, hơi sương trắng cuộn vòng bốc lên như chào đón chúng tôi. Chiếc xe Plymouth chạy tới bên mấy bậc tam cấp phủ rêu rồi dừng lại.

Măng cầm mấy tờ giấy bạc với tới đằng trước vỗ khẽ vào vai chú gia nhân, "Chú Lâu," Măng nói, "Chú làm ơn ra chợ mua cho tôi ít hoa quả, đồ mã, và hương đèn. Chút đỉnh để giỗ con gái tôi... dù là giỗ muộn. Và cảm ơn chú đã giỗ em hôm trước..."

"Bẩm Bà vâng," chú Lâu hăng hái thi hành lệnh Măng.

Không biết ai đã quên đóng cửa phòng học, hơi lạnh và ẩm của mưa đã lạm vào từ bao giờ. Có mùi gỗ ướt, và khi Măng đóng cửa sổ lại, tôi nghe như một phần của bầu trời sũng nước đã bị giam lại bên trong. Tôi nhìn vào chiếc ban thờ trên mặt lò sưởi. Bàn thờ vẫn đấy, rờn rợn, trống, sâu, và tối. Hai con rồng vẩy sà cừ lóng lánh, hàm há lớn như sẵn sàng táp vào kẻ bất tín. Nhìn ban thờ, tôi bao giờ cũng cảm thấy lạnh lẽo. Măng thắp mấy nén nhang, và khói nhang cuốn vòng bay lên trần nhà đã ám khói từ lâu. Mùi nhang hăng hắc lẫn với mùi thơm của gỗ lẩn quất nặng nề trong bầu không khí lạnh và ứ hơi nước.

Khi tôi đứng sau Măng nghe Măng khấn, anh Tuấn và chị Ngọc kéo nhau ra bên bảng đen, bộ điệu ranh mãnh tinh nghịch. Hai người vét bụi phấn trong khe bảng bôi lên mặt. Anh chị ra hiệu rủ tôi nhập cuộc, nhưng tôi lắc đầu. Tôi cảm thấy phải đứng bên Măng mới được an toàn. Anh chị tôi đang chờ chú Lâu tới để phục kích, tiếng chân chú bây giờ nghe vang lại từ hành lang.

Lúc chú xách rổ mây đầy hoa quả đồ chơi bằng giấy và quần áo mã bước vào, anh chị tôi nhảy ra hét lớn, mặt mày bôi đầy phấn hai tay dơ lên quơ cào. Như bị điện giật, chú thất thanh hãi hùng nhảy dội ra đằng sau, mắt chú như văng ra khỏi tròng. Một trái soài rơi bịch xuống đất.

"Thôi ngay lập tức!" Măng nổi nóng quay lại. Trong mắt Măng tôi thấy như có điềm gì bất an, báo hiệu những bất thường đang rình rập xảy ra. Khói nhang vương vất sau lưng Măng. "Có đi rửa mặt đi còn giỗ chị. Tất cả mấy đứa!"

"Thưa Măng vâng," anh Tuấn và chị Ngọc lí nhí, cúi đầu như biết lỗi. Bỏ lại Măng và chiếc ban thờ gỗ mun, tôi theo chân anh chị. Ngang qua chú Lâu, tôi thấy chú đang cúi nhặt quả soài miệng lẩm nhẩm than thở về quả tim yếu của chú.

Khi chúng tôi trở lại, hai ngọn nến đang bập bùng cháy trên hai cây đèn hoa sen đặt hai bên ban thờ. Bóng tối và ánh sáng chập chờn trên những đường chạm cong của gỗ mun. Bên ngoài trời đã xẩm tối, một ánh sáng hồng dịu sáng lên nơi cửa sổ. Măng mặc áo dài trắng và chú Lâu giúp Măng sửa soạn vụ giỗ trễ. Trên mặt bàn trải khăn trắng, mấy trái soài và vài bông sen bầy trong chiếc bát sứ lớn. Anh em chúng tôi, tắm rửa sạch sẽ, đầu tóc chải ngay ngắn, đã thắng bộ. Chị Ngọc mặc chiếc váy mầu xanh nhạt, anh Tuấn và tôi đánh bộ com-lê đen, cà-vạt đen, thứ cà-vạt có kẹp móc không cần thắt. Chúng tôi sắp hàng sau lưng Măng, theo thứ tự lớn nhỏ, mặt quay về phía ban thờ. Sau cùng đến lượt tôi, Măng đưa cho tôi cây nhang đã thắp sẵn, bảo tôi khấn '*Chị Ngà, em xin chị tha thứ cho cả nhà. Xin chị phù hộ cho mọi người được may mắn*', tôi nhắm mắt

khấn, tay cầm chặt cây nhang nhưng chiếc đũa thần của truyện cổ tích. Rồi tôi khấn thêm, "Nếu chị thành ma, em xin chị đừng về kéo chân Măng, chị nhé." Tôi vái chị ba vái. Tôi tưởng tượng từ chiếc bài vị bằng ngà lờ mờ trong khoảng tối thần bí của ban thờ, chị đang ghi nhận lời khấn của tôi.

Măng đứng lặng trước lò sưởi, mắt Măng xa vời như nhìn xuyên qua khói nhang đang cuốn vòng bốc lên. Khi đốt mã cho chị trong lò sưởi - phần quan trọng nhất của giỗ - Măng khóc. Mấy chiếc áo dài giấy mầu mấy con búp bê đội nón và mớ tiền âm phủ bốc cháy, tỏa ra một thứ ánh sáng vàng như hoàng kim pha chút màu lục. Khuôn mặt hiền dịu của Măng ấm lên, và nước mắt lấp lánh trong mắt Măng. Cuối hành lang, gió đập từng hồi chiếc cánh cửa chớp lỏng bản lề vào mặt tường bên ngoài.

Lát sau có tiếng gõ cửa. Chúng tôi quay lại thấy chú Hiển đứng như pho tượng, tay cầm cây búa. "Vào đi chú," Măng ra lệnh. "Chúng tôi cũng gần xong rồi. Chút nữa là chú có thể bắt đầu."

Khi chú bước tới, tôi chăm chăm ngắm khuôn mặt như tạc bằng gỗ của chú, tò mò xem chú sắp làm gì. Chú không chào ai, chỉ lẵng lặng đến đứng bên chú Lâu. Khi nhang tàn, Măng quay sang chú Hiển, vẫy tay ra hiệu, "Chú bắt đầu được rồi."

Chú Hiển gật đầu, rồi sau khi chuyển nến đèn cũng như bát nhang sang bên, chú đưa bàn tay chai sần vuốt dọc bên ban thờ. Rồi lấy búa, chú bắt đầu nhổ mấy chiếc đinh gắn ban thờ vào tường.

"Măng ơi, chú ấy làm gì thế?" anh Tuấn đánh bạo hỏi câu hỏi chính tôi cũng muốn hỏi.

"Chú ấy dời ban thờ đi nơi khác," Măng trả lời gọn lỏn. "Dời về chùa Sư Nữ trên núi."

"Tại sao vậy Măng?" tôi buột miệng.

"Chúng mình sắp dọn ra Đà Nẵng. Ba nhận được lệnh từ tổng tham mưu. Ba sắp làm tư lệnh Sư Đoàn Một... Xem ra gần đây lại đánh nhau to. Khổ quá..." Giọng Măng mệt mỏi khi Măng lấy ra lá thơ của ba tôi. "Và lần này, Măng sẽ không đưa chị Ngà theo. Măng nghĩ thật ra Ba có lý. Chúng mình không nên níu mãi lấy người chết."

Chú Hiển bắt đầu lấy búa gõ lỏng hai bên ban thờ. Tiếng búa chát chúa vang lên trong căn phòng, và trong ngôi nhà gỗ tí hon chiếc bài vị nhỏ bằng ngà ngã xuống. Chú Lâu sau giây lát ngần ngại, bắt đầu giúp chú Hiển. Chiếc dinh cuối cùng được nhổ ra với tiếng rít nhỏ. Phút chốc hai người lính đã khuân chiếc ban thờ cồng kềnh xuống nhà dưới. Nơi khoảng tường cũ chỉ còn lại một ô trắng.

Ban thờ đã dọn đi, tôi bỗng không còn sợ hãi về hồn ma chị Ngà. Và

nhìn khoảng trống màu trắng trên tường, tôi nghĩ đến Ba tôi. Tôi nghĩ đến một vùng sương mù trắng đục nơi ông đang lái chiếc trực thăng của ông. Và dưới vùng sương mù ấy, nơi lúc trước là chiếc lò sưởi, bây giờ là một đô thị đang cháy, tro than hừng hực.

Còn Mãng tôi, khi quay gót bước ra khỏi phòng học, bà vo viên lá thơ của Ba tôi và quẳng nó vào cái đô thị đang bị hỏa thiêu. Tôi cúi nhìn mẩu giấy, tim tôi bỗng đổ hồi. Trên tờ thư nhăn nhúm đang vặn mình dưới sức nóng, đôi ba chữ từ thủ bút của ba tôi hiện ra rành mạch, trở thành đậm hơn đậm hơn nữa trong một luồng khói đen. Dường như có chữ *hình bóng*... dường như có chữ *chiến tranh*... Nhưng tôi không kịp vỡ nghĩa những chữ ấy, một ngọn lửa sáng chói hung bạo phật lên thiêu hủy tờ giấy đang quằn quại, biến nó thành một mảng than đen mỏng manh sẵn sàng tan vỡ thành tro bụi...

© English original "Dark Wood and Shadows" copyrighted by Andrew Q. Lam. Vietnamese translation copyrighted by Mai Kim Ngọc.

PHÂN ƯU

Được tin Cụ LÊ CHẤP

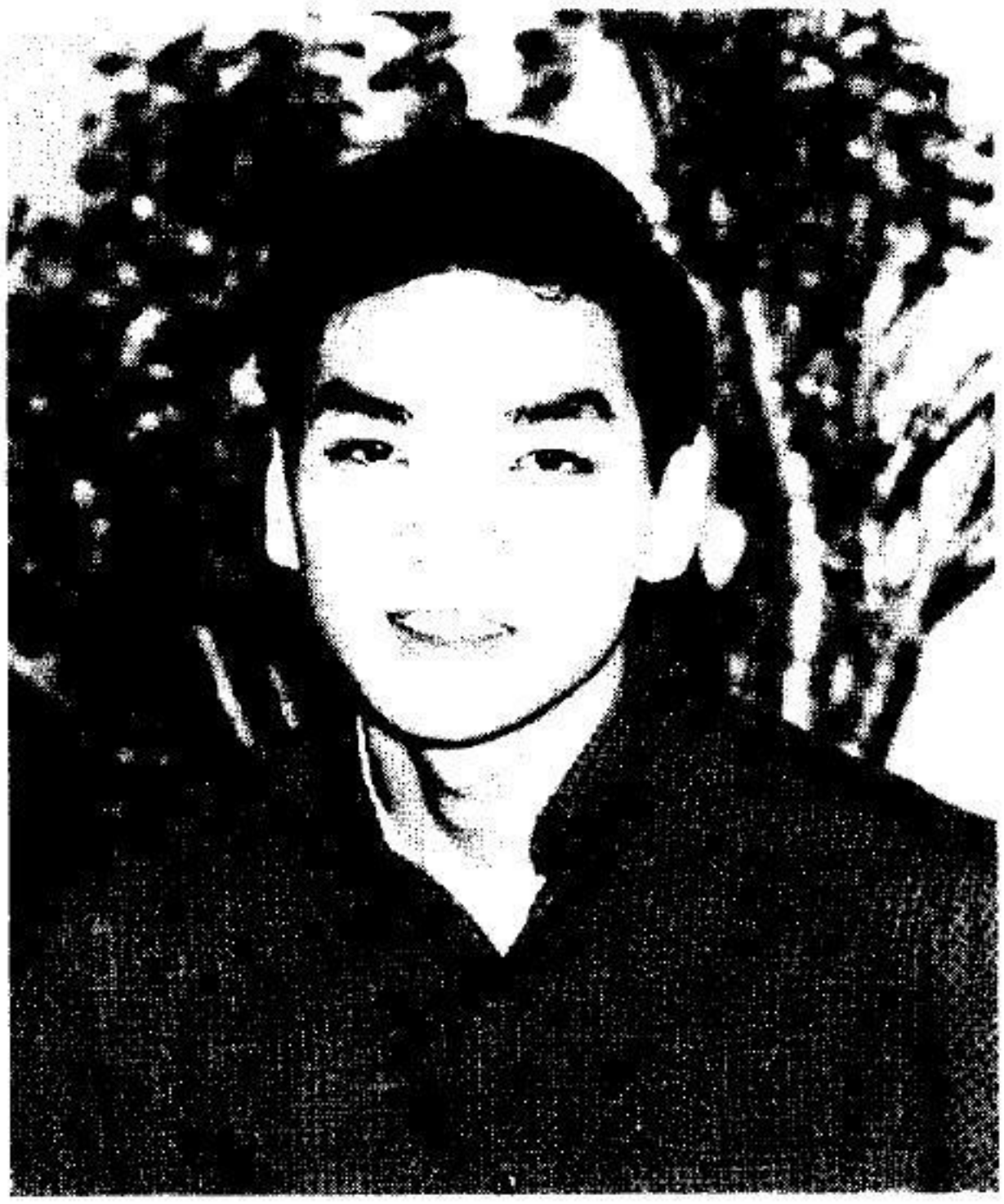
Pháp danh Thiện Chánh

Thân phụ của các anh Lê văn Ba (nhà thơ Hoàng Duy), Lê Bửu Tấn (tổng thư ký tạp chí Phật giáo Việt Nam), Lê văn Thảo vừa thất lộc tại Qui nhơn Bình Định ngày 8 tháng 1 năm 1996 - tức ngày 18 tháng Mười Một năm Ất Hợi, hưởng dương 85 tuổi.

Các văn hữu và đồng hương Bình Định xin chia buồn với các anh Lê văn Ba, Lê Bửu Tấn, Lê văn Thảo và cầu mong hương hồn Cụ sớm về cõi Phật.

Võ Phiến, Tạ Chí Đại Trường, Châu văn Thọ, Thạch Hãn, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Mai Kim Ngọc, Võ Thắng Tiết, Nguyễn Hữu Thời, Thái Tấu, Đào Đức Chương.

Lưu Trường Khôi



Năm nay 23 tuổi, Lưu Trường Khôi sinh tại Sàigòn nhưng trưởng thành tại Oak Park, Illinois và hiện đang sống tại Boston. Anh tốt nghiệp cử nhân tại đại học Harvard năm 1994 về ngành Đông Á học, và hiện đang theo học chương trình Cao học về Sáng tác (Creative Writing) tại Đại học Boston. Trong tương lai, anh có dự định theo học luật, ngành quốc tế công pháp.

Truyện ngắn và tiểu luận của Khôi được đăng tải trong Once Upon A Dream: The Vietnamese-American Experience, *(1995)*, Thế Kỷ 21, The Vietnam Forum, Horizons of Vietnamese Thought and Experience, Vietnow *và* Synthesis *(ấn phẩm của người Việt tại Gia nã đại). Anh đoạt giải sáng tác năm 1993 do tạp chí* The Vietnam Forum *tổ chức trên toàn nước Mỹ.*

Đề tài được Khôi ưa chuộng trong các sáng tác của anh là liên hệ gia đình giữa cha–con, mẹ–con, và các khía cạnh khác của đời sống gia đình Việt Nam. Bằng một lối viết giản dị, Khôi gởi đến người đọc những nhận xét hết sức tế nhị về ảnh hưởng của gia đình trên thanh thiếu niên Việt Nam trưởng thành tại Mỹ. Những vấn đề như cha mẹ giáo dục con cái bằng roi vọt, hay bó buộc con cái chọn ngành học theo ý thích của bố mẹ–thường là theo thứ tự y khoa, dược khoa, nha khoa, kỹ thuật, v.v– được Khôi phân tích một cách sinh động bằng một lối viết dí dỏm, làm nhẹ hẳn đi mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Tính hài hước (humor), theo Khôi, giúp đương đầu với những thử thách lớn của đời sống dễ dàng hơn. Trong thư riêng, Khôi trích dẫn Zora Neal Hurston, một nhà văn nữ người Mỹ da đen, như để minh chứng tính hài hước có khả năng làm nhẹ những thử thách lớn: "I am not tragically colored. I do not belong to the school of Sobbing Negrohood. I do not weep at the world. I'm too busy sharpening my oyster knife."

Chiếc Áo Trắng

Lưu Trường Khôi

Đang đứng chải tóc trước gương, Sương chợt nhận ra đôi mắt thằng bé giống hệt mắt ba nó. Thằng bé ngồi trên sàn nhà gỗ, ngay sau lưng nàng, đang hí hoáy mang đôi giày da màu nâu. Vẻ mặt hắn trông nghiêm nghị đến nỗi khiến Sương muốn tức cười, hai mắt nheo lại ra chiều chăm chú, đôi lông mày trễ xuống, môi bậm, thằng bé cột dây giày rồi lấy tay phủi bụi ở đằng sau gót.

Nàng gọi Ninh lại gần rồi biểu con đứng yên. "Này con, tối nay con chải tóc rẽ giống ba vậy nghe."

Thằng bé mỉm cười để lộ hàm răng sún chiếc răng cửa. Một tay giữ vai con cho ngay, Sương lướt chiếc lược chải mớ tóc rối. Mỗi lần chải, thằng bé lại chớp mắt. Nàng ngửi thấy mùi mồ hôi, mùi nắng lẫn mùi hạnh phúc trong tóc con. Chải xong, nàng nhéo vào má thằng bé rồi bảo, "Đấy, tối nay con là người đàn ông bảnh trai nhất đó nghe."

"Mẹ, xem này," Ninh la lên rồi kéo ống quần trái lên cao. "Con mang giày mẹ không thấy tất con lủng đâu."

Sương bậm môi và thấy nghẹn ở ngực. Khi thấy nụ cười tinh nghịch của con, nàng hôn lên trán thằng bé một lúc lâu. Phải mua tất mới cho con, nàng tự nhủ.

Hai mẹ con đang chuẩn bị đến dự tiệc ở nhà một vị cựu bộ trưởng Việt Nam cộng hoà, và để chuẩn bị cho buổi tiệc tối nay, Sương gởi mua qua đường bưu điện một chiếc áo đắt tiền nhất của hiệu Lord & Taylor– hàng lụa *charmeuse* trắng, cổ hở có viền đăng ten. Chiếc hộp bằng bìa cứng đựng áo còn nằm trên sàn, gần cánh cửa phòng đã long mộng.

Ninh bước lại chiếc hộp rồi nhặt lớp giấy nhựa gói áo lên. "Mẹ, cho con cái này nghe?" Ninh hỏi. "Con muốn bóp vỡ mấy cái bong bóng."

Nàng nhỏ nhẹ từ chối, hai tay vòng trước ngực. "Này con, con biết gì không? Tối nay con sẽ gặp lại bạn cũ của Ba đấy."

"Con có biết ai đâu," thằng bé lên tiếng. "Con biết nói gì với họ? Có khi nào mẹ dẫn con đi gặp bạn ba đâu."

"Con chỉ cần ngoan ngoãn lễ phép là đủ, được không? Con hãy vì ba và mẹ mà lễ phép với họ."

Thằng bé gật đầu.

Nàng bước lại phòng xép móc áo, lấy chiếc áo khoác ra khỏi móc, rồi giúp Ninh kéo chiếc dây khoá. Màu thiên thanh, hơi chật, chiếc áo khoác do một ông Botticelli nào đó ở nhà thờ St. Edwards cho. Tối nay, Sương sẽ bận thêm chiếc áo choàng đen dài mượn của bà chủ. Chiếc áo làm cho nàng trông cao hẳn lên.

Khi hai mẹ con đang bước xuống bậc cấp khu chung cư, Ninh nói với mẹ: "Tối nay mẹ đẹp quá." Hắn kéo thẳng đôi vai khiến trông cao lớn hơn. "Giống như mình đang hẹn hò phải không mẹ." Người mẹ có dáng dấp quý phái, khuôn mặt trái soan, nước da mịn, răng trắng như ngọc, đôi mắt bồ câu, chiếc mũi thanh tú, để lộ nét duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam, và mỗi lần nàng bước đi, ngay cả không khí hầu như cũng cúi chào, tự động rẽ ra cho nàng bước.

"Taxi đến rồi kìa con." Nàng cầm lấy tay con, bóp nhẹ, và chỉ trong khoảnh khắc, nàng nhận ra thịt da nơi tay con mềm nhũn như bột, không giống chút nào da thịt rắn chắc của ba nó, định rút tay lại, nhưng thấy thằng bé mỉm cười, nàng lại để yên.

Lên xe, Ninh nói huyên thuyên. Mới ở Mỹ một năm mà tiếng Anh của nó bây giờ đã quá sõi. Hắn bảo người tài xế râu ria xồm xoàm là tư gia ông bộ trưởng ở McLean, hắn đang học lớp ba và là dân ghiền đội Orioles.

"Đội Orioles tệ òm! Bà có nghĩ vậy không?"

Sương nhìn theo làn khói thuốc từ trên môi người tài xế bay qua cửa kính rồi tan loãng vào khoảng không bên ngoài dưới bầu trời cuối tháng mười. Nàng không biết nên trả lời sao cho đúng.

"Bà làm sao thế? Bộ không nói được tiếng Anh à?"

Nàng lại bóp tay Ninh chặt hơn. Nàng đang học thêm tiếng Anh ở đại học cộng đồng–bằng cử nhân luật đại học Sàigòn bây giờ trở nên vô dụng–, và hy vọng sau khi tiếng Anh khá hơn, sẽ theo học lấy bằng y tá. Nàng nhớ lại thằng con trai của bà Schuller có một tấm thảm của đội Orioles của Baltimore để trong phòng ngủ, nơi mà nàng phải hút bụi mỗi tuần ba lần, lại còn có cả vải trải giường và bao gối của đội Orioles. Nhưng chính nàng không hiểu Orioles có nghĩa gì, hay là họ "tệ" ở chỗ

nào.

Không thấy trả lời, người tài xế nói tiếp, "Tiếng Anh không khó lắm đâu." Hắn quay người lại rồi nheo mắt, "Nhất là đối với một người đẹp như bà."

Nàng chú tâm quan sát phong cảnh vùng ngoại ô Virginia: những ngôi nhà nằm trên bãi cỏ rộng, các khung cửa sổ trang hoàng những chiếc đèn trái bí, lại có rải ít lá khô màu vàng cam. Đây đó, một hộp thư màu xanh đứng lẻ loi nơi góc đường.

Sương bỗng nhớ đến chồng. Lá thư sau cùng Tuệ gởi cho nàng đã hai năm về trước, vào mùa thu 1978. Thư kết thúc bằng câu: "Em hãy đưa con đi thăm chú nó." Lúc đó em của Tuệ đang sống ở Colorado, nên nàng hiểu đây là cách nói bóng gió rằng nàng phải thoát ra khỏi Việt Nam, phải bóng gió như vậy vì thư từ trong trại cải tạo gởi ra ngoài đều bị kiểm duyệt. Sau khi chiến tranh kết thúc vào tháng năm 1975, Tuệ bị đưa đi cải tạo ở một vùng rừng núi Thanh hoá, cùng với nhiều viên chức cao cấp khác của chính quyền cũ, và trong suốt bốn năm liền Sương ở lại miền Nam chờ đợi. Đầu năm 1979, thúc giục bởi lời thư của Tuệ, nàng cùng con vượt biển đến Mã Lai, và mùa thu năm đó đến định cư tại Mỹ.

Nàng phân vân không biết tại sao trong hai năm liền chẳng có thư từ gì của Tuệ, ngay cả thư gởi cho thân nhân hiện còn ở Sàigòn. Tháng tháng, nàng viết thư về nhà hỏi mẹ về tin tức của Tuệ nhưng chẳng khi nào có được tin gì chính xác. Nàng e ngại điều đáng sợ nhất sẽ xảy đến.

Dù thế nàng vẫn nuôi hy vọng. Tuần rồi, trên đường đến quyét dọn nhà bà Schuller, nàng nhác thấy một cây sồi. Trên một cành sồi trụi gần hết lá nằm cao quá tầm tay, một vật gì đó bắt mắt nàng. Trong khi hầu hết những ngọn lá khác đã vàng uá rụng xuống sân cỏ bên dưới, trên cành vẫn còn một chiếc lá xanh tươi mơn mởn. Sương chớp mắt đôi lần mà vẫn thấy chiếc lá dính vào cành. Nàng nhìn chiếc lá một lần cuối rồi tiếp tục bước đi, hai tay ôm vòng trước ngực, mắt nhìn lên khoảng trời cao.

Ở trước cửa nhà ông bộ trưởng là chủ nhân, một người đàn ông thân hình to lớn, nhưng lại có khuôn mặt rất đàn bà. Ông lịch sự cúi đầu chào Sương rồi lên tiếng. "Đây là Tuệ nhỏ phải không? Con mạnh khoẻ không?"

"Thưa bác con khoẻ," đứa bé trả lời. "Con cám ơn bác."

Quay về phía người mẹ, ông bộ trưởng nói. "Đó là đôi mắt của Tuệ chị à. Càng nghĩ thế tôi lại càng nhớ Tuệ." Người đàn ông lắc đầu, và khi thấy đôi mắt ông rũ xuống, Sương nhớ lại là mười ba năm trước, vào năm 1967, nàng cũng đã nhìn thấy đôi mắt u sầu đó khi nàng từ chối lời cầu hôn của ông.

"Chị Sương đến rồi này, mình mời chị vào trong nhà đi cưng." Bà bộ

trưởng trong chiếc áo màu đỏ tươi hiện ra trước cửa, trên tay đang bưng đĩa tôm luộc khai vị. Bà cười chào Sương, và sau khi quan sát nàng từ đầu đến chân, bà đặt đĩa tôm lên bàn rồi luồn tay mình vào tay chồng.

"Chị Sương hôm nay đẹp quá," bà vợ ông bộ trưởng nức nở khen, chiếc cằm của bà ngẩng lên cao.

"Cám ơn chị," Sương đáp.

"Chị đến được tôi mừng lắm. Ninh, đến đây ăn tôm và trứng cút nhồi thịt đi cháu."

Ninh ngước nhìn mẹ, được mẹ gật đầu cho phép. Thằng bé bước theo bà bộ trưởng. Bà lấy một ít thức ăn để lên chiếc đĩa nhựa, rồi dẫn nó xuống hầm nhà, nơi trẻ con đang chơi đùa. Sau đó bà trở lại, dẫn Sương vào thư phòng, chỗ có mấy bà cụ đang ngồi nói chuyện.

"Để tôi lấy nước cho chị. Đi làm chắc cực lắm hả chị?"

Sương lấy tay vuốt mấy sợi tóc ra sau trong lúc chủ nhà đi vào bếp.

"Cám ơn chị," Sương nói, khi chủ nhà mang cho nàng ly Coca.

"Tôi định lấy *diet coke* cho chị, nhưng nghĩ lại chị đâu cần. Chị gầy quá, nhưng thế mà lại đẹp chị Sương à. Chị xem tôi có phải là một người nội trợ lười biếng không nào?"

"Chị cũng đẹp chứ thua gì ai đâu."

"Chị cho thằng Ninh đi theo là tốt đấy. Con nít thỉnh thoảng cần được ăn ngon để có sức mà lớn."

Sương rùn vai. Nàng bậm môi, hóp má rồi đưa mắt nhìn quanh. Ở một góc phòng, nằm giữa hai chậu sứ đời Minh là một cây cao gần đến trần nhà bằng ngọc, lá được trau chuốt như những móng tay nhọn màu xanh lục. Ở góc kia có ba con voi bằng sứ để bên cạnh một cỗ tượng Phật.

Khoảng cuối thập niên 1960, Sương đã chọn Tuệ trong số những người theo đuổi Sương hồi đó, bởi vì Tuệ là người hiền nhất. Giống như Sương, Tuệ thuộc gia đình dòng giõi. Còn ông cựu bộ trưởng là con của một chủ tiệm máy thu thanh ở Sàigòn mới giàu sau này, trong khi gia đình bên vợ giàu có nhờ xuất cảng gạo sang các nước ở Đông Nam Á.

"Chị Sương, áo mua ở đâu mà đẹp thế? Giá bao nhiêu vậy?"

"Con trai chị ra sao," Sương lảng tránh.

Trong suốt buổi tiệc, Sương gặp lại nhiều người bạn đồng liêu cũ của Tuệ. Có người là bạn học ở Quốc gia Hành chánh, có người quen từ thời tiểu học, có người là bạn thuở ấu thơ. Không như Tuệ, những người này đã thoát ra khỏi Việt Nam trước ngày 30 tháng 4 năm 1975, trước khi Cọng sản tràn vào thành phố. Có Ngô Đạt, bạn từ thời thơ ấu, hồi còn chiến tranh làm việc trong ngành tình báo. Đạt có khuôn mặt chữ điền, đôi mắt nhanh nhẩu nhưng hơi thấp hơn Sương.

"Chị mạnh khoẻ không?" Một cách vô tình, Đạt cầm tay Sương định ôm choàng lấy nàng, nhưng Sương dãn ra. Ông ta hỏi thêm "Chị sinh sống ra sao?" Không thấy nàng trả lời, Đạt rút bóp, lôi ra tờ giấy $100 rồi đưa cho Sương. "Xin chị đừng từ chối," Đạt nói nhỏ.

"Không, không, tôi không nhận đâu," nàng vừa nói vừa lắc đầu. "Nếu có lòng giúp, anh hãy mua gì cho cháu. Một chiếc xe đạp, chẳng hạn. Tôi không thể nhận số tiền này." Nàng tránh không nhìn ông ta, trả tấm giấy bạc vào lòng bàn tay đẫm mồ hôi đến lạnh ngắt của ông.

Vì Đạt muốn gặp Ninh nên cả hai cùng bước xuống hầm nhà. Mấy đứa trẻ đang chơi bóng bàn hoặc chơi trò chơi điện tử Atari, mấy đứa khác lấy dây thun bắn vào đám con gái đang nhảy dây. Tiếng cười của trẻ con làm Sương vui lây và khiến cho nàng bớt thấy bối rối về chuyện vừa mới xảy ra. Nàng đảo mắt tìm con, rồi thấy trong khi bọn nhỏ chỉ cởi giày, Ninh lại cởi luôn cả tất. Hắn nằm ẹp xuống sàn chơi với thằng Hoàng, con trai của ông bà bộ trưởng.

Khi Sương và Đạt lại gần bọn trẻ, Hoàng nói: "Thôi mình chơi *Stratego* đi. Có bao giờ mầy chơi cái đó chưa?"

Hai mắt Ninh mở lớn quan sát. Hoàng mở chiếc hộp đựng rồi phân chia mấy con bài bằng nhựa thành hai màu xanh đỏ. "Chưa," Ninh trả lời, "Tôi chưa bao giờ chơi cái này."

"Chưa à. Trời đất, nhà mày là thứ nhà gì mà không có *Stratego*?"

Ninh cúi mặt xuống sàn. Sương nhìn thấy đôi chân trần của con và muốn bồng thằng bé lên để che cho nó. Nàng hắng giọng rồi nói, "Con, bác đây là bạn của ba con, bạn thân của ba đó."

Thằng bé ngẩng lên nhìn, một mắt nheo lại. Hắn đứng dậy, sửa người cho ngay ngắn rồi đưa bắt tay người đàn ông thật chặt.

Đạt nhìn chăm vào mặt thằng bé trong một đôi giây rồi nói,"Chị Sương, nó đã đẹp trai giống Tuệ rồi đó." Rồi đột nhiên, Đạt choàng tay qua ôm lấy Ninh trong khi hai tay thằng bé để lửng bên hông. Ôm xong, Đạt hỏi "Con nhớ ba con nhiều không?"

"Thưa bác, con nhớ chứ."

Sương biết là con đang nói dối, có lẽ để khỏi mất mặt hay để chấm dứt cuộc nói chuyện. Khi cả hai người bước lui để cho bọn trẻ tiếp tục chơi đùa, Đạt nói thầm với Sương. "Chị Sương, tôi biết điều tôi sắp nói sẽ chẳng giúp chị. Nhưng tôi vẫn hy vọng là Tuệ còn sống. Nếu bọn Cộng sản giết Tuệ, ít ra họ cũng gởi gấy báo cho bà cụ biết chứ. Chị Sương, Tuệ vẫn là người bạn thân nhất của tôi." Mắt Đạt long lanh, cằm bạnh ra, mặt Đạt đanh lại.

"Cám ơn anh," Sương nói.

Trong một lúc, cả hai đều im lặng.

"Chị Sương, Tuệ có viết thư cho chị thường không?"

Thay vì trả lời, nàng dán mắt nhìn con. Đạt hiểu ra. Ông đưa tay trái lên che miệng rồi thở dài ảo nảo khiến Ninh và Hoàng phải quay đầu lại nhìn.

Nghe có tiếng giày cao gót ở phía trái, Sương và Đạt cùng quay lại nhìn, và sau đó có giọng một người đàn bà, "Kìa anh. Đi tiệc mà bỏ vợ một mình là thiếu lịch sự đó nghe." Thân hình mập mạp và ăn mặc tầm thường, vợ Đạt ôm chầm lấy Sương một cách máy móc.

"Cưng ơi, em tự lo cho mình thì được rồi." Đạt trả lời. "Ở đây đâu có cộng sản rình rập mà sợ."

"Nhưng em đang đau," người vợ trả lời, miệng chu lại. "Anh có nhớ là em bị phong thấp không?" Người đàn bà đưa cao bàn tay lên ngang mặt chồng, vừa bóp mấy khớp xương vừa nghiêng tay đủ cho Sương thấy hai chiếc nhẫn hột xoàn lấp lánh."Úi chà, đau quá."

"Mong chị chóng lành," Sương vừa nói vừa nhìn Đạt, trong khi Đạt lẩn tránh không dám nhìn thẳng mắt Sương.

Gần cuối buổi tiệc, Sương ngồi cạnh bà cụ Ngàn thuộc dòng hoàng tộc ở Huế. Bà cụ hỏi thăm Sương về Ninh. "Dạ cháu nó cũng thường," Sương trả lời. "Thế nhưng thỉnh thoảng..." nàng ngừng nói, hai tay đan vào nhau, "Cháu nó vẫn không có bạn đá banh."

Bà cụ với tay qua cầm lấy tay Sương. "Này cô, cô đừng quên nhé."

"Thưa cụ quên gì ạ?"

"Chuyện Trương Sinh và Vũ Thị đó mà," bà cụ bóp chặt tay Sương.

Người đàn bà trẻ nhíu trán ra chiều bối rối. Chuyện kể Trương Sinh phải giã từ thê nhi lên đường chinh chiến.

"Cô còn nhớ kết thúc câu chuyện ra sao không? Không phải lúc người vợ tự tử đâu–trước nữa kia. Cô còn nhớ không?"

Bà cụ vuốt ve cánh tay Sương. "Trương Sinh trở về. Ba năm sau trở về với vợ và đứa ấu nhi."

Sương chớp mắt bốn lần rồi chậm chạp đưa tay lên vuốt tóc.

"Cô nên kể chuyện này cho cháu Ninh nghe," bà cụ nói tiếp. "Kể cho nó nghe trước khi ngủ."

Sương nghiêng người qua hôn nhẹ lên hai má bà cụ. "Cám ơn cụ," nàng nói nhỏ. "Cháu sẽ không quên đâu." Lúc đó, nàng như bị hương phấn trên má bà cụ làm cho nàng quên mất lớp học Anh ngữ, quên bà Schuller, quên hết cả chuyện tất con bị lủng, quên hết những lá thư nhà ngày ngày trông ngóng. Nàng lấy ngón tay đeo nhẫn vuốt lên sống tay, nghĩ đến chiếc nhẫn hột xoàn của nàng đã bị cách mạng tịch thu.

"Cám ơn cụ." Sương lập lại.

Đến giờ ăn tráng miệng, một người hầu gái mắt lé cầm nhọn bưng một khay chè đậu đỏ mời khách. Khi đi ngang qua chỗ Sương và bà cụ ngồi, cô vấp chân làm chè đổ xuống sát giày nàng.

Sương ngần ngại. Trong tích tắc, nàng giả vờ như không thấy cô ta, lúc đó đang quỳ gối, đôi lông mày nhíu lại. Bà vợ ông bộ trưởng chạy vội đến, tay cầm một cuộn giấy lau, rồi chùi thảm. Nghe tiếng la người hầu, Sương vội quỳ xuống sàn chùi giúp. Bà bộ trưởng nhìn Sương cười hể hả, nhưng người hầu cản lại: "Cô cứ để em chùi."

Nàng vói qua lấy giấy chấm khô vết chè trên giày cô hầu rồi nói "Không sao, để tôi giúp cô."

Tiệc tàn, Sương lấy áo khoác lên người, hai tay thọc sâu vào túi, cám ơn bà bộ trưởng và chào từ giả–nhưng nàng biết người mời nàng là ông bộ trưởng chứ không phải bà ấy–và nàng bảo với ông ta là nàng rất vui được mời đến dự tiệc. Ông gật đầu, rồi cúi xuống nhìn Ninh với đôi mắt trìu mến.

Sương nắm tay con, rồi hai mẹ con đi bộ đến chỗ xe taxi đang đợi, nằm lẫn giữa những chiếc BMW và Cadillac bóng lộn. Không khí về đêm đầm mùi lá cháy. Một cơn gió nhẹ thoảng qua làm tóc nàng bay loà xoà.

Vừa đóng cửa xe, nàng đã nghe tiếng thằng bé chỉ đường cho tài xế. Nàng hỏi con, "Tối nay con vui không?"

"Dạ vui mẹ. Hoàng nói hắn cho con mượn *Stratego*, và rủ con thỉnh thoảng đến nhà hắn chơi."

"Thật à. Nó cũng tốt với con đấy chứ."

Ninh gật đầu, mở to đôi mắt nhìn mẹ." Mẹ, Halloween này con giả trang làm ma hay làm Batman?"

"Làm Batman đi con," nàng đáp. "Mẹ sẽ mua cho con một bộ áo quần làm Batman." Nàng không muốn thấy con vận đồ trắng lên đầu.

"Đừng mua mẹ, đắt lắm," đứa bé trả lời, giọng nó hạ thấp xuống khi nói đến chữ cuối. Nó tựa người vào vai mẹ, nhắm nghiền đôi mắt, trong khi Sương lấy tay vuốt lên tóc con. Chừng hai phút sau, hắn lại mở mắt, "Mà mẹ mua cho con một bộ được không?"

Nàng gật đầu.

Từ đó, suốt chuyến xe về nhà, hai mẹ con đều im lặng.

Vào phòng ngủ, Ninh nằm chồm lên tấm nệm sờn rách mua *garage sale* hết $10. Tấm nệm của Sương cùng cỡ, đặt lên sàn che chỗ sàn gỗ nứt và xỉn màu. Thấy con ngủ ngon, Sương mới thay áo rồi rửa mặt chuẩn bị đi ngủ. Nàng đốt một nén hương, cúi đầu trước bàn thờ, trên có ảnh của ông nội và cha nàng. Trước khi tắt đèn, nàng nhìn tấm ảnh bán thân của

chồng để trên chiếc tủ áo. Đèn vừa tắt, mấy bức tường trần trụi giữ được chút ánh sáng trong vòng vài giây, sau đó trở nên đen sì. Sương ngã người lên nệm. Có tiếng kêu cót két, rồi sau đó im bặt.

Sáng hôm sau là Thứ Hai–ngày Halloween–Sương thức dậy từ lúc hừng đông làm việc nhà. Đến tám giờ, nghĩa là còn hai giờ nữa Sương mới phải đi học Anh ngữ ở trường Concordia, mọi công việc đã hoàn tất, chỉ còn mỗi việc dọn dẹp phòng khách. Trong phòng ngủ, Ninh đang thay áo quần đi học, miệng vừa hát "It's Alright to Cry" hắn học được trong một phim xem ở trường.

Sương ngừng quét, đến gần nơi phát ra âm thanh lánh lót của thằng bé. Hai tay nắm chặt chiếc chổi, nàng tựa người vào thành cửa rồi hát theo con những đoạn nàng còn nhớ.. Hát xong, Ninh cúi người xuống dọn dẹp giường ngủ rồi hát tiếp một bài khác Sương chưa hề nghe, đó là bài "Free to Be." Nàng chăm chú quan sát con, đôi mông nhún nhẩy theo điệu hát.

"Mẹ, coi mẹ đang khiêu vũ với cái chổi kìa," Ninh nói vọng ra.

Sương mỉm cười rồi cúi xuống nhìn đầu chổi bằng nhựa cứng đưới chân nàng.

Thằng bé kéo khoá chiếc áo khoác. "Mẹ, trưa con về," hắn nói. "Hôm nay chỉ học nửa ngày, mẹ nhớ không?"

"Đừng quên cặp," nàng vừa nói vừa đưa chiếc túi đi học cho con.

"Ồ, đúng rồi, Cám ơn mẹ." Khi ra tới cửa trước, hắn còn dặn thêm, "Mẹ nhớ mua áo Batman cho con."

"Chiều nay mẹ mua." Bước chân của thằng bé dậm nhịp nhàng lên mấy bậc thang trước nhà. Sương giữ cửa mở lớn, đứng yên lặng nghe tiếng chân con cho đến khi âm thanh tắt hẳn. Rồi nàng đóng cửa, tưởng tượng ra cảnh con bước thoăn thoắt đến trạm xe buýt ở góc đường Grove và Pleasant. Nàng mong con nhìn trước ngó sau mỗi khi băng qua đường!

Còn lại một mình, Sương bước vào phòng ngủ, đến chiếc bàn thấp kê đầu giường lấy cuốn tập và sách học Anh ngữ. Trên bàn là chút gia sản cuối cùng sau khi nàng thoát khỏi Việt Nam: mấy tấm hình đen trắng chụp hồi còn thơ ấu, và ảnh gia đình lúc còn ở Việt Nam. Mấy tấm ảnh quăn queo nhầu nát vì bị thấm nước biển Nam Hải trong lúc vượt thoát, giờ được gói ghém cẩn thận trong một chiếc bao ni lông.

Sương mở sách đến trang bảy mươi lăm, bài học về thể điều kiện. Bài tập buộc nàng phải đặt 10 câu dùng thể "if/then." Nàng đã làm xong từ thứ ba tuần trước, nhưng bây giờ nàng cần ôn lại, và tập nói cho đúng giọng. Tay cầm sách, nàng đi lui đi tới trong phòng khách, miệng đọc lớn.

"*Nếu đói thì tôi mở tủ lạnh tìm thức ăn.*"

Nàng bước về phía nhà bếp như để thực hành câu đầu tiên. Tủ lạnh

sạch sẽ ngăn nắp nhưng chẳng bao giờ đầy: mấy bắp cải, một ổ bánh mì, ít thịt nguội ăn trưa, một bình sữa đậu nành. Có lần nàng nghe tiếng Ninh ở trong nhà bếp nói với Danny bạn của hắn, "ồ, tại vì tuần này mẹ tao chưa đi chợ nên chẳng có gì. Thôi lại ăn ở nhà mày vậy."

Câu hai: "*Nếu khát, tôi sẽ tìm thức uống, có lẽ là sữa đậu nành, vì đó là thức uống chồng con tôi thích.*"

Đặt sách lên quầy, nàng rót cho mình một ly sữa đậu nành rồi tựa người vào cửa tủ lạnh. Nàng vừa định ngã đầu ra sau uống hết ly sữa, nhưng ngay lúc đó những lời của Ninh đã làm nàng nhức nhối.

Sương đảo mắt nhìn quanh bếp. Trên chiếc lò nấu chẳng thấy có song chảo gì, cuộn giấy lau đã hết cần phải thay, đĩa ăn có hai chiếc bị nứt. Nàng với tay lấy chiếc hộp *corn flake* nằm trên tủ lạnh rồi lắc: chỉ có tiếng lẹc xẹc của một ít ngũ cốc sót lại bên trong, nghe như tiếng một con chuột cuống cuồng chui vào lỗ vách–và Sương rùng mình. Nàng đặt ly sữa xuống quầy. Hai tay ôm trước ngực. Nếu con nghĩ mình không làm tròn bổn phận làm mẹ thì sao? Nếu thật sự nàng không lo cho con đầy đủ, liệu thằng bé có cảm thấy xấu hổ về mẹ nó không?

Nàng quyết định đặt thêm câu thứ 11, rồi lấy cuốn tập và chạy ngay vào phòng ngủ. Nàng sục sọi quanh chiếc bàn đầu giường tìm cây viết. Nàng không màng gì đến chuyện viết có đúng văn phạm hay không. Nàng viết thật nhanh. Cuống cuồng. *Nếu con tôi đói, tôi phải cho nó ăn.* Câu thứ 12. *Nếu con tôi hổ thẹn về tôi, tôi sẽ nói cho con biết là tôi đã cố gắng hết sức, cố gắng vô cùng.* Tay nàng lạnh đi và khi nàng viết, đôi tay run run.

Nàng đưa mắt nhìn xuống chiếc giường của Ninh, nhìn chiếc chăn đã sờn rách. Câu thứ 13: *Nếu tôi làm việc cật lực, sẽ có ngày tôi sắm được cho con một chiếc giường có trải ra Orioles, đẹp như giường ngủ con trai ông bà chủ của tôi, và mua cho con tôi một bộ đồ chơi có hai màu xanh đỏ.*

Ngẩng lên nhìn lén qua tấm ảnh của Tuệ, nàng viết thêm một câu khác: *Nếu chồng tôi ở cạnh tôi hôm nay, đời tôi sẽ hạnh phúc hơn và bớt nhọc nhằn hơn.*

Nàng ngừng viết, hai tay úp lên mặt. Câu thứ 15: *Nhưng nếu tôi có làm việc cật lực trong vòng năm năm tới, lúc đó con tôi lớn rồi đâu còn đòi mua áo Batman, đâu còn đòi đồ chơi nữa.*

Nàng nhìn thẳng vào đôi mắt Tuệ rồi hét to lên: "Còn anh, nếu anh không làm chính trị thì ngày hôm nay anh đã ở bên em. Nếu mình quyết định ra đi hồi 1975 thì hôm nay em đâu phải sống khổ sở như thế này, con anh khỏi phải xấu hổ vì mẹ nó không sắm nổi áo quần đẹp, em phải ngủ

một mình, đêm đêm đôi chân em giá buốt." Đó là lần đầu tiên nàng nói tiếng Anh với Tuệ.

Phòng ngủ giờ có mùi ẩm mốc. Nàng đứng yên, tay cầm tập vở và cây viết, chờ đợi–hai môi bậm chặt, mắt chăm nhìn đôi mắt chồng trong tấm ảnh như chờ đợi một câu trả lời. "Em nói đúng phải không Tuệ. Hãy trả lời em."

Vài phút sau, nàng vẫn chờ đợi. Nàng liếc nhìn đồng hồ trên tay. Nàng vuốt lọn tóc ra sau. Có tiếng thở dài, nàng bước về phiá cửa sổ, đứng lặng lẻ đếm số xe chạy ngang qua ở bên dưới. Xe màu vàng, màu xám, màu đen, màu trắng, rồi lại một chiếc màu đen. Mấy chiếc xe này đang chạy đi đâu nhỉ, nàng tự hỏi. Ai là những người hạnh phúc ngồi trong những chiếc xe kia? Đếm được mười chiếc, nàng quay lưng về phiá cửa sổ, rồi nhìn xuống chân, nhìn chiếc hộp giấy đựng áo của Lord & Taylor, đang mở tênh hênh.

Ninh đi học chưa về nên nàng không phải lo. Nàng lôi lớp giấy bọc có bong bóng từ trong hộp ra, trải thẳng và soát lại lần nữa cho chắc tờ hoá đơn vẫn còn trong hộp. Nàng nhanh nhẹn với tay lấy chiếc áo trên móc, vuốt cho thẳng rồi xếp cho có lằn. Lúc lấy cây bút nỉ màu đen chuẩn bị viết lên mặt thùng "Trả lại người gởi," nàng mới khám phá ra ve áo đã dính chè đậu đỏ tối thứ bảy.

Nàng biết là sẽ không trả áo lại được. Hay ít ra cũng phải đem đi giặt tiệm, nhưng thế nào rồi mấy người làm ở Lord & Taylor họ cũng nghi. Tốn thì giờ rồi đây, nàng biết là phải xin phép bà Sheuller nghỉ làm mấy tiếng. Nàng bậm môi, nhắm mắt cố gắng cưỡng lại ý định gởi trả chiếc áo. Hồi mới đến Mỹ, nàng yếu đuối hơn bây giờ, và thường hay chùn lòng. Trong những lúc đó, khi nào thấy hết sức bối rối trước một việc gì khó, nàng đợi đến lúc con đi ngủ, rồi vào phòng tắm, khoá cửa, lặng lẽ lấy tay úp mặt khóc, hoặc lấy khăn chận tiếng nấc cốt sao cho Ninh không nghe. Nàng sợ nếu để cho con nghe nàng khóc, thằng bé sẽ coi thường hay mất tin tưởng vào mẹ, trong thời gian hai mẹ con vừa đặt chân đến Mỹ.

Sương ngồi lên nệm, hai đùi co lên ngang ngực. Chiếc hộp rỗng và chiếc áo dơ đang nằm trước mặt. Nàng cắn môi - bởi lúc đó nàng lại nghĩ đến những giờ làm thêm: hút bụi tấm thảm da beo trong phòng khách, quét bụi trên chiếc đàn dương cầm Baldwin, lau chùi cửa sổ, xếp đặt áo quần của mấy đứa con chủ; nàng nghĩ đến bà vợ ông bộ trưởng, vợ Ngô Đạt, nghĩ đến cuộc sống của họ và những gì họ được cung phụng, nghĩ đến việc chẳng thể nào nuốt cho nổi thứ tiếng kỳ quặc mà mỗi lần nói phải uốn trẹo cả lưỡi; nghĩ đến căn nhà có sàn gỗ kêu cót két như tiếng thuyền vượt biển bập bềnh trên đại dương hai tuần trước khi đến Mã lai;

nghĩ đến những tên hải tặc Thái, cảnh Ninh hoảng sợ níu chặt lấy nàng khi nhìn thấy mấy tên cướp mở miệng cười để lộ những hàm răng vàng bẩn, nhớ đến lúc bọn họ tẩm dầu xăng vào thức ăn để con nàng phải thều thào kêu đói trong khi hai môi thằng bé đã khô nứt, bụng xép lẹp đến nỗi gần sút cả quần, "Mẹ, con đói quá, Mẹ con đói quá." Nàng nghĩ rằng đời sống ở Mỹ tự nó dễ dàng–phải dễ hơn chứ–mấy bà mẹ khác lo cho con đủ ăn, có áo quần đẹp, có đồ chơi xinh không mấy khó khăn.

Sương cắn mạnh vào môi dưới và chỉ ngưng lại khi thấy môi mình sắp bật máu. Nàng nằm kê đầu lên gối, và trong lúc thiếp dần vào giấc ngủ, nàng tự bảo: thôi vắng học bữa nay cũng được, chỉ bữa nay thôi.

Khoảng trưa, Ninh đánh thức nàng dậy. Thằng bé lắc mạnh vai mẹ, vừa nói vừa khóc. Nàng ngồi thẳng người trên nệm, hai tay ôm đầu con.

"Nói chậm chút đi con, mẹ nghe không kịp."

"Tụi nó chọc con mẹ ơi." Thằng bé vừa nói vừa mếu máo. "Hắn thấy tất con bị lủng một lỗ, lúc tập thể dục–thằng Dick McBride– *rồi hắn còn* chê là con không có áo quần mặc Halloween. Thằng Jeremy Nutley còn nói thêm là con đâu cần phải hoá trang làm gì, làm một thằng tị nạn nghèo ăn mặc như vậy là đủ rồi, đâu cần áo quần gì khác!

"Tội nghiệp con tôi," nàng nói, rồi kéo thằng bé lại sát người, đầu nó áp vào ngực nàng. "Kệ nó con à." Nàng vẫn giữ chặt thằng bé trong lòng. "Vậy thầy giáo có la rầy gì chúng không?"

"Ông thầy dạy thể dục mập ú đó mẹ. Ông còn cười theo với bọn nó. Ai cũng cười, chỉ trừ thằng Danny." Thằng bé lấy tay quẹt nước mắt.

Nhìn thẳng vào mắt chồng, Sương nói "Tuệ ơi, anh ở đâu? Hãy giúp em đi Tuệ." Nàng muốn chiếc ảnh bán thân đó trở thành một người sống, đôi môi bất động kia sẽ thốt lên những lời khuyên. Nàng muốn chồng lìa bỏ cái thế giới đen trắng láng lẫy im lìm kia *để trở về với nàng*. Nhưng tấm ảnh vẫn im ỉm, bất động.

Nàng bế con lên rồi đi vào phòng tắm. Nàng lấy khăn ướt lau mặt con. Đôi mắt thằng bé sưng húp, đỏ ửng khiến cổ họng nàng như bị nghẽn lại. Tóc thằng bé vẫn đẫm mùi mồ hôi và mùi nắng. Nàng nghĩ đến việc kể cho con nghe lại những chuyện về ba nó, nhất là cách ba nó chịu nhục như thế nào, nhưng không thốt được *một lời, dù là bằng tiếng Việt*. Vừa lau mặt cho con, nàng vừa nghĩ đến những trạm xe buýt.

Sương không muốn rồi đây có ngày bừng mắt hoảng hốt nhận ra: "Trời, con mình đã lớn tự hồi nào. Bấy lâu nay thì giờ của mình để đâu?– trong khi phần lớn thì giờ của nàng lại dành cho lớp học Anh ngữ ở Concordia hay chùi dọn nhà bà Schuler. Nàng thường đón Ninh ở trạm xe búyt mỗi khi con đi học về. Việc đưa đón *cũng đã khiến cho thằng bé bắt*

đầu cảm thấy bối rối. Nó bảo, "Mẹ, con đã lên lớp ba rồi mà"–nhưng trước sự khẩn khoản của nàng, thằng bé chịu cho mẹ đón ở trạm xe. Nàng thích đứng nhìn chiếc xe búyt từ từ hiện ra ở góc đường, giảm dần tốc độ rồi ngừng hẳn, trong khi tấm bản Stop ở bên hông xe từ từ bung ra. Rồi sẽ thấy thằng bé từ trong xe bước ra miệng cười tươi, chiếc túi xách mang đằng sau lưng trông như một nhà phi hành. Nhưng hôm nay nàng đã không ra đón con như thường lệ. Và nàng nghĩ lung lao, giá như nàng mua cho con bộ đồ Batman thì đã chẳng có chuyện xảy ra. Chiếc tất lủng cũng là lỗi tại nàng.

Sương thở dài, nuốt nghẹn. "Mẹ nghĩ ra cái này," nàng vừa nói vừa gượng cười. "Con hãy quên mấy chuyện đó đi. Chẳng nhằm nhò gì Ninh à. Chỉ là lời nói thôi con, bọn nó nói gì mặc kệ. Mẹ con mình sẽ làm chuyện khác vui hơn."

"Làm gì mẹ?"

"Mình đi mua bộ đồ Batman bây giờ."

"Không, con không thích nữa," thằng bé vừa nói vừa dậm mạnh chân. "Mẹ mấy đứa Mỹ đã mua áo quần cho tụi nó từ tuần trước kia, sao mẹ không mua cho con?"

"Con, mẹ xin lỗi. Mẹ đâu có biết. Mẹ bận."

"Mẹ lúc nào cũng bận!"

Nàng chùn người lại rồi đưa mắt nhìn đôi bàn tay. "Mẹ xin lỗi. Chỉ có mình mẹ lo toan. Mẹ cố gắng...."

"Mẹ đợi họ hạ giá mới mua hay sao?"

"Không, thật tình mẹ không biết là trẻ con phải hoá trang đến trường." Nàng ngừng nói một lúc, ra chiều suy nghĩ. "Nhưng mà này con, mẹ có ý kiến khác."

"Con ghét nước Mỹ!" thằng bé vừa la vừa nhíu đôi chân mày.

"Để mẹ đền bù cho con."

"Cách nào?"

"Con đợi chút đi," nàng nói nhỏ.

Sương nhặt chiếc áo trắng lên rồi vung mạnh cho áo trải rộng ra như một tấm trải giường. Nàng bảo con đợi ở bên ngoài, đôi mắt nó tròn xoe ngạc nhiên. Thằng bé bước ra, vừa đi vừa ngoái đầu lại nhìn một lần cuối.

Nàng lấy kéo, chiếc thước dây, kim chỉ. Trong lúc đó, thằng Ninh đi lui đi tới trong phòng khách. "Xong chưa mẹ?" cứ mỗi năm phút nó lại hỏi, tay gõ vào cửa phòng ngủ.

"Con đang nóng ruột lắm phải không?" Sương đáp.

"Không phải con đâu mẹ. Ai đấy chứ không phải con dâu. Chắc thằng Ninh nào trên trời rơi xuống đó mẹ," nó vừa nói vừa cười khúc

khích, rồi lại tiếp tục đi lui đi tới.

Bốn mươi phút sau, nàng đưa cho con chiếc áo hoá trang làm ma trông rất giống ma hơn bất cứ cái gì. Đôi mắt không những chỉ cắt trống ra mà còn được khâu viền cẩn thận. Sương còn khâu thêm cả những vết sẹo, vệt máu vào mặt ma nữa kia, lại còn cả đôi chân mày trông ghê rợn vô cùng.

"Trời, giống quá mẹ ạ." Ninh nhãy cỡn lên sung sướng. "Hết sẩy!." Sàn nhà gỗ lại kêu cót két.

Nàng nhỏ nhẹ bảo con thử ướm vào người. Lớp lụa mềm chạm vào chiếc ngực trần của thằng bé cho nó một cảm giác mềm mại, mát dịu khiến nó nhe răng cười.

"Chưa hết đâu con, mẹ sẽ đi *trick-or-treat* với con tối nay nữa đó."

"Được, nhưng mẹ sẽ hoá trang làm gì?"

"Mẹ chưa biết," nàng trả lời, trán nhíu lại. Nàng cảm thấy già nua và hơi kỳ cục. "Chắc mẹ sẽ không hoá trang."

"Mẹ phải hoá trang. Nếu không con đi với thằng Danny."

Nàng nghĩ đến những kiểu cách nàng có thể hoá trang. Ngưng một lát, nàng nói, "Mẹ sẽ mặc áo dài, hoá trang làm người đàn bà Việt Nam."

"Không được đâu mẹ. Mẹ phải hoá trang làm một người gì có vẻ ghê ghê kia. Hoá trang làm một người gì hoàn toàn khác ngày thường mới được."

"Hay mẹ mặc bộ áo quần mẹ vẫn mặc đi làm vậy. Đâu có phải ngày nào mẹ cũng đi chùi dọn cho người ta đâu?"

"Mẹ–" mặt thằng bé ngẩn ra như vừa bị mẹ đánh. "Không, không, mẹ đừng mặc bộ đồ đó. Mẹ phải làm một người gì hoàn toàn mới kia."

"Được, để mẹ nghĩ xem." Nàng nhìn chăm vào mắt con. Đằng sau chiếc áo giả làm ma là đôi mắt của Ninh,– cũng là mắt của chồng– đang ló ra nhìn nàng. Nàng quay qua nhìn tấm ảnh bán thân của Tuệ nằm bất động trên mặt tủ. Một mảnh vải dính chè nằm vương trên sàn. Nàng nghe tiếng tim mình như đang đập nhịp theo tiếng chuông mõ đám tang.

Nàng bậm môi rồi lấy chiếc kéo cắt một dung vải lớn bằng dung vải bị vấy chè, môi nàng run run nên nàng quay lưng về phía Ninh. Nàng chầm chậm quấn dung vải trắng như tuyết lên quanh trán rồi cột lại thật chặt. Nàng úp hai tay lên mặt, nhưng rồi lại tự bảo: phải mạnh dạn mới được.

Quay lại nhìn con, nàng bảo, "Này con, mẹ hoá trang như thế này."

Thằng bé ngẩng lên nhìn, thấy dung vải trắng nổi bật trên mái tóc đen, mặt nó trở nên nghiêm nghị.

"Mẹ làm goá phụ."

Thằng bé im lặng một lúc. Nó quay qua nhìn, mặt cúi xuống, rồi lại quay qua nhìn tấm ảnh của cha nằm trên tủ. Nó đưa tay lên miệng cắn. Cuối cùng, hắn nói nhỏ, "Con không muốn mẹ làm goá phụ đâu."

"Nhưng giờ thì mẹ là goá phụ mà. Mặc dầu mẹ không hoá trang làm một kẻ điên khùng hay kỳ quặc, nhưng nhân ngày Halloween, mẹ lại muốn làm goá phụ. Con cho mẹ phá lệ một bữa đi, nghe con."

"Nhưng–nhưng ngày Halloween chỉ cốt cho vui thôi mà mẹ."

Sương nuốt nghẹn và trả lời, "Chỉ cần con vui là được." Nàng nói nhỏ đến nỗi không còn nghe được cả tiếng mình nói.

"Nhưng," thằng bé thì thầm, "sang năm rồi mẹ làm goá phụ được không?"

Nàng quỳ xuống sàn rồi nhìn thẳng vào mắt con," Con cứ vui đi. Con có áo đẹp rồi kìa." Như sợ rằng mình sẽ làm hỏng một đêm vui của con, nàng nói thêm. "Hay là ngày mai mẹ gỡ khăn ra, chịu không?"

Thằng bé gật đầu, mặt rạng lên.

"Này con," Sương vừa nói vừa cầm lấy tay con. "Con có buồn vì không có bộ áo làm Batman không?"

"Không đâu mẹ," thằng bé trả lời, tay vuốt lên chiếc áo lụa. "Cái áo này còn hay hơn nữa kia."

"Vậy thì mẹ cũng sẽ rất vui trong ngày Halloween này," nàng vừa nói vừa cắn môi. Nụ cười trên môi nàng méo xệch.

Nàng đứng dậy, lấy tay phủi mông dù chẳng có bụi dơ, rồi bảo con ra ngoài đợi. Nàng nói với con là còn phải dọn sạch mấy vụn vải và chỉ thừa. Nàng lắng nghe tiếng chân con gõ nhẹ lên sàn nhà. Khi nghe tiếng cửa phòng ngủ đóng lại, nàng bước về phiá chiếc tủ. Nàng ôm lấy chiếc ảnh bán thân của Tuệ, đợi cho tay mình hết run rồi nâng cao tấm ảnh lên ngang mặt. Tấm kính tuy bụi bặm nhưng cũng để lại trên môi nàng một cảm giác mát dịu. Nàng nâng tấm ảnh của chồng lên cao, cao hơn, rồi đặt bên cạnh tấm ảnh của cha nằm đằng sau đĩa cam giữa hai chân đèn nến đỏ.❐

© English orginal copyrighted by Khoi T. Luu. Vietnamese translation copyrighted by Thạch Hãn.

Trời cuối năm ở Issaquah

TRẦN MỘNG TÚ

Tôi đi giữa một không gian mầu xám
Những hàng cây không lá đứng lạnh căm
Trời cuối năm bão ghé vào thành phố
Tôi cuối năm buồn ghé nỗi tôi thầm

Tôi đi theo dòng đèn xe đỏ quạch
Đưa tôi đi nào tôi biết đi đâu
Tôi đã lạc từ hai mươi năm trước
Như dòng sông tôi rẽ một nhánh sầu

Cũng có lúc tôi lăn trên mặt đất
Nhặt lên từng cọng cỏ chuyện trò
Cỏ với tôi không cùng chung ngôn ngữ
Nên tôi như con dế nhỏ buồn xo.

Cũng có lúc tôi hôn lên vách núi
Đứng lặng yên nghe tiếng núi thầm thì
Quên bẵng mất đá vốn tình lạnh lẽo
Nên tôi dành ôm mặt ngậm ngùi đi

Cũng có lúc tôi chạy xô ra biển
Vốc lên từng nắm cát lạ làm thân
Cát dửng dưng theo kẽ tay trôi mất
ôi bên kia biển có nhớ tôi không

Trời cuối năm bão ghé vào thành phố
Tôi cuối năm buồn ghé nỗi tôi thầm.

NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH TRANG



Nguyễn Phương Quỳnh Trang đến Mỹ năm 1975, lúc cô vừa lên hai tuổi. Sinh sống tại Orange County cùng bố mẹ và em trai, Quỳnh Trang hoàn tất chương trình trung học tại Costa Mesa High School, sau đó theo học ngành American Studies tại Đại học Stanford và tốt nghiệp năm 1994. Hiện tại, cô đang phục vụ tại Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ ở Hoa Thịnh Đốn và dự định trở lại đại học để hoàn tất chương trình cao học về Education Policy. Bất kỳ ở nơi dâu, cô hoạt động tích cực trong cộng đồng Việt Nam, nhất là những sinh hoạt liên quan đến thanh thiếu niên như gây quỹ xây dựng Trung Tâm Thanh Niên Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn, giảng dạy tiếng Việt cho các em thiếu nhi Việt Nam ở San Jose, Trung Tâm Việt Ngữ Hồng Bàng ở Orange County, và đã tham gia soạn thảo 6 cuốn sách giáo khoa Việt Ngữ dùng tại trung tâm này.

Quỳnh Trang bắt đầu viết văn vào những năm theo học đại học, và vẫn tiếp tục trong suốt bốn năm qua. Sáng tác của cô đã được đăng tải trong nhiều tạp chí như Bách Việt, Non Sông, Horizons. *Ngoài ra, cô còn là tác giả công trình nghiên cứu về cộng đồng Việt Nam tại Mỹ, nhan đề*

The Vietnamese American Community: A Statistical and Political Perspective, *do Southeast Asia Resource Action Center xuất bản năm 1994.*

Quỳnh Trang nói và viết tiếng Việt rất thành thạo, mặc dù khi đến Mỹ cô chỉ mới hai tuổi. Ngoài các sáng tác bằng Việt Ngữ, Quỳnh Trang còn sáng tác bằng Anh ngữ, mà truyện ngắn "Anh Hai" dưới đây chứng tỏ khả năng sử dụng ngôn ngữ, óc quan sát và sức cảm thụ những mảnh đời bất hạnh qua đôi mắt vô cùng nhân ái.

Anh Hai

Nguyễn Phương Quỳnh Trang

Toàn kéo chiếc cơ thọc bi da lùi về sau, rồi thúc mạnh tới trước bằng một động tác vừa nhanh vừa nhuyễn. Năm quả banh bắn tung toé, va vào mép bàn rồi ngưng cách lỗ góc chừng vài phân.

"Mở banh khó thế," Vũ vừa nói vừa khom người trên bàn, nhắm các trái banh rồi thọc mãnh chiếc cơ. Cả tám quả banh đều rơi vào lỗ, dội một tiếng thịch. "Xong một bàn." Hắn đứng thẳng người, nhìn người anh nuôi, mở miệng cười tươi. "Thế là bốn bàn tiếp rồi nghe *anh hai*. Anh còn muốn chơi nữa không?"

Vũ gọi Toàn là *anh hai*, như những đứa khác trong băng *Bụi đời*, một nhóm băng đảng Việt Nam ở trong quận. Toàn, tên đầu đảng, là người chịu trách nhiệm cho hơn khoảng bốn mươi thiếu niên hư hỏng–con số này vẫn thay đổi mãi–những người mà cảnh sát địa phương xem là những thành phần "nguy hiểm, gây nguy hại cho xã hội." Thực ra, băng *Bụi đời* khác hẳn với những băng đảng khác. Chúng không trộm cướp, không khảo của, trong khi một vài băng đảng Việt Nam khác được tổ chức chu đáo hơn và phạm nhiều hình tội hơn. Bụi đời là một nhóm thiếu niên cô đơn, không biết làm gì cho hết giờ nên phải tìm cho ra một chỗ để đàn đúm. Bọn chúng chỉ ăn cắp vặt, phá phách, thỉnh thoảng cạy mở lấy radio trên xe. Chúng tiêu phí thì giờ trong các tiệm bi da, quán cà phê, phòng trà, nhởn nhơ, nhưng hay tìm cách đánh lộn. Đối với chúng, cái tên bụi đời nói lên cá tính của chúng–kiên cường, sống ngoài lề, và chỉ trung thành với đứa khác trong nhóm. Đối với những người khác, *bụi đời* ám chỉ những tên bất hảo, làm xấu mặt cộng đồng người Việt ở Mỹ.

"Đ. mẹ mày, sắp banh đi," Toàn đáp. Hắn để chiếc cơ bi da tựa vào

thành bàn rồi thọc tay vào túi áo. Hắn lấy một điếu thuốc, châm lửa rồi kéo một hơi.

"Anh có chắc không?" Bọn đàn em sẽ trố mắt lên khi thấy em hạ *anh hai* năm ván tiếp..." Vũ nói, vẫn giữ nét đùa nghịch trên mặt.

"Im đi, sắp banh cho tao, thằng khốn."

"Mà anh này, giờ cũng đã gần một giờ sáng rồ..."

Toàn phóng một tia nhìn lạnh lùng về phiá thằng em. Vũ dang hai tay lên không.

"Thôi được, anh muốn vậy cũng được." Hắn vừa cười vừa thu banh, hai tay hoa hoa. Hắn lấy chiếc khung banh ra khỏi bàn, rồi cúi người, "Mời anh trước, *anh hai*..."

"Thằng lõi con," Toàn lẩm bẩm. Hắn bôi phấn lên đầu cơ. "Mày cứ ba hoa như vậy có ngày có đứa nó hài tội mày nghe không thằng nhóc." Hắn kéo thêm một hơi thuốc. "Tao chẳng cứu mầy nữa đâu." Hắn bỏ viên phấn xuống, thổi nhẹ lên đầu cơ, làm bay lớp phấn thừa.

"Đừng lo cho em, *anh hai*." "Em tự lo lấy thân được mà."

Mầy tự lo lấy thân được sao? Mầy nói đùa đấy chứ. Không có tao giờ này mày đã mất mạng rồi còn gì. Ai đem mầy về nuôi lúc mầy mới đến Mỹ ba năm về trước, không một xu dính túi? Ai cho mày chỗ ăn chỗ ở để mầy học hết trung học, rồi lại đi kiếm việc làm? Vậy mà mầy nói mầy có *thể tự lo lấy thân* được sao? Ai đem mầy ra khỏi tù lúc mày bị nhốt vì tội say rượu mà lái xe, lại chẳng có bằng? Và ai đã cứu mầy mỗi lần mầy và bọn nhóc đàn độn đánh lộn với những đứa mà mầy biết là không địch nổi?Vũ quá ngây thơ. Không có Toàn, hắn không sống quá một tuần.

Toàn, trái lại, già trước tuổi. Ở số tuổi 22 thì hắn chỉ lớn hơn thằng em nuôi có bốn tuổi. Thật ra, nhiều đứa trong bọn có đứa còn lớn tuổi hơn Toàn. Nhưng Toàn lại có một cuộc đời vất vả hơn, nên lấy kinh nghiệm sống bù đắp vào số tuổi.

Toàn di cư sang Mỹ năm 1981 cùng với Bác Định,một người bác họ xa. Cả cha lẫn mẹ hắn chết hồi còn chiến tranh, bà nội dùng số tiền dành dụm suốt đời đâu được chừng 3000 đô la mua cho thằng *cháu nội một chỗ* trên ghe vượt biển. Hắn cùng gia đình Bác Định chất lên một chiếc ghe nhỏ, thứ ghe không thể chịu nổi mặt biển quá một ngày. Sau một tuần chen chúc, thiếu ăn, nhiều người bị chết, chiếc ghe may mắn được một chiếc tàu hàng Hoà lan cứu vớt, rồi đưa đến Thái Lan tống vào trại tị nạn. Đời sống trong trại cũng chẳng khá hơn gì. Chật chội, dơ dáy, thiếu ăn. Sáu tháng sau, Toàn và gia đình người bác họ đặt chân lên *đất Mỹ, không*

biết tương lai sẽ đi về đâu.

Bác Định hứa là sẽ nuôi nấng Toàn cho đến khi Toàn lên đại học. Nhưng rồi hắn chỉ sống với gia đình người bác họ cho đến năm 15 tuổi. Lúc đó Bác Định khước từ, "Bác còn phải lo cho gia đình nữa. Bác không thể nuôi thêm cháu nữa, bác rất tiếc."

Hừ, Bác ơi, cháu cũng rất tiếc. Cám ơn bác. Chẳng làm gì nhưng cũng vẫn cám ơn.

Từ đó, Toàn sống với bạn bè, thuê lại phòng trong nhà của họ. Gia đình họ không phản đối, vì hầu hết họ cũng là những người mới đến định cư đang cần tiền, dù đó là tiền của một thằng bé 15 tuổi. Ban ngày Toàn đi học, chiều tối đi làm kiếm tiền trả tiền nhà. Lúc đó băng Bụi đời vừa mới thành hình, gồm một số thiếu niên trong xóm. Ban đầu chỉ có một vài đứa tụ tập với nhau, làm những chuyện mà bọn trẻ thường làm mỗi khi chúng thấy nhàm chán. Dần dà, băng này càng ngày càng đông, biến thành một thứ gia đình. Đối với nhiều đứa trong nhóm, đây chính là gia đình duy nhất của chúng.

Trong vòng hai năm, băng này càng có thêm người và có quy củ hơn. Toàn trở thành đầu đảng. Hắn luôn có mặt mỗi khi bọn trẻ cần đến hắn. Hắn vừa trông chừng chúng, vừa chăm sóc giúp đỡ bọn trẻ mỗi khi chúng cần. Hắn cho tụi trẻ tình thương và sự nuôi nấng mà hắn không có, ngược lại bọn trẻ mang lại cho hắn thứ tình thân nồng ấm mà từ lâu hắn thiếu mất trong đời. Nhóm trẻ trong băng Bụi đời yêu thương và kính trọng hắn, và bất cứ đứa nào trong bọn cũng sẵn sàng chết vì hắn nếu cần.

"Ừ, được rồi thằng nhóc. Mầy đâu cần ai. Tao chỉ là con vũ nữ không hơn không kém." Toàn đặt trái banh lên bàn, chuẩn bị mở banh. Lúc cúi người xuống nhắm, hắn cảm thấy có một bàn tay ai đặt lên vai phải của mình.

"Đi thôi *anh hai*," giọng thằng Quang lên tiếng. Quang là bạn thân của Vũ và cũng là một tên trong băng.

Toàn không quay lại. Hắn chú tâm vào trái banh. "Chưa đi được đâu mầy."

"Ra khỏi chỗ này ngay," giọng Vũ vang lên, cấp thiết.

Toàn đứng thẳng người rồi quay qua nhìn thằng em nuôi. "Đụ mẹ chuyện gì vậy mầy? "Tụi bây muốn đi thì cứ đi. Tao sẽ theo tụi bây sau," hắn gắt gỏng.

"Có sáu thằng *Hổ điên* ngồi bàn bên kia kìa." Quang nói nhỏ, đầu nghiêng về phiá phải. *Hổ điên* là một băng đảng khác đang tranh chấp với

băng *Bụi đời*. "Em không biết bọn nó đến đây làm gì, nhưng mình nên đi thôi."

Toàn liếc mắt về cùng hướng. Quang nói đúng. Bọn chúng đang ngồi ở chiếc bàn kê sát góc, uống bia, cố giấu tông tích. Nhưng những vết xâm trên cổ tay trái của chúng đã tố cáo chúng. Đứng xa nên Toàn không thấy rõ hình xâm, *nhưng hắn biết chắc đó là hình con cọp nhỏ*. Hắn cũng ngạc nhiên tại sao mình đã không nhận ra được một đứa nào trong bọn.

"Đồ khốn." Toàn lẩm bẩm. "Kệ mẹ tụi nó." *Chúng tưởng mình là hách. Tụi nó đến thì đến chứ ai thèm để ý. Coi bộ dạng chúng làm ra vẻ ngon lành kia.* Toàn đánh vỡ nhóm banh rồi nhìn những quả banh lăn khắp bàn. Không một quả lọt xuống lỗ. "Phiên mày, Vũ," hắn nói, giọng bực bội.

"*Anh hai...*"

"Đây là đất của mình. Bọn chúng đang ở trên đất mình mà," Toàn trả lời. "Đánh đi."

"Mẹ kiếp," Vũ nói nhanh, thở hổn hển. "Thằng mặc đồ xanh là Peter, bồ cũ của con Uyên. Tụi em gặp hắn tuần rồi ngoài thương xá. Hắn bảo nếu con Uyên không chịu về với hắn, hắn và đồng bọn sẽ phá tan cửa tiệm của bố Uyên. Tụi em đánh lộn với nó, em đá đít nó mấy cái." Trong giọng nói có chút kiêu hãnh.

"Khốn nạn!" Toàn đưa tay xoa lên đàng sau gáy. *Thế mới biết tại sao không thằng nào quen mặt.* Tụi đó là bọn mới nhập. Chúng không rành luật chơi.

"Sao mày không cho tao hay?" Toàn nhìn chăm vào Vũ, trong khi hắn quay mặt tránh. Giá như Vũ nói cho Toàn biết từ trước, hắn đã xếp đặt mọi chuyện êm xuôi với thằng Minh, đầu đảng Hổ điên. Giữa các tên đầu đảng, Toàn đã có một sự thỏa thuận. Chúng hứa với nhau giải quyết những tranh chấp giữa các đàn em trước khi dùng đến võ lực. Nhưng giờ thì bọn đàn em đã tự tiện giải quyết công việc. Toàn biết chắc là thế nào rồi cũng *có chuyện*.

"Chuyện không quan trọng," Vũ nhún vai. "Em lo được rồi."

Đồ ngốc. Chừng nào mầy mới hiểu được đây?

"Không, mầy chẳng lo được cái gì. Nếu mầy lo được sao giờ này bọn chúng còn kéo đến đây," Toàn hít một hơi mạnh rồi nói. Hắn bước về phía thằng em nuôi và Quang. Hắn nói nhỏ. "Được, tụi bây cứ bình thản đi ra. Xem như tụi nó không có mặt ở đây. Hiểu chưa?" Toàn không muốn lén trốn ra khỏi chỗ này, nhất là tụi nó đang ở trên lãnh thổ của hắn. Nhưng cả *bọn* không có cách nào hơn. Tụi nó đông gấp hai.

Toàn nheo mắt khi hắn đưa tay đẩy cánh cửa tiệm bi da. Hắn đưa tay lên che mắt. Một luồng ánh sáng từ một chiếc xe vừa mới chạy ra khỏi bãi đậu chiếu vào mắt hắn.

Cả bọn rảo mắt nhìn bãi đậu xe, tìm chiếc Mustang đỏ của Toàn. Quang thấy trước, rồi đi về phía chiếc xe. Hai đứa kia đi theo. Chỉ cách xe chừng hai bước, có tiếng người gọi dật từ đằng sau.

"Ê thằng khốn kia."

"Lên xe, đừng quay lại." Toàn nói nhỏ với hai thằng đàn em. Hắn cầm tay nắm cửa phía tài xế.

"Ê, tao đang nói với mày đây."

Toàn làm ngơ. Hắn mở cửa xe rồi bước vào trong. Hắn nhoài người qua mở cửa phía bên kia. Qua khung cửa sổ, Toàn thấy Vũ quay người lại đối đầu với sáu thằng Hổ điên ngồi trong tiệm. Bốn thằng cầm cơ bi da. Toàn mở cửa rồi hét lớn, "Lên xe mau."

Vũ liếc mắt nhìn anh nuôi của nó rồi bước về phía địch thủ. *"Tụi mày muốn gì? Thằng khốn. Mày đúng là thằng khốn. Mày có khùng không vậy? Mày muốn chứng tỏ điều gì đây? Mày tự rước họa vào thân đấy nghe không thằng nhóc."*

"Tao nghe nói mầy gây sự với thằng bạn Peter của tao phải không?" Đó là giọng nói của thằng vừa lên tiếng. Giọng nói trầm nhưng đầy đe dọa. Hắn trạc tuổi Quang và Toàn, có thể lớn hơn một hoặc hai tuổi. Hắn đứng người hơi nghiêng về phía trước, hai tay thọc vào túi quần.

Peter đang đứng cạnh thằng vừa nói, người hắn nhích qua nhích lại một cách bứt rứt. Bắt gặp đôi mắt của Toàn nhìn ra từ đằng sau cửa sổ, hắn vội quay mặt đi.

Vũ ngập ngừng một lát, Toàn nghĩ là thế nào Vũ cũng sẽ hiểu ra rồi bước lên xe. Nhưng không. Vũ đặt hai tay lên mông, rồi sau đó đổi ý, đưa tay vòng trước ngực. "Đụ mẹ mày," hắn nói vừa chậm, vừa kéo dài các âm.

Toàn nhìn những giọt mồ hôi lấm tấm lăn đều xuống mặt thằng em.

Sáu thằng Hổ điên di chuyển về phía Vũ và Quang. Quang, nãy giờ đứng im lặng, bước lùi vài bước rồi ngừng ngay trước cửa xe. Vũ đứng yên. Sau đó Toàn thấy thằng Peter đột nhiên thu hết can đảm. Hắn đang tay ra xô mạnh vào vai Vũ.

Thôi, đủ rồi. Ngừng tay trước khi có thằng đổ máu.

Toàn bước qua chiếc cần sang số để qua phía bên kia. Cửa xe vẫn còn để mở. Quang đang đứng tựa vào cửa. Toàn hất nhẹ, rồi Quang bước ra

tránh chỗ. Toàn đặt một chân xuống đất, nhìn chòng chọc vào bọn kia, rồi đứng thẳng dậy. Vũ quay lại nhìn người anh nuôi. "Để em lo, *anh hai*."

Toàn đứng thẳng người. "Này mấy thằng kia...."

"Em nói để em lo, *anh hai*." Vũ ngắt lời

"Nghe tao nói đây..."

"Vụ này em lo được mà, *anh hai*." Vũ nói tiếp. Giọng hắn oang oang với một vẻ thách thức Toàn chưa bao giờ nghe.

Được, thằng ranh con. Mày lo đi. Ngon thì mầy lo đi. Mày không cần tao. Mày cũng chẳng cần ai.

Toàn lại ngồi vào ghế, kéo chân vào bên trong xe rồi đóng cửa cái sầm.

Hắn ngồi nhìn Vũ bước lại gần thằng Peter. Toàn không thể nghe những gì thằng em hắn nói, mà chỉ thấy thằng Peter chăm chú lắng nghe. Đột nhiên một cú đấm từ trong bọn kia vung ra nhắm vào mặt Vũ. Sau đó cả bọn Hổ điên nhảy vào tấn công tới tấp khiến Quang và Vũ đều ngã lăn xuống đất.

Mẹ kiếp, lẽ ra mình phải chận cú này.

Toàn mở cửa xe bước ra, túm một thằng đang tấn công Vũ. Quang đang còn nằm trên mặt đất, ôm lấy chân thằng đó, rồi Toàn đá vào mặt nó mấy cái liên tiếp.

"Hỏng rồi!" Vũ la lớn. Toàn xoay nhanh người thấy thằng Peter đang đứng bên thằng em nuôi, tay hắn dang cao chiếc gậy thọc bi da. Vũ lăn người nằm sấp vừa khi chiếc gậy dộng xuống người hắn. Toàn nhảy bổ về phiá Peter, nhưng đã quá trễ. Toàn nghe tiếng Vũ kêu la quằn quại khi chiếc gậy gãy đôi trên lưng nó.

Toàn vồ lấy Peter từ đằng sau rồi cả hai đều ngã xuống đất. Đột nhiên Toàn thấy bị đánh vào đầu rồi bất tỉnh.

Lúc tỉnh dậy, Toàn thấy mình đang nằm trong bệnh viện. Ánh sáng đầu ngày lọt qua tấm màn che. Trong phòng vẫn còn tối mờ. Quang ngồi trên ghế kê ở góc phòng. Mặt hắn bầm tím, hai mắt nhắm khít, ngoài ra hắn không hề hấn gì.

"Ê Quang..."

Quang vội thức giấc. "*Anh hai*, trong người anh thấy sao?"

"Không sao." Toàn đưa tay lên sờ đầu. Đầu hắn quấn mấy lớp băng. Hắn hơi choáng váng nhưng không thấy đau. "Chuyện gì đã xảy ra vậy mày."

"Một thằng Hổ điên đánh trúng đầu anh, sau đó anh bất tỉnh. Bác sĩ

bảo anh bị chấn thương ở đầu nhưng không có gì nguy hiểm."

"Còn mầy thì sao. Thằng Vũ đâu?"

"Em vẫn còn sống đây," Quang cười trả lời. "Vũ nằm ở cuối dây. Hắn tỉnh dậy cách đây khoảng một tiếng nên em mới qua đây. Chủ tiệm bi da gọi cảnh sát khi thấy mấy thằng đó cầm gậy bi da bước ra. Cảnh sát đến ngay khi anh bất tỉnh, còn mấy thằng khốn kia bỏ chạy."

"Ai đưa mình đến đây?"

"Em chở anh đến," Quang nói một cách tự mãn. "Cảnh sát bảo em hãy đi về. Họ chẳng cần biết là anh và Vũ đang bất tỉnh."

Cảnh sát. Họ có màng gì đâu. Họ càng mừng khi thấy bọn chúng chém giết nhau. Càng bớt việc cho cảnh sát.

"Mấy giờ rồi?"

Quang nhìn đồng hồ. "Năm giờ rưỡi."

Năm giờ rưỡi. Khi ra khỏi tiệm bi da là một giờ. Ngủ suốt hơn bốn tiếng. Chúa ơi, cái thằng quỷ Vũ. Cho vừa lòng hắn. Có lẽ hắn đã học được một bài học. Có lẽ từ nay trở đi không còn dám gây sự khi biết sức mình không kham.

Có tiếng gõ cửa. Toàn ngồi dậy. Quang đứng lên mở cửa. Một người y tá bước vào phòng.

"Ông đã tỉnh rồi, tốt! Ông thấy trong người như thế nào?"

"Khoẻ, cám ơn."

"Bác sĩ muốn nói chuyện với ông. Tôi cho ông ấy biết anh đã thức dậy có được không?" Giọng nói của các cô y tá lúc nào cũng vui vẻ, vui vẻ một cách khó chịu.

"Được. " Toàn tựa người vào thành giường.

"Tốt, chút nữa bác sĩ sẽ vào gặp ông. Ông cần gì tôi lấy cho?"

"Không, cám ơn."

"Tốt, cần gì ông cứ bấm chuông." Người y tá cười nhìn Toàn, Quang rồi bước ra khỏi phòng, mái tóc vàng ánh bập bềnh sau đầu.

Quang đứng dậy. "Để em tới xem thằng Vũ ra sao. Em sẽ trở lại ngay"

"Mầy cứ thong thả," Toàn nói. "Bảo nó là gặp bác sĩ xong tao qua thăm nó."

Ngay lúc đó, Bác sĩ Lâm hiện ra nơi cửa phòng. Ông người nhỏ thó, tuổi trạc năm mươi. Toàn đoán tuổi ông qua những nếp nhăn trên trán và mái tóc hoa râm. Ông mặc áo trắng nhà thương, cổ đeo ống nghe. Quang lễ phép gật đầu chào rồi bước vội ra khỏi phòng. Thấy bác sĩ là Quang chới với. Đứng trước bất cứ một người nào có vẻ quyền uy hắn đều chới với như thế.

Cứt. Lại bác sĩ Việt Nam. Chán quá rồi.

"Cậu thấy khoẻ không?" Bác sĩ Lâm hỏi bằng tiếng Việt trong lúc ông tiến lại gần giường. Giọng nói ông có vẻ mắng mỏ.

"Khoẻ. Hơi choáng váng một chút, nhưng không sao." *Thằng chó đẻ tự cao tự đại*

"Cậu bị chấn thương nhẹ ở đầu, nhưng rồi sẽ khỏi," ông bác sĩ nói tiếp, vẫn dùng tiếng Việt. Ông đi lui đi tới trong phòng trong một hai giây rồi ngừng lại nhìn thẳng vào mặt Toàn. "Chuyện gì xảy ra?"

Toàn không trả lời.

"Người em họ của cậu nói là bị tai nạn xe hơi. Tôi không tin đâu." Bác sĩ Lâm nhìn thẳng vào mắt Toàn. "Cậu nói thật đi."

"Sự thật là thế," Toàn lấy tay phải xoa lên mặt. "Tụi tôi bị đụng xe." *Hãy để cho tôi yên được không. Tôi không muốn nghe những lời dạy bảo của ông đâu. Đừng nói với tôi những lời khuyên nhủ tụi-bây-đang-huỷ-hoại-cuộc-đời ấy nữa. Bọn tôi không mấy thằng được may mắn. Không có ai chăm sóc cho bọn tôi. Bọn tôi phải tự chăm sóc cho nhau.*

Bác sĩ Lâm nhìn thẳng vào mặt Toàn một cách lạnh lùng. Toàn trở người trên giường, khó chịu.

"Tôi không nói láo, bị đụng xe thật mà," Toàn nói một cách chán nản. Hắn tựa đầu vào thành giường rồi nhắm mắt trong vài giây. Lúc hắn mở mắt ra, ông bác sĩ vẫn đang nhìn hắn chòng chọc.

Đột nhiên Bác sĩ Lâm tức giận gắt gỏng. "Tới chừng nào tụi bây mới chấm dứt những trò này đây," ông la hét. "Đợi cho đến chết mới thôi phải không?" Mặt ông đỏ gay. "Thằng em của mày may mà không chết? Mày có hiểu không. Chút nữa thì nó mất mạng."

"Thằng Vũ bị gì?" Toàn thấy tim mình đập nhanh, hắn bắt đầu thấy hoảng.

"Để tôi bảo nó." Toàn sửa soạn bước xuống giường.

"Cậu nằm nghỉ đi một chút." Giọng Bác sĩ Lâm ra chiều mệt mỏi.

"Ông cứ mặc tôi," giọng Toàn yếu ớt.

Bác sĩ thở dài. "Thôi được."

Toàn hất tấm chăn rồi ra khỏi giường. Bác sĩ Lâm mở cửa cho hắn. Cả hai cùng bước trên hành lang, im lặng. Tới khoảng giữa hành lang, bác sĩ Lâm ngừng lại.

"Hắn nằm trong này."

Toàn đứng ngoài cửa. Hắn nghe có tiếng Vũ và Quang ở bên trong, nhưng không nghe rõ chúng đang nói gì. Chúng đang cười.

Biết ăn nói làm sao đây? Nói lời gì đây? Lúc cần, mày đã không có tao. Mày bảo là mầy tự lo liệu được nên làm cho tao tức. Tao đã để cho

chúng đánh mày. Tao đã không ra tay chận bọn chúng.

Hắn hít một hơi dài rồi đẩy cửa phòng.

"*Anh hai*, anh có hề gì không?" Miệng Vũ cười tươi chào người anh nuôi khi thấy hiện ra nơi cửa phòng.

Chúa ơi, người hắn trông như vừa mới đánh trận về.

"Tao khoẻ. Mày thì sao?"

"Như một cái xác ướp. Băng bó cùng người không nhúc nhích được." Vũ vừa nói vừa chắt lưỡi. Cả hai chân nó đều bị quấn băng từ mắt cá đến ngang lưng. Cánh tay phải nằm trong lớp vải treo. Mặt mày bầm tím. Nhưng nụ cười thì vẫn còn trên mặt.

Tại sao lại là hắn. Tại sao phải là hắn? Tại sao mình đã không ra tay? Mình ra tay thì giờ này tay chân nó còn cử động được.

"Đừng gắng. Nằm nghỉ đi." Toàn bước lại gần giường rồi vỗ lên vai Vũ. Vũ thẹn thùng nhìn người anh nuôi. "Anh bị gì không, *anh hai*?"

"Tao bị đánh vào đầu. Bác sĩ bảo bị chấn thương nhẹ, nhưng không sao, đừng lo." Toàn cứ nhìn chăm vào lớp băng quấn quanh chân Vũ.

"Cám ơn trời." Vũ thở ra nhẹ nhõm. "Em lo cho anh quá. Em không biết chúng nó đánh anh ra sao. Em thề ra nhà thương em sẽ thanh toán tụi nó." Hắn ngừng nói rồi nhìn Toàn một cách dò hỏi. "Chừng nào xuất viện?"

Toàn nhìn bộ mặt hớn hở của thằng em. Hắn đưa tay lên vuốt lại mấy sợi tóc nằm xoà trên trán.

Cứt khỉ! Tao dã để cho mày ra thân thế này sao?

Toàn gượng cười rồi lấy tay vuốt dọc theo thành giường bằng sắt.

"Không vội. Mày cứ nằm nghỉ đi, vài hôm sẽ xuất viện." *Xuất viện bằng xe lăn, mẹ kiếp, xe lăn.*

Vũ gật đầu. Hắn đưa mắt nhìn Toàn, rồi lấy tay mình đặt lên tay người anh nuôi. "*Anh hai*?"

"Gì?"

"Em xin lỗi, *anh hai*. Em xin lỗi đã không nói cho anh biết chuyện em gây sự với bọn nó. Em nghĩ là chuyện không đáng. Em hứa từ nay trở đi sẽ nói cho anh biết mọi chuyện. Nếu anh có bề gì em chẳng biết phải làm sao. Em không thể tự tha thứ cho mình được..." Giọng hắn rời rạc. Hắn nhìn người anh nuôi, đôi mắt van lơn, xin tha thứ.

Toàn cũng từ từ nhắm mắt lại. Hắn xiết mạnh tay Vũ, rồi cầm tay đưa lên hôn. *Không, anh mới là người phải xin lỗi. Anh rất hối hận.* ❐

© English original copyrighted by Quynh Trang Cindy Nguyen. Vietnamese translation copyrighted by Thạch Hãn.

ĐINH LINH

Đinh Linh sinh năm 1963 tại Sàigòn. Năm 1985 tị nạn qua Mỹ. Đã có thơ, truyện ngắn, phê bình và dịch văn đăng trên nhiều tạp chí như Sulfur, Manoa, New Observations. Noonrabbit Review, New Art Examiner, Corssconnect, Seven Arts *và* Northeast Corridor. *Đã dịch nhiều ca dao, thơ Hồ Xuân Hương và truyện Nguyễn Huy Thiệp. Là soạn giả tuyển tập truyện ngắn chọn lọc* Night, Again: Comtemporary Fiction from Vietnam *(New York, Seven Stories Press), sẽ xuất bản tháng 5, 1996.*



Hai Kẻ Đãng Trí

Đinh Linh

Thật chẳng có cách nào đo đếm những nỗi khổ cùng vô vàn bất trắc và bực mình mà một hành khách đi xe lửa từ Hà Nội vào Sàigòn gặp phải, nên tôi chỉ ghi lại ở đây một ít chuyện mà thôi. Ngay cả việc phân thành từng loại bom, chất nổ, đã phá hủy 1334 cây cầu, 27 đường hầm, 158 nhà ga và 1370 hệ thống chuyển đường trong thời chiến cũng sẽ trở thành vô nghĩa, khó hiểu. Có điều tôi biết chắc là nhà thơ Đỗ Kh., hồi năm 1992, trong đoạn đường giữa Vinh và Hà Tịnh, đã ngủ thiếp đi trong lúc đang đọc *Chuyện tình kể trước lúc rạng đông* của Dương Thu Hương, và trong cuốn tiểu thuyết của Bảo Ninh *Nỗi buồn chiến tranh*, có đoạn kể chuyện nhân vật chính và người bạn gái vừa mới bị hiếp trong cảnh nhốn nháo của một vụ bỏ bom, thất thểu bước xa những toa tàu tan nát để rồi lại gặp một người ăn mày xin của bố thí.

Có một đôi chuyện liên quan đến tàu lửa xảy ra vào sáng sớm và xế chiều ngày 6 tháng 3 năm 1995, nhưng trước khi đi vào chi tiết, tôi phải nói thêm một vài chuyện về việc tôi đang làm gì ở Việt Nam. Tháng năm 1995, tôi được 31 tuổi, xa quê hương đã hơn 20 năm, tôi từ Philadelphia trở về thăm nơi chôn nhau cắt rốn trong vòng một tháng. Mặc dầu sinh ra

và lớn lên ở Sàigòn, ngay từ lúc đầu tôi đã chủ tâm dành nhiều thì giờ đi thăm miền Bắc, vì cả bố lẫn mẹ tôi đều là người Bắc (cho đến giờ tôi vẫn nói giọng Nam nên giấu được gốc tích của mình). Trong thời gian lưu lại Hà nội, Hải phòng, Thái bình và những nơi khác, ít khi người ta lầm tưởng tôi là dân địa phương, và thường bị lầm là người Trung hoa, người Nhật hay Đại hàn. Hậu quả thực tế là tôi luôn luôn bị xem như là một người ngoại quốc, và vì thế phải trả tiền ăn ở, di chuyển theo giá dành cho người ngoại quốc. Tôi cũng nên nói thêm rằng một người Việt ở hải ngoại cũng bị xem như là một người ngoại quốc, ngoại trừ một sự thật đơn giản: nếu mình có dáng dấp như thế nào đó, có khi vẫn có thể bị nhầm là một người trong nước.

Tôi không có dáng dấp bình thường của một người Việt Nam. Đối với người Mỹ, tôi là một người nhỏ thó, nhưng đối với Việt Nam, tôi là một người mập, bụng phệ vì đã ngốn hết không biết bao nhiêu két bia RollingRock, loại bia đặc sản của Pennsylvania. Thêm vào đó, tôi còn để râu dưới cằm, tóc lại cắt cụt lủn, hai dáng vẻ ít thấy trên khuôn mặt người Việt Nam, vốn thường mày râu nhẵn nhụi, hoặc nếu để râu thì chỉ để râu cá trê, cắt tỉa gọn gàng, còn đầu tóc của họ vừa dài vừa dày như một đụn rơm.

Lúc mua vé xe lửa đi từ Hà nội vào Sàigòn, tôi đã định tâm mua theo giá dành cho người ngoại quốc. Nếu tôi có ý giả làm một người địa phương để tiết kiệm đâu được 100 đô la, thì ý nghĩ đó đã bị những chuyện bên lề đánh tan ngay: tôi có nghe kể một người Việt kiều mua được vé rẻ, nhưng khi lên tàu lại bị phạt thêm tiền sai biệt chỉ vì trong lúc nói chuyện, anh ta cứ thỉnh thoảng chêm vào hai tiếng OK, tự tố giác mình là Việt kiều.

"Chị bán cho tôi một vé hạng nhất đi Sàigòn," tôi nói với người đàn bà ngồi sau quầy vé.

"490,000 đồng" chị trả lời.

Tôi ngần ngại, biết rằng cái giá chị vừa nói quá thấp.

"Chị bán cho tôi vé cho người ngoại quốc."

Chị nhìn mặt tôi thật cẩn thận: "1,490,000 đồng"

Tôi đưa tiền cho chị. Chị nói thêm, "Nghe giọng anh tưởng là người trong nước."

"Mẹ tôi là người Hà nội."

"Anh đi có một mình thôi à?"

"Vâng."

"Hành lý có hoa hoè không?"

"Không."

"Sao anh không mua vé rẻ?"

Tôi sẽ phải trả cho bà chị khôn vặt này mười đô la. Thôi thì cũng được.

"Nếu chị nghĩ tôi đi trót thì chị bán cho tôi vé rẻ."

Chị thối tiền lại cho tôi, sau khi cẩn thận trừ bớt khoảng 10 đô la.

Lúc đó tôi đã hơi nghi chị bán vé tìm cách gạt tôi, bởi vì lên tàu tôi có bị phạt thì chị cũng đã có 10 đô la trong túi. Dù chuyện gì xảy ra, việc tôi phải làm là giả dạng làm một người Việt *trong nước*. Theo đúng với thị hiếu địa phương, tôi cạo sách hàm râu dê dưới cằm, mua một chiếc mũ khoảng 60 xu có in hàng chữ "Noontime Lover" (bằng tiếng Anh), mua một chiếc áo màu vàng thổ hết 2.50 đô la sau khi đã ngã giá xuống từ 4 đô la, đợi ngày lên tàu, và hy vọng là không bị khám phá ra là Việt kiều. Một người bạn Mỹ còn khuyên nên mua đồ nhét tai, vì ở trên tàu "tiếng ồn đến nhức óc," một người khác dặn phải mang theo thức ăn, vì thức ăn trên tàu nuốt không nổi. Tôi đi mua một ít đồ hộp, đậu phộng, một chai nước suối "La Vie" và mấy hộp phó mát "Con Bò Cười," một thứ phó mát nhập cảng mà khắp nước chỗ nào cũng có, ngay cả những nơi hẻo lánh nhất. Tôi không lo nạn ăn cắp vặt, vì tôi sẽ chia chung khoang tàu với một người nữa thôi.

Lý do tôi đi tàu lửa để rồi chịu những chuyện bực dọc này mà không đi tàu bay là để ngắm phong cảnh. Từ trước đến giờ tôi không ưa chụp ảnh, nhưng khi đến Việt Nam thì tôi lại đâm ra đam mê, và hy vọng là chuyến tàu sẽ cho tôi cơ hội chụp được vài tấm ảnh đẹp. Trước khi về Việt Nam, tôi có hứa với với một tuần báo là sẽ viết cho họ một bài ngắn về chuyến đi của tôi, nên tôi mượn một chiếc máy hình chụp một vài cảnh đi kèm với bài báo. Nhưng khi đến Việt Nam, thì nỗi ham thích chụp hình–nỗi ham thích mà từ trước tôi đã từng chê bai người khác–đã thúc bách tôi. Đi đến đâu tôi cũng ghi lại cảnh sinh hoạt của người dân: những người thiểu số tôi gặp trên đường từ Điện biên phủ đến Sapa; một ông già tóc bạc phơ mặc chiếc áo lính quần cộc, tay xách một giỏ mây đựng gà, khi tôi đưa máy *ảnh lên nhắm* thì ông đứng bật dậy đưa tay chào kiểu nhà binh; những cô gái trong các tiệm karaoke, mấy thanh niên thọc bi da; mấy công nhân đang nhậu. Tôi tự cho mình không phải là một du khách bình thường, mà là một gián điệp, một kẻ xâm nhập, có khả năng luồn sâu

bên dưới đời sống thường nhật. Với một nỗi hân hoan không cách gì đè nén được, tôi nóng lòng mong ngày trở về Mỹ để rửa hơn hai chục cuộn phim.

Việc tái lập đường xe lửa Hànội-Sàigòn, còn gọi là tuyến đường "tái thống nhất" vào ngày 31 tháng 9 năm 1976, 20 tháng sau ngày Sàigòn thất thủ, là một thành quả có tính biểu tượng và là niềm kiêu hãnh lớn cho chế độ Hà nội. Tôi bước vào một khoang tàu nhỏ, cởi bỏ mớ hành lý ít ỏi, ngồi trên chiếc giường thấp quan sát khoảng không gian tôi sẽ cư ngụ trong 36 giờ sắp tới: một chiếc quạt quay gắn dính vào trần, một chậu rửa mặt nhỏ nằm trong một chiếc tủ gỗ, một chiếc bàn xếp ép sát vào vách, và lưới sắt– làm cản trở tầm mắt–để chận đá người ta ném từ ngoài vào. Người bạn đồng hành của tôi là một ông già cũng vừa bước vào, và chỉ cần một vài giây thôi cũng đủ cho tôi thấy là nên nhường chiếc giường ngủ dưới thấp cho ông, ông không đủ sức leo lên trụt xuống. Ông già ra chiều tán thưởng việc tôi nhường giường cho ông. Ông lấy trong xách tay ra một chai Coca một lít đựng đầy rượu đế, loại rượu cất ở nhà, rót ra hai chén nhỏ, và chúng tôi đã cạn chén ngay. Suốt chuyến đi, chai rượu lúc nào cũng để ngoài và lần nào ông cũng tìm cách uống nhiều hơn tôi, chỉ trừ có một lần mà bây giờ nghĩ lại tôi ước gì mình đã không làm.

"Mình là dân nhậu mà," ông hét to, "cứ tự nhiên."

Cám ơn bác," tôi đáp, "được uống rượu như thế này là thú vị lắm"

"Cứ tự nhiên! Cứ tự nhiên!"

Lúc con tàu gầm rú lăn bánh ra khỏi ga, tôi hối tiếc là đã không mua kịp đồ nhét tai, vì ngoại trừ một đôi lúc hiếm hoi, con tàu luôn luôn ồn như những ban nhạc kích động hạng nặng cỡ Sink Manhattan hay Missing Foundation. Thức ăn, trái lại, không đến nỗi quá tệ, và tôi cũng đã nuốt được những thức ăn họ cung cấp, thỉnh thoảng ăn dặm thêm một hai miếng phó mát "Con Bò Cười."

Trong lúc ông già ngủ, tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Tôi chụp hình khoang tàu, chụp hình ông già đang ngủ, chụp hình chiếc quạt quay. Mỗi khi tàu vào ga, tôi lại chụp hình những người bán báo, chụp các lon nước ngọt, hay những tấm bích chương kêu gọi dân chúng cải thiện tư cách của họ ở nơi công cọng. Tôi chụp hình chiếc cầu tiêu ngồi chồ hổ ở trên tàu, tôi cho đó là một trong những tấm hình đẹp nhất.

Mặc cho tiếng ồn đinh tai, tôi vẫn cố ngã lưng. Tháng này quả thật là một tháng làm tôi phờ cả người. Trước khi về Việt Nam, lúc còn ở Philadelphia, tôi thấy mình bỗng nhiên đổ quạu, lúc nào cũng sẵn sàng gây gổ người khác. Céline có viết, "Sống ở một nơi nào quá lâu, bạn sẽ thấy những người chung quanh bạn ai cũng thối um lên." Sau khi đi Việt Nam về, chắc chắn Philadelphia sẽ dễ sống hơn. Người ta đi xa cốt để quên những phiền toái ở nhà. Đêm đầu tiên ở Việt Nam, trong lúc tôi đang rão bộ trên đường phố Sàigòn, một anh xích lô đạp theo kèo nài tôi lên xe.

"Anh ở đâu về?" anh phu xích lô hỏi.

Tôi không trả lời.

"Anh ở đâu về?" hắn hỏi lại.

Tôi vẫn làm ngơ.

"Anh là Nacirema,"* hắn nói, rồi đạp xe đi.

"Có người bị tàu cán," có giọng ai nói làm tôi thức giấc.

"Gì?"

"Tàu mới cán chết một người đàn ông, và chúng tôi quyên góp giúp gia đình nạn nhân," người đàn ông giải thích. Trong khoang tàu tối đen, trong lúc tôi cố gắng nhìn rõ mặt người nói, bỗng thấy có hai người đàn bà có vẻ dáng cán bộ đứng ở đằng sau ông ta.

"Đợi tôi một chút," tôi vừa nói vừa lôi một đống giấy bạc từ trong túi quần jeans ra. Năm đô la chăng? Không, hai thôi. "Tiền đây," tôi vừa nói vừa đưa 20,000 đồng (bằng lương công nhân một ngày).

"Cám ơn."

Sau khi họ đi ra, tôi nghĩ bụng, giá như sáng mai mình hỏi một trong những người ở khoang bên cạnh về tai nạn này mà họ lại hỏi "Tai nạn nào?" thì chắc là buồn cười lắm.

"Tôi nghĩ như thế này," người đàn ông gầy ốm ở khoang bên cạnh nói, "có lẽ đó là một vụ tự tử, bởi vì chẳng có ai lại đi nằm trên đường sắt vào giờ đó ban đêm, mặc dù thỉnh thoảng ban ngày cũng có người đã làm vậy."

"Biết đâu hắn say rượu," tôi góp ý.

"Cũng có thể," người đàn ông gầy nhượng bộ, miệng phì phèo điếu ba con năm, "hay biết đâu hắn đã chết rồi. Cũng có thể như thế. Có kẻ nào đó giết hắn rồi đem xác bỏ trên đường tàu."

Mùa Xuân và Tuyết

HOÀNG BÍCH ĐÀO

Em kiếm mãi mùa Xuân
Trong tháng Giêng con gái
Lạc lõng tiếng dương cầm
Vào khung trời tê tái

Mây khép tà áo mềm
Tuổi thơ mình thất lạc
Đã héo dóa hoa niên
Mầu tình xưa phai nhạt

Bức thư xưa không còn
Bài thơ xưa quên lãng
Nghe lòng mình héo hon
Trong nhớ thương màu trắng.

Tuyết gửi tiếng dương cầm
Tạt vào khuôn cửa mở
Cùng với lạnh căm căm
Những đóa xuân trăng nở.

Mùa Xuân vào hơi thở
Nghe ấm nát tâm hồn

Ông già nãy giờ lắng nghe, nay chêm vào: "Chuyến đi ra bắc, tàu tôi cũng cán một người, nhưng rõ ràng là lỗi của hắn, vì hắn đã không tuân luật, cổng đóng mà vẫn rán chạy xe Honda vượt qua đường tàu.

Chúng tôi ai cũng ngừng một lát để suy ngẫm về sự việc này.

"Cạn ly," ông già nói, tay rót rượu ra chén. Mặc dù giả thuyết người bị cán say rượu cũng không có căn cơ hơn hai giả thuyết kia, tôi vẫn cứ tin rằng hắn say rượu. Vì chưng lý do say rượu không những chỉ làm cho cái chết của hắn trở thành một cái chết lãng nhách, mà còn quy kết hết trách nhiệm cho hắn.

Mấy tiếng đồng hồ sau, tôi cũng phạm một lỗi lầm tương tự.

Nghe lời mời của ông già, tôi uống hết mấy chén rượu đắng, và khi tàu vào đến ga Sàigòn, người tôi say lảo đảo. Tôi mong xuống tàu thật nhanh, và trong lúc người tôi choáng váng, tôi đã bỏ quên chiếc túi ni lông đựng phim. Trong một giây phút lơ đễnh, tôi đã đánh mất hết những hình ảnh mà tôi đã cố công thu nhặt suốt ba mươi ngày qua.❐

*Nguyên văn lời người phu xích lô.

© English original copyrighted by Dinh Linh. Vietnamese translation copyrighted by Thạch Hãn.

Nguyễn Quí Đức



Rời Việt Nam năm 1975, tốt nghiệp đại học San Francisco State về ngành truyền thông. Làm việc trong các chương trình trợ giúp người tị nạn và tại trại Pulau Galang. Khởi xướng những chương trình phát thanh Việt ngữ ở miền Bắc California, và sau đó làm biên tập viên cho đài BBC. Từ năm 1986, làm xã luận viên (commentator) cho National Public Radio và đài KALW-FM tại San Francisco. Năm 1989 được Giải Xuất Sắc của Câu Lạc Bộ Báo Chí Hải Ngoại Mỹ về loạt bài phóng sự truyền thanh về Việt Nam. Đã viết cho các báo The Asian Wall Street Journal Weekly, The New York Times Magazine, The San Francisco Examiner, The San Jose Mercury News, *và đăng bài trên các đặc san và tuyển tập* Zyzzyva, Salmander, City Lights Review, Under Western Eyes, *v.v. Tác giả cuốn* Where The Ashes Are, *và là chủ biên cùng với John Balaban cuốn* Vietnam: A Traveler's Literary Companion. *Truyện ngắn viết bằng tiếng Việt "Đêm Thâu," đã đăng trên* Văn Học *số 111.*

Tết tại Tenderloin

Nguyễn Quí Đức

Vài phút, lại có tiếng pháo nổ. Người phóng viên lập đi lập lại câu hỏi, tôi phải lắng tai một hồi mới nghe rõ. Cô ta hỏi tôi, "Vào những dịp như ngày hôm nay, anh có nhớ nhà hay không?"

Đây là ngày Tết. Tôi đi luẩn quẩn quanh khu hội chợ trong vùng Tenderloin tại San Francisco. Quãng mười năm trước đây, vùng Tenderloin này gồm toàn những khu phố tối tàn, dơ bẩn. Bây giờ nơi đây là chỗ trú ngụ của hàng ngàn người từ bờ biển bên kia Thái Bình Dương đến đây gởi gắm những tháng ngày tị nạn. Sau một vài năm lầm lụng, lần mò tạo một cuộc sống mới, trong số hàng ngàn người này, có người đã bỏ khu phố ra đi. Có người thì trở thành các tay kinh doanh. Họ mở những tiệm tạp hóa, quán ăn, tiệm may, và dần dà thổi vào những đường phố Tenderloin một nguồn sinh khí mới. Các cửa tiệm của họ mang tên Sàigòn 1, Việt Nam 2, Phnom Penh, Viễn Đông, Vientiane... những địa danh đã lùi xa vào trong ký ức, giấu kín vào đáy lòng, cơ hồ như những kỷ niệm xấu xa nào đó.

Người tị nạn dần dà dấm bước trên xứ sở quê hương mới. Họ dồn vào đây, chui nhủi trong những căn phố cho thuê với giá tương đối thấp, với những người chủ nhà ngoảnh mặt làm ngơ, để cho năm, sáu người cùng thuê chung một căn phòng có bếp, có phòng vệ sinh, mà lại không có phòng ngủ... những căn phòng trong những tòa nhà cũ kỹ năm sáu tầng, chôn vùi sau những cánh cổng đã loang lổ màu sắt hoen rỉ. Ở nơi đây, có những chiếc thang máy chạy rù rì uể oải như những chuyến xe lửa không muốn chuyển mình vào buổi sáng mùa Đông, những cánh cửa sổ bạc màu nằm sau những tấm màn rách nát tả tơi, những bồn tắm nước rỉ đã vàng một màu vàng bẩn thỉu, lại còn mang cái mùi vị của những người đã sống trong những căn phòng này từ bao nhiêu năm trước.

Những căn phòng này là những tổ chim của rất nhiều người sanh đẻ

tại Lào, tại Cam Bốt, tại Việt Nam. Vài ba năm trước, họ trốn khỏi địa ngục cộng sản, đến trú ẩn dưới bầu trời bát ngát của nước Mỹ. Như một nhà văn đã nhận xét vài năm trước đây, nếu một buổi sáng nào đó, tất cả những người đàn ông, đàn bà, già trẻ lớn bé, những con kiến buôn rầu nguồn gốc Đông Nam Á, nếu họ bỗng đồng loạt rủ nhau đổ ra đường cùng một lúc thì tức thì, họ sẽ biến vùng Tenderloin này thành một khu phố Á Châu. Đó sẽ là một cuộc biểu dương lực lượng 35 hay 40 ngàn đầu tóc đen, và ngần ấy khuôn mặt da vàng. Họ là những người Mỹ mới. Và với số đông đó, họ được quyền biểu dương lực lượng, họ được quyền đề cao văn hóa của họ trong cái xã hội đa văn hóa và dân chủ này. Bởi vì vậy mới có cái hội chợ Tết tại Tenderloin. Cảnh sát cho phép họ ngăn chặn xe cộ, dành lấy vài góc đường, tụ họp trong một ngày và lên tiếng nói.

Tôi đi tới đi lui, đảo mắt nhìn cái quang cảnh chỉ diễn ra một lần duy nhất mỗi năm. Tôi chăm chú theo dõi những đứa bé 8 tuổi, 12 tuổi, một năm một lần được bộc phát cái bản năng tinh nghịch của mình. Quẹt diêm, đốt pháo, nổ đì đùng. Hôm nay, chúng được dịp nhìn thấy những người lớn không mang cái bộ mặt u sầu lo lắng hàng ngày. Chúng được dăm ba phút vui cười, đùa giỡn với ông hề mập mạp người Mỹ. Chúng với tay vặn vẹo cái lỗ mũi màu đỏ chói. Mọi ngày chúng có được vui chơi như thế này đâu. Mọi ngày, chúng lầm lì cất bước. Chung quanh chúng là những người bán cần sa, ma túy, những người đàn ông giả dạng con gái, áo quần hở hang, những cô gái ăn sương, những người say, những cựu chiến binh Mỹ vô gia cư... Họ, cũng như các trẻ em, các gia đình tị nạn Việt Miên Lào, là những người bị chính phủ và xã hội bỏ rơi, sống lây lất bên vệ đường.

Ở bên nhà, trong xã hội đen tối ở Việt Nam, người ta cứ nghĩ đến xứ Mỹ và coi xứ Mỹ là thiên đàng. Nhưng thiên đàng không nằm ở vùng Tenderloin này. Thiên đàng nằm ở những khu phố sang trọng giàu có khác, và một người tị nạn phải chờ đến biết bao nhiêu ngày Tết, bao nhiêu năm nữa mới dọn đến được trong một căn nhà ở thiên đàng. Trong giờ phút này, người tị nạn vẫn thuộc vào giới bị bỏ rơi.

Khi tiếng pháo đã chấm dứt, tôi lại nghe người phóng viên hỏi lại câu hỏi: "Vào những dịp như ngày hôm nay, anh có nhớ nhà hay không?"

Tôi nói với cô ta rằng lúc nào tôi cũng nhớ nhà. Tôi nhớ quê hương tôi mỗi sáng, lúc uống cà phê sữa đặc. Tôi nhớ ngôi trường cũ, nay đã mang một màu cờ mới, tôi nhớ chén chè, bát bún mỗi bữa cơm trưa, tôi nhớ lũ bạn lầm than lúc co chân vào giường mỗi tối.

Người phóng viên nhoẻn miệng cười, tỏ vẻ thẹn thùng. Cô có vẻ không tin câu trả lời cầu kỳ của tôi. Tôi nghĩ thôi cũng không cần. Cô có

tin tôi hay không cũng không thành vấn đề. Tôi tin câu trả lời của tôi, vậy cũng được rồi. Tôi không nói với cô là tôi không muốn nhớ cũng phải nhớ. Tôi làm sao diễn tả cho cô hiểu được cái ký ức sầu đau về một ngày Tết Mậu Thân ở Huế, hai mươi lăm, hai mươi sáu năm nay vẫn còn đeo đuổi tôi? Tôi làm sao nói cho cô ấy hiểu về cái sự vĩnh viễn của một tiếng pháo đầu năm nay chỉ là biểu tượng cho chiến tranh? Tiếng pháo trong đầu óc mọi người Việt Nam có bao giờ là tiếng gì khác ngoài tiếng súng xé tan niềm hy vọng đầu năm?

Trong ngày hội chợ Tết, có lác đác những mái tóc vàng, những người Mỹ lạc vào cái thế giới da vàng tóc đen. Ở Mỹ cái ngày Tết nó cũng trở thành một ngày lễ như bất cứ một ngày lễ nào khác của Mỹ. Cũng như Giáng Sinh, hay là ngày Lễ Tạ Ơn, Tết bây giờ còn là cơ hội bán buôn. Vì vậy, những người Mỹ hiện diện trong hội chợ Tết thật ra không phải là những người bạn của cộng đồng. Họ là những người đến đây, lợi dụng cái dịp tụ họp văn hóa này mà quảng cáo cho một nhà băng, một quán cơm, một chương trình giáo dục, hay là một hãng điện thoại. Họ bảo: Này ông tị nạn, tại sao ông không gọi điện thoại về Việt Nam đi? Chúng tôi mời ông, để cho ông gọi miễn phí, không tốn một xu nào. Vậy đó, mấy năm qua thì xa xôi cách trở, bây giờ đùng một cái, ta lại có thể gọi về nhà bằng đường giây điện thoại chớp nhoáng. Gọi về cái nơi mà lâu nay ta chôn dấu tận đáy lòng với bao nhiêu nhung nhớ. Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt từ hơn hai mươi năm nay. Chính phủ Mỹ vẫn chưa thoát khỏi cái đau buồn thua trận. Vậy mà người Việt tị nạn ở Mỹ thì có quyền gọi về nhà ở tuốt bên kia thế giới, dễ như mơ. A lô, A lô, tôi ở bên này, anh ở bên kia, năm mới, anh nghe tôi có rõ không?

Có một vài người Mỹ khác hiện diện trong ngày hội Tết ở Tenderloin. Họ ăn bận chững chạc hơn, họ thắt cà vạt, chân mang đôi giày bóng loáng. Họ là những chính trị gia, đến phát biểu vài lời, chúc mừng sự lớn mạnh của cộng đồng. Họ không nói nhưng cái sự hiện diện của họ là một hình thức kiếm một vài lá phiếu tương lai. Họ đến, họ phát biểu vài câu, và họ ra đi. Trong chốc lát, họ sẽ quên là người tị nạn Việt Nam lăn lộn như thế nào trong cái khu phố nghèo nàn này.

Năm ngoái, sau ngày hội chợ của người Việt, báo chí Mỹ có đăng bài tường thuật về ngày Tết. Họ đăng một bức hình mấy trẻ em Việt Nam chụp chung với anh hề mập mạp có cái lỗ mũi tròn và bóng loáng. Tờ báo không cần giải thích chữ Tết. Có lẽ người Mỹ đọc báo, thấy chữ Tết đã hiểu Tết là gì rồi. Nhưng thật ra biết được chữ Tết không có nghĩa là biết được văn hóa, biết được kinh nghiệm của người Việt. Từ cái điểm khởi đầu đó, cho đến khi vui vẻ chấp nhận cộng đồng người Việt vẫn còn là

một cái hố sâu. Bên cạnh bức hình có một bài báo dài nói về một gia đình Việt Nam bị hạch xách trong một khu gia cư của chính phủ dành cho người nghèo. Gia đình này bị phá phách, cướp bóc đã nhiều lần. Rồi một hôm, đứa con trai 18 tuổi của gia đình này bị một thanh niên da đen sống ở gần đó bắn chết. Người da đen và người da vàng thuộc vào số những người nghèo trong thành phố. Vì vậy mà họ phải sống chui nhủi trong khu Tenderloin, hay là trong một khu gia cư chính phủ. Không ai thích sống trong những hoàn cảnh như vậy cả, và sau những tháng năm phẫn nộ, họ trở nên bạo động. Vì vậy mà ba năm trước ở Los Angeles mới có vụ hỗn loạn, những đám cháy lan tràn. Vì vậy mới có người sinh viên Việt Nam bị bắn chết tại Florida hay nhiều nơi khác nữa. Vì vậy mới có các trẻ em thanh niên Việt Nam nằm u buồn trong những nhà tù, bị giam giữ năm ba năm vì theo băng đảng cướp bóc.

Ở Mỹ, tôi đã đánh mất cái tục lệ đến chùa cúng tế, thắp hương, cầu Trời, khấn Phật, nếu có năm nào tôi trở về được với cái tục lệ đó, tôi sẽ luôn luôn cầu xin một năm mới sung túc, hạnh phúc hơn cho người Việt ở trong nước cũng như cho người Việt đã ra đi. Năm ngoái là năm con heo. Năm nay là năm con chuột. Cứ vậy, 12 con giáp tiếp nối. Mỗi năm, tôi lại sẽ loanh quanh lần mò đến cái hội chợ Tết trong vùng Tenderloin. Và mỗi năm tôi cũng sẽ chứng kiến sự lớn mạnh của cộng đồng. Như bao nhiêu người Việt khác, tôi sẽ nhớ nhà, có lẽ nhớ hơn thường ngày một chút. Giữa những tiếng pháo đì đùng, những tiếng trống múa lân, tôi cũng sẽ băn khoăn như bao nhiêu người khác. Băn khoăn nhiều, mà vẫn không làm sao biết được phải mất bao nhiêu cái Tết nữa mới tìm ra được con đường từ đây về đến thiên đàng.❐

ONCE UPON A DREAM...
THE VIETNAMESE-AMERICAN EXPERIENCE
TỰA CỦA STANLEY KARNOW
EDITED BY DE TRAN, ANDEW LAM AND NGUYÊN DAI HAI

tìm đọc...

- cuốn sách độc đáo ghi lại kinh nghiệm hội nhập của người Việt Nam tại Mỹ trong hai thập niên qua
- gồm nhiều truyện ngắn, tùy bút, tiểu luận, tác phẩm hội họa và nhiếp ảnh của nhiều tác giả, sáng tác bằng Anh Ngữ và Việt ngữ.

Mùa Bão

Nguyễn Thành Việt

Nguyễn Thành Việt hiện đang soạn luận án tiến sĩ về văn chương Á Mỹ tại Đại học California, Berkeley, và là một trong những sáng lập viên của nhóm Ink & Blood.

Sau cơn nắng hạn dai dẳng, mưa lại trở về với California. Lúc tôi về thăm căn chung cư ngày xưa hồi cuối tuần rồi, tôi thấy cha ngồi trên chiếc ghế bành tả tơi mà ông ưa thích nhất kê trước cửa sổ, nhìn mưa rơi. Ba quay đầu nói, "Đẹp không hở con?" Khung cửa kính đẫm nước quả đã biến đổi quang cảnh ở bên ngoài, từ một con đường tầm thường hai bên là những căn nhà trệt, những căn chung cư không mấy người thích, thành một cảnh nên thơ tình tứ qua làn ánh sáng nhờ nhờ lọt qua cửa kính.

"Đẹp tuyệt," tôi trả lời, tôi khi nào cũng cẩn thận tán đồng ý ba.

Chúng tôi ngồi ăn bữa tối Mạ nấu. Trong lúc ăn, chúng tôi trao đổi tin tức, cách nói lễ phép mà tôi dùng để chỉ những chuyện ngồi lê đôi mách. Cuộc trao đổi không sòng phẳng. Tôi chỉ có một vài chuyện nhỏ về mấy người con của bạn cha mẹ tôi, chuyện tình cảm lăng nhăng, chuyện học hành bết bát của chúng. Cha mẹ tôi đặc biệt quan tâm đến chuyện kể về những người học hành chẳng ra gì trong khi cha mẹ họ lại khoe khoang tương lai rực rỡ của chúng. Nhưng hầu như lúc nào tôi cũng nghe nhiều hơn nói, chịu đựng nghe những chuyện chết chóc kinh khủng trước khi nghe được tin gì đáng nghe. Ba mạ tôi lúc nào cũng ưa bàn tán một cách bệnh hoạn thường thấy nơi những kẻ ưa ngồi lê đôi mách. Họ luôn đặt ưu tiên nói những chuyện kinh thiên động địa, rồi tới những chuyện có vẻ hiếm hoi, sau đó mới nói đến những chuyện vặt vảnh xảy ra trong đời sống thường ngày, và họ nhẩn nha nói hết ngày này sang ngày khác.

Có chuyện một bà mẹ có đứa con trai duy nhất bị chết vì tai nạn xe

gắn máy (sang tai ba lần), "Con thì chưa khi nào đi xe gắn máy phải không?" Mạ hỏi. Có chuyện một đứa con gái cưỡng lời cha mẹ lấy một tên Mỹ trắng, sau đó mới kinh hoàng khám phá ra rằng hắn là dân chích choác (sang tai hai lần). "Con không đàn đúm với bọn xì ke thuốc phiện ở Berkeley đấy chứ?" Ba dò hỏi. Câu trả lời cho cả hai câu hỏi đều là "có," nhưng tôi đã chuẩn bị sẵn để chối bai bải. "Nhất định là không. Không bao giờ."

Dĩ nhiên điểm chính là để học hỏi kinh nghiệm từ những thảm họa này, những chuyện gây nhiều chú ý trong một cộng đồng quá nhỏ nhoi. Còn những chuyện vặt vảnh khác, ba mạ tôi kể chỉ cốt giải trí, việc rút tỉa kinh nghiệm từ những chuyện này là thứ yếu, không quan trọng bằng những chi tiết mắm muối thêm vào. Chuyện ái tình lăng nhăng, chuyện phản trắc, những chuyện bị người khác làm nhục, ngay cả những chuyện may mắn, tốt lành mà thỉnh thoảng tôi có nghe, tất cả chỉ là những chuyện bàn ra tán vào không đáng để ý. Nghe xong, khi trở lại trường tôi có cảm tưởng như mình đã biết rành rõi chi tiết riêng tư của một gia đình sinh viên nào đó, mặc dầu tôi chỉ biết qua loa mà thôi. Tôi tránh mặt những sinh viên Việt Nam khác, vì lúc nào tôi cũng mang một nỗi bất an mỗi khi gần họ, tưởng tượng rằng cuộc đời tôi sẽ như một cuốn sách mở ngỏ trước con mắt xoi mói của họ, như cuộc đời của họ đã mở toang ra cho tôi thấy. Tệ hơn nữa, tôi còn lo sợ họ đem những chi tiết gì họ biết về tôi nói toang ra trong cộng đồng. Người ta sẽ phân thây xẻ thịt tôi, sẽ ăn tươi nuốt sống tôi trong lúc tôi cứ vô tình, và phải đợi cho đến khi chính tay ba tôi mang chiếc thủ cấp của mình đặt lên dĩa tôi mới biết là người ta đang xoi mói mình.

Những chuyện đáng nghe bao giờ cũng đến rất chậm. Sau khi nói chuyện trai gái lấy nhau, chuyện xì ke thuốc phiện, cha mẹ tôi ngừng nói một lúc lâu. Tôi nhai nuốt miếng cơm và chờ đợi.

"Con còn nhớ con nhỏ bạn thân của con không?" cuối cùng ba tôi hỏi.

Cơn lo sợ thấm dần vào người tôi trước khi nghe nhắc đến tên. "Con Phượng," mạ tôi chêm vào. "Trước ở căn 2D." Phượng. Đã lâu quá rồi. Thôi, con xin mạ, tôi ngầm nghĩ trong đầu. Tôi muốn nghe nói chuyện gì khác. Chuyện gì có vẻ sếc xy, chuyện gì xấu xa. Tôi không muốn nghe thêm một bài học dạy đời.

"Nó tự tử," Ba tôi nói. "Nhảy từ trên lầu khách sạn."

Ba mạ tôi không cho biết thêm chi tiết gì. Về sau này tôi mới rõ. Thỉnh thoảng, cha mẹ tôi cũng tế nhị khiến nhiều lúc tôi phải ngạc nhiên. Khi lẽ ra phải tra hỏi tôi tới tấp nhiều chuyện, cha mẹ tôi lại hết sức im

lặng. Hồi tôi còn nhỏ, có khi Ba bỗng nhiên ca hát rồi nắm lấy người tôi quay vòng, khiến vẻ nhăn nhó trên mặt tôi tan biết mất.

Tôi bước vào căn phòng cũ ngày trước dùng làm chỗ ngủ cho mấy anh chị em tôi trong nhiều năm, cũng là nơi tôi và Phượng đã cùng nhau nói hết những mơ mộng của mình cho nhau nghe. Anh em tôi giờ đều đi xa, đứa học đại học, đứa đi lính, đứa đi làm. Tôi là đứa con áp út, nhưng lại là đứa con gái duy nhất, nên khi nào cũng có vẻ già dặn hơn tuổi thật. Tôi giúp Mạ làm việc nhà, tôi là con cưng của Ba. Một người giúp việc bé tí, một công chúa bé tí. Ba cố gắng hết sức săn sóc tôi. Sau khi ba biết chuyện Ông Lưu, Ba bảo người anh cả phải đi theo tôi mỗi khi tan học, còn bắt mấy anh em của tôi phải luôn để mắt trông chừng tôi lúc tôi ở nhà. Trước đó, tôi thường chạy qua khu Sandstone sau giờ học, bởi vì những căn chung cư ở đây sao lúc nào cũng có những âm thanh và mùi vị thân thuộc quá chừng. Mấy người thuê nhà ở đó không ngại tiếng ồn. Đứng ở nơi hành lang, tôi có thể nghe tiếng một bà cụ ở cuối dãy la lớn trên điện thoại. Ai nói diện thoại cũng la lớn như thế. Càng lớn tuổi, họ càng nói lớn. Tôi đoán phải chăng họ nghĩ nếu nói nhỏ hơn thì người nghe ở đâu đó không thể nào nghe được những gì họ nói.

Thế nhưng mỗi khi nói chuyện với tôi, giọng Ba lúc nào cũng nhỏ nhẹ. Ba luôn luôn che chở tôi.Vì thế mà trước ngày tôi gặp Phượng, ba nhắc tôi phải kiếm con bé đó cho được. "Hai đứa phải chơi thân với nhau, phải vâng lời cô giáo," cha tôi khuyên nhủ. "Đừng để cho mấy đứa bắt nạt." Năm đó, một năm trước khi cơn hạn hán phủ ụp xuống, Phượng và tôi bắt đầu học lớp 4 tại trường tiểu học Walt Whitman. Hai đứa tôi là học trò duy nhất ở khu chung cư Sandstone hoàn tất lớp Anh ngữ với bà Taknawa năm đó. Ông Lưu vừa mới vào làm việc chung với Ba ở chợ cá Đà Nẵng. Họ cũng vừa mới dọn vào trong khu chung cư nơi tôi ở, và tôi gặp Phượng lần đầu tiên ở trong lớp.

Hồi đó tôi không thích học. Không như ở nhà, trường học chẳng có mùi vị gì vì có máy điều hoà không khí. Tuy không đến nỗi tệ như một nhà thương, lúc nào cũng có mùi đau nhức, nhưng cũng đủ làm cho tôi thấy xốn xang, lúc nào cũng thèm mùi vị thức ăn luôn luôn đầy ắp trong khu Sandstone, ở đó không khí lúc nào cũng nồng nặc mùi nước mắm. Đến trường, tôi cố đánh hơi cho được mùi vị đó nơi áo quần những đứa bạn học, nhưng khi lên lớp bốn thì bọn nầy cũng đã biến đâu mất. Tôi ngồi trong một căn phòng ở trong toà nhà chính, chung quanh toàn là những đứa trẻ xa lạ, còn anh em và bạn bè của tôi thì lại đang theo học Anh ngữ trong khu nhà cất tạm nằm phía bên kia sân. Năm đó, ngồi cạnh Phượng trong lớp của bà Strickland, đôi mắt như cú vọ, tôi vẫn cứ nghĩ

đến chúng. Bà giáo lúc nào cũng chăm chăm nhắc nhở *English only* (chỉ được nói tiếng Anh thôi). Tôi nường tượng ra mấy anh em của tôi đang cười đùa ngất ngểu, kể chuyện tào lao xịt bộp, chuyện tiếu lâm học lóm trong các bữa ăn, nói tiếng Việt líu lo khi trầm khi bổng, chen lẫn tiếng Tây Ban Nha, tiếng thổ ngữ Phi luật tân, tiếng Tầu vang động khắp khu T-1 trước khi chuông reo vào lớp.

Buổi học đầu tiên quả thật khổ sở. Bà Strickland đặt Phượng và tôi ngồi cạnh nhau, làm như chúng tôi là cặp búp bê song sanh: cả hai đều để tóc chải thẳng, đều có dáng dấp Á đông và cả hai đều bận áo quần mua ở tiệm bán đồ cũ. Bà Strickland đặt tên cho Phượng là *Phoebe*. Tôi ngồi đờ người, mắt nhìn chăm chăm vào cuốn tập trước mặt, những bài toán nhân toán chia chẳng có gì khó. Tôi chẳng thiết gì đến những bài toán đó. Thay vào đó, tôi lại hết sức bối rối về cái tên mới của Phượng, mũi tôi cứ sụt sịt, tôi nghiêng đầu về phía Phượng, nghểnh cổ lên một chút cho thêm vững lòng. Tôi không ngửi thấy được mùi vị gì khác ngoại trừ mùi thuốc giặt nồng lên mũi. Thuốc giặt Calgon, tôi thầm nghĩ. Mỗi một bà mẹ ở trong khu chung cư đều dùng Calgon vì mấy năm trước TV thường hay quảng cáo loại thuốc giặt này, mô tả một người đàn bà Á đông thu dấu hộp thuốc Calgon đã giúp bà giặt giũ áo quần sạch đến trắng tinh, rồi nói với giọng líu lo với một khách hàng người Mỹ rằng đó là *Bí mật cổ truyền của Trung hoa*! Lúc đó, chúng tôi ai cũng hớn hở khi nhìn thấy nét mặt giống như mình trên TV, mặc dù chúng tôi lẽ ra phải ghét người Hoa vì họ đã gây nhiều tội ác đối với dân tộc chúng tôi.

"Mày sao thế," Phoebe nói nhỏ với tôi khi thấy đầu tôi cứ mãi nghiêng lại gần hắn. Giọng con bé thật ngọt ngào, không lơ lớ như tôi, lại rất êm theo nhịp trầm bổng. Giọng con bé nghe thật hay, không như giọng của Mạ, nói tiếng Việt thì trôi chảy du dương, mà nói tiếng Anh lại vấp váp ngập ngọng khiến mỗi lần nghe tôi lại thấy rùng mình. Trong cái vấp váp ngập ngọng đó, tôi còn nhận ra được cả nỗi lo âu, có khi là sợ hải, ở nơi mạ nữa.

"Ở nhà mẹ bạn có nấu ăn không?" tôi hỏi nhỏ. Con bé im lặng gật đầu, dù rằng sau này tôi khám phá ra rằng mẹ của con bé đã chết. "Ba bạn làm ở chợ cá phải không?" Con bé lại gật đầu một lần nữa, vẫn không nói một tiếng nào. "Vậy sao người bạn lại chẳng có mùi vị gì cả thế?" Tôi không bao giờ tìm được câu trả lời cho câu hỏi đó. Tôi cảm nhận được sự hiện diện cuả bà Strickland trước măt bọn tôi, rồi sau đó nghe bà nói oang oang. "Hai em có điều gì chia sẻ với các bạn không?"

Bà Strickland buộc chúng tôi ra đứng trước lớp, cả hai đứa im lặng trong lúc bà ngắm nghía bọn tôi một cách nghiêm trọng. Tôi cúi nhìn xuống giày, không dám ngẩng lên nhìn mấy đứa bạn học đang khúc khích cười. Tôi liếc nhìn Phoebe, thấy con bé nhìn lớp học chăm chăm một cách bình thản, đôi môi của hắn ngậm lại, mềm mại nhưng vững chải, cân xứng như để cho bọn trẻ bên dưới so sánh với đôi môi méo xệch của tôi. Lúc đó tôi đã thích hắn, lại càng sửng sốt trước vẻ vững chải của hắn, lần đầu tiên tôi thấy có một người vững chải hơn tôi, ngoài ba mạ tôi ra.

"Này các em," bà Strickland nói, "đây là dịp tốt để chúng ta học một bài học về sự phong phú của các nền văn hoá. Tháng này chúng ta có hai người bạn mới, từ Việt Nam." Tôi co người lại khi nghe bà phát âm chữ Nam theo vần của chữ *wham*, nghe nó nhạt nhẽo, thô bạo. "Một trong hai em có thể chỉ cho tôi thấy Việt Nam nằm chỗ nào trên bản đồ không?"

Tôi đứng trân người ra trong khi Phoebe mạnh dạn bước đến tường chỗ có treo tấm bản đồ thế giới rồi găm một chiếc kim đỏ vào khoảng giữa chật hẹp của vùng có hình cong chữ S. Việt Nam. Tôi vẫn đứng ngay tại chỗ trong khi Phoebe trả lời những câu hỏi của bà Strickland về khí hậu, thực phẩm, ngôn ngữ. Dường như bà Strickland đã quên mất tôi, tôi cũng cảm thấy nhẹ nhỏm cho đến khi bà đột nhiên lên tiếng,"Chút nữa tôi quên mất, hai em tự giới thiệu cho cả lớp đi." Bà quay qua phía tôi, để lộ hai hàm răng trắng. "Sao em ít nói thế. Em nói tên mình cho cả lớp biết đi."

"Dung," tôi nói nhỏ. Tôi thấy Phoebe nghiêng đầu nhìn tôi như thầm nhắc, mầy nói nhỏ quá.

"Tên nghe hay nhỉ. Em đánh vần được không Dung?"

Tôi viết lên bảng chữ viết đầu tiên trong năm học đó cho cả lớp thấy. Khi tôi bỏ phấn xuống thì tiếng cười khúc khích lại trỗi lên. Một đứa con trai nào đó nói, "Dung, ô đô dơ." Cả lớp phá lên cười, và tôi thấy thân hình tự nhiên phì nộn làm căng cả áo quần. Tôi muốn thu người lại, nhưng người tôi cứ chương phình ra như một quả bong bóng, đỏ ối, dềnh dàng và vụng về. Giờ thì tôi chẳng còn nhớ được một khuôn mặt nào trong lớp học năm đó, trai hay gái. Chỉ còn một vài hình ảnh lờ mờ: những mái tóc vàng, tóc nâu, những cửa miệng há hốc mà thôi.

Bà Strickland dằn mạnh cuốn tự điển lên bàn ra hiệu cho cả lớp im lặng. Trước khi bà có thể nói được lời nào thì Phoebe đã lên tiếng, nói với tôi chứ không phải nói với lớp. "Dung có nghĩa là đẹp" con bé nói, phát âm *d* tiếng Việt nghe như âm *y* tiếng Anh, chứ không như âm *đ* cứng cỏi mà bọn con nít Mỹ thường quen nói. Những đặc điểm đó làm cho tôi nhớ con bé: nhỏ thó, đẹp, giọng nói ngọt ngào chuyển được cả ý lẫn nhịp điệu

của ngôn ngữ Việt, đứng trước tấm bản đồ mà không hề nao núng.

Vẫn còn có tiếng cười khúc khích, nhưng bà Strickland đã làm ngơ, và tôi cũng chẳng để ý. "Cám ơn em, Phoebe," bà nói, "Còn tên của em có nghĩa là gì?"

"Phượng?" con bé trả lời, lần đầu tiên tôi thấy con bé đỏ mặt. "Dạ em không biết."

"À, thế thì đó là bài làm ở nhà cho các em," bà Strickland nói. "Về hỏi cha mẹ các em rồi ngày mai nói cho cả lớp biết."

Từ đó, bà Strickland nảy ra sáng kiến là mỗi em về nhà tìm hiểu ý nghĩa tên của mình, rồi đến lớp trình bày về xứ sở, về tổ tiên. Nếu có vẽ thêm được họa đồ gia tộc thì được thêm điểm.

Chiều hôm đó, chúng tôi tìm nghĩa chữ "Phượng" trong cuốn tự điển Việt-Anh của ba tôi. Sách nói, "Con phượng hoàng trống." Mấy hàng tiếp theo ở bên dưới lại ghi thêm "phượng hoàng" (chim phượng, trống hoặc mái). Về sau này tôi mới khám phá ra rằng mấy cuốn tự điển này cũng chẳng đáng tin, nhất là những cuốn vừa định nghĩa vừa phiên dịch.

"Là cái gì?" tôi hỏi khi thấy mấy vần ghép với nhau nghe rất lạ.

"Phone-ix?" Phoebe nói, cố gắng uốn lưỡi phát âm.

Phoebe viết tên lên một mảnh giấy để hôm sau mang đến lớp. Suốt buổi chiều hôm đó trời lại mưa nên hai đứa tôi ngồi miết trong phòng, đẩy mấy anh em của tôi ra ngoài phòng khách, rồi bàn tán về mấy đứa học trong lớp bà Strickland, mấy đứa trẻ sống trong khu chung cư Sandstone, cả bọn đó giờ này chắc cũng đang vui thú trong lớp Anh ngữ của bà Takanawa. Chúng tôi thầm thì với nhau về những nỗi sợ hãi, về những ước muốn vặt vãnh. Cả hai đều thán phục con bé ngồi dãy đối diện với bọn tôi, chân mang giày da thứ thiệt, mặc áo viền đăng ten, móng tay lại sơn màu hồng. Phoebe, đẹp như thế, môi mềm, mái tóc đen nhánh, hai mắt to, cũng chỉ ăn bận như tôi: quần hàng sợi, chân đi giày bố màu xanh dương, còn áo thì chỉ nhìn qua cũng biết là cắt may theo kiểu đã lỗi thời.

"Một ngày nào đó mình muốn có một đôi giày như giày của con đó," tôi nói. Tôi đang nằm trên giường, bên cạnh Phoebe, nhìn lên trần nhà như cố tìm kiếm những khuôn mặt của ai kia trong mảng trần bằng vôi. "Có áo quần đẹp mới dễ làm đẹp."

Im lặng một lúc lâu rồi Phoebe mới lên tiếng, mà lại nói lên điều tôi hoàn toàn không ngờ tới: "Tao không thích đẹp."

Thật không thể tưởng tượng được khi nghe hắn nói như vậy. Nói thế thì đâu khác gì Ba bảo ba không bao giờ muốn sống bằng nghề nông! Tôi

nhìn chăm vào, ngắm nghía cẩn thận những đường nét thanh tú trên khuôn mặt hắn. Làn da hắn trơn lẳn và trắng bóc. Da tôi thì lại sậm màu như nước da của Ba. "Mày nói giỡn chứ," tôi đáp. "Ai lại không thích đẹp?" Tôi quá bẻn lẻn nên không dám nói tiếp là "mầy đã đẹp rồi đó."

Con bé không bao giờ giải thích rõ ràng, chỉ để những ước muốn của nó lơ lửng như thế. Mỗi lần gặp hắn tôi vẫn có cảm giác như thế, như một thứ không khí khô rốc thường đến trước cơn mưa. Sau khi hắn ra về, tôi đứng soi gương cho đến lúc Ba từ chợ cá đi làm về, mạ cũng từ cửa tiệm làm móng tay trở về. Tôi chỉ nhìn thấy một khuôn mặt bầu bĩnh, tròn trịa, sậm nắng, chẳng có gì đáng nhớ, lỗ chỗ như lớp vỏ bọc bánh *pie*, hay mấy chiếc bánh nướng mà thỉnh thoảng Ba mua từ tiệm bánh sát bên chợ cá. Tóc tôi cắt ngắn, chải thẳng, dày và thô tháp, lại phù lên như một quả cầu. Sau này tôi mới học cách để cho tóc dài và mọc dày, rồi chải ngược từ trán ra đằng sau cột thành một chiếc đuôi nhỏ, để lộ khuôn mặt cho mọi người đều thấy, chứ không chịu uốn hay nhuộm. Khuôn mặt tôi vẫn vậy, chẳng có gì thay đổi, có khác chăng là tôi đã học được nhiều cách nhìn khuôn mặt mình khác nhau.

Trong bữa cơm, tôi nói với ba mạ tôi rằng tôi cần phải vẽ sơ đồ gia tộc. Trong lúc thưởng thức món cá hồi (tôi cam đoan là đã ăn đủ mọi loại cá), cha mẹ tôi đọc một mạch những tên tuổi thuộc hai thế hệ về trước. Ba có bốn người anh em trai và hai chị em gái. Mạ có hai anh em trai và một em gái. Tất cả những người này lại có rất nhiều con, ông bà tôi cũng nhiều anh em cho nên khi vẽ ra cây gia tộc, nó rườm rà chẳng khác gì đang vẽ đồ hình cho một bài toán: Một gia đình Việt Nam lủy thừa ba! Tôi nhìn những cành những nhánh chằng chịt lấy nhau, những đường gạch nối các tên lại với nhau như những mạch máu nuôi các bộ phận trọng yếu trong cơ thể. Đó chính thân xác của gia đình chúng tôi vẽ lên giấy, và lần đầu tiên tôi mới thấy rõ chỗ đứng của tôi trên cõi đời này: tôi là Phan Thị Dung, thuộc thế hệ trẻ nhất, nằm trên một trong những cành rất trơ trụi. Tên tuổi của cha mẹ tôi lại nằm trên những nhánh xum xuê, nay bị cắt lìa khỏi thân cây già cỗi và mang đến xứ nầy, cắt ra rồi để lại trồng lên mảnh đất mới.

Hôm sau, tôi được xem sơ đồ gia tộc của Phoebe. Ở ngay gốc cây chỉ có một tên: tên của hắn. Bên cạnh tên mẹ, nằm bên trên, cùng hàng với tên của ba hắn, có chữ *d* và 1981 nằm trong ngoặc đơn. Tôi rùng mình, và Phoebe trả lời câu hỏi mà tôi không bao giờ nói lên, "Mạ mình chết trên đường vượt biển. Chuyến vượt biển quá dài ngày." Bối rối, tôi muốn thu giấu sơ đồ gia tộc của mình, nhưng khi nhìn thấy, Phoebe chỉ cười rồi nói, "Mình muốn có được một gia đình như thế. Đông người. Chắc là vui

lắm." "Không đâu," tôi vừa nói vừa nghĩ đến mấy anh em tôi lúc nào cũng chọc ghẹo phá bỉnh nhau. "Mình thích làm con một để được mọi người chú ý." Phoebe không có phản ứng gì về lời nói đó mà kéo tôi qua bàn bà Strickland, trên bàn có quyển tự điển to nằm chình ình ở đó. Chúng tôi tra tự điển xem chữ "phoenix": *theo huyền thoại Ai Cập, đó là một con chim cô đơn, đẹp, sống trong vùng sa mạc Ả rập từ 500 đến 600 năm, sau đó bị thiêu trong lửa, rồi từ đám tro vùng lên sống dậy để bắt đầu một cuộc đời khác: con chim này là biểu tượng cho sự bất tử.*

"Hay nhỉ," tôi xuýt xoa sau khi vất vả đọc lời giảng giải trong tự điển. "Tên bạn hay như vậy, còn tên mình thì chỉ là cứt bò."

"Mày để tâm tới bọn ấy làm gì cho mệt," hắn nói và lần đầu tiên tôi thấy hắn nhíu đôi chân mày. Tôi ậm ừ, cúi đầu xin lỗi qua loa.

Bà Strickland rất khoái chí cái tên của Phoebe, còn tôi thì lại thêm bối rối khi thấy sơ đồ gia tộc của mấy đứa kia gần giống sơ đồ của Phoebe hơn: gọn gàng, dễ quán xuyến, như những thân cây non chưa có nhiều cành. Chỉ một đứa khác ở trong lớp có gia đình phức tạp như tôi là một thằng Mễ duy nhất trong lớp, tên Jesus, có sáu anh chị em, cha mẹ nó xuất thân từ những gia đình đông con. Sau đó tôi và hắn lén nhìn nhau, như cùng đồng ý là tôi và thằng Mễ kia đều là những kẻ lạc loài, xa lạ.

Suốt hai tháng sau, trời vào đông sớm hơn thường lệ. Mưa đến, và những chuyện chọc ghẹo vặt vãnh vẫn tiếp tục xảy ra. Những kỷ niệm đó nằm trong trí tôi như những đường kẻ đo chiều cao vạch lên khung cửa. Bây giờ nhìn lại, tôi thấy chúng quả thật mỏng manh, chúng ghi dấu sự trưởng thành nơi tôi chứ không hề cản trở việc tôi khôn lớn. Hồi đó, tôi vẫn thường thấy vui thú, nhẹ nhõm mỗi lần tan trường, nhảy ào xuống những vũng nước mưa đọng lại bên hè đường, làm nước bắn tung toé lên đến ngang lưng. Phoebe nhất định chỉ đi trên vỉa hè, lấy ô che nước tôi làm tung toé. "Nhảy vào đi, chị cả," tôi hét lớn, lấy chân hất nước về phía hắn. "Không," hắn trả lời, "Sợ ba mình la."

"Ba đi làm chưa về mà," tôi nói trả. "Tới lúc ông về thì khô hết rồi còn gì. Nhảy vào đi!" Hắn chỉ lắc đầu, chiếc cằm khi nào cũng hơi nghiêng nghiêng. Tôi lại thấy xấu hổ, và phải mất suốt buổi chiều hôm đó, nỗi xấu hổ của tôi mới dần tan biến đi.

Nỗi xấu hổ đọng lại như một vết bầm trong tâm hồn hôi. Tôi giấu không để Phoebe thấy, nhưng tôi vẫn có cảm giác hắn đã nhận ra lúc bọn tôi táy máy tập trang điểm chiều hôm đó. Phoebe mang theo một thỏi son đỏ, một cây viết chì đen viền mắt, một lọ thuốc đánh lông mi và phấn

hồng. Hắn không nói là đã lấy mấy thứ đó ở đâu ra. "Cứ xài đi Dung," hắn nói, "mình sẽ biến bạn thành một người mới." Phoebe trang điểm cho tôi với một dáng vẻ cương quyết nằm sâu giữa hai mắt. Khi trang điểm xong, tôi nhìn trong gương. Một phần của tôi muốn bật lên cười, nhưng một phần khác lớn hơn lại muốn rửa sạch hết phấn son trên mặt. Tôi cho là mặt mình lúc đó giống như một củ khoai lang rửa sạch rồi lấy sơn chấm lên.

"Bạn thấy sao," Phoebe hỏi. Vẻ cương quyết vẫn nằm sâu hơn giữa hai mắt.

"Đẹp," tôi trả lời, nhìn đôi môi của tôi đang hé ra cười trong gương. Sau đó đến lượt trang điểm cho Phoebe. Bàn tay vụng về của tôi vẽ nguệch ngoạc lên khuôn mặt thanh tú của hắn. Tôi có thể cảm thấy được những đường vẽ của tôi quá nặng nề, tay tôi vẽ lệch lạc. Càng cố gắng sửa chữa những chỗ tôi vẽ lệch chỉ làm cho mặt con bé trông càng tệ hơn. Trang điểm xong, tôi nhìn mặt Phoebe một lần nữa, thở dài rồi quay người hắn về phía chiếc gương.

Khuôn mặt của Phoebe trong gương rực đỏ lên. Đôi môi của hắn đỏ chót, hai gò má đỏ ửng như ráng chiều, hai con mắt như viền bằng một lọ mực tàu bị đổ, rồi được làm nổi bật bằng một màu tím bầm. Đôi mắt nhanh như mắt thỏ của Phoebe nhìn trân trân vào hình ảnh của mình trong gương.

"Mình xin lỗi nghe," tôi nói. Lúc đó tôi xin lỗi nó quá trời.

"Sao phải xin lỗi?" Phoebe đáp. "Như thế này là tuyệt." Sau đó hắn cười ngất nga ngất ngưởng, và vì thấy hắn cười nên tôi cũng buột miệng cười theo.

Khi ba mạ tôi về đến nhà, tôi đã rửa sạch phấn son trên mặt. Phoebe trở về căn chung cư đợi cha. Tôi chưa bao giờ gặp ông Lưu, mặc dù ông ở cạnh nhà tôi, căn 2D (tôi ở căn 3C). Những lúc ngồi ăn nghe ba mẹ tôi đàm tiếu, tôi chờ nghe họ nói chút gì về ông Lưu, nhưng ông ta là người duy nhất ở trong chung cư mà ba mạ tôi không bao giờ nhắc tới. Tôi không được phép nói chuyện trong bữa ăn, ngoại trừ lúc nào hỏi tới, nên tôi chẳng bao giờ kể chuyện về Phoebe cả. Tối hôm đó, sau khi ăn gần xong, Ba Mạ im lặng nhìn tôi. "Con có biết con Phượng không?" Ba tôi hỏi, mặc dù tôi nghĩ là ba đã biết câu trả lời. Câu hỏi khiến tôi ngạc nhiên, nhưng cũng đã cho tôi cơ hội kể lể những gì chúng tôi làm trong hai tháng qua. Tôi rất hãnh diện có một người bạn như Phượng. Hắn tự tin, thông minh, đẹp, và giỏi hơn tôi mọi điều.

Ba Mạ tiếp tục ăn, im lặng, còn tôi cứ mãi nói chuyện Phượng, nối một thôi một hồi tưởng chừng như vô tận. Khoảng giữa chuyện, tôi nhận ra là cả Ba lẫn Mạ chẳng ai còn nghe tôi nói, còn tôi thì không thể ngừng. Hắn là người bạn thân nhất của tôi, còn hơn thế nữa, nó đã cứu tôi biết bao lần trong lớp bà Strickland. Không có hắn chắc tôi đã chết đuối giữa giòng chọc phá nghịch ngợm của bọn trẻ trong lớp.

"Con có khi nào qua nhà nó chưa?" Ba tôi lên tiếng.

"Dạ chưa," tôi trả lời. Sau đó anh tôi, vốn đã ganh tị với tôi vì tôi được vào học trường tiểu học, nên khai ra,"Nhưng Phượng có qua đây chơi mà."

"Không được qua nữa," Ba nói ngay. Quyền uy của ông ở trong gia đình sắc bén và chung quyết như cây dao mổ cá. Thế nhưng tôi vẫn la hét phản đối, tôi làm một chuyện mà trong nhà chẳng ai dám làm, tôi nói với Ba tôi rằng Ba làm vậy không được.

Tối hôm đó, sự trừng phạt việc tôi dám lớn tiếng xảy ra với đầy đủ nghi thức của một cuộc hành quyết. Ba, cũng giống như nhiều người cha khác trong chung cư Sandstone, không bao giờ ngần ngại rút nịt hay lấy một cành cây để dạy con cái không được đối đáp với cha mẹ như một người Mỹ. Bây giờ tôi vẫn phân vân không biết ai trong hai người, bố hay con, ai sợ hơn ai. Roi vọt là một phần của đời sống bọn trẻ chúng tôi. Chúng tôi chẳng bao giờ nghe được những lời khuyên răn dịu dàng theo môn tâm lý học trẻ con, mà nếu có biết chăng thì chúng tôi cũng chỉ phì cười không tin là có mà thôi. Chúng tôi chịu nhận roi vọt, cho đó là cái giá phải trả cho tình yêu thương của cha mẹ. Cũng có thể họ đã thấy đôi chút ngán ngao mà chúng tôi không nhận ra được, bởi vì theo họ, việc con cái đối đáp với cha mẹ là một cái gì quá mới mẻ. Mỗi một việc nhỏ như thế họ cũng xem là một dấu hiệu bọn trẻ bị ô nhiễm lối sống của Mỹ, một thứ cỏ dại phải chà cho nát, chà cho tuyệt gốc, phải nhổ vứt đi trước khi chúng sinh sôi nẩy nở làm thui chột gốc rễ của chúng tôi.

Đối với con trai thì chẳng có gì phải bàn tán thêm–Ba sẽ rút dây nịt, rồi bảo chúng cúi người xuống, đánh nhanh đánh mạnh. Mấy anh em trai của tôi chưa có đứa nào kịp khóc la thì Ba tôi đã đánh xong. Nhưng riêng tôi, vì là đứa con gái duy nhất, thì lại trừng phạt theo cách khác. Mạ vẫn la mắng tôi rồi tát tai tôi ngay tức khắc. Còn Ba thì lại thường nhìn tôi buồn rười rượi, đợi cho đến lúc chỉ còn hai cha con, rồi sau đó mới nhịp roi chen vào giữa nhịp tim. Ba không khi nào đánh tôi bằng giây nịt.

Tối hôm đó, tôi ngồi chờ trong phòng ngủ của mấy anh em tôi. Lúc Ba bước vào, tôi nhìn lén ra thấy ba anh em tôi đang ngồi trên chiếc ghế dài ngoài phòng khách, miệng há hốc. Mạ nhanh nhẹn bước lại đứng che,

rồi sau đó Ba đóng cửa phòng. Tôi ít khi bị đánh đòn, lúc đó ngồi ở mép giường, hai tay đẩm mồ hôi đang xoa con búp bê được nhà thờ bảo trợ cho vào dịp lễ giáng sinh đầu tiên tôi ở trên đất Mỹ: một con bé choàng khăn đỏ, chiếc khăn màu đỏ tía của nó đã phai màu. Ba ngồi cạnh tôi rồi hỏi, "Con đóng kịch được không?"

Tôi nhìn ba ngần ngại, "Dạ không."

"Đã đến lúc con phải học đóng kịch," ba nói. Bất thình lình, Ba đánh mạnh vào đùi ông. Tiếng vỗ bép dó âm vang một lúc tôi mới hiểu ra mình phải làm gì. Ba đánh vào đùi ông thêm chín lần nữa, mỗi lần đánh lại có thêm tiếng la, tiếng khóc của tôi. Sau tiếng bép cuối cùng, Ba ra dấu cho tôi khóc tiếp, rồi ông ngồi lui ra nhìn tôi đang nức nở mà mắt vẫn ráo hoảnh, hai tay ba cứ động nhịp nhàng như một người nhạc trưởng, ra dấu cho tôi khóc *lớn hơn, nhỏ hơn, run rẩy hơn.*

Sau đó ông cúi người lại gần tôi rồi nói nhỏ, "Cha của Phượng không phải là người tốt đâu. Vì thế mà Phượng sẽ không được đến đây nữa, và tuyệt đối con không được qua chơi nhà nó."

"Nhưng nếu con có qua nhà thì cũng không có ông ở nhà," tôi trả lời. "Con bé ấy rất dễ thương."

"Nhưng gia đình nó thì lại xấu xa," cha tôi nói, và ông nghĩ rằng bấy nhiêu lời sẽ giải thích hết mọi chuyện. "Xấu, tốt là những phẩm tính có thể truyền qua người khác. Con cứ tin ba đi. Sau này con sẽ hiểu."

Lúc mấy anh em tôi được phép vào phòng để xem tôi bị trùng phạt như thế nào, tôi không còn phải giả vờ khóc nữa. Tôi đang nghĩ đến Phoebe, con bé vừa đẹp vừa cô đơn.

Trước khi trở lại Berkeley, tôi đến nơi Phượng đã chôn dấu bí mật cuối cùng của đời hắn. Hắn nhảy qua cửa sổ từng lầu thứ 10 của một khách sạn tráng lệ nhất, mới nhất ở dưới phố San Jose, khách sạn Montblanc. Phòng thuê ghi tên người bạn của Phượng, một người đàn ông tôi chưa bao giờ nghe nói. Hắn không để lại thư tuyệt mệnh. Người đàn ông lúc đó đang ngủ thì bị cảnh sát đến gõ cửa phòng đánh thức. Hàng vỉa hè viền quanh khách sạn không ghi lại được chút dấu vết thô bạo, nhầy nhụa mà một người đẹp như Phượng để lại làm dấu vết cuối cùng của đời mình. Tôi đi vòng quanh khách sạn trong mưa, tay ôm bó hoa, ngẩng lên những những khung cửa sổ vô tình, nhìn xuống mặt đất, nhưng vẫn không thể tìm thấy dấu tích. Cảnh sát chẳng để lại dấu vết nào, cũng chẳng dành riêng một chỗ cho người ta tưởng niệm.

Tôi còn nhớ lần cuối cùng hai đứa nói chuyện với nhau. Hôm sau

ngày tôi bị cấm không được chơi với Phoebe, tôi và hắn trốn trong nhà tắm vào giờ ra chơi, tránh mặt mấy anh em của tôi. Tôi nói cho hắn biết là tôi không còn được phép đưa hắn về nhà chơi, nhưng ít ra ở đây tụi mình vẫn có thể chuyện trò với nhau. "Tại sao vậy," hắn hỏi, nhìn thẳng vào mắt tôi, mạnh dạn như một người Mỹ. "Cha mình không thích cha của bạn," tôi trả lời. "Mình cũng không biết tại sao." Tôi nghĩ rằng chính ngay lúc đó tôi mới thật sự mất bạn, mất vì tôi ngu ngốc chứ không phải vì ba tôi cấm đoán. Giữa tôi và hắn có một khoảng cách mà tôi không nhận ra, nói chi chuyện lấp đầy. Tôi chỉ muốn hai đứa vẫn là bạn, mặc dù tình cảm giữa hai đứa thâm sâu hơn là tình bạn. Tôi sẵn sàng nói láo với Ba, một việc mà từ trước đến giờ tôi không bao giờ làm. Có lẽ tôi cũng đã học được cách nói láo lúc cả hai cha con đều cùng giả vờ tối hôm nọ. Hay là vì tôi chỉ duy lý hoá một cách giản dị những gì đang trôi nổi trong khoảng không ở quanh tôi trong khu chung cư Sandstone, một thứ lệnh lạc bất thành văn cấm tôi không được nói lên những gì không thể nói.

Dù vì lý do gì đi nữa thì Phoebe cũng chẳng màng. Bây giờ tôi nghĩ là Phoebe đã giữ quá nhiều bí mật trong người. Hắn cũng không giữ được chút bí mật của tôi. Hắn bỏ tôi đứng trong nhà tắm với hai mắt đỏ ngầu, yếu đuối, trong khi hắn thẳng người bước ra, hai mắt hắn ráo hoảnh. "Bạn nói với tôi một lời gì đi," tôi nói với theo trước khi cánh cửa đóng sầm lại.

Chúng tôi vẫn tiếp tục ngồi cạnh nhau trong lớp cho hết năm đó. Bà Strickland không cho phép bọn tôi được chọn chỗ ngồi. Phoebe đã không nói thêm gì với tôi. Ngồi cạnh hắn, tôi đau khổ như một kẻ bị tình phụ. Sau đó Ba xin được chân gác dan ở trường Saint Mark, một trường tiểu học nằm cuối đường, rồi dùng hết số tiền ông làm ra và dành dụm được cho mấy anh em tôi đến đó học, mặc dù chúng tôi không có đạo. Trong mấy năm tiếp theo, thỉnh thoảng tôi có nhìn thấy hắn thấp thoáng trong khu chung cư Sandstone, nhìn hắn càng ngày càng lớn dần lên, càng lớn càng đẹp, mái tóc giờ đã dài quá vai, trên người không còn những bộ áo quần mua ở tiệm đồ cũ mà là những bộ áo quần thời trang đắt giá, trang điểm một cách tài tình mà tôi không biết ai đã chỉ cho. Tôi thì lúc nào vẫn vậy: gầy guộc, thân hình không có đường nét, mặt bầu bĩnh, một con bé trước đây chỉ mặc áo quần Goodwill nay có được bộ đồng phục của trường Công giáo cũng đã hí hửng. Tôi nhìn hắn, ao ước được là hắn, được ở trong thân xác hắn. Hắn nhìn lại tôi với đôi mắt vẫn mạnh dạn như tôi đã nhìn thấy trong nhà tắm, lại còn pha thêm chút gì khác mà tôi không rõ, nhưng chắc chắn không phải là lòng thương hại mà cũng chẳng phải lòng tử tế.

Sau đó hai cha con hắn dọn ra khỏi khu chung cư Sandstone. Hắn

học trung học ở một trường ở phía bên kia thành phố. Tôi nghe hắn học tiếp lên đại học cộng đồng, rồi bỏ học. Tôi tiếp tục học, lấy được điểm cao, lên đại học để rồi thấy mình bị chôn vùi dưới sức ép làm một sinh viên Berkeley. Ở đây tôi không còn nghe được những tin đồn về hắn, và bây giờ thì tôi đã không còn nhớ là tôi đã quên hắn từ lúc nào. Những chi tiết về việc ông Luu đã làm gì cũng đã biến mất theo hai cha con. Tôi không bao giờ biết được những gì đã xảy ra ở căn 2D, và làm sao Ba tôi biết được. Giá như tôi bạo gan hơn, ngày đó tôi đã phục sẵn ở chiếc ghế bành đợi lúc Ba ngồi, tôi sẽ đứng trong khoảng giữa cửa sổ và chiếc ghế rồi buộc ông phải nói cho tôi biết Chuyện gì đã xảy ra.

Tôi đặt bó hoa dưới chân một trong ba cột cờ đằng trước khách sạn Montblanc, trước hiên có mái che đón khách. Trên đầu tôi là ba lá cờ: cờ sao sọc, cờ gấu vàng của California và cờ đỉnh Bạch sơn hai màu xanh trắng. Tôi thấy một người gác dan bận đồng phục đang từ trong hành lang khách sạn hối hả đi ra đón tôi. Tôi mang hoa đến không phải vì ai cũng làm thế, nhưng vì Phượng còn có nghĩa khác, ngoài nghĩa là con chim phượng nghe không thật. Việc chuyển dịch tên của Phượng gây cho tôi nhiều kinh ngạc, cũng như cái chết của Phượng, tự gieo mình từ một tầng lầu cao của một khách lạn tráng lệ giữa một khu phố tồi tàn, giữa những khu nhà xây cùng một kiểu, giữa những khu chung cư sập sệ. Tôi không hiểu được. Tôi cũng không biết mình phải bắt đầu từ đâu.

Tôi còn nhớ Ba có nói sơ rằng Phượng là tên một loài hoa nở vào tháng 6, báo hiệu mùa hè đến. Lúc này trời chỉ mới vào tháng mười mà mưa đã bắt đầu rơi, tưới dầm lên bó hoa tôi vừa mang đến. Tôi đứng yên, đầu để trần, ngẩng lên nhìn bầu trời xám xịt trong làn mưa, cảm nhận được những giọt mưa lạnh đang lăn đều xuống cổ. Tôi rùng mình, nghĩ đến Ba giờ này cũng đang ngồi bên cửa sổ trong căn phòng khách lờ mờ, cũng đang ngắm mưa, mê mải trước cảnh chập chờn của ánh sáng và những hạt nước mưa lấp lánh trên mặt cửa kính.❐

© English original copyrighted by Viet T. Nguyen. Vietnamese translation copyrighted by Thạch Hãn.

Lại Thanh Hà

"Bảy năm về trước, tôi đã gặp người bán hàng rong đó. Lúc đưa mẹ đến chợ Việt Nam, tôi thấy một bà già đứng trước chợ, rất gần với nhận vật trong truyện "The Dill Peddler." Bà đang bán rau, có lẽ là rau thì-là, nhưng điều tôi nhớ rõ nhất vẫn là sự quyết chí ở trong đôi mắt của bà.

Năm 1990, tôi rời Orange County để theo học cao học tại Đại học Massachussetts ở Amherst, và trong thời gian theo học ở đây, tôi bắt đầu sáng tác. Từ lâu, tôi biết là mình thích viết văn, nhưng vẫn không dám thú nhận. Không ai trong gia đình tôi sống nhờ nghệ thuật, và tôi cũng không quen biết một nghệ nhân nào. Nhưng lòng ham thích viết vẫn vấn thúc bách tôi.

Một hôm nọ, trong lúc đang ngồi nhà ở Amherst, bên ngoài trời lạnh và ảm đạm, tôi nghĩ đến bà bán rau trước cửa chợ. Có lẽ tôi nhớ nhà, có lẽ tôi muốn nghĩ đến một vài khuôn mặt thân quen. Tôi nghĩ ra một câu chuyện, một mục đích cho bà. Tôi muốn bà đại diện cho người Việt, và những người bà gặp gỡ tiêu biểu cho từng thời kỳ trong lịch sử của người dân Việt.

Tại sao những truyện của tôi đều lấy người Việt làm nhân vật? Tại sao? Bởi vì những gì họ nghĩ, những khổ đau cũng như hạnh phúc của họ đã làm tôi say mê. Tôi ưa dành nhiều thì giờ tìm hiểu tâm tình họ. Đó là cách tôi duy trì sự liên hệ với giòng giống. Điều tôi biết chắc chắn là khi viết về họ, tôi là con người Việt Nam hoàn toàn, dù nghĩa.

Tôi đến Mỹ năm 1975, lúc tôi mười tuổi. Ban đầu gia đình tôi cư ngụ ở Alabama, sau đó dời về Texas. Học xong đại học, tôi về Orange County năm 1988 để làm việc cho nhật báo Orange County Register. *Sau đó tôi qua miền đông, và mới gần đây đã trở lại Orange County. Tôi đang viết cho nhiều ấn phẩm và hoàn tất cuốn tiểu thuyết đầu tay."*

Bà Bán Rau Thì-là

Lại Thanh Hà

Từ trong phòng bà Năm nghe được hai con chích choè gọi bà. Bà bảo chúng im.

Bà đã sửa soạn sẵn sàng sau khi bới lại mái tóc bạc thành cục búi tó sau đầu, mặc chiếc quần dài đen, cái áo nâu, và khoác áo len màu xám; tất cả đều tự may tại nhà, chẳng khác gì những y phục mà mẹ bà, bà của bà đã từng mặc, đời này qua đời khác.

Bà Năm đi ra khỏi cổng sau, lấy tay xua hai con chim, lên tiếng với chúng bằng cái giọng líu lo như chim kêu. "Tao biết rồi, tao biết rồi. Đừng làm ngứa tai tao nữa. Tụi mày muốn đánh thức con trai tao sao." Hai con chim bay đi. Chúng làm xong nhiệm vụ.

Bà đi quanh sân, dừng lại tại mỗi cây thì-là, hết cây này đến cây khác, đầu gật gù. Thế là rau này sẵn sàng đem đi chợ bán được rồi. Rau thì-là mọc khắp nơi, cạnh cái xích đu, trong thùng cát, dưới cây táo. Mấy năm trước đây bà Năm gầy một vườn rau, nhưng cỏ mọc tràn mọi nơi có đất trống. Chỉ có thì-là mới sống sót, nó ít cần được săn sóc hoặc tưới nước. Rồi gió thổi hạt bay đi khắp sân, đến mùa xuân hạt thì-là nảy mầm mọc vượt lên trên cỏ.

Bà ngồi cạnh một khóm thì-là, bắt đầu ngắt những nhánh nhỏ kết hợp bởi vô vàn những chiếc lá lăn tăn như hạt tiêu xay. Bà lấy làm lạ khi thấy rằng chỉ trong một tháng những nhánh mới đã thay thế những nhánh bị cắt. Bà xếp nhánh rau vào rổ, thận trọng nâng niu từng cuống lá mềm, thế mà vài cọng vẫn bị gãy đi khiến cho mùi cay cay bay lên nồng cả lỗ mũi. Bà cố nén không cho hắt hơi. Bà lẩm bẩm "Bọn trẻ phải lo canh chừng người ngoài, người già phải để ý những người trong nhà", rồi bà chống một bàn tay xuống mặt đất ẩm đứng dậy. Bà đi khom lưng như thể

là để ôm cứng lấy cái rổ rồi bước đến một khóm thì-là khác. Mỗi lần bà ngồi xổm xuống, cả thân hình bà đè nặng trên đôi chân yếu ớt, nên bà thấy mệt hơn. Tuy vậy bà vẫn đi hết khóm này đến khóm kia để ngắt bỏ những cành mới bị gãy. Khi sắp đầy rổ, bà cột mười nhánh với nhau thành một bó. Được tất cả là năm chục bó.

"Chà chà... mặt trời đã đổ lửa rồi?" Bà đưa ngón tay trỏ vẫy vẫy về phía mặt trời Nam Cali. Tuy nóng thế bà vẫn mặc chiếc áo len để coi cho được mắt khi ra khỏi nhà. Bà chống gậy đi trên lề đường đến trạm xe buýt ngừng. Ngay khi đến xứ này bà đã đi trên những lối đó. Thoạt tiên bà không vững bụng cho lắm nhưng bà chợt nghĩ rằng tại đất Mỹ rác rến đều nằm dưới những đường cống kín đáo và bà có thể bước trên những đường tráng xi măng màu xám sạch sẽ. Bà không biết chắc mình có còn thích cái gì khác ở nơi này, ngoài những lối đi tráng xi măng màu xám thật sạch sẽ đó. Thỉnh thoảng bà dừng chân tháo cái nón rơm ra, đưa cánh tay áo len quẹt ngang trán. Cái nón đó dùng cho người Mỹ đầu to tướng nên nó tuột khỏi đầu bà hoài. Thế là bà làm cái quai vải màu vàng và đỏ trông rực rỡ như màu xoài chín.

Cũng cái anh chàng tài xế da láng xầy đón bà. Bà tự nhủ không nhìn vào mặt hắn, nhưng rồi lần nào bà cũng nhìn. Khi chào bà, cặp chân mày của hắn nhíu lại trông giống hai con sâu róm đen nhăn nhúm. Bà nhắm mắt lại, nhưng quá trễ. Hắn luôn luôn có mặt ở đây ngay từ lần đầu tiên đứa cháu bà đưa bà đến chiếc xe buýt này. Hắn ta cũng luôn luôn mặc áo quần giống như bà, quần đen áo sơ mi và áo len cài nút từ trên xuống dưới. Hắn có cái dáng của một người Tàu nhà quê sống trong một thành phố lớn. Bà biết rằng mình cũng có cái dáng đó nhưng bà không quan tâm. Bà đi vội lên hàng ghế đầu. Bà đã bị ngã hai lần khi xe buýt khởi sự chạy tới. Lúc đó hắn là người ân cần nhất giúp bà đến ghế ngồi và nói những tiếng nghe lạ lạ như là "Xin lỗi" vậy. Đến gần chỗ trạm xuống, bà cầm một mảnh giấy rách và vẫy. Không cần đọc hắn cũng hiểu, hắn cho bà xuống ngay.

Bà Năm đứng lẫn lộn trong đám đông trước Siêu thị Bình Dân. Đó là vào một ngày thứ Bảy. Những cặp vợ chồng trẻ ăn mặc đẹp đẽ vào vào ra ra tấp nập mang thực phẩm và con cái hội nhập vào nhịp sống của họ. Bà đến gần trong khi họ cho đồ vào các bao bì, rồi bà giữ lấy tay họ, ít người bỏ đi được.

Bà biết rằng lẽ ra bà không nên bán thì-là nơi đây. Trước kia, người chủ siêu thị trả bà năm chục cents mỗi bó nhưng sau đó bà đến trễ và một người đàn bà khác chiếm lấy mối. Người chủ siêu thị cười khi bà từ chối

lời đề nghị trả bà mười cents một bó, cho nên bà tự mình bán rau thì -à ngay trước cửa hiệu của ông ấy. Người mua đầu tiên ngày hôm đó trả bà một Mỹ kim mỗi bó, không thèm mặc cả.

Tháng trước, người chủ tiệm bắt gặp bà đang bán rau rồi la ó lên rằng bà đã tranh giành quyền lợi của ông ấy. Bà nuốt giận bảo ông ta "Ông mới là người moi ruột của khách hàng để lấy tiền." Rồi bà đem thì-là bán ở cuối đường nhưng cả ngày chỉ bán được hai mươi sáu bó. Bà lẩm bẩm: "Sao vẫn có nhiều người đến mua đồ tại cửa hàng anh chàng này, cái anh chàng mũi lõ giống như cái vòi bình trà. Thật khó hiểu. Giòng máu Pháp hắn đã ngấm vào trong gia đình này cả trăm năm rồi."

Bà Năm lại nhìn mặt trời. Cần nhằn trời nắng chói, và vì đã bán được mười hai bó, Bà tìm chỗ ngồi nghỉ. Nghĩ rằng ngồi trên chiếc ghế gãy là quá lộ liễu, bà đành ngồi tựa vào tường. Bà mò tay trong bị để kiếm cau trầu. Lá trầu và hạt cau bà gói trong giấy thiếc, vôi trong bao nhựa. Bà quẹt vôi vào giữa lá trầu rồi chụp nó lên trên hạt cau. Xong xếp lá trầu quấn quanh hạt cau. Bà bắt đầu nhai, vị cay nồng chích vào lưỡi làm bà tỉnh cả người. Rồi bà nhắm mắt lại vừa nhai trầu vừa hướng về phía mặt trời. Nước trầu biến thành đỏ ngoét, một ít lọt xuống cổ họng. Bà nán thêm vài phút hưởng cái cảm giác cay cay trong mồm rồi nhổ bã trầu vào ống nhổ có nắp đậy. Con trai của bà đã cảnh cáo rằng nước trầu sẽ ăn mòn ruột của Bà. Bà cho rằng hắn chẳng hiểu gì cả. Người làng của bà chẳng đã sống mãi cho đến già đó sao? Ngoài ra nhai trầu làm thơm miệng, răng sạch và cứng.

Trên người, bà tự hào nhất về hàm răng đen nhánh. Vào cái thời son trẻ bà nổi tiếng về hàm răng của mình và bà biết chắc rằng chồng bà cưới bà cũng nhờ hàm răng đó. Nhưng dù sao chăng nữa hàm răng đó cũng chứng tỏ bà có kỷ luật. Một số các cô con gái không nhịn đói giỏi như bà nên đành phải chùi thuốc nhuộm hàm răng đi khiến cho răng mang cái màu nâu nâu đỏ đỏ suốt đời. Bà sụt mất hơn mười ký trong tháng bà nhuộm răng. Bà không biết cách nhuộm răng, chỉ nhớ rằng bà phải há *mồm nhiều tiếng đồng hồ* để cho ông thầy thuốc Nam bôi thuốc vào răng mỗi lần. Thoạt tiên răng đỏ lên, bà chỉ ăn được cháo, nhưng phải đổ xuống tận cổ. Cuối cùng thuốc đổi màu đen và đóng cứng quanh răng giữ răng khỏi bị sâu.

Bà Năm chợt thấy một người đàn bà trẻ tuổi ra dáng chịu xài tiền. Bà tiến gần người đó, bước chậm hơn và lưng cũng khom hơn thường lệ.

"Lại đây, lại đây này. Tôi có đúng thứ rau để nấu canh chua cá lóc. *Cho nó vào canh sẽ thơm lừng. Mới hái sáng hôm nay thôi.* Có rau này vào thì bất cứ cá gì cũng hết tanh."

Người đàn bà trẻ tuổi tỏ vẻ lúng túng, cầm lấy một bó thì-là bà vừa chìa ra.

"Một Mỹ kim lận hả?"

"Nước tưới đã tốn hơn số tiền đó rồi. Làm ơn giúp tôi đi, có thiệt hại gì đâu?"

Người đàn bà cười xòa và đưa thêm một Mỹ kim. Bà Năm gật đầu, mỉm cười, ngẫm nghĩ, "Cái bọn trẻ tiêu tiền phí phạm. Nhưng mà giúp bà già còn hơn bỏ tiền ra làm tóc cho nó dựng đứng lên như lông nhím."

Mới xế chiều bà đã bán được ba mươi bốn bó. Bà lấy dây cao su cột tiền lại với nhau rồi nhét vào trong cái túi may nơi quần lót. Bà cẩn thận cài kim băng nơi miệng túi. Trong những năm bán rau quả ngoài chợ, bà đều cất tiền cái kiểu đó nên không bao giờ bị móc túi. Bà rùng mình nhớ lại cái thời bà phải ngày ngày cứ năm giờ sáng là đi mặc cả với những người từ vùng quê chở rau quả vào thành phố, rồi bà ngồi ngoài chợ suốt ngày bán mớ hàng đó cho những bà nội trợ. Không có ai mua gì mà không mặc cả, họ trả giá từng xu. Đó là cái lối phụ nữ thuộc giai cấp bà thường làm.

Hồi đó bà không bao giờ thắc mắc về cái ý nghĩ lấy chồng sớm, sinh đẻ con cái rồi dành gần trọn cuộc đời mình để nuôi nấng chúng. Trong những năm làm ăn khấm khá, chồng bà mang tiền về nhà nhưng khi chiến tranh leo thang ông chồng phải đi lính. Và tử trận. Mọi trách nhiệm đổ lên đầu bà. Bà nhớ là bà rất tự hào vì kiếm được cơm ăn áo mặc cho cả gia đình. Mọi góa phụ đều như thế, làm việc đầu tắt mặt tối cho mục tiêu chung, mà thật sự không biết sẽ mang lại được gì. Và bây giờ con cái đã lớn, bà tự hỏi liệu trước kia bà có thể làm được gì khác không mặc dù cái điều khác đó cũng rất mơ hồ như những lý do khiến bà làm những gì mình đã làm.

Có ai đánh rơi một vật gì đó. Khi nhìn lên bà nghĩ rằng ông chủ cửa hàng đang đi ra. Bà vội tiến về cửa hàng vải, đầu cúi thấp, và thân hình tựa vào chiếc gậy chống.

Bà đụng phải một người nào đó và có lẽ đã té ngửa nếu không có hai cánh tay của một người ôm lấy bà. Cái bị của bà rơi và những bó thì-là nằm vung vãi trên mặt nền xi măng. Có người trao cho bà một bó thì-là. Bà nhìn lên thấy khuôn mặt bầu bầu và nghiêm khắc của người đàn bà đội nón xanh. Bà Năm ngẫm nghĩ: "Hẳn anh chàng mũi lõ gọi bà này tới." Khi người đàn bà đó nói, đôi má phì nộn rung lên. Bà Năm muốn phì cười nhưng cũng biết làm bộ lúng túng.

"Xin lỗi, tôi muốn gọi con trai tôi", bà phát âm một câu nói đã tập trước và trao cho cô kia một mảnh giấy có dòng chữ viết sẵn từ lâu, từ lúc

bà đòi đi xe buýt. *"Đây là mẹ tôi. Bà không nói được tiếng Anh. Nếu bà đưa quí vị xem cái giấy này có nghĩa rằng bà bị đi lạc cần quí vị giúp đỡ. Xin gọi tôi ở số (714) 894-4420. Tôi là con trai của bà tên là Mạc Nguyên. Xin cám ơn."*

Thay vì đi gọi điện thoại, người đàn bà dẫn bà Năm lên xe. Bà Năm biết rằng mình sắp phải đi đâu nên tự nhủ đừng hoảng hốt. Trước khi lái xe đi người đàn bà đó gỡ nón ra cho thấy cái đầu tóc dày, đen và cuốn xoắn lại trên đỉnh đầu theo kiểu người Nhật.

Bà Năm nhìn đầu tóc người đàn bà ấy. Bà ngoảnh mặt đi nơi khác khi cô kia nhìn bà. Bà không biết tóc thật hay giả, hay là tóc thật nhưng có tóc giả vấn vào. Bà biết cái tai hại có thể xảy ra khi chí và trứng nơi mái tóc giả bò qua tóc thật và làm hỏng cả đầu tóc. Bà đã từng thấy điều đó. Cô đó bắt đầu nói và nói không ngừng. Có một lần, cô với tay qua để vỗ vào bàn tay Bà Năm. Bà Năm kéo cái bị lại gần mình hơn.

Tia nắng nóng hừng hực chiếu thẳng vào mặt Bà Năm. Bà muốn quay kiếng xuống nhưng máy lạnh đang chạy. Không khí nhân tạo làm cho phổi bà đau và ruột bà cồn cào mỗi khi xe quẹo. "Dù sao mình đã được ngồi rồi." Bà ngẫm nghĩ và dựa vào sau, cố ngọ nguậy ngón chân kẹt trong đôi giày tennis mà đứa cháu gái của bà đã vứt đi.

Trong tòa nhà bà Năm thấy nhiều người mặc đồ xanh. Bà hít một hơi dài, cố gắng đừng hoảng hốt. Sau khi suy đi tính lại bà quyết định nói cho cô đó biết là bà bị lạc đường như cái lần trên xe buýt khi đứa con trai bà phải lái ba tiếng đồng hồ để kiếm ra bà. Cô đó nhìn Bà Năm và đưa nắm tay lên trước miệng, làm dấu. Bà Năm gật đầu, chìa ra bảy mươi lăm xu vì bà không muốn được cho không. Bà thấy một cái máy bán thức ăn uống ở góc phòng và tiến đến đó. Cô kia gọi theo bà nhưng bà không nhìn lại.

Một người đàn ông đá vào cái máy đó. Bà nghĩ rằng anh chàng này phải biết rằng có tiền máy mới chạy. Người đàn ông nhìn quanh, bà Năm hơi lo sợ một chút. Trong một giây, bà nghĩ đó là người chủ siêu thị, cũng cái mũi lõ kiểu Pháp đó, cái mũi nhọn đến nỗi khi bà nhìn lên là thấy hai cái khe thay vì hai lỗ mũi tròn. Bà sờ mũi bà rồi lau mồ hôi. Cánh mũi mũm mĩm quen thuộc làm bà khoái chí và trong khoảnh khắc bà xoa ngón tay trên đầu mũi, chiếc mũi nở ra như những miệng hầm khổng lồ khổng lồ ở cuối địa đạo. Bà lại nhìn khe mũi của người đàn ông, nghĩ rằng cái mũi này phải thật nhọn và thật kín. Người đàn ông chỉ nơi bỏ đồng tiền, bà Năm im lặng không cười trả. Bà nắm chặt cái bị của bà. Họ chỉ trỏ vào miếng giấy lúc nãy của bà. Bà cố hiểu nhưng như thường lệ bà chỉ nghe được những tiếng xì xồ như tiếng kêu của loài rắn. Trong lúc họ nói, bà nghe được chữ "Việt Nam" và bà cảm thấy dễ chịu đôi chút. Người đàn

ông gật đầu và nói "Hello" trước khi quay đi. Bà Năm không trả lời, bà chỉ nhìn vào chiếc bụng phệ thường thấy nơi mấy người đàn ông Mỹ. Bà hình dung họ ăn những miếng thịt to bằng cái đùi bà rồi duỗi ruột ra, nên mười năm mười lăm năm sau kết tụ lại thành những khối như mỡ heo nơi thắt lưng.

Người đàn bà gọi số điện thoại. Khi nói, môi của cô chu ra nhọn hoắc như mỏ két. Bà Năm cố nín cười trước khi đưa nắm tay để giữa tai và miệng ra dấu xin được nói. Người đàn bà gác điện thoại không thèm nhìn bà Năm.

Đứa con trai bà vào. Anh ta hất hất những sợi tóc rũ trước trán che hai mắt kiếng. Bà Năm biết rằng hắn vừa ngủ dậy, bằng không, tóc hắn đã được chải láng coóng. Hắn gầy người đi vì làm giờ phụ trội và khuôn mặt trông càng xám xịt phía trên chiếc áo sơ mi đỏ. Hắn vẫn mang đôi dép da cũ mà bà Năm thường cằn nhằn bảo nó vứt đi cho rồi.

Đứa cháu gái bảo đó là đôi dép của Chúa Giêsu, bà thì liên tưởng đến dép Việt cộng.

Hắn không ngó ngàng gì đến Bà Năm, chỉ nói chuyện với cô kia. Bà Năm thì thầm: "Bảo cô ta là mẹ bị lạc đường." Nó vẫn không để ý đến bà. Cũng không nhìn bà. Hai cái mồm kia cứ việc mở ra ngậm lại. Toàn là những tiếng xí xô xí xa. Bà Năm đứng nhổm dậy khi nghe nói "Siêu thị Bình Dân". Hai người đó không để ý. Bà kéo tay áo của con bà ba lần nhắc lui nhắc tới rằng bà lạc đường. Nó không trả lời.

Cuối cùng anh ta quay về bà nói: "Cô cảnh sát nói mẹ đã lạc đường hay sao?"

"Quỉ thần ơi! Đúng vậy tao bị lạc."

Anh dằng lấy cái bị của bà, mở ra dù bà ngăn cản. Anh lôi ra mớ rau thì-là, bẻ gập những cành rau làm cho mùi thì-là tỏa ra khắp nơi. Người ta lại xì xầm. Bà Năm lấy lại mớ rau trong tay con rồi cho vào bị.

Bà hít một hơi dài, đầu bỗng thấy nặng trĩu. Bà ngồi xuống. Cô cảnh sát quay nhìn bà, chắc lưỡi ba lần, tỏ vẻ khó chịu và lắc đầu.

Đứa con của bà thông dịch, bà bị phạt 75 Mỹ kim vì bán thực phẩm mà không có giấy phép. Sẽ bị tù nếu còn đi bán như thế nữa.

"Mày chẳng bao giờ nghe lời mẹ mày cả! Tao cho mày đi học để thành luật sư, mà mày ngu như con bò."

Anh ta không nói gì cả, hai mẹ con đi theo cô cảnh sát đến quầy.

Người con trai nói liên hồi suốt trên đường đi đến chỗ xe đậu và ngay cả trên xe. Đến chỗ đèn đỏ anh đập tay vào tay lái, giận dữ nói to hơn. Bà Năm quay kiếng xe xuống. Dù nóng nhưng không khí thiên nhiên làm bà tỉnh táo hơn. Bà kéo cái bửng che nắng xuống. Xe vượt qua mấy chục nhà hàng, văn phòng và tiệm Việt Nam. Con trai bà thường nói đây là nơi để sống cho tới già, là nơi mình sống theo lối Việt Nam dù không ở trên đất nước Việt Nam. Bà để một tai nghe gió thổi vào những ngọn lá dừa lao xao, còn tai kia nghe đứa con nói. Bà nhìn dọc theo con đường. Cà phê *Tự Do*... tiệm *Thanh* sửa áo quần... "Mẹ biết không, mẹ làm phiền con quá"... Tiệm *Hai Cua*... "Nếu mình phải đi hầu tòa"... Tiệm bánh mì *Ba Lẹ*... tiệm chè *Hiển Khánh*... "đừng để cho thân chủ biết"... bánh cuốn *Tây Hồ*... "Sao mẹ lại không chịu ở yên như những bà mẹ khác."

Gần tới nhà anh bình tĩnh lại. Khuôn mặt anh xịu xuống, xám ngắt, không còn đỏ tía sưng sỉa nữa, nhưng đôi mắt bỗng dữ dằn, bực bội như thể anh không biết chuyện gì đã xảy ra.

"Mẹ này, mẹ làm ơn đừng đi ra ngoài và làm phiền con nữa. Mẹ không muốn người Mỹ nghĩ tốt về ta sao? Mẹ cứ làm cái gì mẹ làm được trong nhà, con sẽ đưa mẹ đủ tiền mẹ cần."

Bà vẫn im lặng. Trong nhiều năm bà đã để dành nhiều đô la lẽ ra phải để mua áo quần ngoài tiệm may và ăn tiệm với bạn bè. Tại sao phải đến nhà hàng trong khi nấu tại nhà ngon hơn và rẻ hơn. Cứ cuối tuần bà và bạn bè thường gặp nhau. Bây giờ chỉ còn hai người, những người khác hoặc đã chết hoặc theo con cái đi nơi khác. Lúc đó họ đã để dành tiền để thuê căn hộ nơi họ có thể sống với nhau, ăn món gì họ thích và đánh bài suốt đêm. Ý nghĩ đó kỳ cục đến buồn cười. Rồi bà Tư biết tìm được tiền thuê 600 đồng một tháng, một căn phòng dơ bẩn ở khu người mới đến sống. Bà Năm thì tiếp tục để dành tiền mà chủ yếu là để được hưởng cái thú lén lút ủi những tờ giấy bạc cho thẳng lúc đêm khuya.

Sau đó bà nẩy ra cái ý bán rau thì-là. Đến bây giờ cái hộp đựng giày của bà đầy cả tiền. Mỗi tuần bà giấu cái hộp đó ở mỗi nơi khác nhau, sợ thằng con trai tìm thấy bắt bà phải gởi tiền vào ngân hàng. Sau đó chẳng bao lâu, bà nghĩ rằng bà nên theo bà Xuân đi Las Vegas một chuyến. Theo lời bà Xuân kể, đó là thành phố sáng rực đèn đóm và sòng bạc. Xe buýt sẽ đưa họ thẳng đến sòng bạc có phòng ngủ bên trên, rồi họ chỉ có việc ngủ và đánh bạc, ngủ và kéo máy cho ra ba quả anh đào may mắn, ngủ và đi thang máy để thấy ruột gan cồn cào. Nếu may mắn, cũng có thể kiếm đủ tiền xe trở về. Bà Xuân đã có cái may đó. Bà Năm chỉ nghĩ về điều đó thôi; bà thích thấy cái hộp đựng giày của bà tiền đầy lên dần dần.

"Mẹ này, mẹ có nghe con nói không? Mẹ phải hy sinh cho các cháu

chứ. Mẹ làm phiền chúng nó. Con biết mẹ thích đi xe buýt nhưng con không thể để mẹ làm như thế nữa. Mình phải theo luật lệ, phải..."

"Hy sinh cái gì? Nuôi mày và anh chị em mày lớn lên như thế chưa đủ à. Không hy sinh nữa. Hy sinh, ha ha. Hy sinh để làm gì? Tao mệt rồi, tao già rồi, mày hy sinh đi."

"Nghe đây mẹ, con biết..."

"Thôi đủ. Không nói nữa."

Đến nhà, đứa cháu gái chạy ra, hỏi han. Bà đưa nó cái bị và tìm chỗ ngồi. Đứa cháu gái đứng cạnh bồn rửa bát lo rửa mớ rau thì-là còn lại, mái tóc dài rũ xuống dưới lưng. Bà muốn cháu mình để tóc chấm ngang vai mà thôi, và nghĩ đã tới lúc phải tự cắt tóc cho mình. Đã nhiều năm bà tự nhủ phải cắt tóc mỗi tuần sau khi gội đầu.

"Bố cháu bảo cháu phải luôn luôn ở bên cạnh bà."

"Đồ khùng! Thế thì tao phải đi đến trường với mày sao? Bố mày không biết muốn nói cái gì."

"Bà gặp chuyện rắc rối hả bà?"

"Trời đất! Tao già như thế này còn gặp rắc rối gì nữa?"

Từ trong nhà bếp bà thấy đứa con trai đứng ở vườn sau tay chống nạnh. Mặt trời phía sau lưng anh ta vẫn sáng chói nhưng đã bắt đầu mát dịu. Đây là thời khắc bà thích nhất vì bà có thể chờ đợi cái mát mẻ của buổi chiều đến. Anh con trai nhìn xuống đất. Rồi anh ta tiến đến gần những cây thì-là của bà, những cây gần cái xích đu, rồi cúi xuống. Bóng của anh che khóm thì là, anh nhổ một cây. Rồi anh đứng dậy đi.

Bà Năm chăm chú nhìn. Trong khoảnh khắc bà thấy có cái máy cắt cỏ đẩy đến. Con bà xuất hiện. Bà bảo đứa cháu gái mang trầu cau cho bà. Bà nhai trầu, bảo nó đem mớ thì-là lại. Mười sáu bó chưa bán. Bà đi đến bồn nước nhả bã trầu, đổ cái ống nhổ đi rồi ngồi xuống cởi giày ra. Bà xoa bóp hai bàn chân, xoa cổ, rồi mang giày lại. Vừa nghe tiếng máy cắt cỏ ngoài kia, bà nhặt nón, gậy, bị, rồi ra khỏi cửa, biết rằng bà có thể đáp được chuyến xe buýt 4 giờ 42; chuyến xe sẽ đưa bà đến chợ lúc 5 giờ 30 để kịp họp buổi chợ chiều vào lúc đông người.❐

© English original copyrighted by Laithanh Ha. Vietnamese translation copyrighted by Ngự Thuyết.

Đi Tìm Đại Úy Nguyễn Tấn Hưng

Lily Dizon

Lily Dizon (tên Việt là Nguyễn Tấn Băng Phương) hiện là biên tập viên của nhật báo Los Angeles Times *tại Orange County. Bút ký dưới đây xuất hiện trên* L.A Times Magazine *ngày 28 tháng 8 năm 1994.*

Nghĩa trang quân đội Biên Hoà có thời nổi tiếng nhờ hai hàng liễu rũ duyên dáng, đong đưa trong gió nhẹ. Trong thời chiến, lúc thị trấn này còn là tổng hành dinh của quân lực Việt Nam Cộng Hoà, khách vãng cảnh thường thi vị hoá tiếng liễu gào trong gió chính là tiếng khóc thương cho những người lính anh hùng xả thân cho tự do dân chủ.

Vào thời đó, những ngôi mộ nằm ngay ngắn, tạo thành một đường thẳng tắp trắng tinh chen giữa sân cỏ được chăm bón cẩn thận. Hoa và hương tô điểm cho những nấm mồ. Một pho tượng làm bằng đá đen mô tả một người lính mệt mỏi, súng M-16 kê ngang đùi, ngồi ngay trước cổng chính để chào đón khách tham quan.

Trong những năm đầu thập niên 70, mẹ tôi thường đến đây, cách Sàigòn khoảng nửa giờ xe hơi. Mẹ đi giữa những hàng bia mộ, đọc những chữ khắc lên đá, tìm tên chồng, tên ba tôi–Nguyễn Tấn Hưng, đại úy Quân lực Việt Nam Cộng hoà, mất tích trong mùa hè 1972 ở Cao nguyên. Mẹ tôi đến đây chỉ vì mẹ nghĩ biết đâu có khi nhầm lẫn, quân đội chôn cất cha tôi mà không thông báo cho thân nhân biết.

Trước đây, nghĩa trang quân đội là một biểu tượng cho lòng ái quốc và là nơi an nghỉ của những anh hùng ngã gục ngoài chiến địa trong lúc chiến đấu chống Cộng sản từ phương Bắc, ngày nay nghĩa trang quân đội là một khu đất bỏ hoang. Phần lớn những cây liễu đã bị đốn, pho tượng đá bị phá hủy. Hàng mộ bia dài dường như bất tận ngày nào giờ bị cỏ dại gai góc che khuất. Những tấm mộ bia màu trắng, màu xám đã bị sơn viết dơ bẩn, có cái đã bị đá sập, có chỗ người ta còn tiểu tiện lên.

Tôi cũng đã cùng mẹ đến nơi này, đi dọc theo hàng hàng các ngôi

mộ, muốn tìm cho ra lẽ chuyện gì đã xảy ra cho cha tôi. Cũng như mẹ, tôi chưa tìm ra được câu trả lời, nhưng những gì mà cảnh hoang phế của nghĩa trang gợi ra cho tôi lại làm cho tôi đau khổ thêm: chính ở trên mảnh đất mà cha tôi đã chiến đấu để gìn giữ, cha tôi không những chỉ là mất tích, xem như đã chết, hơn thế nữa, cha tôi còn bị miệt thị, và tệ hại hơn nữa, đã bị lãng quên.

Tôi tên là Nguyễn Tấn Băng Phương, trưởng nữ của Bà Lê Xuân Hà và Đại úy Hưng. Nhưng tôi còn là Lily Dizon, con nuôi của Alejandro Dizon, một nhân viên dân chính Hoa kỳ làm việc tại Việt Nam đã kết hôn với mẹ tôi, nuôi nấng bốn đứa con của mẹ như con của mình. Tháng tư năm 1975, lúc Sàigòn đang thất thủ, mẹ tôi và tôi cùng hai em trai và em gái được máy bay bốc ra khỏi cảnh nhốn nháo đến trại tị nạn ở Guam, và cuối cùng đến Louisiana đi tìm một cuộc đời mới.

Chúng tôi bỏ lại sau lưng một quê hương đang sụp đổ, hàng chục thân nhân, cùng với nỗ lực trường kỳ và vô vọng trong việc tìm kiếm tung tích cha tôi. Cuối năm đó, mẹ đành chấp nhận chôn vùi quá khứ, tái giá để cho những đứa con của mẹ có được một mái ấm gia đình. Mười chín năm sau, do sự tò mò của một người làm báo thúc đẩy và do bổn phận làm con, lại được cha nuôi khuyến khích, được mẹ cho phép, tôi quyết định tiếp tục nỗ lực tìm kiếm đó.

Tôi bắt đầu từ chỗ còn in trong ký ức của tôi. Tôi biết mặt cha nhờ nhìn mấy tấm ảnh và nhờ ký ức lờ mờ của một đứa con gái nhỏ bé. Tôi nhớ một người đàn ông lúc nào cũng mặc áo trận, luôn luôn vắng nhà đi đánh cộng sản, bọn "quỷ đỏ" đang xâm chiếm quê hương, ngay từ lúc chúng tôi còn sống ở Qui nhơn, một thành phố miền biển ở Trung Việt.

Tôi còn nhớ những lần cha cõng lên vai; tôi còn nhớ con búp bê to bằng người tôi lúc đó cha tôi đi Mỹ du học mua về; tôi còn nhớ chính cha tôi chứ không phải chị ở đã quét nhà vì ông thường nói với tôi là "không ai quét sạch bằng ba." Nhưng tôi nhớ rõ hơn hết một kỷ niệm vốn rất dễ quên: Lúc đó vào buổi tối, cha đang bồng tôi trên tay rồi bỗng nhiên hỏi tôi mấy tuổi. Tôi mạnh dạn đưa 6 ngón tay trả lời: "Không phải con ơi," cha cười rồi lấy tay lùa vào tóc tôi. "Con mới năm tuổi."

Nhiều năm về sau, tôi hỏi mẹ sao chuyện vụn vặt này lại in sâu vào ký ức tôi như thế. Mẹ bảo hôm đó là ngày 8 tháng 3 năm 1972, ngày tôi tròn năm tuổi. "Cả gia đình đi ăn tiệm mừng sinh nhật con. Ngày hôm sau ba ra đơn vị, rồi từ đó không về nữa." Mẹ không cần phải nhắc tôi chuyện gì xảy ra sau đó. Hôm ra đi, Ba khăng khăng đòi chụp một tấm hình gia

đình. "Ba muốn ghi khắc hình ảnh vợ con vào tâm khảm." Mẹ còn nhớ là ba còn nói thêm, "lỡ mai này." Mẹ nói là ba đã từng đi trận nhiều lần, nhưng chưa bao giờ nói những điều gỡ như thế.

Một tháng sau, ba gọi điện thoại từ căn cứ hoả lực Tân Cảnh, sát biên giới Lào và Kampuchia, báo tin ba chưa về được. Một chiếc cầu bị giựt sập, trong khi quân tăng viện chưa đến kịp. Ba bảo là sẽ về nhà ngày 22 tháng 4.

Ngày 24, có chừng sáu bảy chiếc xe Jeep nhà binh đậu trước nhà tôi vừa lúc mẹ từ căn cứ tiếp liệu quân sự Mỹ đi làm về. Mẹ hối hả vào nhà, thấy có mấy ông sĩ quan, người ngồi, kẻ đang đi lui đi tới. Không thấy ba đâu cả, mẹ lướt qua mấy ông sĩ quan đi tìm ba. Mẹ nghĩ có lẽ ba đang chơi trò trốn tìm như trước đây ba vẫn thường đùa như thế.

Nhưng một ông sĩ quan yêu cầu mẹ ngồi xuống. Chị ở dẫn tôi và mấy đứa em vào nhà bếp rồi đóng cửa lại. Tôi hé mở cửa rồi nhìn lén ra. Một ông trung tá mở đầu, nói rằng ông thật sự không muốn có mặt ở đây, nhưng Mẹ lại lấy hai tay che tai rồi chạy đến cửa nhà bếp nhìn mấy đứa con sửng sốt. Ở đằng sau, ông trung tá cố gắng thêm một lần nữa: "Địch quân tràn ngập căn cứ Tân Cảnh và cha tôi hiện giờ đang ở đâu thì không ai biết."

"Không những chỉ riêng Đại úy Hưng, mà nguyên sư đoàn, được báo cáo mất tích," ông nói. "Mất tích," mẹ lập lại, miệng lẩm ba lẩm bẩm, thần trí rối bời. Đó là lần đầu tiên mẹ nghe hai tiếng "mất tích." "Vậy là Hưng chưa chết?"

Chúng tôi không biết đích xác, ông sĩ quan trả lời. Chưa có tin gì thêm.

Mấy ông sĩ quan ra về. Mẹ bắt đầu khóc, và đứa em trai ba tuổi của tôi khóc theo. Đứa em hai tuổi níu lấy tay tôi. Tôi bậm môi trong khi mẹ ôm đứa em nhỏ nhất vào lòng. Mẹ mới hai mươi bốn tuổi ngày được tin chồng mất tích. Ba tôi lúc đó ba mươi mốt tuổi.

Sau đó, bạn bè đến thăm viếng an ủi nhưng mẹ tôi không tiếp mà dẫn chúng tôi ra biển. Chúng tôi đi chân trần trên cát, tay nắm tay, mất nhắm lại trong lúc mẹ bắt đầu cầu nguyện, mở đầu cho không biết bao nhiêu lời cầu nguyện từ đó về sau. Mẹ cầu trời cầu Phật, cầu thổ thần, ông bà phù hộ cho ba tôi trở về.

Máy bay đáp xuống Việt Nam vào tháng 4, 1994, và thành phố Saìgòn (không ai thèm gọi là thành phố Hồ Chí Minh) thân quen của tôi đang vào mùa nóng đến ngột thở. Tính đến tháng này, cha tôi mất tích đến nay

đúng 22 năm, và tôi đã rời bỏ nơi này đúng 19 năm. Tôi được cấp chiếu khán nhập cảnh một tháng, nhưng hy vọng của tôi thì lại không giới hạn.

Trong suốt hai tháng, ngày nào tôi cũng tìm đọc các tài liệu quân sử và các bài báo viết về trận Tân Cảnh; tôi lại có dịp nói chuyện với hai người sống sót trận đó hiện đang cư ngụ tại San Jose. Ai cũng bảo, "Tôi không biết cha cô," tuy có một người đã không làm tôi thất vọng. Lúc ở trong nhà ăn, ông ấy kể, "Cha cô và tôi đã từng cười ngất khi xem những cuốn phim hài hước của Mỹ. Tôi nhớ chắc chắn là tôi và cha cô đã từng ngồi uống bia với nhau."

Tôi viết thư, rồi nhờ Mẹ dịch ra tiếng Việt– tuy tôi nói rành rõi nhưng lại viết không thạo–gởi đến không biết bao nhiêu viên chức ngoại giao và cán bộ. Tôi hy vọng họ sẽ giúp tôi tìm ra tung tích cha tôi, hoặc hy vọng họ cho tôi xem hồ sơ về quân nhân QLVNCH mà trước đây mẹ tôi chưa hề được thấy, nhất là hồ sơ quân nhân mất tích và văn khố liên hệ đến lính Bắc Việt. Dù gì thì chiến tranh cũng đã chấm dứt từ lâu, biết đâu tôi lại hưởng được cái thành quả của một chiến dịch lâu dài, phức tạp, nhằm hàn gắn vết thương chiến tranh.

Tại Saigon, một đại diện của Bộ Ngoại Giao là Huỳnh Dương Chinh bảo là ông ấy ngưỡng mộ tấm lòng hiếu thảo của tôi và mối quan tâm của người làm báo chú ý đến số phận của người Việt Nam bị mất tích trong chiến tranh qua các cuộc tranh luận về vấn đề quân nhân bị mất tích ở Hoa Kỳ. Tôi làm việc với Chinh ba ngày, sau đó tôi ra Hà Nội cùng với tùy viên báo chí của bộ ngoại giao là Nguyễn Duy Linh.

Công việc của tôi hết sức tế nhị. Tôi phải tìm cách thuyết phục chính phủ Việt Nam, qua trung gian của Linh, là tôi chỉ muốn tìm cho ra tung tích của cha tôi một lần rồi thôi. Tôi không đến đây để viết về lính Mỹ mất tích. Tôi đến đây để ghi lại nỗ lực của một người phụ nữ Việt Nam đi tìm cha mà thôi.

Linh là một người trẻ, mới hai mươi sáu tuổi, nhưng rất cao ngạo. Ngay từ lúc đầu, hắn ta khéo léo khước từ, còn bảo là tôi đừng nên trông mong gì nhiều ở các thượng cấp của hắn vì họ không muốn gây chú ý đến số phận những người lính miền Nam bị mất tích. Về sau, Linh đòi tôi những 600 đô la, một số tiền lớn so với lợi tức trung bình của một người dân, khoảng 20 đô la một tháng, mà chẳng giúp gì được ngoài việc đưa tôi chạy lòng vòng trong suốt ba tuần lễ.

Sau mấy ngày nghe những lời nói khéo của hắn, tôi đành phải dùng cách đe dọa kín đáo.

"Anh cũng thấy rõ rằng nếu tôi tường thuật lại chuyến đi này một cách hay ho, ca ngợi chính phủ giúp đỡ tôi thật nhiều, thì Việt Nam sẽ có

được thiện cảm của báo giới, nhất là trong giai đoạn đang có những bàn thảo về việc tái lập bang giao." Tôi đề nghị với Linh trong lúc hắn đang ngồi trong phòng tôi ở trong khách sạn có máy điều hoà, phì phà khói thuốc về phiá tôi ngồi. "Cứ theo tình hình này, tôi sẽ viết là chính phủ không chịu hợp tác và không chịu giúp tôi chút nào."

Linh là con một của một viên chức ngoại giao cao cấp, dụi điếu thuốc thứ ba lên sàn nhà bằng gạch nhựa. "Cũng được. Và cô nói đúng," hắn nở nụ cười ra chiều tốt bụng. "Cô phải hiểu rằng đây không phải là nước Mỹ. Ở đây người ta không làm việc giống như ở Mỹ."

Tôi đã được báo trước về tệ nạn của guồng máy công quyền ở đây nhiều lần. Robert J. Destatte, trưởng phái đoàn tìm kiếm người Mỹ mất tích ở Hà Nội vạch ra cho tôi con đường phải theo: "Lễ phép, kiên trì và kiên nhẫn." Tôi làm những gì Linh bảo tôi làm. Tôi ngồi đợi bên điện thoại khi hắn bảo tôi chờ hắn gọi. Hắn yêu cầu, và tôi cũng đã cho hắn xem dàn bài viết của tôi. Hắn đòi hỏi, và tôi cũng đã cung cấp một danh sách những câu hỏi tôi muốn hỏi các viên chức. Tôi đã họp bàn với hắn không biết bao nhiêu lần, có khi tôi còn phải van nài nữa là khác.

Rồi sau khi tôi lưu lại Hà Nội được sáu ngày, sức kiên nhẫn của tôi đã cạn kiệt.

Trong một buổi họp trong phòng khách sạn của tôi, tôi thúc Linh cho biết chừng nào các viên chức mới chịu gặp tôi, và liệu có ai có thể cho tôi xem hồ sơ về việc giam giữ cha tôi, hoặc cho tôi biết một cách chắc chắn là không làm gì có những thứ hồ sơ như vậy. Nếu chuyến này tôi không tìm được câu trả lời, liệu lần sau, hay lần sau nữa, tôi có tìm ra được câu trả lời không?

Linh chăm chăm nhìn tôi một lúc qua màn khói thuốc mờ rồi nói một cách lửng lơ: "Cô nên biết là cô làm như thế này là hỏng. Giá như ngay từ đầu cô nói cho tôi biết cô cần gặp những người có thẩm quyền cho cô tin tức về cha cô, thay vì xin phỏng vấn họ, hẳn tôi đã dành trọn thì giờ để tìm người có thể cung cấp tin tức về cha cô rồi."

Chắc chắn là tôi nghe nhầm, hay là tại tôi nói tiếng Việt không rành như tôi nghĩ. Nhưng khi tôi hỏi lại, hắn lặp lại nguyên văn những lời nhảm nhí vừa nói. Thế nên tôi đã đưa cho hắn xem không biết bao nhiêu phó bản từng bức thư, từng bản trả lời theo sự yêu cầu của hắn cũng như của thượng cấp hắn.

"Cách hữu hiệu nhất là cô đích thân gởi thỉnh nguyện thư lên Bộ trưởng Quốc phòng Đoàn Khuê," Linh nói, phớt lờ những phó bản tôi đưa cho hắn. "Cô nên biết là tôi chỉ có thể làm được bấy nhiêu thôi."

Đó là lúc tôi cẩn thận lựa lời bảo với hắn, rằng hắn chỉ làm cho tôi

được một việc thôi, đó là phung phí thì giờ của tôi. Và khi tôi đưa cho hắn lá thư tôi gởi cho Bộ trưởng Quốc phòng, Linh không đụng đến lại còn bảo là hắn chưa bao giờ thấy lá thư đó.

Hắn nói tiếp, có lẽ khi trở lại Việt Nam với tư cách là một nhà báo, tôi đã làm một việc sai lầm. Nếu công việc của tôi ít dính dáng đến chính trị– "Không có cái gì một nhà báo viết về người Mỹ mất tích mà không dính dáng đến chính trị."– hắn nói, có lẽ việc tìm kiếm tung tích của cha tôi sẽ dễ dàng hơn.

"Anh Linh," tôi xưng hô lễ phép, "có phải anh nói nếu như tôi đến nhờ anh giúp, không lấy tư cách một nhà báo, mà là một Việt kiều, nói cho anh biết tôi cần làm gì, rồi xin anh hay các viên chức khác giúp đỡ, thì anh sẽ trả lời, "Để tôi xem có thể giúp được gì không?" hay sao.

"Hẳn nhiên là không," hắn trả lời một cách gắt gỏng, "Tôi sẽ hỏi: Cô nghĩ cô là ai mà lại đến nhờ tôi những việc như thế."

Năm 1972, vài tuần sau khi Tân Cảnh thất thủ, mẹ tôi đáp xe đò lên miền cao nguyên để tìm cha tôi. "Lúc đó mẹ không thể giải thích được là trạng thái tinh thần của mẹ ra sao, sao mẹ lại nghĩ là mẹ có thể tìm được Ba," mới gần đây mẹ tôi tâm sự như thế . "Mẹ muốn biết sự thật. Mẹ muốn tâm mẹ được yên. Nếu chắc chắn Ba con đã chết, ba con cũng sẽ được yên nghỉ." Làm sao người chết yên nghỉđược trong khi gia đình lại không biết mình chết hay sống?

Nhưng xe chỉ lên đến thị trấn Kontum, cách Tân Cảnh 23 cây số về phía nam, thì ngừng lại. Không ai có thể đi xa hơn vì đang có những cuộc giao tranh xảy ra trong vùng. Mẹ trở về, thất vọng, nhưng đó mới chỉ là lần đầu của không biết bao nhiêu lần ra đi tìm cha tôi như thế. Những lần khác có tôi đi cùng.

Ba tháng sau ngày cha tôi được xem là mất tích, gia đình chúng tôi dọn vào Sàigòn. Căn cứ tiếp liệu quân đội Mỹ ở Qui Nhơn, chỗ mẹ tôi làm quản lý nhà ăn, phải đóng cửa, nên mẹ tôi được thuyên chuyển vào căn cứ Tân Sơn Nhất.

Đến Sàigòn, chúng tôi lại tìm kiếm. Mỗi cuối tuần, mẹ tôi xuống tận căn cứ ở Biên hoà, nơi họ cập nhật danh sách quân nhân được xác nhận tử trận hay những người bị bắt nay trốn thoát được trở về. Mẹ tôi đưa ảnh ba tôi cho mấy người lính xem, rồi hỏi có ai gặp ba tôi không. Không ai nhận ra ba tôi, nên tên ba tôi vẫn còn nằm yên trong danh sách những người mất tích.

Hôm nào tôi bận đi học, mẹ tôi đến đó một mình. Lúc đứng trước nhà

đón mẹ về, tôi nhìn thấy một hình dáng cô đơn, bận áo màu đen, đi thất thểu trên con đường đất. Khi đến chỗ tôi đứng, mẹ ngồi thụp xuống rồi khóc, thốn thức qua màn lệ: "Mẹ chưa tìm ra ba đầu cả." Tôi lại ngồi thụp xuống để kéo mẹ đứng dậy. Những lúc như thế, hai mẹ con vẫn thường ôm nhau.

Tháng 3 năm 1973, theo hiệp định ngừng bắn, Bắc và Nam Việt trao trả tù binh. Vào ngày trao trả, mẹ con tôi đến quận Bà Chiểu ở ngoại ô Sàigòn. Ở đó người ta dựng mấy chiếc lều vải, mẹ con tôi cùng đoàn người chờ đón thân nhân được trao trả. Trong khi các gia đình có người được trả khóc mừng đoàn tụ quanh tôi, chúng tôi lại càng hy vọng là cha tôi sẽ từ một nơi nào đó chạy đến ôm chầm lấy chúng tôi bất cứ giờ phút nào.

Sau đó mẹ tôi gặp lại những người quen, sĩ quan và binh sĩ cùng đơn vị pháo binh với ba tôi ở Tân Cảnh. Có bảy người, và lần lượt từng người một, ai cũng nói là họ không biết chuyện gì đã xảy ra cho ba tôi. Các sĩ quan chỉ huy đơn vị là Trung Tá Trinh Le Trien và Thiếu Tá Trịnh Thanh Khue đồng xác nhận là cha tôi đã bị bắt cùng họ, nhưng khi đến nhà giam ở Hà Nội thì họ lại không thấy ba tôi đâu nữa.

Chúng tôi bước vào lều cứu thương. Ở đó, mẹ tôi gặp hạ sĩ Nguyễn Văn Đông, tài xế của ba tôi. "Thưa bà, Đại Úy chết rồi," là những lời nói đầu tiên từ cửa miệng anh buột ra. Mẹ tôi choáng váng rồi ngã xuống, đầu đánh vào chiếc ghế gỗ.

"Anh thấy nhà tôi chết thật không?" mẹ hỏi, trong lúc tôi đang đỡ mẹ dậy. "Nhà tôi chết như thế nào?"

"Thưa bà, tôi không rõ. Tôi không chứng kiến cái chết của Đại Úy. Tôi đoán chừng vậy thôi, vì lần sau cùng tôi gặp Đại Úy, ông đã yếu lắm rồi." Cũng theo lời Đông, cha tôi ngã bệnh trong lúc di chuyển về trại giam, và có đoạn những người bắt cha tôi phải buộc dây thừng vào người ông để kéo ông đi.

Trong những ngày tháng tiếp theo, những lời đồn đãi trong giới quân nhân cũng chỉ mang lại cho chúng tôi những tin tức tương tự. Có người bảo là Đại Úy Hưng bị trúng đạn rốc-két ngay trong đợt tấn công đầu tiên vào Tân Cảnh. Có người lại nhớ là trong lúc mọi người đều đầu hàng, chỉ còn ba tôi chống trả để rồi cuối cùng bị dí súng vào đầu và bị bắt. Ngay cả cô tôi cũng nói là cô thấy một người lính trả lời phóng viên của đài truyền hình là anh ta nghe "Đại Úy Hưng" thách thức địch quân lúc đi ngang một chiếc cầu trên đường về trại giam, rồi sau đó một người lính Bắc Việt đã bắn chết cha tôi.

Mẹ tôi thăm dò tận gốc những tin tức đại loại như thế, nhưng tất cả

đều chỉ là tin đồn không hơn không kém.

"Ai cũng nói là cha con hoặc bị bắn, hoặc chết vì bệnh, nhưng ai cũng nói là họ không biết chắc." "Họ chỉ làm cho mẹ thêm đau khổ, rồi lại cho mẹ hy vọng. Thỉnh thoảng mẹ vẫn nghe có những người sống sót trở về mặc dù đã bị xem là đã chết. Vì thế mẹ vẫn nuôi hy vọng."

Lại một buổi sáng nóng nực ở Hà Nội. Tôi đang ngồi trong toà soạn tạp chí của Hội Cựu Chiến Binh Việt Nam, thêm một lần nữa, cố gắng lịch sự và kiên nhẫn. Từ năm 1991, tạp chí này đăng tải những danh sách và hình ảnh những người lính Bắc Việt, du kích cộng sản tử trận cùng nơi chôn cất. Mục đích là để khuyến khích người đọc nếu ai có tin tức gì về một trận đánh nào đó, có nhớ được tên tuổi ai thì nên liên lạc với thân nhân của họ hay liên lạc với toà báo. Cho đến ngày hôm nay, tờ báo này đã xác định được số phận của hơn 600 người lính Bắc Việt trước đây ghi nhận là mất tích. Danh sách này được phát không, theo lời phụ tá chủ nhiệm Trần Ngọc, và gia đình, thân nhân của những người được ghi nhận là mất tích luôn luôn được toà báo giúp đỡ truy tầm.

"Cha tôi là một sĩ quan Việt Nam, chiến đấu cho chính nghĩa mà ông tin tưởng," tôi nhắc nhở ông phụ tá chủ nhiệm. Tôi bằng lòng trả tiền để được đăng tên của cha tôi vào danh sách.

Ông Ngọc nhìn tôi một vài giây rồi trả lời một cách thẳng thừng. "Chúng tôi chưa cởi mở đến mức đó. Mục đích của tạp chí là tìm kiếm tung tích chiến sĩ của chúng tôi trước. Cho đến khi nào truy tầm được hết tất cả những người lính của chúng tôi bị mất tích, may ra lúc đó chúng tôi mới nghĩ đến chuyện tìm kiếm những ai khác."

Nghiêm Xuân Tuệ, phát ngôn nhân của Bộ Lao Động, Phế Binh và Xã hội thì lại không tỏ ra lịch thiệp chút nào khi tôi nói chuyện với ông ta. Cơ quan của ông lo tìm kiếm những người Việt Nam được ghi nhận là mất tích. "Con số người mất tích chúng tôi có chỉ 300,000, và đó là những chiến sĩ anh hùng đã giải phóng đất nước," ông Tuệ nói. "Còn những ai khác, chúng tôi không quan tâm."

Nghe thế, tôi thật sửng sốt vì những lời nói hết sức trắng trợn. Người Mỹ ghi nhận có 2,233 quân nhân mất tích ở Đông Nam Á trong chiến tranh Việt Nam, trong đó có 1,642 người được xem là mất tích ở bên trong lãnh thổ Việt Nam. Việc tìm kiếm những người này là một nỗ lực lâu dài, và cũng ảnh hưởng nhiều đến quyết định tái lập bang giao với Hà Nội. Chính Hà Nội cũng đã quan tâm đến số phận của 300,000 người của họ bị mất tích. Cả hai phe đối nghịch cũng đã san sẻ tin tức trận mạc với nhau

trong nỗ lực tìm kiếm những người mất tích của họ. Nhưng chẳng có phe nào ngó ngàng gì đến số phận của cha tôi, không ai san sẻ chút tin tức gì về cha tôi, và có lẽ họ sẽ không bao giờ chịu san sẻ những tin tức đó.

Nhiều người Việt Nam tin vào phần số, định mệnh. Có người tin là định mệnh đã an bài, có người nghĩ rằng họ có thể thay đổi số phần của họ. Về phương diện này, tôi lại tự cho mình là một người theo cách sống Tây phương hoàn toàn–tôi thường tự bảo, đời tôi do chính những việc tôi làm quyết định, do những chọn lựa của riêng tôi. Nhưng bây giờ tôi cũng phải làm theo cách người Việt Nam thường làm. Tôi đi xem bói.

Trước đây tôi cũng đã đi xem bói một lần ở Sàigòn, trong lúc chờ giấy phép ra Hà Nội. Người thầy bói này ngồi xem quẻ trong một con ngõ, miệng khi nào cũng nhe răng cười, thỉnh thoảng lại ợ vì uống Coca. Xem chỉ tay của tôi, thầy nói là tôi sẽ gặp một "tai nạn" vào khoảng cuối năm, rằng công việc tôi sẽ thăng tiến nhanh chóng, và nếu tôi không cẩn thận có thể bị chết trôi.."

"Cha cô còn sống," ông thầy nói, và tôi cũng phải xấu hổ thú nhận rằng nghe như vậy, tim tôi đập lỗi đi một nhịp.

"Lúc ban đầu cha cô bị bắt buộc phải sống xa gia đình," ông thầy bói vừa nói vừa nhẩm tính các đường lóng tay của ông, như thử để xem số của cha tôi và số của tôi gắn bó với nhau như thế nào, tính theo ngày sinh. "Nhưng lâu nay, cha cô lại không muốn trở về với người thân nữa. Ông thấy hổ thẹn vì ông đã mất hết tất cả, mất hết nhà cửa, mất hết tự tin."

Tôi định bỏ đi, nhưng người thầy bói vẫn còn nắm tay tôi. Ông ta nhìn tay tôi thêm một lúc nữa rồi nói. "Cha con cô sẽ gặp lại nhau. Cha cô sẽ tìm đến cô."

Bây giờ ở Hà Nội tôi cũng lại đang ở trong một con hẻm, đến xem một thầy bói khác. Nhân viên ở khách sạn cam đoan với tôi rằng người thầy này, bà Vũ thị Xuân, 36 tuổi theo đạo Phật, có thể xem bài tây đoán số mệnh. Bà mời tôi ngồi trên một chiếc giường có trải chiếu.

Tôi bảo với bà ta là tôi đi tìm cha và tôi không để lộ một chi tiết nào về sự vắng mặt của ông. Bà bảo tôi xóc bài ba lần, rồi lật ngửa chín con.

"Tôi muốn cho chắc," bà giải thích tại vì sao lại bắt tôi xóc bài đến ba lần như thế. "Lần nào bài cũng nói là cha cô còn sống. Mấy năm nay ông ấy sống với một người con trai, trạc bằng tuổi cô," bà Xuân vừa nói vừa lật mấy con bài. "Không có người con trai này thì cha cô không có nhà ở, không ai săn sóc. Theo quẻ bài thì cha cô hiện đang trắng tay. Số ông ấy phải sống xa gia đình."

"Cha cô không biết là cô đang đi tìm," bà Xuân nói thêm. Nhưng cô yên tâm, "cha cô sẽ bắt được lời nhắn là cô đang đi tìm ông ấy, và rồi ông ta sẽ đến tìm cô."

Tôi nói với bà Xuân là tôi không tin lời thầy bói. Thấy bà trầm ngâm im lặng, tôi nói tiếp, "Tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại đến đây?" Sau đó tôi nói thêm, "Tôi có nên tin lời bà không?"

"Tháng mười một cô sẽ có tin," bà trả lời một cách nhỏ nhẹ.

Tôi không nói cho bà ta biết là tôi đã nghe những lời như thế rồi, và tôi cũng không nói là mọi ngõ ngách đều chẳng đem lại cho tôi một tin gì mới. Tôi ra về.

Một tuần sau ngày tôi đến Hà Nội, Linh mang lại cho tôi một tin vui. Hắn có thể đưa tôi đến Tân Cảnh, chỗ cha tôi trấn thủ sau cùng.

Trong suốt tám giờ xe hơi trên con quốc lộ chật hẹp băng ngang vùng cao nguyên, tôi chỉ âm thầm ngắm nhìn phong cảnh. Tôi tận hưởng hết những cảm giác lúc xe nhồi hay lắc lư qua các khúc đường cong trên quốc lộ, ý thức được rằng tôi đang đi trên chính con đường mà cha tôi nhiều lần đã đi qua mỗi lần ông ra trận.

Vùng này trước đây toàn là rừng rậm, trước khi có những đợt bom B-52 khai quang. Bây giờ thì chính phủ có ý định cho dân canh tác, nên xe đã đưa tôi đi qua những ngọn đồi cây mọc um tùm, qua những vườn cây trồng cao su, chuối, khoai mì và mận. Chúng tôi qua An Khê, một làng nhỏ xanh tươi trù phú ngút ngàn ruộng lúa xanh rì, nơi bà cố ngoại của tôi đã sống ở đó cho đến lúc bà qua đời hơn mười năm về trước. Lúc còn nhỏ, tôi hay leo cây ở trong vườn hay cỡi trâu đi trên ruộng của bà cố.Chúng tôi lại đi ngang qua thành phố Pleiku, nơi tôi đã ra chào đời.

Đâu đâu tôi cũng thấy những nghĩa trang quân đội, có cắm bảng sơn phết loè loẹt, gọi mời du khách viếng cảnh ngừng chân tưởng niệm các liệt sĩ, những "anh hùng đã xả thân vì đất nước." Ngay cả lúc nhìn từ đằng sau khung cửa sổ chiếc xe van, tôi cũng có thể nhận ra những ngôi mộ này là nơi an nghỉ cuối cùng của những người "giải phóng" Việt Nam: họ là những cán binh Việt Cộng và lính chính quy Bắc Việt, mộ phần của họ được săn sóc cẩn thận trông thật oai nghiêm, không như những nấm mồ bỏ hoang ở nghĩa trang Biên Hoà.

Để gạt bỏ những ý nghĩ buồn bã ra khỏi đầu, tôi hỏi Linh cả nước nghĩ như thế nào về những người lính như cha tôi. Tôi biết hắn có học Sử ở Đại học Hà Nội nên tôi đặt câu hỏi như một ký giả muốn tìm hiểu thêm về những việc chung chung.

Lần đầu tiên tôi thấy Linh trả lời một cách thành thật, không trịch thượng. "Trong cuộc chiến chống Mỹ," hắn bắt đầu, "những người Việt Nam nào cầm súng chống lại đồng bào đều là những kẻ phản quốc."

Tôi không thấy sốc nhiều mà lại cảm thấy lòng mình tan nát hơn khi nghe những lời hắn nói. Trong khoảng im lặng dài tiếp theo sau đó, tôi muốn nói cho Linh hiểu rằng hắn đã sai lầm, rằng cái lịch sử mà hắn biết chỉ là một thứ lịch sử không toàn vẹn. Cha tôi cũng là một người Việt Nam như hắn, như cha hắn, như những người "giải phóng" khác. Niềm tin của cha tôi tuy có khác nhưng không vì thế mà kém cao đẹp. Cha tôi chịu hy sinh cho một chính nghĩa mà ông tin tưởng và hắn là ông cũng đã xả thân cho chính nghĩa đó. Tôi muốn hỏi hắn vậy chứ điều đó không đáng kể hay sao? Nhưng tôi chỉ giữ cơn ấm ức trong lòng.

Chuyến đi bằng xe chấm dứt khi chiếc xe *van* ngừng lại chờ đến lượt qua cầu. Tôi biết chắc rằng đây là cầu Bo Ko, chính cây cầu Cộng sản đặt mìn giật sập hai mươi hai năm về trước để chận đường về của cha tôi. Tôi bảo người tài xế cho tôi xuống xe.

Tôi bước từng bước chậm trên chiếc cầu sắt không mấy chắc chắc, trên những tấm ván kêu kẽo kẹt, chú mục nhìn xuống giòng nước chảy xiết sâu thẳm ở bên dưới, giòng nước ngăn cách cha tôi và mái ấm gia đình nhiều năm về trước. Phía bên kia cầu, nằm ở cuối đường là một tấm biển bằng xi măng to lớn, có ghi "Di tích Lịch Sử..." "Chiến thắng Vẻ vang..."

Căn cứ hoả lực Tân Cảnh ngày trước giờ chỉ còn là một khoảng đất trống nằm trên một ngọn đồi, một trong những cao điểm của vùng Cao nguyên chiến lược. Về địa lý, vùng này thuộc miền Nam Việt Nam, nhưng lại là nơi ngăn cách quân đội Bắc Việt với các thành thị miền Nam. Trong mười năm quân vụ, cha tôi hầu như lúc nào cũng trấn đóng vùng cao nguyên. Hai năm cuối cùng đóng ở Tân Cảnh, thuộc Sư đoàn 22 Bộ BinhViệt Nam Cọng Hoà.

Trận đánh Tân Cảnh là một trong những trận đánh trong cuộc tổng tấn công mùa Hè năm 1972, lúc quân đội chính quy Bắc Việt phát động nhiều cuộc tấn công khắp Việt Nam vào tháng tư năm đó. Những người Việt Nam kinh qua mùa hè năm đó, lúc lửa đạn đốt cháy nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam, gọi đó là Mùa Hè đỏ lửa. Tại căn cứ hoả lực Tân Cảnh, 6000 lính Bắc Việt đương cự với 3,500 người lính thuộc sư đoàn 22 bộ binh Việt Nam Cộng hoà.

Tôi đã được nghe người Mỹ nói nhiều về trận đánh đó. "Sĩ quan không được huấn luyện chu đáo," nhà quân sử Dale Adrade nói với tôi như thế trong một cuộc điện đàm từ văn phòng của ông ở Hoa Thịnh Đốn.

"Họ không chịu đánh. Một số ít bỏ chạy tán loạn về Kontum. Một số khác đào ngũ, bỏ về với gia đình."

Nhưng tôi cũng đã nghe người ta nói khác, theo lời của Tam Vũ và Khoi Ha, hai cựu quân nhân Việt Nam Cộng hoà tôi đã gặp ở San Jose. "Trong hai hôm liền, đạn pháo kích và hoả tiển rơi như mưa xuống căn cứ." Ông Vũ, giờ đã 54 tuổi, nói với tôi như thế. "Tôi sợ quá. Ai cũng sợ. Nhưng chúng tôi vẫn chống trả, mặc dù bắn vào cái gì thì không ai biết. Càng bắn bọn họ đến càng đông."

Những ai sống qua được trận càn này thì hoặc là đầu hàng hoặc là bị bắt, theo lời Vũ, một đại úy bộ binh thoát thân trên đường đến trại giam. Một số khác, như bạn của Vũ là Khoi Ha, cũng là một đại úy bộ binh, đã thật sự "bỏ chạy." Cứ mỗi một người chạy thoát được như tôi thì lại có mười, hai mươi, ba mươi người bị giết. Có lẽ lúc đó tôi không nên bỏ chạy, có lẽ nên tử thủ. Nhưng tôi đã bỏ chạy, và cũng vì thế nên còn sống để đánh thêm một trận nữa."

"Tôi không bao giờ quên được Tân Cảnh," ông Vũ nói. "Tôi đã chiến đấu gần mười năm trời, nhưng Tân Cảnh là trận đầu tiên khiến tôi phải nghĩ là phe chúng ta sẽ thất bại. Không đủ sức để thắng."

Thật khó mà so sánh những ký ức đầy hãi hùng của ông Vũ với quang cảnh của Tân Cảnh bây giờ, chỉ còn là một vùng đất hoang. Cỏ dại và cây cối mọc rải rác. Những mảnh kim khí rỉ sét nằm đó đây. Mặt đất lổ chổ những hố bom, những địa đạo, nhưng đó chỉ là những dấu hiệu còn hiển hiện của cuộc tấn công năm nào. Tôi lại càng thấy khó hơn khi so sánh lời của ông Vũ với lời của đại tá An Minh, chủ nhiệm hiệp hội cựu chiến binh địa phương trong lúc hướng dẫn tôi quan sát căn cứ, "Đây là một trong những chiến thắng vẻ vang của chúng tôi."

Tôi từng hy vọng rằng một khi đến được chính nơi cha tôi sống những giờ phút cuối cùng sẽ làm cho lòng tôi thanh thản, như một cách khép kín lại quá khứ. Nhưng những lời nói của những người tháp tùng tôi trong chuyến đi hôm đó lại làm cho tôi thêm bất bình. Trong lúc đang đứng dưới bóng cây quan sát tôi, một người địa phương cất tiếng hỏi, giọng nói lớn cốt cho tôi nghe, "Chị Việt kiều này muốn đến tìm cái gì ở đây? "Chạy ra nước ngoài, rồi lại trở về nghĩ rằng ai cũng có thể giúp chị tìm ra tông tích của cha mình, tông tích cuả một kẻ phản bội. Nghe tức cười."

Tôi đi trở lại phía cầu Ko Bo, quan sát tấm biển đánh dấu trận chiến. Năm tháng và mặt trời chói chang quả có làm phai màu sơn xanh xám, nhưng chẳng có gì làm phai được hàng chữ "Sáng ngày 24 tháng 4 năm 1972, lực lượng ta đã tràn ngập căn cứ hoả lực (Tân Cảnh)," hay mục đích của tấm biển, ghi nhớ chính cái ngày tôi mất cha.

Trở lại Sàigòn, ngày cuối cùng của chuyến đi, tôi thức dậy từ lúc 4 giờ sáng. Tôi muốn có đủ thì giờ tìm đến chùa Đông Ba, nơi mẹ tôi đã lập một bàn thờ cho ba tôi vào ngày kỷ niệm năm thứ ba ngày cha tôi mất tích, một ngày trước khi chúng tôi rời Việt Nam vào năm 1975.

Ở Việt Nam, hầu như nhà nào cũng dựng một bàn thờ sơn son thếp vàng, thờ tự tổ tiên ông bà, nơi mọi người trong gia đình cầu nguyện cho các linh hồn quá vãng. Nhưng đối với cha tôi, vì không biết ông còn sống hay đã chết, lại không có mộ phần, nên bà cố tôi khuyên mẹ tôi là có dựng bàn thờ ở nhà thì cũng chẳng được gì mà chỉ khiến cho những hồn ma vất vưởng có dịp quấy rầy con cháu mà thôi.

Nghe lời bà cố, mẹ tôi thờ ba ở chùa. Nếu quả thật ba tôi đã chết thì linh hồn ba tôi sẽ được siêu thoát và phù hộ cho chúng tôi. Nếu ba tôi còn sống, thì việc thờ tự ở chùa nhằm cầu an cho ba tôi đến ngày ông trở về.

Ngôi chùa là một căn lầu hai tầng không lấy gì làm tráng lệ cho lắm. Tôi đến trước giờ chùa mở cửa nên vợ chồng người gác cổng phải chạy vào đánh thức sư bà trụ trì. Khi nghe tôi nói lý do đến viếng chùa, sư bà nở một nụ cười tươi chào tôi.

Sư bà đưa tôi lên gác, giữa phòng là hai chiếc bàn bằng gỗ lớn. Trên mặt bàn có hàng trăm tấm ảnh tưởng niệm những người đã chết. Tôi cúi xuống mặt bàn, xem từng tấm ảnh. Thỉnh thoảng thấy có ảnh đàn ông bận quân phục. Tôi biết là Mẹ tôi đã mang đến chùa tấm ảnh cha tôi chụp ngày tốt nghiệp trường võ bị. Tôi đã nhìn thấy tấm hình đó không biết bao nhiêu lần, ngay cả trong lúc ngủ tôi cũng có thể nhận ra được.

Nhưng đến đây tôi lại gặp thất bại, cũng như tôi đã từng gặp thất bại trong suốt chuyến đi này. Tôi không tìm thấy ảnh của ba tôi đâu cả. Trở lại lầu dưới, tôi và sư bà lục khắp cuốn sổ đã rách tả tơi nhưng chẳng thấy tên cha tôi đâu cả. Lại trắng tay.

"Tôi không muốn làm cho cô buồn trước khi dò tìm, nên tôi đã không nói cho cô biết." sư bà vừa nói vừa gấp cuốn sổ. Có mấy cuốn sổ hoặc bị mất, hoặc bị đốt. Chúng tôi đã tìm cách cất giữ cẩn thận những tấm hình quân nhân, nhưng sau giải phóng, nhiều tấm đã bị hủy."

Cuộc kiếm tìm tung tích cha tôi kết thúc đúng ngay chỗ khởi đầu– trong ký ức và ở lòng quyết tâm.

Lúc mới đến Sàigon, tôi có gặp người bác cả là Nguyễn Quốc Hùng. Lúc đó tôi chưa biết, nhưng tìm được bác Hùng xem như là tôi đã rất thành công trong việc tìm tung tích cha. Sau khi nghe những người bạn đồng ngũ cửa cha tôi hiện đang ở Hoa Kỳ nói chuyện, sau khi gặp những

người thuộc phe địch mà cha tôi đối đầu trên trận địa, nghe những lời bàn tán nhiều khi mâu thuẫn nhau về trận đánh ở Tân Cảnh–tất cả những chi tiết đó đã cho tôi biết nhiều hơn về thời gian ba tôi còn sống, về lý do và hoàn cảnh đưa đến sự biệt tăm của ba tôi. Nhưng chính nhờ những ký ức của ông bác, cọng thêm những ký ức của tôi và của mẹ, đã làm cho hình ảnh cha tôi sống lại trong tâm tưởng tôi.

Theo lời bác Hùng, số phận cha tôi sẽ khác đi nếu ông bớt bướng bỉnh. Năm lên mười tám tuổi, bác Hùng kể lại, cha tôi được hoãn dịch vì lý do thiếu cân, chỉ được 120 cân Anh. Không sờn lòng, cha tôi cuộn dây thép vào người. Lần cân đo thứ hai, cha tôi nặng lên 135 cân, đúng tiêu chuẩn tối thiểu. Theo lời bác kể, cha tôi không ham gì chuyện đánh giặc nhưng lại rất thiết tha góp phần xây dựng một nền dân chủ, nên trước hết phải lo đánh giặc cho xong.

Bác Hùng vui mừng gặp lại tôi sau mười chín năm xa cách, nhưng chuyến trở về của tôi cũng nhắc nhở bác gánh nặng tinh thần mà bác mang trên người. Suốt mấy năm sau 1975, mỗi lần nghe tiếng gõ cửa, tim bác ngừng đập, rồi bác chạy ào ra cửa đón khách, "biết đâu cha cháu trở về," bác tâm sự với tôi trong lúc mắt nhìn ra bóng đêm bên ngoài. "Ngay từ đầu bác không tin là cha cháu đã chết, bác cầu trời cầu Phật cho cha cháu trở về. Về sau này bác thôi không còn hăm hở mở cửa như trước mỗi lần nghe tiếng gõ. Để lòng được thanh thản, bác không còn nuôi hy vọng nữa. Nhưng cháu cũng biết, điều khổ nhất vẫn là không biết chắc chắn cha cháu còn sống hay đã chết."

Đêm hôm đó, cũng như lúc tôi bắt đầu chuyến đi, tôi đồng ý với bác–không biết đích xác chính là khổ tâm lớn nhất. Nhưng ba tuần lễ sau, tôi lại thấy còn có điều khổ tâm hơn nữa, có điều còn tệ hơn cả việc không biết đích xác. "Khi người sống bỏ quên người chết," một sư cô ở chùa Đông Ba nói với tôi, "người chết chết hai lần."

Ở Việt Nam, cha tôi cũng như hàng ngàn anh hùng như ông đã chết, đã mất tích trong hơn hai chục năm, không có đài tưởng niệm, không có sổ sách, cũng chẳng được ai ngó ngàng tới. Còn ở Mỹ, nơi xứ sở của những người đồng minh, những người như cha tôi lại càng không thấy ai quan tâm. Những gì tôi tìm hiểu được đã làm cho mẹ tôi buồn thêm, buồn vì thấy tôi đã không tìm ra được gì cụ thể cho mình. Mẹ bảo đã chấp nhận số phận của cha tôi từ nhiều năm trước. Mẹ hy vọng là rồi tôi cũng sẽ chấp nhận như mẹ.

Về phần tôi, tôi thú nhận là vẫn còn nuôi hy vọng. Mặc dù trí óc của tôi chứng minh ngược lại, một phần nào đó nhỏ nhoi trong tôi vẫn mang một hy vọng viễn vông rằng cha tôi vẫn còn sống và lời những người thầy

Về Hội An, uống rượu đợi người.
HOÀNG LỘC

đời nhỏ tưởng chừng đôi hớp rượu
ai hay sầu chật một hồn sầu
ta kiếm quẩn quanh trời cố xứ
hồng nhan. hồng nhan - ta chiêm bao

nhớ em, nhớ suốt mùa lưu viễn
ta đây đâu khác đứa cùng đường
thế sự nhi nhô loài mặt trắng
ngựa què, ta cũng mỏi tay cương

nhớ em, nhớ buổi trăng tàn khuyết
quán cuồng hào sĩ phải rưng rưng
như ta để một lần mà khóc
em hát liêu trai khúc nguyệt cầm

về đây, chợt ngó trường gian rộng
ngựa cổ cười khinh mùa phong yên
nương tử, tài hoa anh đã cạn
rượu buồn dâu dám đợi tay em

cố hương chừ một ta say khướt
thôi trăng rồi cũng lấp đầu non
tình vụng như rượu nồng - lỡ sặc
hồng nhan ơi, em có thương giùm?

bói sẽ trở thành sự thật.

Nhưng dù có hy vọng, dù có chơi vơi, tôi vẫn nhớ lời sư cô, cũng như những gì tôi thật sự tìm biết được ở chặng cuối của cuộc hành trình. Nếu không tìm biết thêm được gì khác, hình ảnh cha vẫn còn trong ký ức của tôi. Tôi vẫn thấy như cha còn sống, bởi vì tôi sẽ chẳng bao giờ quên ông.❐

© English original copyrighted by the Los Angeles Time Magazine. Vietnamese translation copyrighted by Thạch Hãn.

Những Cỗ Quan Tài Của Tĩnh Tâm

Dương Nhu Nguyện

Đau đớn thay phận đàn bà...
Nguyễn Du

Người đàn bà đẹp đầu tiên tôi gặp trong đời là bà ngoại tôi. Khi tôi có trí khôn thì bà ngoại tôi đã ngoài sáu mươi tuổi. Ở tuổi đó, người bà vẫn thẳng, tóc dài gần chấm đất, tuy đã muối tiêu nhưng vẫn còn óng ả, lướt thướt. Bà có chiếc mũi dọc dừa, gò má cao; cặp môi mỏng và cong, rất hiếm thấy trên những khuôn mặt phụ nữ thuần túy Việt Nam.

Bà ngoại tôi pháp danh là Tĩnh Tâm, cái tên đầy chất Huế. Xứ Huế đã đặt cho đàn bà những cái tên đẹp lạ lùng: Tĩnh Tâm, Dạ Khê, Tiểu Bích, Tú Thiềm, Phiến Tuyết, vân vân.

Mọi người chung quanh cho rằng bà ngoại tôi là một người đàn bà khó tính, khắc nghiệt, và lạnh lẽo. Bà có một chứng bệnh không bác sĩ nào chữa được. Đó là bệnh nóng cổ. Cổ bà nóng và rát, làm bà bứt rứt, khó chịu, ăn ngủ không được, người đâm bẳn gắt. Bà ngoại tôi rất chiều con cháu, nhưng hay la mắng, rầy rà gia nhân. Mẹ tôi là con độc nhất của bà. Gả mẹ tôi cho ba tôi là người Bắc, bà ngoại tôi luôn luôn mang nỗi buồn phải xa đứa con một.

Tôi chưa hề thấy bà ngoại tôi khắc nghiệt hay lạnh lẽo. Bà ngoại thích coi cải lương, say mê. Nhiều khi xúc động khóc sụt sùi. Con người tình cảm ấy không thể nào khắc nghiệt hay lạnh lẽo. Khi bà la mắng gia nhân, giọng bà như độc thoại, buồn như một điệp khúc than thở, không hề có tính cách đay nghiến của một người chủ thiếu lòng nhân. Lúc về già, người độc nhất mà bà cằn nhằn là ông ngoại tôi. Nhiều khi không duyên cớ. Ông ngoại tôi người nhỏ bé, tính vui vẻ, hồn nhiên. Bà con gọi đùa là

lão ngoan đồng như trong truyện kiếm hiệp. Khi bà ngoại tôi càu nhàu, ông ngoại tôi chỉ phớt tỉnh, ngồi đọc báo.

Mẹ tôi kể cho tôi nghe cuộc đời bà ngoại. Bà chỉ có một người chị gái. Hai chị em con quan xứ Huế, gia đình phong cách trưởng giả. Người chị gái, bà Ấm, lấy chồng đông con nên vất vả. Bà ngoại tôi lấy ông ngoại tôi là con quan, được đủ miếng ăn thì lại phải chịu những đau đớn khác.

Ngoài cảnh làm dâu trong chế độ gia đình phong kiến, bà ngoại tôi là một người mẹ xấu số. Đẻ ba con trai đều chết cả ba. Mẹ tôi thì èo uột, hay đau ốm. Bà ngoại phải đem cho chùa, đổi tên, cho thần thánh khỏi bắt đi. Vì không có con trai, bà phải cưới vợ hầu cho ông ngoại rất nhiều lần. Mẹ tôi kể có lần bà phải nằm giường sát phòng hợp cẩn của ông ngoại và người hầu trẻ. Ông ngoại tôi là một thứ "ông phán" phong nhã, hào hoa, có không biết bao nhiêu vợ hầu, vợ lẽ. Không có con trai, bà ngoại tôi phải nuôi con nuôi, hoặc con trai của những người vợ hầu. Những người con trai này lớn lên (trừ người con út) đều phụ công nuôi dưỡng của bà ngoại tôi, bỏ ông bà ngoại tôi mà đi.

Thuở nhỏ tôi không hiểu được lòng u uất của người vợ lớn là bà ngoại tôi, cũng như nỗi cô đơn của bà. Ở tuổi thơ ấu, tôi không hiểu được căn bệnh nóng cổ của bà. Mẹ tôi bảo bà tưởng tượng ra bệnh. Tôi thì cho rằng bà nóng cổ vì hay hút thuốc Cẩm Lệ.

Tôi lớn lên trong lòng thương và tình quyến luyến của bà ngoại. Có lẽ tôi đã lây tính đa sầu, đa cảm, hay khóc thương phận người của bà. Tuy trí óc non nớt, tôi cũng biết bà ngoại là người hay phiền muộn. Bà thích tôi ngồi coi cải lương với bà, một điều mà bố tôi cấm đoán. Tôi tự cho mình là người bạn nhỏ của bà. Tôi tự nguyện lớn lên sẽ làm cô giáo, mua nhà ở Huế cho bà ngoại ở.

Tôi nhớ mãi có lần tôi bắt gặp bà ngoại tôi nhỏ lệ, không phải vì tuồng cải lương hay vì giận ông ngoại. Nước mắt bà thấm ướt mái tóc dài. Tay bà run rẩy. Bà kể cho tôi nghe về một hình ảnh mà lâu lâu bà vẫn thấy trong một giấc mộng đã ám ảnh bà cả đời. Bà dặn dò tôi đừng kể cho ai nghe, kể cả mẹ tôi.

Trong giấc mộng ấy, bà ngoại tôi, người đàn bà đẹp xứ Huế mang tên Tĩnh Tâm, ngồi một mình bên một bờ sông tĩnh lặng. Có thể là dòng Hương giang, có thể là con sông Bến Ngự, hoặc có thể là khúc sông chảy qua làng Côn. Trên dòng sông, có những cỗ quan tài trôi từ từ, lặng lẽ.

Người đàn bà ngồi đợi để vớt những cỗ quan tài.

Giấc mộng chỉ đến đó thôi rồi bà ngoại tôi tỉnh dậy.

Bàn tay nhỏ bé của đứa cháu gái là tôi lau nước mắt cho bà ngoại tuổi ngoài sáu mươi. Tôi không thấy sợ, chỉ thương bà ngoại tôi nằm thấy ác

mộng. Cơn ác mộng lặng lẽ và im lìm, không tiếng động.

Càng lớn, tôi càng nhớ mãi về giấc mộng của bà ngoại tôi. Có lần tôi hỏi, "ngoại có biết trong quan tài có gì không?" Bà lắc đầu, không nói. Cái lắc đầu của bà có nghĩa gì tôi không rõ. Bà không biết trong quan tài có gì, xác của người thân, xác của người lạ? Hay là bà lắc đầu vì không muốn trả lời câu tôi hỏi.

Tôi vẫn thắc mắc mãi tại sao bà ngoại tôi nằm mộng thấy quan tài? Tại sao bà mang nhiều phiền muộn? Bà tương đối là được sung sướng vật chất và đời sống được bảo đảm. Trong khi cả nước khổ cực theo chiến tranh, theo nạn đói năm Ất Dậu, theo cuộc kháng chiến chống Pháp và những ngổn ngang của lịch sử thì bà ngoại tôi vẫn may mắn làm người thiếu phụ quý phái đất thần kinh.

Năm mười lăm tuổi, tôi đủ thông minh để phỏng đoán là những cỗ quan tài trong giấc mộng tượng trưng cho những cái chết của ba người con trai bà. Không có con trai là thảm kịch của cuộc đời bà ngoại tôi. Có thể những cỗ quan tài ấy tượng trưng cho nỗi đau khổ của bà khi phải chứng kiến những cái chết của những đứa con trai nhỏ vì bệnh sài kinh. Chúng là sự hủy diệt sức sống và lẽ an vui của đời bà. Không có con trai, bà sớm mất tư thế trong gia đình. Nghe chuyện, tôi cảm thấy bất mãn cái vô lý, vô nhân của một xã hội chuyên chế đã gây nên sự đau buồn cho bà ngoại. Đồng thời, giấc mộng của bà làm tôi suy nghĩ đến cuộc đời của những phụ nữ Việt Nam khác trong dòng họ tôi.

Trái với bà ngoại, bà nội tôi không có một cái tên quý phái. Bà nội tôi là con một ông cụ đồ hay chữ. Bà thấp lùn, mặt tròn trịa, phúc hậu, tính tình đơn giản, nhu mì, không bao giờ bẳn gắt. Lấy ông nội tôi là người chủ ruộng, bà nội tôi phải làm việc vất vả, quán xuyến việc đồng áng, nhà cửa. Rồi hai ông bà bỏ hết của cải, ruộng vườn di cư vào miền Nam. Lúc mới vào Sài Gòn, bà tôi phải đi gánh nước thuê, hàng ngày phải dậy từ 3 giờ sáng đi bán xôi rong để nuôi gia đình cho đến khi bố tôi được bổ đi dạy. Bà là một cuốn từ điển sống về ca dao tục ngữ và truyện cổ dân gian. Bố tôi bảo bà nội tôi lùn xủn vì suốt đời phải gồng gánh, bưng xách. Những gồng gánh, bưng xách đã hủy diệt sức lớn trong xương cốt của bà từ thuở còn là thiếu nữ.

Càng về già, bà nội tôi càng say sưa kể lể những chuyện quá khứ ở miền Bắc. Bà là nạn nhân tục tảo hôn. Bà bị gả cho một cậu bé trai lên bảy. Buồn tủi, bà trốn về nhà cha mẹ. Rồi sau, bà lấy ông nội tôi là con nhà địa chủ. Bà phải làm dâu, cũng phải để ông nội tôi lấy vợ bé, và phải tảo tần sương gió. Sinh đẻ cả hơn mười lần, chỉ nuôi được năm. Trong cuộc chiến tranh Việt - Pháp, người con gái đầu lòng của bà, cô cả chị bố

tôi, bị tử nạn năm hai mươi tuổi. Cô cả là người phụ nữ học thức, làm nghề y tá, nói tiếng Pháp thạo.

Ngày còn là học sinh ở Việt Nam, tôi vẫn suy nghĩ mãi, không hiểu tại sao trong cuộc đời bà nội tôi cũng có những cái tang đau khổ, những biến cố đánh nặng vào đầu óc, vậy mà bà nội tôi không mộng thấy quan tài. Hay là bà nội tôi cũng có nằm mộng đấy, mà không kể lể, khóc thương?

Chiếc quan tài ám ảnh tuổi thơ của tôi cùng với hình ảnh những người đàn bà khác trong họ. Tôi có người cô họ, tên Oanh, năm hai mươi hai tuổi thì chồng chết trận. Cô than khóc, vật vã, gào thét, vất vưởng, mất lạc thần cả mấy năm sau đó. Trong họ hay bảo cô: cô khật khùng vì đau khổ. Tôi có người dì họ, tên Thanh, chồng chết đã lâu. Bà ngồi bán nón ở chợ Đông Ba để nuôi con. Đứa con trai của bà chết trận. Quan tài của con chở về, bà cũng khóc lóc, vật vã, khật khùng như cô Oanh. Chứng kiến nỗi đau khổ của họ, tôi vẫn tự hỏi không biết rồi họ có nằm mộng thấy những cỗ quan tài trôi lềnh bềnh trên sông như bà ngoại tôi?

Cũng năm mười lăm tuổi, tôi đọc cuốn *Phái Thứ Hai* (Deuxième Sexe) của nhà văn Pháp Simone de Beauvoir, tình nhân của triết gia Jean Paul Sartre. Trí óc tôi chưa đủ phát triển để hấp thụ hết cái thuyết "tranh đấu cho nữ giới" trong tác phẩm của Beauvoir. Nhưng tôi đã đủ lớn khôn để nhận thức rằng trong tác phẩm của nhà văn nữ này, không có cái ám ảnh đau thương của những cỗ quan tài như trong giấc mộng của bà ngoại, không có những gồng gánh, bưng xách đến lùn cả người như trong đời bà nội tôi, cũng không có những cỗ quan tài bọc cờ và những cơn vật vã, khật khùng của cô Oanh và dì Thanh. Những phụ nữ Âu Mỹ tranh đấu để được quyền. Còn những phụ nữ trong gia đình tôi phấn đấu để sống còn, và sống là sống cho người chứ không phải cho mình. Tôi tự hỏi tại sao cũng trên mặt đất này mà những mẫu người đàn bà được Simone De Beauvoir phân tích là tác phẩm của trí tuệ và ý thức, còn những người đàn bà thân yêu trong đời tôi là tác phẩm của nước mắt chảy ngược vào lòng?

Tháng tư năm bảy lăm, bố tôi mang vợ con, cha mẹ và anh em vào phi trường Tân Sơn Nhất để đợi máy bay sang Mỹ. Dĩ nhiên là ông bà ngoại tôi ở lại Sài Gòn chứ không thể theo con gái và gia đình con rể. Cuộc ly biệt quá ngắn ngủi, vội vã. Để tránh xúc động, ông ngoại tôi lánh mặt con gái, con rể, và các cháu. Mẹ tôi cũng tránh vương vấn chia tay với ông bà ngoại, và tôi cũng thế. Tôi nhớ mẹ tôi gọi bà ngoại vào trao tay hòm chìa khóa thay thế lời từ biệt.

Bố tôi dùng xe hơi chở gia đình vào phi trường trước. Không hiểu vì sao, tôi tình nguyện lái Honda PC theo sau. Tôi nhớ mãi hình ảnh bà ngoại tôi đứng ngơ ngác bên cửa sổ sân nhà, không dám hỏi chuyện để

tránh xúc động khi những người thân của bà đang tíu tít sửa soạn cho cuộc hành trình vô định. Bà đội nón lá như lúc đi chợ, tóc muối tiêu búi đằng sau, đôi mắt buồn như khóc.

Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy bà ngoại tôi.

Bây giờ tôi đã lớn, tôi không làm cô giáo. Tôi không ở Huế và bà ngoại tôi đã chết. Một buổi chiều mùa hạ năm bảy chín, tôi theo một người bạn trai Mỹ làm nghề phó nhòm, muốn chụp ảnh tôi để "lăng xê" tôi làm người mẫu. Tôi gọi điện thoại về nhà, thì bên kia đầu giây mẹ tôi tức tưởi: "Con ơi, bà ngoại chết rồi!" Tự nhiên trong bụng tôi đau nhói như có mũi dao đâm. Tôi không khóc nhưng lần đầu tiên trong đời, tôi có cái cảm giác gọi là "đau như đứt ruột".

Bà ngoại tôi chết trong đau đớn vì bạo bệnh mà không đủ thuốc men. Bà mất đi không một lần thấy lại đứa con gái thân yêu, con rể, và các cháu ngoại, nhất là đứa cháu đã chia sẻ những giọt nước mắt với bà.

Cái chết của bà ngoại làm tôi thấm thía thêm ý nghĩa "sinh ly tử biệt". Lần cuối cùng nhìn mặt bà ngoại buổi chiều tháng tư năm bảy lăm, khi bà tần ngần đứng bên cửa sổ nhìn con cháu ra đi là ý nghĩa nỗi khổ "sinh ly". Và tin bà chết ở bên kia bờ biển đại dương là ý nghĩa niềm đau "tử biệt". Tôi tự an ủi nghĩ rằng tôi không phải là người độc nhất thấm thía cái đau sinh ly tử biệt. Mà đó là cái đau chung của cả một dân tộc kém may mắn trên bản đồ thế giới. Nô lệ và chiến tranh. Trong phần tư thế kỷ mà hai lần di tản cả triệu con người, vượt đường trường, vượt biển đại dương để tìm đất sống còn.

Tôi vẫn tự hỏi trong thời gian chúng tôi ở Mỹ, và bà ngoại sống thiếu thốn ở Việt Nam, không biết bà có nằm mộng thấy những cỗ quan tài trôi sông, và bà có thấy những gì bên trong những cỗ quan tài đó? Điều đó bà chưa hề hé môi chia sẻ với tôi. Hay với bất cứ ai, kể cả chồng con.

Năm một chín chín mươi, tôi có một hồi rảnh rỗi trong nghề nghiệp để có thời giờ đọc lại văn chương Việt Nam. Lần đầu tiên, tôi ngồi đọc hết mấy ngàn câu truyện Kiều, để ngẫm nghĩ về nước mắt, định mệnh, và sự phấn đấu của cô Kiều, về thân phận đàn bà mà Nguyễn Du thương xót như thương xót chính thân phận tài hoa kẻ sĩ, và nỗi cô đơn tột độ của người thức giả:

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Cũng năm đó, vô tình tôi được đọc tập truyến ngắn của một nhà văn nữ, bạn bố mẹ tôi, bà Bùi Bích Hà. Theo tôi biết, bà cũng từng sinh sống ở Huế. Tôi ít có thì giờ đọc hay theo dõi văn chương Việt Nam ở cộng đồng di tản nên không thể so sánh bà với các nhà văn Việt Nam khác. Có

điều một truyện ngắn của bà Bích Hà làm tôi nhớ giấc mộng của bà ngoại. Tôi không biết là truyện có thật hay không? Bà Bùi Bích Hà kể lại truyện một người đàn bà Việt Nam đi vớt xác con trên đường đi vượt biển. Truyện làm tôi bàng hoàng, nhắc tôi nhớ hình ảnh người đàn bà chịu đựng, ngồi một mình chờ những cỗ quan tài lềnh bềnh trên sông. Những cỗ quan tài của Tĩnh Tâm.

Tôi đi tìm một cuốn sách tâm lý giải mộng của Tây phương. Trong cuốn sách đó, tác giả bảo nằm mộng thấy quan tài là cảm giác bất an của người bị đe dọa bởi "disaster", tức thiên tai, đại họa, sự trừng phạt vô cớ của định mệnh, hoàn cảnh, ở ngoài khả năng và quyền hạn của con người, không đo lường trước được.

Cuối năm đó, có lần tôi ra đứng bên bờ Đại Tây Dương, ngắm tượng Nữ Thần Tự Do khi thành phố Nữu Ước lên đèn. Gió lành lạnh. Hình ảnh người phụ nữ cầm chiếc đuốc soi bờ đại dương sừng sững một mình tự nhiên làm tôi nhỏ nước mắt.

Tôi không biết mình nhỏ nước mắt vì ai, cho ai. Tôi đâu dám bắt chước con người tài tử Nguyễn Du khóc người ba trăm năm trước để hỏi người ba trăm năm sau. Có lẽ tôi khóc vì tôi nhớ lại cuộc di cư ngày nào. Tôi nhớ đến khuôn mặt đẹp và ánh mắt sầu muộn của bà ngoại tôi. Giấc mơ hồn nhiên của tuổi thơ, sẽ làm cô giáo nuôi bà ngoại ở Huế, tôi đã bỏ mất. Bà không còn chỉ là bà ngoại, mà là hình ảnh Tĩnh Tâm, người phụ nữ sinh trước tôi hai thế hệ. Hình ảnh bà mang tôi về tuổi thơ xứ mẹ. Hình như tôi khóc vì trong lòng tôi cũng mang hình ảnh những cỗ quan tài như trong giấc mộng của Tĩnh Tâm. Vì tôi mang nặng một nơi chốn đã đi vào tiềm thức tôi, một nơi chốn mà thân phận đàn bà là tiếng kêu rên xiết trong những tập tục và thành kiến văn hóa bóp kẹp con người, nơi chốn của một chiến tranh tức tưởi, và những hỗn loạn lịch sử vời vợi thương đau, đã gây nên sự phá sản, không phải chỉ vật chất, kinh tế, mà e còn lan sang địa hạt tinh thần.

Tôi tự hỏi có người phụ nữ Việt Nam nào nhạy cảm, là nạn nhân của xã hội chiến tranh đó, mà không mang trong lòng những cỗ quan tài của Tĩnh Tâm? Tôi may mắn sinh ra trong một thời đại không phải gồng gánh, bưng xách như bà nội tôi, không phải cưới vợ hầu cho chồng như bà ngoại tôi, không phải là nạn nhân của tục tảo hôn, không phải tủi sầu vì không có con trai. Tôi may mắn không phải đi vớt xác con, đi nhận xác chồng, xác con trai như những người bất hạnh nơi quê hương đầy đau khổ.

Tôi tin vào thuyết tiềm thức tập thể của nhà tâm lý học Carl Jung. Cho nên tôi đứng đó, đối diện Nữ Thần Tự Do, bên bờ biển Đại Tây

Ngày khơi
Từng hạt mê hư
ở tôi ngành ngọn
Cõi mù gió phai
Cây mênh muội
Trí gây gai
Nắng ngào ngợp
Bóng tưởng hoài mù mênh

Lá khao khuyết
ở vuông xanh
Gọi yêu dấu
Lời ở quanh giấc ngàn
Chồi nỗi nhớ
Bóng chim ngang
ở tôi mù nghịt
Cỏ hoang giấc nhoè

Lời cho yêu dấu
ĐOÀN NHẬT

Cào cợt trí
Ngày hư mê
Tâm chồi dạt
Đã cận kề biển sông
Bật nhớ phố
Lá mù mông
ở tôi xao xước
Vô cùng giấc khuya

Gọi yêu dấu
Lời chia lìa
Đêm mài miệt
Gió dị kỳ cõi đau...

Dương, là một người đàn bà di dân đến từ nước Việt Nam *nhỏ bé*, trước ngưỡng cửa thế kỷ hai mươi mốt, *nhớ* đến hương hồn của bà ngoại và nghe tiếng *kêu khóc* của những người đàn bà Việt Nam xấu số. Tôi đến Mỹ khi còn là đứa bé gái hăm hở trước cuộc đời. Cuộc di cư đã cho tôi lối thoát và cơ hội để áp dụng sự phân tích của Simone De Beauvoir vào đời sống của chính mình. Nhưng tôi *vẫn* nhỏ nước mắt, hướng về Tây phương và quay lại Đông phương, thường tự hỏi mỗi nơi sẽ đem lại những gì cho tính nhạy cảm và cái tiềm thức văn hóa trong tôi. Nước mắt tôi vẫn nhỏ, cho dù bề ngoài tôi cứng rắn, vì tôi đã nghe, đã *chứng*, đã xót xa trong lòng về những cỗ quan tài *của* Tĩnh Tâm.❐

* Bản dịch từ *The Coffins of Tĩnh Tâm* trong *Diary of Wendy Duong*

Bùi Bích Hà,
Một Mình Trong Nỗi Nhớ

Bùi Vĩnh Phúc

Bùi Bích Hà chỉ mới tự giới thiệu mình với độc giả hải ngoại bằng tập truyện ngắn *Buổi Sáng Một Mình*, do nhà Người Việt in năm 1989, cùng với một vài bài tùy bút về quê hương đăng rải rác trên một số báo chí và tập san văn nghệ trong mấy năm qua. Thế nhưng, chỉ với tập truyện ngắn và một vài bài tùy bút ấy, bà đã để lại những ấn tượng rõ nét trong lòng người đọc về một văn phong trầm lặng nhưng lại ẩn chứa đầy những sôi sục bên dưới, và một trái tim thiết tha nhưng luôn quằn quại với những câu hỏi của đời sống.

Thật ra, Bùi Bích Hà còn có một tác phẩm khác, cũng do nhà Người Việt in (năm 1991), là tập *Bạn Gái Nhỏ To*. Tập sách chọn lọc một số những câu hỏi của độc giả về những vấn đề của cuộc sống lứa đôi, đăng hằng tuần trên trang Phụ Nữ của nhật báo Người Việt mà bà phụ trách. Tác giả ký tên là Thái Hà trong mục này. Những ý kiến và những lý giải của Bùi Bích Hà trên trang báo này cho thấy bà có một sự đồng cảm sâu đậm với những người đến với bà. Bà gần gũi với những vấn đề con người và bà có một năng khiếu đặc biệt, bắt nguồn từ chính sự thông minh nơi con người bà, để trợ giúp người khác trong những khó khăn về mặt tình cảm. Cái nhìn của bà phóng khoáng nhưng không thiếu sự nghiêm túc. Tự do cho con người và trách nhiệm của nó để xứng đáng có được sự tự do đó là những gì tôi nhận thấy, một cách tổng quát, trong những đóng góp thiết tha và giàu lòng nhân ái của Bùi Bích Hà qua tập sách vừa nói.

Dù sao, trong bài viết này, tôi sẽ tập trung sự phân tích của mình trên tập truyện ngắn *Buổi Sáng Một Mình*.

Đó là một tập sách gồm có mười lăm bài văn pha trộn những thể loại khác nhau: truyện ngắn, tùy bút, thư. Thật ra, có thể nói đây là một tập

truyện ngắn được mở đầu bằng một lá thư cho một người bạn, một người mà tác giả quý mến, và chấm dứt với một tùy bút viết về Huế, quê hương một đời của bà

Câu văn, hình ảnh và những rung động của Bùi Bích Hà, trong mắt nhìn riêng *tôi*, có một khoảng cách khá rõ so với câu văn, hình ảnh và những rung động của đa số những người viết hiện nay có tác phẩm xuất bản ở ngoài nước. Đọc văn của những người khác, ta thấy đời sống và tâm lý nhân vật như quay theo một trục quay gần gũi với cái trục quay vật lý và xã hội của cuộc sống *này*. Chúng quay nhanh hơn cái nhịp mà ta vẫn hằng quen biết, ngày xưa, ở quê nhà. Cái nhịp quay ở đây là cái nhịp quay của một xã hội hậu kỹ nghệ đang tiến những bước dài sang một xã hội đặt căn bản trên sự thông tin. Con người ở đây đang phóng mình hối hả trên những xa lộ thông tin (information highway), đang "trượt sóng" trên những hệ thống tin tức liên-quốc-gia (surfing the Internet) trong một cái không gian được điện tử hóa (cyberspace). Đời sống là những vòng quay xấn tới và con người trong xã hội này phải bắt vào cái nhịp của những vòng quay vừa nói.

Bùi Bích Hà và các nhân vật của bà, trong cái nhìn của tôi, hình như vẫn ở bên ngoài cái vòng quay ấy. Có những lúc, tôi có cảm tưởng rằng họ đã chọn lựa sự bất tham dự đó.

Chúng ta hãy nghe tác giả phân bày cái tâm thế này:

Trong nhịp sống quay cuồng của nền văn minh cơ khí Hoa Kỳ, thật vô nghĩa khi gợi nhắc lại một dàn hoa thiên lý, một dàn mướp bông vàng phơi trên bờ dậu có những chú ong như một hòn bi tròn xoe, xanh biếc, liệng chấp chới, tiếng cánh đập vù vù những vòng bay khát khao, nghe như trời đất cùng rạt rào âm hưởng. Thật vô nghĩa khi gợi nhắc lại tiếng chim hót buổi sớm mai trong veo như chuỗi ngọc, trong khu vườn có cây mẫu đơn còn giữ trên cái cành nâu và trên những phiến lá xanh tươi một cái váng nhện lấp lánh sương dưới ánh nắng đầu ngày trông giống như tấm mạng che mặt của cô dâu kết bằng những hạt mưa thanh tao, trong trẻo và kỳ lạ nhất. Thật vô nghĩa khi gợi nhắc lại vòm không gian thoang thoảng hương của hằng trăm loài kỳ hoa, dị thảo lúc nào cũng xao xuyến những thanh âm đến từ một cuộc sống vừa náo nức, sung mãn, vừa thâm trầm, bền bỉ: tiếng gió, tiếng mưa, tiếng trăng trên mặt nước, trong hàng cây, tiếng ve sầu, tiếng dế, tiếng tắc kè, tiếng ễnh ương...

(Đã Mất Cùng Với Mậu Thân (II))

Đó là những thiết tha cứ đan kết mãi những tấm màn sương móc vô

hình trong trái tim tác giả. Bà yêu cuộc sống sâu lắng và bình hòa cũ, với những rung động tế vi của trời đất cũng như của lòng người. Tất cả những điều trên có thể là vô nghĩa với nhiều người, những người vì cuộc-sống-còn đã để cho mình bị cuốn hút vào một vòng quay mới, hay đã quên đi những bước chân êm đềm, tha thiết của một quá khứ ngày xưa. Bùi Bích Hà thì không. Bà không quên, bởi vì bà nhìn ra được ý nghĩa của những cái tưởng là vô nghĩa kia:

> *(...) sự vô nghĩa ấy vẫn còn đáng giá hơn đời sống của một người lưu lạc mất quê hương, sáng chiều giam mình trong những cái hộp khổng lồ, lao động nhọc nhằn chỉ để nuôi sống một cái xác thân tầm thường, tục lụy.*
>
> (bài đã dẫn)

Thật ra, nhìn một cách nào đó, tâm thế của Bùi Bích Hà là một tâm thế bi quan. Nhưng bi quan không hẳn là một giá trị văn chương. Somerset Maugham cũng bi quan, Gustave Flaubert cũng bi quan, và cả Võ Phiến với Nguyễn Mộng Giác cũng bi quan. Giá trị của văn chương nằm ở cách thế của sự nhìn ngắm, quan sát và lý giải đời sống. Bi quan hay không bi quan, hay lạc quan, chỉ là một chỗ đứng, một góc độ từ đó con người nhìn ngắm đời sống, nhìn ngắm vấn đề mà thôi. Nếu anh bi quan, và cái bi quan của anh sâu thẳm, làm bật ra được những ý nghĩa của đời người, anh vẫn là một nhà văn đóng góp được những điều đẹp đẽ cho con người, cho cuộc sống. Nếu anh lạc quan, và sự lạc quan đó hời hợt, anh chẳng đóng góp được gì, nếu không muốn nói rằng anh có thể tạo ra cho người đọc anh những ảo tưởng về cuộc đời nữa. Đọc Bùi Bích Hà, tôi có cái thích thú như được xem một cuốn phim Pháp cũ. Động tác của nhân vật từ tốn, không hối hả. Ngôn ngữ họ cũng vậy. Mà cái không khí bao quanh họ cũng thế. Tất cả đều chầm chậm lướt qua lướt qua với những ý nghĩa của lời nói, của dáng điệu cử chỉ hành vi nhân vật... Tất cả đều được nhìn ngắm một cách tường tận, rõ nét. Cuộc sống ấy là cuộc sống được đặt trong một thế giới hợp lý, với những chìa khóa để ở đâu đó trong cuộc đời này mà con người có thể tìm kiếm ra. Còn cuộc sống náo động bây giờ thuộc về một thế giới khác. Một thế giới với những hoàn cảnh, những vấn đề, những hiện tượng bất lý giải hay bất khả lý giải. Chìa khóa của vấn đề, rất nhiều khi, đã được quăng vào rốn bể. Và con người, bây giờ, chạm mặt với những phi lý của đời sống. Những phi lý làm nó xao xuyến và buồn nôn. Và con người bị đẩy ra ngoài cuộc đời với một thiên nhiên nhiều lúc đã trở thành xa lạ và một nội tâm nhiều khi đã trống rỗng, đã mất rồi những hình bóng và âm hao cũ.

Tác giả là một người có những rung động thật sâu và sắc bén. Phân

tích tâm lý nhân vật của Bùi Bích Hà làm cho người đọc có cảm tưởng rằng bà thường tự phân tích mình trong những tình huống hằng ngày của cuộc sống. Trong những mô tả về những rung động tế vi của con người và trong những cuộc giải phẫu tâm lý nhân vật, Bùi Bích Hà chứng tỏ bà là một người tinh tường:

(...) Thuận bỗng sực nhớ đến bà xếp của Thuận. Hồi này bà ấy đẹp ra một cách kỳ cục (...) Ánh sáng và bóng tối chập chờn trong hai vũng mắt khiến cái nhìn của bà trở nên mê đắm, hoang dại. Toàn thân bà như một thứ trái cây chín căng, chín ngạt ngào, như một vết thương đang tấy đỏ. Đứng gần, tưởng nghe được cả sự rung động vỡ nhẹ bên dưới lớp vải áo.

(Cơn Bão)

(...) Đôi cánh tay nàng để trần. Bộ ngực săn chắc và hơi cong lên như một đôi sừng bò non của Bích thơm mùi bông sả. (...) Những buổi tối thần tiên ấy đã qua và hết vào một lúc nào cả hai đều không ý thức. (...) Chàng muốn được sống lại những cảm xúc đẹp đẽ lúc ban đầu của cả hai, song Tấn biết là điều này không thực hiện được. Cuộc sống như một mặt ao tù hãm chìm ngập họ. Thỉnh thoảng, Tấn cố ngoi đầu lên và vuốt mặt để nhìn thấy Bích, có khi bằng lòng chỉ vì cái cảm giác Bích vẫn còn đó, bên cạnh Tấn, giữa đám rong rêu chập chờn, vướng bận.

(Vẫn Còn Nắng)

Trong cái thế giới nội tâm ấy, nhân vật của Bùi Bích Hà có cảm giác ngột ngạt, khó thở, và, có những trường hợp, căng thẳng vì những kích thích do chính nội tâm của mình sắp đặt. Nhưng, thường thì cái thế giới bên ngoài vẫn là cửa ngõ giải cứu cho cả tác giả lẫn nhân vật của bà.

Thiên nhiên trong thế giới của Bùi Bích Hà rất đáng yêu. Đó là một thiên nhiên còn giữ lại được trong nó rất nhiều chất sống. Một thiên nhiên sinh động và đầm nét khát khao. Nó thiết tha, dịu dàng và thơm mùi trời đất, cỏ cây bát ngát. Nó thơ mộng và mềm đẹp như một cánh bướm non. Và nó ủ đầy trong nó những hình bóng và những xôn xao ngọt ngào của một hồi ức còn hồng và thơm mùi trái chín:

(...) Một cảm giác vừa kinh ngạc vừa sung sướng kỳ lạ tỏa ra trong lòng Quyên, như một chiếc dù nấm mở rộng, cánh nấm dầy mượt màu xám hồng phủ một lớp phấn độc làm Quyên váng vất say.

(Cuộc Hẹn)

(...) Hiên đã từng mất hàng giờ để mô tả cho bạn Hiên cái thơm ngon mê đắm của một đẫn mía thả xuống giếng nước cho

lên màu đỏ rượu, xong rồi tiện ra từng khoanh, ủ với hoa bưởi trong một cái khăn vải ẩm. Những đêm trăng mùa Hè của cả một thời thơ ấu, Hiên đã cùng đám bạn nhỏ thưởng thức món ăn này trong khu vườn quê ngoại. Mầu hoa bưởi trắng muốt, mầu những lóng mía tươi xanh điểm một đường gân hổ phách, mầu trăng trong suốt như thủy tinh, tất cả đã tạo nên một mầu đêm diễm tuyệt trong ký ức Hiên.

(Chuyện Của Hiên)

(...) Những ngọn cây hai bên đường mùa này trổ đầy hoa tím, nhắc nhở không nguôi hàng cây sầu đông trong khu vườn rộng nhà tôi năm xưa ở một khu ngoại ô thành phố Huế. Thuở ấy, những ngày mùa Đông mây xám thấp ngang đầu, hoa sầu đông nở tím ô cửa sổ học trò của cô gái nhỏ, tôi ngồi hàng giờ ngắm những chùm hoa sầu đông rét mướt ủ ấp những cơn mộng đầu đời mong manh.

(Buổi Sáng Một Mình)

Câu văn của Bùi Bích Hà rất lành, rất hiền, dịu dàng, tha thiết, mang một chút buồn và thơ như những chùm hoa sầu đông nở tím những cửa sổ Huế ngày xưa. Tác giả không phải là một người thích làm dáng. Bà chân thực và thiết tha trong những suy nghĩ và bầy tỏ của mình. Câu văn đẹp, ý tứ, và rất ít son phấn. Trong nhiều chỗ, chúng có cái đẹp của những lời văn trong sáng nhưng vẫn làm dấy lên một chút tình trong *Bướm Trắng* của Nhất Linh, và nhất là chúng có cái đẹp tươi tắn và trong sáng như những câu văn của những trang sách *Nắng Trong Vườn* và *Gió Đầu Mùa* của Thạch Lam. Hãy đọc những đoạn văn dưới đây trong hai truyện ngắn "Vẫn Còn Nắng" và "Buổi Sáng, Một Mình" của Bùi Bích Hà:

(...) Bây giờ trong khu vườn nhỏ, Bích đang đợi Tấn đưa thằng bé đến. Bầu trời trên đầu nàng đã xám ngoét nhưng khi một chú chim lượn qua chỗ Bích ngồi, nàng nhìn thấy chút mặt trời đọng ấm áp trên vùng lông bụng lấp lánh sáng của nó. Tế ra không gian vẫn đựng đầy nắng. (...) Trời hôm nay bớt mây, một chút nắng hanh hao nhóm trên đầu những ngọn lá dài theo bờ rào, gọi nhắc một điều gì mông lung, thầm lặng, chợt đến, chợt đi, chợt gần chợt xa, chợt quên, chợt nhớ.

Những câu văn của Bùi Bích Hà như thế. Chúng hiền lành, chân thật, ấm áp và đáng yêu như chút mặt trời còn đọng lại trên vùng lông bụng lấp lánh sáng của con chim kia đang bay về tổ. Những câu văn của tác giả *Buổi Sáng Một Mình* thường cũng bay về tổ của chúng là những ý nghĩ mà tác giả muốn chia sẻ, trao gửi đến người đọc với một cung cách như thế.

Nhưng không phải lúc nào văn phong của Bùi Bích Hà cũng vậy. Có nhiều khi, người đọc tinh ý thấy bà quằn quại với những ý nghĩ và rung động của bà. Bùi Bích Hà là một con người rất nhạy cảm. Con người ấy hay sống cuộn vào trong để dò tìm và sờ mó vào những vết thương còn loang loáng những vệt máu tươi của chính mình. Một con người càng nhạy cảm với đời sống chừng nào thì càng dễ bị chảy máu chừng ấy. Và họ chấp nhận chảy máu–với một ý nghĩa nào đó–hơn là trơ ra, bất động và lãnh cảm với cuộc đời.

(...) Bích chợt có ý nghĩ chua chát, nàng với chồng giờ đây như những miếng ván phơi nắng gió lâu ngày, ở những mảnh đất khác nhau, nứt nẻ, cong queo, vênh váo, không còn thể nào ráp vào nhau cho liền lạc được nữa.

(Vẫn Còn Nắng)

(...) Tôi chợt mỉm cười vu vơ một mình, nhớ lại con đường dốc quanh vào đầu thị xã Đà Lạt với những dậu hoa bìm bịp vàng rực rỡ. Trong cái lạnh hanh hao, khô nẻ của Đà Lạt mùa Hè, mầu sắc những đóa hoa bén sắc như những lưỡi dao nhọn, nhìn một lúc tưởng chừng máu rịn ra từ hai tròng mắt, từ các lỗ chân lông nở lớn mọc thành gai ốc khắp người.

(Buổi Sáng Một Mình)

(...) Bàn tay Quyên mềm, ấm, bứt rứt trong tay Võ. Chàng nghe được cả từng cơn xúc động đè nén ở những ngón tay co duỗi từng chập của Quyên. Chàng nghe được cả tiếng những đường gân máu đập khắc khoải trên lưng bàn tay Quyên, mơ hồ, dai dẳng, như đời sống của nàng.

(...) Quyên thích biển vì biển là sự bền bỉ không gì có thể làm đổi thay, vì biển là vết thương ghê gớm của mặt đất và thiên nhiên, vì tiếng sóng đớn đau, vật vã của nó vỗ về nỗi đau vật vã trong lòng Quyên, như một người bạn đồng hành thủy chung.

(...) Nhiều lúc tiếng cười Võ chỉ còn là tiếng những mảnh vỏ chai cắt vào nhau trong một xô động rướm máu. (...) Tiếng Quyên thì thầm gọi Võ trong nhịp đập hổn hển của trái tim nàng giống như một trái cây chín long ra khỏi cái cuống đã mõm.

Thật ra, đời sống là sự giả dối lớn nhất. Bản chất của sự sống, dù thế nào, luôn luôn bị lấp liếm, vùi chôn bên dưới cái lớp sơn sạch sẽ, lịch sự phủ bọc bên ngoài. Muốn nhìn thấy nó, cầm nắm được nó thì phải cào xước cho hết lớp sơn chai lì ấy, phải chảy máu cả mười đầu ngón tay, phải chảy máu cả đôi tròng mắt. Để có thể ôm lấy sự thật thầm kín, người ta phải ôm

cả vết thương tanh tưởi của chính mình.

(Cuộc Hẹn)

Nhân vật chính của Bùi Bích Hà là cái bóng một mình, cắt vào những buổi sáng sớm, những chiều chạng vạng và những đêm thâu sâu kín của đời sống riêng mình một cõi. Cái thế giới nội tâm ấy đã được xây dựng như thế nào, những chia lìa ngăn cách nào đã đổ cái bóng âm u và buồn thảm của nó xuống đời sống của nhân vật bà, những mai lên và những chiều xuống nào đã thả cái âm thanh ưu trầm và mệt mỏi của chúng trên trái tim của nhân vật kia, cái không gian sầu thảm và những hồi chuông buồn bã nào đã đong đưa hình bóng và những tiếng kính cồng rơi rụng trong tâm hồn của nhân vật ấy?

Cuốn sách của Bùi Bích Hà, nhìn chung, đưa ra một cái nhìn buồn bã vào đời sống. Nó như một tiếng chào nhỏ nhẹ và đầm buồn của một người đã nhìn thấy nhiều quá những thương đau, cùng khốn trong đời. Như lời của nhân vật chính trong lá thư đầu tiên của tập truyện, "*Đối với em bây giờ, trong những điều kiện em hiện có, sự sống và sự chết giống nhau, đôi khi sự chết còn xứng đáng với lòng cảm thương và sự tha thứ của bạn bè hơn.*" Đời sống, đối với đa số các nhân vật của Bùi Bích Hà, nhiều khi giống như "*một trái cây chín long ra khỏi cái cuống đã mõm.*" Nhưng, trên tất cả, trên cái nền buồn bã kia, trên những âm thanh kính cồng của những buổi sáng buổi chiều lâm chung kia, Bùi Bích Hà đã cho người đọc thấy được những ý nghĩa thiết tha và sâu thẳm của đời. Và nếu người đọc có một đời sống nội tâm vững chãi, một mắt nhìn tinh tế vào những vùng tối sẫm màu của đời sống ấy, có thể họ sẽ nhìn ra những tia sáng lóe lên đâu đó trong cái cuộc lữ nhiều mệt mỏi này. Như tác giả đã nhìn ra được chút ánh sáng còn đọng lại ấm áp và lóng lánh trên bụng một con chim vỗ cánh bay về tổ trong bóng chiều đang ngả màu, người đọc cũng có thể bắt được những tia sáng đẹp đẽ ấy trong suốt tác phẩm của Bùi Bích Hà. Những ánh sáng của lòng tử tế, của sự cảm thông, của những cái đẹp không hề tắt dù cho chúng đã chìm vào dĩ vãng.

Chưa được in thành sách, nhưng những bài tùy bút Bùi Bích Hà viết về Huế và viết cho Huế đã là một phần đẹp, thơ và thiết tha của những ánh sáng không hề tắt ấy trong đời sống của bà. Bài "Huế Yêu Dấu" là một trong những bài văn viết về Huế thật đẹp và cảm động mà tôi đã được đọc, chẳng hạn như bài của Nguyễn Xuân Hoàng. Trong văn chương của Nguyễn Xuân Hoàng, cái đẹp của Huế nghiêng nhiều về phía trừu tượng và gợi tả. Còn trong văn của Bùi Bích Hà, Huế đẹp một cái đẹp hết sức đời thường, có thể sờ mó được, có thể dầm mình vào được. Người ta có thể nhìn thấy Huế mềm mại và rực rỡ trong mắt nhìn long lanh và chứa chan

của những con người đã sống và lớn lên ở đó. Những sáng mùa Hè, những ngày mùa Đông, tiếng bồ câu gù trên cái hồ nước, "*hoa khế, hoa chanh, hoa cam, hoa nhãn, lấm tấm lợp lên màu xanh già của lá, trông vui như một hội đèn*", những quả chín trong vườn, những "*quả ổi xiêm ruột đỏ như son, cắn vào răng nghe mùi thơm nức lên tận óc*", những quả khế ngọt, những "*trái lựu với những hạt nhỏ màu tím thẫm, trong veo như một chuỗi đá quý, vừa chua, vừa ngọt, vừa dòn dòn, nhâm nhi nghe vị thơm thấm dần trên đầu lưỡi như một thứ vị thần tiên*"... Huế của Bùi Bích Hà còn là những "*tiếng ve sầu đồng loạt vang lên inh ỏi từ những cây vải trạng, từ những cây nhãn lồng chi chít mo cau*", chiếc thuyền thuê bao để đi tránh nắng trên sông Hương. "*Lòng thuyền trải chiếu hoa cạp điều, có những cái gối bằng nhiễu ngũ sắc. Mũi thuyền treo một chiếc đèn lồng, bóng hắt xuống mặt sông như một cây nến mầu khổng lồ.*"

Huế của tác giả còn là những ngày mùa Đông. "*Mưa dai dẳng, mưa rả rích,mưa bay nghiêng, mưa rát mặt, mưa như cầm chĩnh đổ. (...) Con gái Huế lội nước đến trường, quần xắn khỏi gối, gót chân hồng trên những chiếc guốc vông mầu trắng. (...) Tiếng chuông thu không từ ngôi chùa bên kia cánh đồng nghe nhão nhoẹt vì không gian đã đọng đầy hơi nước.*" Còn nữa, với Bùi Bích Hà, Huế còn là tình yêu, cô thiếu nữ vườn Thanh, nhớ người ở xa, "*sẽ mãi ôm vết thương êm ái đi suốt cuộc đời.*" Huế còn là các món ăn. Và Huế là dòng sông Hương mộng mơ, lờ lững. *(...) Nhìn từ trên xuống, nước sông Hương xanh như ngọc. Thế nhưng cô gái đi quẩy nước, xắn cao đôi ống quần, lội xuống ven dòng thì nước ở chỗ cô đứng vỡ ra, trắng ngần như bạc vụn. Buổi sớm mai, đi trên cầu Trường Tiền nhìn ngược lên phía cầu Bạch Hổ, nước chảy qua Thương Bạc xanh lam mầu khói mỏng. Một chút mặt trời lên, gió lao xao, nước đùa vui khẽ xô vào nhau, óng ánh như cả một vạt sao rơi.*"
(Tiếng Sông Hương)

Nhưng, ngoài những nét đẹp nét thơ làm cho người xa Huế mãi còn lưu luyến ấy, Huế còn là sự nghèo khổ, khốn cùng, là sự hy sinh của những người đàn bà lo lắng cho chồng con. Huế còn là hình ảnh của những cái rổ chợ, "*những cái rổ chợ nằm phơi những cái đùm nhỏ xíu bằng lá chuối khô hoặc tươi, gói chìa ba góc như đám củ ấu.*"

(...) Trong cái rổ chợ họa hoằn lắm mới có một miếng thịt heo mỏng tanh dài bằng nửa bàn tay, chỗ nạc tươi ửng màu hồng đào trên nền miếng bì trắng nhễ nhại ôm khít vào miếng

mỡ trong veo; kỳ dư thường chỉ có một dúm cá cấn bé lăn tăn, màu óng ánh ngũ sắc, mấy con hến còn ngậm miệng thoang thoảng mùi rong tanh, mớ khuyết tươi lốm đốm những cái chấm mắt đen bao giờ cũng khiến tôi lặng nhìn và nghĩ ngợi vẩn vơ về những vùng biển xa. Đôi khi rổ chợ cũng có mớ rau muống, nắm đọt khoai, bẹ dưa nưa, miếng thơm chưa vạt bỏ... Thực phẩm cho ba bữa cơm chỉ quanh đi quẩn lại ngần ấy thứ. Mọi đồ gia vị đều gói trong những cái bồ đài lá chuối: tí mỡ, tí hạt tiêu, tí ớt bột, tí mắm ruốc, miếng đường đen, tí tỏi, cả nước mắm. Không còn cái gì để qua ngày mai hay bữa chợ sau."

(Những cái rổ chợ xứ Huế)

Quê hương là những vệt sáng đẹp tươi không hề tắt trong lòng tác giả giữa cõi hồi ức nhiều lúc tối âm đạm cái màu nhạt nhòa buồn thảm của đời sống hiện tại. Đó là hạnh phúc của Bùi Bích Hà, và từ đó, cũng là những hạnh phúc của chính chúng ta. Bà đã đem tấm lòng tha thiết với những kỷ niệm vừa buồn vừa đẹp vừa hạnh phúc vừa xót xa ấy để chia sẻ với người đọc. Và trái tim ta như một cái bếp bao ngày nguội lạnh vì những mưa gió của đời, bỗng nhiên, như bắt được vào một đóm than hồi hồi. Nó bùng cháy. Và hơi ấm tỏa ra. Những tia sáng ấm áp và hạnh phúc lại reo mừng lách tách trong tim.

Để kết và để nhắc lại, Bùi Bích Hà là cái bóng một mình, cắt vào những buổi sớm mai, những chiều chạng vạng và những đêm tối dằng dặc cái nỗi niềm quạnh không của đời sống. Nhưng đâu đó, trong cái lặng lẽ một mình kia, những tia sáng của đời sống, của sự cảm thông, của lòng tử tế, của nỗi thiết tha vẫn âm thầm cháy nóng. Và ngọn lửa chắt chiu của những hình ảnh thân ái quê hương mà bà vẫn còn cất giữ được trong trái tim sâu lắng và đầy niềm hoài cảm thiết tha kia vẫn như những tiếng reo lách tách của những niềm hy vọng và thiết tha không chịu nhắm mắt. Những tia sáng ấy vẫn cháy ran và gọi về những hạnh phúc trong cái thế giới lặng lẽ, một mình của tác giả.

Giữa những ồn ào và náo động của đời sống, trong cái yên lặng thầm kín và một mình của riêng bà, tôi tin là Bùi Bích Hà có hạnh phúc.

Và những người đến với bà cũng có một niềm hạnh phúc thiết tha như thế.❐

Những cuối năm buồn

NGŨ AN

1.
Cuối năm đi xuống phố
mua về mấy nhánh hoa
tiếc người tình năm cũ
giờ không còn bên ta

2.
Phải chi được nhỏ lại
thuở lên năm lên mười
mặc áo may túi rộng
chứa hết những niềm vui

3.
Ngủ một giấc không mộng
tỉnh ra xuân vẫn còn
hỏi thăm hoa lá cỏ
bao giờ xanh nước non

4.
Về chào nhau năm mới
khi tình đã cũ rồi
ngập ngừng nâng ly rượu
thấy bóng hoa đào rơi

5.
Xuống phố mua hoa cỏ
mua thêm mấy nhánh trầm hương
cuối năm nhớ người thiên cổ
lòng đau thắt nỗi đoạn trường.

Thư Viết Trong Mùa Xuân

Phạm Xuân Đài

Em,

Anh định là với những năm còn lại của đời mình, mỗi năm anh sẽ viết cho em một bức thư, vào mùa xuân. Thì cũng theo ước lệ của mọi người thôi, mùa xuân có mang một ý nghĩa nào đấy, tương đối tươi sáng và tích cực. Một năm một lần nói chuyện với em, anh không muốn với một tâm trạng buồn hay mệt mỏi, mà với tuổi tác và cuộc sống này, những cái ấy lại thường có lắm. Vì anh có em trong lòng như một nguồn tươi sáng, nên viết cho em cũng là dịp để anh trở về, nói như những nhà triết học, với cõi uyên nguyên của mình, nghĩa là về với trạng thái tâm hồn mình tĩnh lặng và trong sạch nhất. Quanh năm lo vật lộn với công việc và những cái ham muốn đủ loại thì ít nhất cũng nên có một lần tĩnh tâm một chút. Chắc em cười và nhủ thầm: "Ở tuổi này mà còn ham muốn gì lắm thế!" Nhưng thật thế em ạ, khó nói là mình đã rời bỏ các ham muốn, từ những cái có vẻ rất cao thượng đến những cái xoàng xĩnh nhất, vẫn còn ngổn ngang lắm. Mùa Xuân có vẻ thích hợp cho một chuyến về thăm em, đúng hơn một chuyên về lại với chúng ta, về với em cũng là về với chính anh nữa, trút bỏ mọi thứ trong giây lát để sống với nhau trong một cõi riêng, một nơi duy nhất mà anh cho rằng mọi thứ hãy còn nguyên chất giữa cuộc đời pha phách lung tung này. Mỗi năm viết cho em trong mùa xuân cũng giống như làm một cuộc hành hương đi tìm kiếm về nguồn cội của hạnh phúc. Anh vừa mỉm cười vì một ý nghĩ mới đến trong đầu, là nếu chẳng may em có chết trước anh thì mỗi năm khi xuân về anh vẫn ngồi lại viết cho em, anh vẫn thầm thì tâm sự với em, và đó vẫn là cuộc trở về với nguồn cội hạnh phúc đính thực của anh. Người ngoài có

thể cho rằng như thế em chỉ là một cái cớ của đời anh, một cái gì giả tưởng để anh dựa vào cố gắng đi tìm một ảo ảnh nào đó, nói trắng ra là một cái cớ để anh tự đánh lừa mình. Những soi mói và giảng giải theo kiểu sách vở như thế có vẻ hay: một người đã gặp lắm sự chẳng may thì tại sao không bám vào một chỗ nào đấy để nuôi một chút ảo tưởng về hạnh phúc?

Chỉ có em và anh biết rõ cái cõi chúng ta yên nghỉ đó là cái gì. Thật ra cũng chẳng có gì lớn lao xa lạ. Tình yêu đó thôi. Đã có một thời chúng ta lay hoay giải thích tình cảm đó như là một cái gì khác, như là tình bạn, tình anh em, nhưng trong thâm tâm cả em cả anh đều biết không phải thế. Em thấy không, ông Khổng tử ngày xưa đã nói là cái gì cũng phải chính danh trước đã. Mọi sự việc phải được gọi đích danh là cái gì thì nó mới thực sự là cái đó. Còn nếu không thì chưa ổn. Vẫn quanh co, lấn cấn, vờ vĩnh. Từ khi anh nói thẳng tình trạng giữa anh và em chính là Tình Yêu thì cả hai đều thấy nhẹ nhõm, như một ẩn ức vừa được giải tỏa. Thì chính là *nó* chứ còn cái gì khác nữa.

Em ạ, hai người yêu nhau mà mỗi người có một cảnh đời, ở một góc trời thì có phải là điều khác thường không. Chẳng mấy khi thăm hỏi nhau nữa kìa. Chỉ có mỗi lần nghĩ về em thì anh thấy yên tâm vì biết ở một nơi nào đó có một tình thương mến không thay đổi. Chỉ là một cảm giác "có nhau" thôi, và biết chắc cảm giác đó cũng chẳng gây hề hấn gì cho đời sống riêng của mỗi bên cả. Anh đã mang em theo cùng anh trên bước đường gian khổ đã qua, em theo anh trong tâm tưởng đằng đẵng hàng chục năm không rời. Trong khi đó ở một phương trời khác em bồn chồn, nung nấu, bứt rứt không biết anh sống chết thế nào. Đến khi chúng ta gặp lại nhau thì mỗi bên đều lặng lẽ biết rằng thôi mọi việc thế là đã ổn. Mỗi bên có thể sống nốt quãng đời của mình với sự yên tâm là từ nay khỏi phải bồn chồn lo lắng cho người kia nữa, biết chắc là niềm thương yêu vẫn có đấy, ở yên ổn đâu đó trong đời này.

Đó là điều chúng ta chỉ có thể thổ lộ với nhau thôi, một người nào khác biết được có thể sẽ bật cười: "Như thế mà gọi là tình yêu à. Lãng nhách." Có thể lắm, theo cung cách thông thường của những người yêu nhau, cái kiểu của chúng ta "lãng" thật, ra vẻ cao đạo, như một kiểu làm dáng trí tuệ, bằng lòng với một cõi mơ mơ hồ hồ một mình mình biết một mình mình hay. Yêu nhau, dù lãng mạng cách mấy cũng phải có những khoảng cho "đời thường" nữa chứ. Dù sao sống trong đời thì mỗi người phải choáng một khoảng không gian cho thân xác của mình, và thân xác ấy chuyên chở mọi thứ. Thế mà tình yêu của chúng ta có khuynh hướng loại bỏ cả cái phần không gian ấy, tự biến thành hương hoa, như hương

thơm của một đầm sen trong cơn gió mùa hạ, người ta có thể nghe thoang thoảng đâu đó mà chẳng thấy hoa đâu. Có lần anh nói với em, cho đến niềm tin tôn giáo người ta còn cần phải có cái cụ thể để dựa vào, vị giáo chủ chết đã lâu rồi thì người ta phải đúc tượng để nhìn vào đó mà tin tưởng, thờ cúng, huống nữa là tình yêu của chúng ta. Dù không mấy khi gặp em, mỗi lần nhớ tới em là anh nhớ tới hình ảnh xinh đẹp tươi tắn sống động của em chứ không phải chỉ là một mớ xúc động không cỗi rễ. Với em chắc cũng thế. Anh không tin là em có khả năng trừu tượng hóa anh triệt để, để chỉ còn là một mớ ý niệm trong tâm tưởng, và yêu anh như một làn sương khói. Ngày xưa chúng ta đã biết nhau như là hai con người của tuổi trẻ, và tình yêu đã bắt đầu từ hai thực thể phơi phới thanh xuân, tiếp tục tồn tại qua những hố thẳm của phân cách để dần dần kết tinh lại thành những tinh thể lóng lánh không tan hủy nữa. Như là trái tim của Trương Chi hóa thành ngọc đá vậy, nếu người ta muốn có một hình tượng cụ thể.

Một tình yêu như thế, đâu có gì là "lãng nhách". Nó đã nếm các mùi vị trần thế của nó, trong đó vị cay đắng hơi nhiều. Nhưng ở thời điểm này của cuộc đời thì tình yêu cũng biết "tri thiên mệnh" như mọi thứ khác. Bây giờ nó có vị đằm của một loại rượu lâu năm. Thời gian hay thực, nó có công dụng biến những cái hăng say nồng nàn trở thành êm dịu đằm thắm. Men tình đâu có mất, nó chỉ đổi cách bốc tỏa thôi.

Chính vì thế mà anh định viết cho em vào mỗi mùa xuân. Người ta thường nói đến "chứng tích của tình yêu", anh cũng muốn để lại chứng tích yêu em, một cách hiền lành và thanh cảnh, là những lá thư viết vào mùa xuân. Chẳng lẽ yêu nhau mà cứ im lặng thăm thẳm, và hẹn đến... kiếp sau, như em thường nói với anh? Nếu anh tìm thấy một chút hạnh phúc trong khi viết cho em thì có thể em cũng cảm thấy tương tự khi em đọc anh. Hạnh phúc như thế quả là chẳng nhiều, nhưng ít ra, chúng ta cũng thở được một ít hơi thở đầm ấm vào cái mùa mà mọi vật đều biểu lộ những gì nồng nàn nhất của mình.

Viết cho em vào mùa Xuân rõ ràng không phải là công việc mặc niệm, đó không phải là dịp cúng giỗ tình yêu của chúng ta, vì tình yêu ấy chưa chết bao giờ. Mùa xuân là mùa làm mới lại mọi sự. Cây đào ấy vẫn đứng đấy năm này qua năm khác trong vườn, nhưng mỗi lần nó ra hoa lại là một lần mới mẻ. Cái áo khoác màu hồng mỗi năm nó tự may để mặc vào hội xuân là một sáng tạo kỳ lạ của nó, mỗi năm làm một lần nhưng không bao giờ nhàm chán, mỗi lần đều phô được cái bí mật và rực rỡ của sáng tạo. Cả thiên nhiên đều lộ khả năng ấy, không riêng cây hoa đào. Nếu sau cơn tàn tạ của mùa đông mà không có sự làm mới lại trong mùa xuân thì không biết cái cõi đời này của chúng ta sẽ ra thế nào. Anh không

cảm nhận được một cách rõ rệt hai chữ "hồi xuân" trong đời mình, về thể chất cũng như về tinh thần và tình cảm, nhưng mỗi năm anh sống trọn vẹn với sự chuyển đổi trong mùa xuân, vừa cảm nhận từ thiên nhiên, vừa chứng kiến ngay trong lòng mình.

Thật ra anh không biết rõ giữa tình yêu em và mùa xuân, cái nào thật sự là Xuân. Tình yêu em làm anh hồi sinh và vui sống, như một người bơi lội kiệt sức giữa biển mênh mông bỗng chân chạm được đất. Trôi giạt mãi cuối cùng cũng cập được bến bờ, thấy mình đứng vững trên hai chân, biết rõ mình đã được yên ổn trên một thềm lục địa là em. Em mênh mông. Bao dung như mẹ, đằm thắm như chị, đa tình và êm dịu như một người tình nữ của muôn thủa. Em là nguồn gốc và cảm hứng bất tận về sự sống và sáng tạo cho người yêu em, trong khi cây đào chỉ có được điều ấy vào mùa xuân để tạo ra tấm áo mới cho nó. Mùa xuân kích thích vạn vật vào một thời điểm khi chu kỳ giáp một năm, trong khi tình yêu của em cho anh nột nỗi mới mẻ thường trực. Đối với anh, em lớn hơn mùa xuân. Em khởi đi từ quá khứ và vươn trùm cả tương lai, không những tương lai từ đây cho đến cuối đời anh mà còn cả đến... kiếp sau nữa, như lời em hẹn với anh. Trong bài Xuân Ca, Phạm Duy đã viết rằng:

Xuân trong tôi đã khơi trong một đêm vui
Một đêm, một đêm gối chăn phòng the đón cha mẹ về
Xuân âm u lắt leo trong nguồn suối mơ
Bừng reo, rồi theo nắng lên từ cha chói chang lòng mẹ.

Ông ta đã nhìn mùa xuân của một đời người bắt đầu từ lúc cha mẹ người ấy gặp gỡ nhau, và vào lúc tột cùng của động tác yêu đương để sáng tạo ra người ấy. Nhưng với anh, anh phải thêm một mùa xuân khác cho chính mình, bắt đầu từ lúc em yêu anh. Em đã sáng tạo ra một mùa xuân khác cho đời anh, sau mùa xuân sơ khai mà cha mẹ anh đã cho khi tạo ra anh. Cha mẹ cho hình hài và tinh thần, còn em gieo vào đó những hạt mầm tình yêu để biến anh thành con người đích thực là mình, tươi sáng và đầy lẽ thiện của cõi xuân đích thực. Mỗi khi nghĩ tới em là lập tức anh như vào một cảnh giới khác, tạm gác bao nhiêu cái phiền toái của đời thường để, nói như ông Bùi Giáng, sống ít phút lãng đãng phiêu bồng. Lúc ấy anh như trở về nguồn cội, cảm thấy bình an như chân vừa đặt lên một mảnh đất Đào Nguyên nào xa xưa vốn là một nỗi ước mơ thầm kín của bất cứ con người lao đao lận đận nào của cõi đời này. Nhiều khi anh lấy làm ngạc nhiên vì mãnh lực ấy nơi em, loại "sức mạnh" được làm thành bằng toàn những cái êm đềm và mềm mại. Anh hiểu được tại sao trong các tôn giáo, ngoài vị giáo chủ luôn luôn là đàn ông vẫn thường có thêm bóng dáng người đàn bà để đại diện cho sự an ủi, xoa dịu, mà hình

tượng và đặc tính thường là người Mẹ. Với anh, em đóng trọn cả vai trò ấy, là người yêu nhưng đồng thời cũng là nguồn an ủi vỗ về vô biên. Trong tình yêu, em cũng đã qua những nỗi đau rất trần thế, nhưng nỗi đau không phá hoại em mà lại làm tình yêu kết tinh bền chặt thành một loại phẩm chất nữ thánh. Tình yêu ấy hóa giải được các oan khiên, làm cho sự trôi giạt tìm thấy bến bờ, giúp các nỗi nhọc nhằn đau khổ thăng hoa đến chỗ bình yên. Anh không có kinh nghiệm về một tình cảm tín ngưỡng về các bà Chúa (Thượng Ngàn, Liễu Hạnh...) của dân gian Việt Nam, về các Thánh Mẫu, Quan Âm... Anh chỉ có em.

Anh nương theo cảm hứng của mùa xuân để nghĩ và nói về mùa xuân của riêng mình, tức là em. Em đừng sợ hãi thấy mình đang biến thành bà thánh trong mắt anh. Không đâu, em vẫn là em của anh một cách trần thế với sắc đẹp, dung nhan, với cả một người nữ đa tình. Nhưng tình yêu lạ kỳ của chúng ta đã có khả năng từ đó bắc thêm một cái cầu đến một vùng khác, ở đó chúng ta cảm thấy mọi sự vĩnh cữu hơn, và sự có nhau bền chặc hơn. Trong vùng trời ấy giữa mùa xuân, anh có thể chiêm ngưỡng em vừa như một người tình xinh đẹp với tất cả đam mê trần thế, vừa với cung cách huyền nhiệm đối diện với em như là nguồn cội của nỗi êm dịu mênh mông của vạn vật đất trời, nghiêng xuống anh, chỉ riêng anh thôi, để cho anh được yêu đương, yên nghỉ và thờ phụng. ❐

Lỡ mê truyện Kim Dung mà không hiểu hết cái thâm thúy của Kim Dung, hãy tìm đọc cho được:

Văn Sử Y Dược trong
Truyện Chưởng Kim Dung

Biên khảo uyên bác của
Trần VănTích

Thanh Văn xuất bản

Sách in đẹp, dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim

Tìm mua ở các hiệu sách hoặc liên lạc Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O.Box 2301, Westminster CA, 92683 USA
Phone (714) 527-5761

Nhà Văn

Võ Phiến

Bán mớ rau cho người ăn, bán chiếc phi cơ cho người bay thì được trả một món tiền. Ca hát cho người nghe, diễn kịch cho người xem, ngoài khoản thu tiền vé vào cửa, lại còn được hưởng thêm những tràng pháo tay kêu đôm đốp. Như vậy cung ứng cho các nhu cầu vật chất thì được đáp ứng bằng vật chất; mà cung ứng khoái thích tinh thần cho người đời thì ngoài khoản lợi lộc vật chất (vẫn thu kỹ), còn được đền đáp bằng lợi lộc tinh thần. (Đừng nghĩ vật chất là "thực", tinh thần là "hư" mà xem nhẹ nó. Không nhẹ đâu. Elvis Presley ca hát thế nào mà nghe nói có những nữ thính giả mê tơi, quẳng lên sân khấu cả chìa khóa phòng riêng? Quà cáp "tinh thần" lớn đến thế tiền của nào sánh kịp?)

Nói chung chung là vậy, nhưng các giới cung ứng tinh thần không phải ai cũng được như ai. Tạo Hóa bất công với nhà văn.

Trong vận động trường, khán giả mục kích cú đá đẹp mắt thì khoái, mà người cầu thủ nghe tiếng hoan hô nổi lên ầm trời, trông thấy giới hâm mộ tung mũ lên tưng bừng, các em cổ vũ viên nhảy cỡn lưng tưng, cũng khoái không kém. Cô ca sĩ đứng trên sân khấu nhìn xuống những cặp mắt đắm đuối, những khuôn mặt đờ đẫn hướng lên, phải nôn nao trong lòng chứ (không thế, đã không có cái bệnh ghiền sân khấu. Không thế, kẻ có giọng có khiếu cứ nằm nhà mà hát, việc gì đâm "ghiền" cái nọ cái kia?) Nhà họa sĩ có thể ngồi ở một góc phòng triển lãm mà ngắm nghía khách xem tranh với các phản ứng say mê trên nét mặt họ, mà lắng nghe khách sành sõi bàn tán với nhau, tán thưởng tranh mình, họa sĩ tha hồ sảng khoái v.v...

Còn nhà văn? ối, trên đời làm gì có những nhà văn hưởng được diễm phúc trông thấy tận mắt người độc giả trong lúc họ đang thưởng thức văn

mình, trông thấy lúc ấy anh này khoái tí ra làm sao, chị nọ cảm động cách nào, ông kia ngẩn ngơ trầm ngâm kiểu nào? v.v...

Ngày nay, người đọc sách chân chính là người đọc sách một mình. "Ta đọc, ta tìm nơi vắng vẻ." Đứa con kháu khỉnh nhất, cưng nhất, lúc cầm cuốn sách lên tay, ta cũng bảo: "Con ra phòng ngoài xem ti-vi, để bố đọc sách. Ngoan nhé." Đến như đối với cục cưng không tiện đuổi ra phòng ngoài chơi, nếu không khéo giải quyết, sẽ gặp rắc rối ngay. Trong Đoạn Tuyệt, Loan đêm nằm đọc sách, mà anh chồng lại cứ kè kè bên cạnh. Lát sau, quả nhiên có máu đổ.

Đọc sách mà đọc chỗ đông người, không thú. Đọc chỗ có thêm một người, cũng không mấy thích. Đến như chuyện mang cuốn *truyện cuốn* thơ đến ngồi *chình ình* ngay trước mặt tác giả mà "thưởng thức", quyết rằng trên đời chẳng mấy ai kỳ cục quá vậy.

Cho nên hễ cứ nghe một nhà văn nào tuyên bố đã tận mắt chứng kiến cảnh tượng độc giả cảm thơ văn mình đến nỗi vừa đọc vừa nhỏ lệ ròng ròng không lau kịp, thì hãy túm ngay "nhà" ấy đưa ra tòa về tội xâm phạm vào sự riêng tư của người khác. Nhất định "nhà" ấy đã nhìn qua lỗ khóa, không sai đâu. Đại khái, một vụ Watergate - thảm hại thay nhà văn Watergate. Chỉ vì một phút đại dột, ganh tị với các ông họa sĩ, ông nhạc sĩ, cô ca sĩ, ông võ sĩ, anh cầu thủ v.v..., ham hưởng một chút khoái thích tinh thần là chiêm ngưỡng dung nhan người đọc mình, mà lâm họa!

Thế thì chuyện gì xảy đến *cho các nhà* văn trong khi sáng tác?

Những đấng kỹ sư tâm hồn, hễ viết là viết thiệt, họ không lý đến thái độ của quần chúng, chỉ chờ đón bàn tay xoa đầu của lãnh đạo. Nhưng hạng viết chơi - như Nguyễn Du, như Tú Xương, như Hồ Xuân Hương... - thì cái gì an ủi họ, phần thưởng tinh thần nào dành cho họ?

Bạn bảo: Các Nguyễn Du thời nay có thư độc giả này, có báo tán dương ca tụng này...

- Cái đó mà bảo là phần thưởng để thay thế, đền bù vào chỗ bất công đã kể sao? Bảo thế là ngụy biện qua quít, rẻ tiền, để lừa nhau đấy nhé. Gì chứ thư từ mến mộ, bài viết tán dương thì đâu phải độc quyền dành cho nhà văn? Ca sĩ, nhạc sĩ, võ sĩ, họa sĩ, sĩ nào chẳng từng được hưởng? Hưởng những cái ấy, cộng thêm vào khoản thích thú tinh thần tuyệt vời là tận mắt, trực tiếp chứng kiến *cái tác dụng* của tác phẩm mình đối với kẻ thưởng ngoạn. Đó, cái muốn nói là cái tác dụng trực tiếp, cái phản ứng hồn nhiên, sơ nguyên, tại chỗ, chộp bắt tươi rói tại đương trường cơ.

Ngay tại chỗ, hình như người viết chỉ bắt gặp được cái phản ứng

của... chính mình. Viết câu "Long lanh đáy nước in trời" xong, cụ Nguyễn Du thích ý quá, không cầm lòng được, cụ lẩm nhẩm: "Long lanh đáy nước in trời... Đẹp thật." Lát sau, bất giác cụ ngâm nga: "Long lanh đáy nước in trời", và xuýt xoa: "Chữ nghĩa sang trọng quá!" Sướng trong người, cụ rung đùi lúc nào không hay, và ngâm lớn "Long lanh đáy nước in trời", ngâm lớn tiếng đến nỗi cụ bà ở buồng trong giật mình, hé cửa, e ngại ghé mắt trông ra, tưởng có việc gì. Cụ ông hơi ngượng, cụ đọc thầm: vẫn khoái. Rồi cụ chỉ ngồi im lặng, nghĩ tới sáu chữ: vẫn sướng. Sáu chữ, chúng nó cựa quậy mãi trong cụ! Đại khái thế.

Tôi không dám nghĩ ra một cảnh tượng lố bịch về thi hào Nguyễn Du. Cụ Nguyễn thích thú như thế là vừa phải thôi, có gì lố đâu. Sau này Nhất Linh viết được câu "Hồng nương! Hồng nương!...", thấy hay quá, đọc đi đọc lại suốt đêm không ngủ được, Nhất Linh cũng không hề bao giờ bị xem là lố lăng.

Đào Phùng Hả kép Năm Châu trổ tài trên sân khấu, liếc mắt trông xuống thấy nghìn cặp mắt say sưa chiếu lên. Còn Nguyễn Du viết xong câu thơ mãn ý, bỏ bút ngước đầu thấy phòng văn vắng vẻ, dưới mắt chỉ có sáu chữ. Trong đêm khuya, mình cụ hú hí sáu chữ. Cái vui của cụ giống cái vui của bà mẹ hạ sinh được đứa con kháu khỉnh, ôm con hôn mãi. Rúc đầu vào bụng nó, nó cười ằng ặc, mẹ vui. Cù vào nách nó, nó cười lên ằng ặc, mẹ xem thích quá, mẹ vui. Chúi đầu vào ngực nó, ngoạm lấy cánh tay bụ bẫm của nó, nó cười toe, xinh đẹp đáo để, mẹ vui. Bà mẹ hôn hít, cụ Nguyễn ngâm nga: như nhau. Cụ Nguyễn Du đối với lũ chữ của mình - hoặc sáu chữ, hoặc sáu chục, hoặc sáu trăm, sáu nghìn chữ - cụ chỉ có trực tiếp được chúng, vui với chúng.

Đời vẫn tôn xưng hai giá trị xếp tương đương: văn mình, vợ người. Muốn vui với vợ người, khó. Còn với văn mình thì tha hồ: vui đi vui lại bao nhiêu lần cũng được. Và chỉ có vậy thôi, nhà văn đừng mong tìm cái vui nào khác.

- Kể ra, gì chứ cái vui đó họa sĩ nhạc sĩ cũng hưởng được cả. Họ vẫn tự thưởng thức tác phẩm mình...

- Thì đấy. Nhà văn có đặc ân nào đâu. Họa sĩ nhạc sĩ vừa hưởng cái đó vừa hưởng thêm cái khác; nhà văn thua thiệt thấy rõ.

- Suy bì hơn thua mãi!

- So sánh cho biết thôi. Cốt yếu không phải ở hơn thua. Cốt yếu là ở chỗ hoàn cảnh ấy chắc chắn có ảnh hưởng đến cái sáng tác trong mỗi ngành nghệ thuật.

Ban kịch ban hát trình diễn trong một rạp trống trơ, phải khác với khi trình diễn giữa tiếng vỗ tay vang lừng trong một rạp chật ních khách, cũng

phải khác với lúc trình diễn giữa tiếng ngáy hay tiếng la ó, tiếng huýt phản đối. Trong trường hợp nào cũng có sự can thiệp của quần chúng. Hoặc là sự can thiệp đầy giận dữ. Hoặc một phản đối lạnh nhạt. Hoặc nó làm hơi thở nồng nàn của quần chúng khán giả thổi hứng khởi vào sân khấu: bấy giờ nó gần như là sự hợp tác giữa khán giả với diễn giả. Can thiệp nào hẳn đều có hiệu lực của nó.

Một đàng làm việc trong cô đơn, không đón nhận dược cái phản ứng bộc khởi bộc phát trực tiếp từ quần chúng thưởng ngoạn; một đàng làm việc chặt chẽ với quần chúng, dưới con mắt theo dõi của quần chúng thưởng ngoạn trong từng bước một. Sục sạo tìm trong tác phẩm văn chương, không chừng có thể gặp dấu vết ảnh hưởng do hoàn cảnh sáng tác đặc biệt của con nhà văn. Có chăng? ❐

...đón đọc

SÓNG VĂN

Tập San Văn Học Nghệ Thuật

Số ra mắt sẽ phát hành
tháng 2 năm 1996

Cuu thời hoa

TRẦN HỒNG CHÂU

Ngũ niên khách địa hựu phùng quân.
T.H.C.

Lòng cũng lênh đênh con đò cũ
Chợt nghe sông nước bến xưa về
Em đến xây ngủ giấc vàng úa
Hoa ảo giác đỏ bờ hoang tưởng

Buổi chiều nào lam ngọc kỳ bí?
Gặp gỡ nào như Tân Cựu ước?
Thời gian chảy lạc phách thầm thì
Mái đời thủy mặc sợi hồn phai

Không Hồ Gươm sao gầy dáng liễu
Không gió bụi sao nhạt mắt xanh
Kỷ niệm trắng về rụng hoa mơ
Châu thân yêu dấu dấu cấm thành

Biển động mây vàng chìm muối xót
Chiều mưa giăng mắc buồn ly hương
Thời gian cồn cát hoa lẻ một
Nữ hoàng tay ngỏ mọc hướng dương

Định mệnh vỗ về người chết đuối
Đi ở ở đi môi hồng quế
Đê mê cháo lú chén tuyệt vời
Gió vực trời cuồng trôi dáng hoa!

Xóm Nghèo

Thảo Trường

Tôi không thể ngờ rằng ở nước Mỹ lại có một con đường hẻm như con đường hẻm gia đình tôi đang cư ngụ. Chúng tôi là một gia đình tị nạn cộng sản vì mất nước và bị tù đầy nên phải lưu vong sang đây. Trên danh nghĩa là di cư đoàn tụ nhưng lại chính thức khởi đầu của một thời ly tán. Tôi và anh con trai út còn độc thân dọn đến cái xóm Mỹ lạ lùng này, ở trong một phòng thuê lại của một gia đình đồng hương nghèo tốt bụng. Nếu không tình cờ gặp người đồng hương cắt cỏ thì chúng tôi đã không biết tới cái xóm nhỏ này và đã không trở thành cư dân ở đây.

Gia đình tôi xuất cảnh sang Mỹ vì tôi là sĩ quan QLVNCH bị cầm tù trong các nhà giam của cộng sản sau khi chế độ Cộng hòa bị bàn giao cho chế độ cộng sản. Đáng lẽ tôi thuộc diện tị nạn chính trị có trợ cấp và bảo hiểm y tế, nhưng sau khi phỏng vấn, chính phủ Mỹ đã "hạch toán kinh tế" rất thực dụng, "bàn giao" tôi cho con gái và con rể tôi là những người đã bảo lãnh. Và tôi trở thành diện đoàn tụ trong tinh thần nhân đạo. Bao nhiêu phí tổn di chuyển từ Việt Nam qua và tái định cư tại Mỹ trong tinh thần nhân đạo ấy cho gia đình tôi, đều do con gái và con rể tôi đài thọ. Trong chiến tranh Việt Nam, để chống lại làn sóng bành trướng của cộng sản chỉ có các quân nhân QLVNCH chiến đấu và hình như đồng minh Mỹ tham dự, con gái và con rể tôi hồi đó còn bé tí, bây giờ, họ chịu trách nhiệm cho các lệnh hành quân ấy vì chúng tôi là những tù binh vô thừa nhận. Có người nói rằng hậu quả di hại của cuộc chiến là lâu dài, có lẽ, ít ra, cũng đúng trong những trường hợp như thế này.

Hồi tôi nằm trong trại tù cộng sản, ở nhà vợ tôi đã tìm cách cho đàn con vượt biên, nhưng thất bại thì nhiều, chỉ may mắn có được một người con gái lớn đi thoát trong một chuyến cùng với một gia đình bà con trong họ. Con gái tôi nay đã có gia đình ba đứa con, vợ chồng nó đều có việc

làm. Chúng đang hòa hợp với nhau để xây dựng một mái ấm gia đình với những đứa con đầy triển vọng. Khi đón bố mẹ và thằng em út sang để ở tạm trong nhà, tôi thấy đó đã là một sự hy sinh lớn của vợ chồng nó. Rồi thì phải giúp cho bố mẹ làm thủ tục giấy tờ, giúp cho đứa em trai đi học và đi làm giờ, giúp cho cả nhà làm quen với xã hội Mỹ... rồi thỉnh thoảng còn phải gửi về Việt Nam chút ít tiền giúp bốn đứa em còn ở lại vì chúng đã có gia đình và trên hai mươi tuổi.

Bà vợ già của tôi coi sóc mấy đứa cháu ngoại cũng được vợ chồng nó trả cho mỗi tháng mấy trăm. Có lần đứa cháu ngoại ba tuổi ngô ngọng nói:

"Ngoại ơi, tháng này Mom đã trả lương cho ngoại chưa?"

Nghe con trẻ ngây thơ hỏi, ngoại suýt bật khóc. Hồi còn ở Việt Nam có lần bà đi thăm ông trong tù cũng dắt theo một đứa cháu nội, lần đầu tiên ông cháu gặp nhau, ông bồng cháu cho ngồi trên đùi mà rung, nói chuyện với bà, thằng cu vểnh tai nghe ông bà nó rù rì bèn thắc mắc:

"Nội ơi, sao ông nội lại gọi bà nội là... em?"

Bây giờ vợ chồng già ở đây, con trai con gái đứa thì ở trong nước đứa thì ở ngoài nước, đàn cháu nội cháu ngoại mớ thì ở ngoài nước mớ thì ở trong nước. "Trời có điều chi buồn mà trời mưa mãi thế? Cây cỏ có chi buồn mà cỏ cây đẫm lệ!" Đó là thơ của thi sĩ Hà Thượng Nhân.

Vợ có việc giữ trẻ, anh con út có việc nhặt banh ở sân golf, còn tôi đi lượm ve chai. Và cũng vì thế mà gặp được ông đồng hương làm nghề cắt cỏ. Hai kẻ đồng cảnh chuyện trò với nhau mới vỡ lẽ ra hồi trước ông ta là hạ sĩ quan có thời gian đã là thuộc quyền của tôi. Năm 1975 đơn vị tan vỡ, ông không biết chạy đi đâu vì không có ai chỉ huy bỏ chạy, ông nói kinh nghiệm chiến trường của ông cho ông biết là chỉ có chỉ huy khi xung phong tấn công, không có chỉ huy khi tháo chạy. Rồi ông cứ theo đoàn người di tản đến Mỹ lúc nào không hay. Ông đã làm nhiều nghề và nay thì ông đã thành một người Mỹ chính cống. Không muốn thay đổi gì nữa, ông làm chủ một cái xe truck, mướn một hai người Mễ, nhận mối đi cắt cỏ. Ông hạ sĩ quan ngày nào nghe tâm sự và biết hoàn cảnh của ông sĩ quan xếp cũ của mình bèn dẫn về nhà ở và cho đi theo phụ cắt cỏ. Trên, dưới, thời chiến xưa, bây giờ đã có phần thay đổi. Dù muốn dù không thì người thuê mướn và người làm công cũng vẫn có những khoảng cách và những dị biệt. Cho dù tinh thần bình đẳng, tính cách xuề xòa và quyền tự do dân chủ có cao đến mấy đi chăng nữa thì vẫn có lúc giao công việc và lúc phát lương. Lương cũng tạm được, trừ hai trăm tiền phòng hai bố con ở, chi phí ăn uống rồi mỗi tháng còn mấy trăm cũng có đồng ra đồng vô.

Hai bố con tôi dọn về ở trong khu xóm này để trả lại cái phòng khách

cho anh con rể. Bà ngoại thì vẫn tá túc trong căn phòng đứa cháu mà bà phải trông coi. Cuối tuần thì hoặc là tôi lên thăm cháu ngoại, hoặc là mẹ đi thăm anh con trai út.

Xóm nhỏ là một con ngõ cụt, gồm hơn mười căn nhà gỗ đã quá cũ chia thành hai dãy hai bên. Chính giữa là đường xe vô ra. Bên trong cùng ngõ là một bãi cỏ hoang đã bị ngăn cách bởi một hàng rào gỗ. Cư dân trong xóm chỉ có một lối ra ngoài con đường lớn mà ở đầu ngõ hai bên là hai cửa tiệm. Một bán bàn ghế tủ giường và bên kia là tiệm sửa chữa video.

Vỏn vẹn chín căn nhà ở hai dãy hai bên nhìn sang nhau. Khu nhà chín căn nhưng chỉ có hai chỗ để xe bỏ trống hoang tàn dột nát. Cư dân trong xóm thoải mái đậu xe ngay trước cửa nhà, thậm chí có thể đậu xe ngay lên lề cỏ đã không còn cọng nào nguyên thủy sống sót. Trên lề trồng cỏ bây giờ là cỏ dại và rác rưởi. Những chiếc xe hơi của các gia chủ trong xóm thì không còn chiếc xe nào lành lặn. Mỗi xe móp méo một kiểu khác nhau và nghe tiếng máy cũng có thể biết xe của căn nhà số mấy. Như đã nói, đường vào trong xóm là ngõ cụt, cho nên vào lối nào thì phải ra lối ấy. Thỉnh thoảng có chiếc xe lạ của ai đó chạy vào tính đi xuyên qua, gặp hàng rào cuối ngõ đành phải lắc đầu ngao ngán lùi ra. Chín gia đình ở trong xóm hình như đều lãnh trợ cấp xã hội. Ngày ngày ăn rồi ở không, hút thuốc, uống rượu, hôn nhau và chửi tục.

Trong những gia đình của xóm ngõ cụt có hai gia đình người Á châu, một làm nghề hàn xì sản xuất những khung giường ghế bàn tủ bằng kim loại ngay tại nhà không cần phép tắc gì cả và xóm giềng cũng không ai phàn nàn kêu ca phản đối. Một nữa là ông chủ của bố con tôi chuyên nghề cắt cỏ mướn, đậu chình ình chiếc xe truck đầy nhóc máy móc bao bị cuốc xẻng cào chổi... trước cửa nhà. Các gia đình còn lại có một gia đình Mỹ da đen mười trắng, không thấy sắc dân khác, và hình như sống rất hòa thuận với nhau. Theo ông chủ của tôi thì qua nhiều năm sống ở xóm này ông chưa thấy có chuyện cãi vã hay xích mích xóm giềng. Nhà nào sống theo nhà ấy, không ai can dự vào chuyện của người khác. Nghe ông chủ nói thì tôi thấy hình như nơi xóm nhỏ này là một thế giới tự do. Các nhà đều không đóng cửa vì cũng không có gì đáng để mất. Nhà này có thể mượn của nhà kia những đồ dùng lặt vặt mà không cần hỏi trước. Mọi người sống thoải mái, ít thấy ai đi làm ngoại trừ hai gia đình gốc Á châu thì làm hùng hục suốt tuần. Cũng ít thấy nấu ăn vì thường ăn đồ ăn làm sẵn ở tiệm ngoài đường cái, ngoại trừ hai gia đình gốc... Á châu ngày nào

cũng nấu xào kho nướng mùi gia vị xông tỏa khắp đó đây. Trong nhà ngoài ngõ cũng ít quét dọn, thậm chí còn thấy những bao cao su ngừa thai vứt rải rác khắp nơi trong khi các cô gái tuổi vị thành niên nhưng cao lớn to khỏe của xóm thì đã đều lần lượt mang bầu.

Rác rưởi tùm lum thoải mái, nếu có ai siêng thì đem bỏ vào cái thùng rác chung bằng sắt to tướng có bánh xe để trước căn đầu dãy, cứ chiều thứ năm người thuê căn đầu đó và cũng là người quản lý cả xóm sẽ lái chiếc xe móp méo của ông ta đẩy từ từ cái thùng rác có bánh xe lăn ấy ra ngoài đường chính để sáng hôm sau xe rác thành phố sẽ đi ngang lấy đi. Hôm đầu tiên nhìn thấy ông Mỹ trắng dùng xe hơi của mình đẩy thùng rác tôi cho là lạ nhưng sau thì tôi thấy cũng tự nhiên thôi vì ở đây người ta sống theo một lối tiện đâu làm đó. Ông quản lý này chỉ phải trả nửa tiền nhà mỗi tháng, còn một nửa được chủ bớt là để trả công cho ông làm manager cư xá.

Ông quản lý ở với ba đứa con đều chưa tới mười bảy tuổi có được trợ cấp của chính phủ. Hai đứa lớn đã bỏ học ở trường trung học nhưng đứa con trai mới vừa xong một khóa của cảnh sát dành cho thiếu nhi phạm pháp và cô con gái mới mười lăm đang mang bầu, bà mẹ vị thành niên này sẽ lại được hưởng trợ cấp con nhỏ như là bà mẹ của cô đã thành niên từ lâu rồi vậy. Đứa con trai thứ ba của ông thì còn theo học ở trường tiểu học gần nhà, nó chạy qua chạy lại hoặc ở nhà bố hoặc sang với mẹ gần đó. Bố mẹ nó đã bỏ nhau, bố nó vẫn ở căn nhà đầu dãy, làm manager và hút thuốc uống rượu Mẹ nó ở với một thằng bạn lớn tuổi của thằng con lớn, hai người đã lại có một đứa con với nhau. Đứa con trai thứ ba sáng đi học, trưa nhà trường cho ăn, chiều về nếu lục ở nhà bố không có gì nó sẽ chạy sang nhà mẹ, nói Hi với người bạn trai của mẹ, xong lục tìm thức ăn, nếu mẹ nó và anh bạn trai của bà bận gì đó trong phòng thì nó cứ tùy tiện kiếm chác. Nếu hôm nào không kiếm được gì ở cả hai nhà thì nó chạy sang tiệm furniture đầu ngõ, nói Hi với người chủ cũng gốc Á châu, rồi cầm cái chổi lông gà đi quét bụi trên các bộ bàn ghế, xong nó vỗ bụng kêu đói, bao giờ nó cũng được ăn hoặc cho mấy đồng. Đứa bé này rất thương mẹ nó, nếu có mấy đồng thì nó chạy một mạch về nhà mẹ, đập cửa rầm rầm, mẹ nó thò đầu ra, nó dúi vào tay mẹ mấy đồng tiền mới kiếm được rồi lại ù té chạy đi. Lát sau cư dân trong xóm sẽ lại thấy mẹ nó ở trần chỉ mang nịt vú và quần soọc, miệng phì phèo điếu thuốc, đẩy chiếc xe trẻ con đi dạo vòng trong vòng ngoài trong ngõ ngoài đường ngoài đường trong ngõ. Thỉnh thoảng có gặp ông chồng cũ đang hành xử công việc quản lý cư xá thì hai người cũng Hi nhau lịch sự. Hai vợ chồng người này rất tâm đầu ý hợp với nhau, họ cùng ghiền một thứ thuốc lá,

cùng thích uống một loại bia. Hai người bỏ nhau có lẽ vì ông chồng đã quá yếu sức, thỉnh thoảng lại ốm đau, và có lẽ cũng còn vì họ quen thuộc nhàm chán nhau quá sức đến độ bực bội cãi vã gây gỗ cuối cùng phải bỏ nhau. Người tình mới của bà vợ ông quản lý thì gầy gò nhưng rất dẻo dai, có lần anh ta một mình cởi trần dọn hết một đống rác khổng lồ của tiệm furniture dưới trời nắng chang chang mà không nghỉ phút nào. Nhưng anh ta lại rất hiền lành, thường bị bà tình nhân đánh đập chửi bới chớ hề kêu ca. Có lần anh ta bị bà ấy đánh chảy máu trán phải chạy ra đầu ngõ đứng nhìn vào cả buổi chiều không dám về, gần tối người đàn bà sau một giấc ngủ ngày thức dậy, đẩy chiếc xe trẻ con ra đầu ngõ, lau đầu máu cho người yêu, châm thuốc lá gắn vào môi cho người tình, vuốt ve dỗ dành, đu cổ anh ta xuống mà hôn. Còn anh thanh niên thì nước mắt ròng ròng sung sướng!

Hầu hết cư dân trong xóm đều sống bằng trợ cấp xã hội của bầy trẻ và rất thiếu thốn vì ai cũng hút thuốc và uống bia.

Anh thanh niên có xin việc làm ở mấy cửa tiệm ngoài phố, anh ta rất chăm chỉ, cần tiền để hai người uống bia hút thuốc nhưng anh hay ngủ gục trong giờ làm việc nên tiệm nào mướn một thời gian rồi cũng phải cho anh nghỉ.

Có những ngày thèm thuốc quá, bà mẹ phải đi tìm thằng cu thứ ba ở trường học về bảo nó xin lau bàn ghế giường tủ kiếm mấy đồng cho bà mua thuốc hút. Trong lúc thằng cu vừa cầm cái chổi lông gà phẩy phẩy trên các tủ giường vừa tán tỉnh uncle chủ tiệm cho xin tiền mặt thì mẹ nó đã đứng chờ ở ngoài cửa. Đứa con mới đẻ của bà nằm ngủ trên chiếc xe đẩy có lúc bú mớ, có lúc cười mớ!

Nhưng thằng con trai lớn thì có lần lại đấm mẹ nó sưng mặt rồi chạy vào núp trong kho hàng furniture. Hỏi ra vì nó đã bị mẹ mắng về tội ngu không biết cách ngừa thai cho đứa bạn gái của nó cũng trong xóm ấy. Thế là người đàn bà mang nịt vú mặc quần soọc, hút thuốc lá, uống bia, đẩy xe con nít và có chồng trẻ ấy sắp có cả cháu nội lẫn cháu ngoại. Ông chồng quản lý cư xá của bà thì không có ý kiến gì về tất cả các vấn đề đó. Vì ông đang lên cơn đau bao tử và vừa mới bị người chủ hàn xì sản xuất đồ kim loại trong cư xá của ông đuổi việc. Việc làm thì ông không lo vì chỉ vài ngày sau sang xin làm là người Mỹ gốc Á châu này lại cho làm thôi. Đã làm, đã bị đuổi, rồi làm lại, cả mấy chục lần rồi có sao đâu. Chỉ có cái bệnh đau bao tử là khó trị và nó đã làm khổ ông nhiều rồi, sức khỏe suy yếu, ông mất vợ cũng vì nó.

Bố con tôi đến ở trong căn nhà của ông đông hương tốt bụng mà chẳng cần đăng ký ở phường khóm và cũng chẳng cần phải trình diện ông

quản lý cư xá như luật lệ ở quê nhà Việt Nam. Ở đây ai đến ai đi, mặc. Không người nào thắc mắc người nào. Sự có mặt của người khác ở chỗ này chỗ nọ không phải là điều đáng quan tâm. Không có chế độ xuất nhập hộ khẩu vì không có công an phường. Những ngày đầu tôi còn ngỡ ngàng khi nhìn thấy trai gái ôm hôn nhau giữa ngõ, trước cửa nhà mình, nhưng rồi sau cả đến những cảnh họ làm tình trong phòng ngủ cửa khua động rung rinh nhà vách cũng là những chuyện riêng tư, tự nhiên không đáng để ý.

Điều đặc biệt nhất của xóm nhỏ này là nhà nào cũng thiếu tiền thuê vài ba tháng, ngoại trừ hai gia đình gốc Á châu luôn trả đúng ngày không thiếu một đồng. Tôi có hỏi ông hạ sĩ quan chủ của mình thì được trả lời cho biết:

"Vì tiền nhà ở đây rẻ nhất thành phố, và nếp sống "tự do dân chủ" ở đây đứng đầu nước Mỹ."

Ông chủ kể tiếp:

"Riêng tôi sau hai mươi năm đã ở nhiều nhà nhiều tiểu bang nhiều nơi rồi. Khổ lắm, những khu nhà đắt giá trông thì đẹp, mát mắt thật, nhưng phải tuân giữ đủ thứ qui định, từ cây cỏ cho đến chó mèo, từ màu sắc cho đến kiểu cọ... đều phải theo qui định. Nhà nào cũng ở trong nhà đóng kín cửa, ít khi gặp nhau, thảng nếu sáng ra hoặc chiều về lỡ có trông thấy nhau thì Hi một cái là xong rồi rút vào nhà mất dạng. Giữ gìn cho kỹ đến khi mất việc là trả nhà cho nhà bank. Còn ở đây ấy à, nhà đã là nhà bị bank tịch thu xiết nợ và bank là chủ nhà rồi cảnh sát cũng không muốn tới, bao nhiêu kỳ bỏ phiếu tôi không thấy ai "đi bầu là thương nòi giống" cả. Cư dân ở đây không biết ông tổng thống là ai. Tôi... chọn nơi này làm quê hương nên chịu khó đóng tiền nhà sòng phẳng để giữ chỗ, những gia đình Mỹ nghèo khó nhưng họ chỉ thiếu đến lúc sắp bị đuổi thì họ cũng trả thôi. Chủ và người thuê đều biết nhau quá rồi. Đồ dùng tiện nghi trong nhà đều cũ kỹ hư hỏng, rỉ sét, nhưng cũng không ai đòi hỏi phải sửa chữa hay thay thế. Nhà chỉ cần không đột, có nước, có điện, khỏi cần sơn phết lại miễn đừng tăng giá. Những căn nhà này có lẽ chỉ cần giữ nguyên như thế cho đến khi nó sụp đổ không ở được nữa!"

Anh con út tôi vừa đi học vừa đi làm giờ ở một sân chơi golf. Tôi chỉ còn có nó là niềm hy vọng của dòng dõi. Không nói ra nhưng trong lòng tôi lúc nào cũng chỉ có một mong muốn người con út này sẽ thành đạt thật cao trên đường học vấn để an ủi cho sự thất bại và sa cơ của tôi. Phải nói rằng đó là niềm hy vọng cuối cùng của một kẻ thất trận lưu vong.

Hằng ngày mỗi sáng tôi theo xe người chủ đi cắt cỏ đến chiều tối mới về. Vì có tôi nên ông chủ đã cho nghỉ bớt một người Mễ và tôi trở thành

người thợ phụ cho người Mễ còn lại. Chỉ sau một hai ngày là tôi quen được với những công việc làm như chạy máy cắt cỏ, sử dụng máy tỉa mép mà chúng tôi gọi lá máy cạo râu, máy thổi... Ông hạ sĩ quan nói với ông sĩ quan:

"Chỉ một thời gian là... "đại bàng" sẽ biết nghề và sẽ có thể ra mở cho mình một "hãng" cắt cỏ riêng, lúc đó thẩm quyền lại mướn Mễ, lại tha hồ mà bóc lột... Xin license cũng dễ thôi chỉ có kiếm mối mới phải đi tìm và cạnh tranh."

Những ngày đầu chạy theo ông chủ từ sáng đến chiều tôi rất mệt vì mất một giấc ngủ trưa. Công việc cắt cỏ phải đi theo một lịch trình người chủ đã tính toán và sắp xếp theo giờ giấc thứ tự của từng nhà. Buổi trưa nghỉ một giờ để ăn tại một bóng mát nào đó và tôi đã ngủ gật khi ngồi dựa gốc cây. Sau rồi cũng quen không chợp mắt buổi trưa nữa. Người hạ sĩ quan lại cười nói:

"Thế là Đại bàng sắp quen với lối làm việc Mỹ rồi đó. Rồi đại bàng cũng sẽ trở thành Mỹ thôi."

Cũng may là nghề cắt cỏ được nghỉ thứ bảy chủ nhật vì khách hàng không muốn anh đến nhà người ta làm ồn ào những ngày người ta nghỉ ở nhà. Và ông chủ này cũng chỉ muốn làm đủ ăn, không chạy vạy kiếm thêm việc cho nên hai ngày cuối tuần chúng tôi được ở nhà. Tôi bắc ghế ngồi trước cửa nhìn xuôi nhìn ngược cuối ngõ đầu ngõ xem hàng xóm Hi nhau, hôn nhau, nướng thịt trước cửa nhà ăn uống bên cạnh cái máy nhạc để âm thanh thật lớn những điệu rock. Thỉnh thoảng ông Mỹ da đen ở căn giữa còn nhún nhảy khiêu vũ một mình hoặc với con chó con cưng của ông trên tay. Thấy tôi dậy sớm bắc ghế ngồi nhìn thiên hạ suốt sáng đến chiều, ông hạ sĩ quan lại nói:

"Cuối tuần đại bàng thức làm gì sớm, ngày nghỉ Mỹ họ ngủ nướng đại bàng cũng nên tập theo họ cho quen, xung quanh họ làm gì kệ họ, mình cứ "kềnh" cho khỏe."

Quả thật cái gì tôi cũng phải tập cho quen thôi. Tập thức sớm, tập dậy trễ. Tập siêng năng, tập lười biếng. Tập khôn ngoan, tập khờ khạo. Tập tự do, tập độc đoán. Tập đôn hậu vồn vã, tập tàn nhẫn lạnh lùng. Tập khoan dung, tập bất nhân. Tập hiền, tập ác. Tập lo âu, tập thây kệ... Phải tập tành tất. Tập đồng minh, tập phản bội. Tập can thiệp, tập tháo chạy...

Toán mười hai người gồm mười một hạ sĩ quan và tôi là sĩ quan trưởng toán. Chúng tôi bị cô lập trong trại binh để tập tành tất cả những thao tác cần thiết theo một kế hoạch hành quân nhảy toán. Mục tiêu ở khu

rừng núi chiến khu D, nhiệm vụ bắt sống hoặc tiêu diệt thành phần Ban chỉ huy Cục R.

Đêm hôm nhảy toán tôi được đưa lên Bộ Tổng tham mưu gặp tướng Tham mưu trưởng, ông ta bắt tay tôi niềm nở, vỗ vai thân ái. Hồi đó tôi là sĩ quan trẻ cho nên "tép riu" rất lấy làm khoái chí trước cử chỉ ấy để sẵn sàng nhảy vào tử địa. Ông kéo tôi tới trước một tấm bản đồ, thì cũng vẫn là thứ bản đồ 1/100.000 như ở đơn vị tôi đã nghiên cứu, nhưng ở đây tôi thấy nó oai và quan trọng vì nó ở Bộ Tổng Tham Mưu và nó của ông tướng. Ông tướng chỉ cho tôi cái MT đã được khoanh đỏ mà tôi đã thuộc nằm lòng ở đơn vị. Ông nói:

"Anh chỉ huy toán nhảy xuống đây, bắt hết tụi nó nếu được hoặc bắn bỏ rồi chụp hình và lấy dấu tay. Lệnh hành quân chi tiết thì anh đã được biết ở đơn vị rồi. Gọi anh lên đây để chúc anh thành công và nói cho anh biết rằng các anh sắp làm một nhiệm vụ quan trọng mà cả quân đội giao phó cho. Anh hãy cố hết sức hoàn thành sứ mệnh... lịch sử."

Tôi còn nhớ là tôi đã đứng nghiêm giơ tay chào ông tướng nhận lệnh và lòng tôi lâng lâng cho đến khi ra xe về đơn vị. Ông tướng này về sau lên tới đại tướng, có lúc ông còn làm thủ tướng, có lúc ông để râu rồi cũng có lúc ông lại cạo râu. Còn tôi ngay sau đó dẫn toán lên máy bay dakota cất cánh.

Nhìn xuống thành phố Sàigòn ban đêm đèn sáng như sao sa, tự nhiên tôi mủi lòng, viên phi công bay một vòng trên thành phố và nói cho tôi hay:

"Để ông nhìn Sàigòn lần cuối! Giã từ đi!"

Tôi càng mủi lòng hơn, tôi rưng rưng như muốn ứa lệ. Tôi là con út và mồ côi cha, mẹ thì ở bên kia bờ vĩ tuyến, tôi có ai không ở dưới kịa để giã từ nhỉ? Giã từ hay vĩnh biệt? Một tiểu đội nhảy vào lòng địch ở giữa một vùng rừng núi hoang dã không có một con đường di chuyển? Tôi đã lâng lâng khi nhận lệnh và bây giờ trên cao sắp đến lúc nhảy xuống tôi mới thấy là mình liều mạng, và tôi chột dạ sợ hãi. Giá có một mối tình dang dở nào đó để mà tập bi lụy lãng mạn, để ngậm ngùi giã từ. Đằng này không, lòng tôi trống không, không một chút khổ đau nào để hờn giận, không có một ai ở dưới kia để thương để nhớ và để giã từ.

Toán chúng tôi đã nhảy xuống vùng mục tiêu trước trời sáng đào lỗ chôn dù, mở máy bắt liên lạc với nhau, chuẩn bị súng đạn tác chiến rồi chờ. Trong lúc ngồi dựa gốc cây chờ sáng ấy tôi nhớ tới ông quản giáo dạy bổn ở họ đạo quê nhà hồi nhỏ. Ông quản có cái roi mây bóng lưỡng lúc nào cũng cầm ve vẩy trên tay quơ đi quơ lại trên đầu lũ trẻ lau nhau lúc nhúc trên mấy cái chiếu. Ông quản đọc trước, lũ trẻ chúng tôi nhắc

lại, cứ thế mà nhai đi nhai lại miết rồi cũng thuộc nằm lòng. Cả họ đạo nối tiếp đời này qua đời khác nhai đi nhai lại rồi nằm lòng. Cả ông quản lúc còn bé cũng bị một ông quản khác nào đó đọc trước rồi bắt nhắc đi, nhắc lại, có lẽ cũng không thiếu chiếc roi mây quơ quơ trên đầu, rồi thuộc nằm lòng.

"Hỏi: Đức Chúa Lời có mấy ngôi? Thưa: Đức Chúa Lời có ba ngôi, ngôi nhất là Cha, ngôi hai là Con, ngôi ba là Thánh Thần. Hỏi: Trong ba ngôi ấy có ngôi nào trọng..."

Tôi lâng lâng nhìn lên cái nhà táng và những cây đòn đám ma khắc hình đầu rồng sơn đen vàng gác ở xà nhà phía trên thì chiếc roi mây quất trên đầu tôi cái véo. Tôi giật thót mình, hai tay ôm đầu, nước mắt trào ra, miệng lại gào lên theo cùng với lũ trẻ con: "Hỏi: Đức Chúa Lời có mấy ngôi..."

Tôi ngó quanh rồi lén đưa tay làm dấu thánh giá, ở giữa rừng không có ai nhưng tôi vẫn cầu xin Chúa trong sự lén lút. Bao năm qua tôi đã không đi lễ nhà thờ, không xưng tội rước lễ, không cầu kinh, không giữ đạo, nhưng lúc chờ sáng này tôi nhớ tới câu kinh thời thơ ấu và nhớ tới ông quản cùng với chiếc roi mây khủng khiếp trên đầu. Bao năm qua tôi đã bỏ Chúa nhưng lúc đó tôi lại nhớ đến Chúa, tôi cầu xin được bình an trở về. Cho đến lúc trời sáng thì tôi lại quên mất Chúa, tôi đang phải đối phó với hiểm nguy. Lúc cái chết đe dọa tôi nghĩ tới Chúa nhưng khổ thân tôi cũng lúc cái chết đe dọa tôi lại quên Người.

Theo lệnh hành quân thì DZ của chúng tôi chỉ cách T mười cây số. Trời sáng chúng tôi sẽ tìm nhau tập họp để tiến quân. Khi nhảy dù phi cơ bay theo trục Đông Tây vì thế trời sáng người nhảy đầu, hai, ba, bốn và năm sẽ đi về hướng tây; người nhảy chót, mười một, mười, chín, tám, bảy sẽ đi về hướng đông. Người thứ sáu ở giữa là tôi tiểu đội trưởng ở tại chỗ quan sát về hai hướng đông tây để chuẩn bị tiếp nhận tất cả toán. Thành công đầu tiên là chỉ nửa ngày chúng tôi đã gặp nhau đầy đủ mười hai người, không có thương vong, chỉ xây xát chút đỉnh một vài người vì dù mắng trên cây cao phải cắt dây dù nối lại mà tụt xuống đất. Không may là máy truyền tin lớn để liên lạc với Bộ chỉ huy đã bị bể khi đáp đụng cành cây dù cụp lại rồi thì máy mới rớt xuống đá bể nát. Người hạ sĩ quan phụ trách truyền tin bị tôi chửi thề "đụ má đéo bà", rất tục tĩu. Anh ta không phản ứng gì và tôi chỉ thấy mình vô lý bất công thô tục khi nhìn anh ta lặng thinh lẽo đẽo theo toán. Nhưng cho đến khi trở về được tới hậu cứ và luôn cho đến bây giờ tôi cũng vẫn chưa nói được cái tiếng rất dễ dàng ngắn ngủi là "xin lỗi". Riêng cuộc đột kích thì chớp nhoáng thôi, ngày hôm sau chúng tôi tìm thấy Mục Tiêu gồm ba căn nhà lá sát nhau nằm

dưới một khe núi. Qua ống nhòm quan sát tôi thấy trong đó có bảy người đàn ông và một đàn bà. Tôi bèn hội ý các biệt kích để lấy quyết định. Có ý kiến "thịt" hết cho rảnh tay rồi rút chạy về hướng Quốc lộ số 1 cách hơn ba mươi cây số, nơi đó sẽ có một lữ đoàn nhảy xuống khoanh vùng làm bãi tiếp cứu. Quyết định có tính cách dân chủ một cách nhát gan này là mười một thuận, một không ý kiến, và như thế là đa số thắng được thực hiện ngay. Tôi lập đội hình rồi tiểu đội xung phong vào và trong chớp nhoáng với những vũ khí tối tân gọn nhẹ của biệt kích tất cả tám người trong mục tiêu đều ngã gục không kịp phản ứng vì có lẽ họ cũng không thể ngờ căn cứ trong rừng sâu bất khả xâm phạm này lại có thể bị tấn công. Chúng tôi chụp hình in dấu tay các tử thi, lấy một số tài liệu giấy tờ, chụp hình quang cảnh doanh trại rồi phóng lửa đốt hết những căn nhà với cả vũ khí đạn dược trang cụ trong đó. Làm xong là tháo chạy, khi súng đã nổ và ngọn lửa đã bốc lên thì chúng tôi phải rút ra xa khỏi vùng này.

Nhảy xuống thì dễ nhưng rút ra mới là gay go. Phải mất gần một tuần lễ mới vượt qua được khu rừng rậm, lại còn phải né tránh những toán võ trang của đối phương gặp trên đường di chuyển. Cũng may là tôi còn liên lạc được với sĩ quan đơn vị cử đi tìm chúng tôi bằng máy bay quan sát qua máy truyền tin cầm tay. Chúng tôi nghe được tiếng nhau trên tần số bèn gọi thẳng tên nhau mà nói chuyện. Từ đó do hướng dẫn từ trên máy bay chúng tôi mới bắt tay được đơn vị dù hành quân tiếp cứu. Vị sĩ quan trên máy bay quan sát bay tìm chúng tôi và bắt liên lạc được với tôi qua máy vô tuyến sau này cũng lên tới tướng và ông đã tuẫn tiết ngày chế độ Cộng Hòa bị bàn giao cho cộng sản. Ông là người tự mình giải quyết cho mình. Tôi nhắc đến ông ở đây để muốn nói đến tôi tép riu đã không dám tự xử đành đi vào con đường làm tù binh sống sót xuất cảnh. Và tôi là người đã để kẻ khác giải quyết đời mình thay mình. Toán chúng tôi về đủ nhưng quần áo rách bươm và râu ria xồm xoàm. Lữ đoàn dù mở cuộc hành quân tiếp cứu thì lại tổn thất hơn hai mươi người do tai nạn nhảy xuống rừng rậm.

Đem các tài liệu về nộp cho Bộ tư lệnh khai thác, tôi không được rõ kết quả ra sao, nhưng mãi sau này đọc báo tôi thấy những nhân vật chủ chốt của Cục R vẫn còn được nhắc tới. Thế thì những tử thi mà chúng tôi đã lấy dấu tay là của ai? Và chẳng hiểu những nắm xương vô định đó có được tìm kiếm? Có điều tôi quên chưa nói là người thứ mười hai không ý kiến về cách đánh chiếm mục tiêu ngày ấy chính là ông hạ sĩ quan truyền tin, người tôi đã chửi thề và cũng là người chủ cắt cỏ mướn mà tôi đang làm công.

Và cũng là người cho đến bây giờ tôi vẫn chưa nói được lời xin lỗi.

Người Mỹ đen hàng xóm nhún nhảy với con chó trên tay theo tiếng nhạc xập xình như đã mệt, bèn ngồi uống bia hộp ở bậc cửa và nhìn sang tôi. Ông ta như có vẻ chú ý đến tôi có lẽ vì thấy tôi không giống ai ở đây. Ở đây ai cũng phải nhúc nhích. Không ai ngồi lặng thinh một mình mấy tiếng đồng hồ. Ông ta giơ hộp bia sang phía tôi như có vẻ chào mời. Tôi cũng giơ tay làm vẻ cám ơn. Ông chủ nhà từ trong đi ra hỏi tôi:

"Đại bàng thấy trong người sao, có khỏe không, hay là đi chơi quanh quẩn một vòng cho thoải mái."

Tôi đứng lên vươn vai, cố làm vẻ tự nhiên vì tôi có cảm giác người xung quanh đã thắc mắc về mình, cũng dễ hiểu thôi, ông Mỹ da màu và cả ông hạ sĩ quan chủ của tôi nữa, họ đâu có ông quản giáo dạy bổn trong quá khứ để hồi tưởng, họ cũng đâu có những ông tướng ám ảnh mình, họ lại chẳng có cảm xúc gì về những bộ hài cốt vô thừa nhận rải rác khắp núi rừng Việt Nam. Tôi giơ tay chào lần nữa người Mỹ hàng xóm. Tôi vừa bước vào nhà vừa nói với ông đồng hương tốt bụng:

"Khỏe mà, không sao hết, ngày nghỉ là mình để cho tinh thần thư giãn."

Vào trong căn phòng ngủ nhỏ như cái hộp của hai bố con, tôi thả mình xuống, lại nằm dương mắt nhìn lên. Ý nghĩ của tôi bò ra ngoài hẻm:

"Ở đây mà... tụi nó "chốt" ngoài đầu ngõ thì hết đường thoát." ❐

SẼ PHÁT HÀNH TRƯỚC GIÁNG SINH NĂM 1995

HAI MƯƠI NĂM
VĂN HỌC VIỆT NAM HẢI NGOẠI
(1975-1995)

Qui tụ một trăm năm mươi tám tác giả, thuộc mọi lĩnh vực: biên khảo, văn, thơ, hội họa, nhiếp ảnh, điêu khắc.
40 tranh màu tuyệt đẹp
Sách khổ lớn, bìa da có bìa phụ bọc ngoài
Dày 1600 trang, chia làm hai tập.

ĐẠI NAM *xuất bản*

Di chỉ mùa xuân năm hai ngàn

HẢI PHƯƠNG

thôi hãy thức dậy đi em
vỗ trống đồng mà hát
đập đá mà ca
rượu mềm môi chất ngất
khai quật ký ức trầm tích bóng thời gian
di chỉ trái tim đỏ mà trắng màu lông ngỗng rắc
đêm mùa xuân tinh nguyên
như thơ

thôi hãy thức dậy đi em
vỗ trống đồng mà hát
đập đá mà ca
rượu mềm môi Trang tử
giọng ngữ cung kỳ ảo nhịp đường thi luân vũ
khai quật đáy biển trầm tích ánh trăng xanh
di chỉ lóng lánh thềm ngọc trai chúa chan
cánh tay em mềm mại như những nhánh sông tháng giêng
dong buồm ra biển

thôi hãy thức dậy đi em
vỗ trống đồng mà hát
đập đá mà ca
rượu bồ đào mềm môi kẻ giang hồ khúc truy điệu hạnh phúc
võng nhạc thiên thai dong đưa thềm đạo đức kinh
thần trí thênh thang
mai ra đồng thật sớm
cày vỡ đất ra
mùa xuân em mùa màng
di chỉ hồn nhiên kết đính những nụ hôn nồng ấm
như thơ

thôi hãy thức dậy đi em
trắc địa bốn ngàn mùa xuân tinh tự:
nhân loại đến cung trăng
em ra đồng cày vỡ.

tháng Giêng 1996.

Cố Nhân

Hoàng Nga

Nếu như nàng đã có đủ can đảm để nói "không" thì chắc chắn là chẳng bao giờ có cuộc tao ngộ này. Bài Anh văn căn bản đầu tiên dạy: *Are you a teacher?* Câu trả lời phủ định sẽ là: *No, I'm not a teacher.* "*No*", giản dị, dễ hiểu, nghĩa là "không". Hằng ngày, khi từ chối một việc gì đó, nếu không thích nói tiếng Việt thì nàng sẽ phang một chữ "*no*" lạnh lùng. Nhất là khi trả lời chàng, thì cả hai chữ "không" hay "*no*" đối với nàng cũng đều dễ dàng như ăn *hamburger*, ăn ổi, ăn xoài. Vậy đó mà chỉ vì cái chuyện "trái ngang" ấy mà nàng đã dành lòng không dám thốt ra chữ trả lời phủ định kia.

Chàng hỏi:

– Sao em, cô ấy đến thăm vợ chồng mình được không?

Trước đó chàng đã giải thích thăm có nghĩa là ở lại ba ngày. Ăn uống, ngủ nghỉ tại nhà nàng như ở trong ... khách sạn. Lẽ ra, là một người đã từng đi "diệt dốt" ở Việt Nam, và từng đậu một cái bằng kế toán ở bên này, thì nàng phải hiên ngang anh dũng đáp "không được!" hay "*no!*" một cách rất đúng...văn phạm. (Nếu cần, còn có thể sửa cả giọng để phát âm y chang như tiêu chuẩn quốc tế của một phát ngôn viên đài phát thanh nữa). Nhưng trời ơi, có lẽ tại cái đất nước bốn ngàn năm văn hiến của nàng đã bị bọn "bành trướng xâm lược bá quyền" Trung quốc làm hư hỏng đủ mọi chuyện, và chính bản thân nàng thì bị thứ "văn hóa đồi trụy", loại tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung ảnh hưởng đến tận gốc, tận ngọn nên nàng đã tự biến mình thành ra một thứ quân tử Tàu mà xuống giọng trả lời:

– Ờ, đâu có sao.

Nói đâu có sao, nhưng chưa cần đến tối nàng đã thấy "sao" đây... nhà. Bởi vì chỉ vừa chộp được câu trả lời có tính cách "nhất trí" của nàng là chàng đã hí hửng bàn tán xôn xao chuyện đón đưa, chuyện chỗ ăn, chỗ

nghỉ rồi *lơn tơn* đi dọn dẹp ngay cái phòng nhỏ –vẫn thường được nàng gọi là phòng ủi quần áo nhưng thật ra lại bề bộn như một cái nhà *kho*, đồ đạc chất ngang chất dọc lung tung.

Nhà *chỉ* có hai người, thường thì chàng vẫn là nhân vật siêng năng hơn, dọn dẹp nhiều hơn và thỉnh thoảng vẫn ca cẩm chút chút về *cái tật* bề bối của nàng, nhưng hình như *chưa* bao giờ nàng cảm thấy ấy náy hay lương *tâm* bị cắn rứt gì cả. Vậy mà hôm ấy, khi dõi mắt nhìn theo dáng điệu hùng dũng của chàng xông pha vào cái "nhà kho" để dọn *dẹp lại* cho đàng hoàng tử tế, thì nàng bỗng *đâm* ra bực dọc khôn tả. Nhất là lúc chàng *ôm* ra một đống len đủ màu, dịu dàng hỏi:

– Dẹp cái này đi đâu hả em?

Là nàng cao giọng óc liền *tức thì*:

– *Để* đấy cho em. Đồ đạc em đang làm mà dẹp dọn đi đâu.

Chàng nhẹ giọng:

– Mấy cái này anh nghe *em* bảo em làm từ hồi mới sang đây... Cho đến *giờ* này hình như vẫn chưa có cái nào xong cả...

Á à... Chàng dám moi móc, "xỉ nhục" nàng không *làm nên* cái tích sự gì! Một ngày có hăm bốn *tiếng* đồng hồ thì nàng cũng đã mất tám tiếng *đến* chỗ làm như chàng, rồi lại phải cơm nước hầu hạ chàng, khỏi cần than thở, hay nói năng gì chàng cũng thừa biết nàng lấy *đâu* ra thì giờ để làm việc khác cơ chứ! Nàng *mím* môi lại. Ruột gan nàng đảo lộn lung *tung* và như có một lớp hỏa thạch đang bắt đầu sụt sùi chảy lỏng, sôi réo, rồi cuối cùng ồ ạt phun lên tận hai má khiến nàng nóng *rát* cả mặt. Toàn thân nàng như bừng bừng *một thứ*... lửa hận. Nàng nhếch mép cười mỉa. Thì ra là chỉ vì "người trong kỷ niệm" của chàng sắp biến thành... hiện thực, "lâu đài tình ái" của chàng xây bao nhiêu *năm* sắp được...khánh thành, trăm con chim *mộng* sắp lào rào về đậu đầu giường, cuối giường, nên chàng bắt đầu lên giọng, chuyển tông, đổi điệu. Chàng bắt đầu đâm ra coi thường nàng rồi đây!

Nàng nhất quyết *không* thèm quay lại nhìn chàng đang đứng xớ rớ phía sau chờ quyết định của nàng, nhưng nàng gắt to lên:

– Thì đã sao nào? Cái gì của em thì cứ để yên *đấy* cho em, chừng nào em thích thì em làm *tiếp*. Dọn dẹp lung tung mai mốt biết đường đâu mà rờ.

Chàng im re. Hoàn toàn theo cái thói quen *im lặng* là vàng, một câu nhịn chín câu... nhục *để giữ* cho cửa nhà yên ấm như chàng đã tâm nguyện từ lúc mới lấy nàng cho đến nay. Và dẫu biết chắc chắn hai cái chữ *mai mốt* của nàng có ý nghĩa tương đương với ba chữ *không bao giờ*, nhưng chàng vẫn cảm thấy *hết* sức lúng túng, chẳng biết sẽ "xử lý" cái mớ len

lộn xộn còn hơn *mớ tơ lòng* của mình như thế nào. Chàng đứng nghệch mặt, thẩn thờ nhìn nàng tỉnh bơ cầm cái đồ bấm TV, đổi đài xoành xoạch như dàn đèn chớp tắt trong mấy tiệm nhảy disco. Bằng đi cả... thế kỷ sau, có lẽ thấy kỳ kỳ vì sợ chàng nói mình... ghen, *nàng* vẫn không thèm quay lại, nhưng thong thả ra lệnh:

– Anh bỏ mỗi thứ vào một bao nylon rồi mang vào phòng ngủ cho em.

Chàng mừng hết lớn, tuân lệnh nàng ngay lập tức *như* ngày xưa vẫn thường tuân lệnh thượng cấp. Tối đi ngủ, nàng không những thấy mớ đồ đạc có tính cách phô *trương* chữ "công" dang dở của nàng – như nửa cái áo, hai phần ba chiếc vớ, cái chóp mũ, một góc khăn bàn v.v... – nằm gọn gàng thành từng loại, từng màu sắc trong nhiều túi *nylon* riêng rẽ, *mà* còn được chàng cẩn thận xếp vào một thùng cạc tông nhỏ, đặt ở cuối phòng nữa. Nàng hơi phục thầm *chàng* trong bụng, vì dường như chưa bao giờ nàng có *cái* sáng kiến cất đồ đạc vào những thùng giấy bỏ đi như vậy. Nàng tự nhủ rồi mình cũng sẽ *clean up* nhà bếp và nhà kho bằng cái cách xài đồ *recycling* như vậy mới được. Nhưng mà... Nàng tự *nhấn* mạnh một mình. Phải sau này cơ, sau khi cố nhân *thằng* chả về rồi cơ...

Nàng nằm gác tay lên trán nghĩ ngợi. "Cố nhân của thằng chả" chắc chắn là phải lớn hơn nàng gần cả chục tuổi rồi, vì học *chung* lớp với "thằng chả" mà! Sắp bốn mươi lăm, mặt *mày* thế nào cũng cằn khô, nhăn nhó vì không còn thanh *xuân* nữa. Hơn nữa, (nàng có vẻ hỉ hả, khoái chí bởi vì *cái* lý do... thần sầu thứ hai) "con mẻ" không có chồng! Hà hà, nàng cười, và không cần để trí tưởng tượng đi đâu cho xa xôi, nàng "bắt gặp" ngay một khuôn mặt khắc khổ, một đôi môi *sầu héo* (hèn chi "thằng chả" ưa ngâm hai câu thơ của Nguyên Sa, tôi viết cho người có đôi môi khô, vì quen *sống* giữa một trần gian nước mặn). Ái chà, mặt mày bi thảm kiểu ấy thì chắc chắn đôi mắt sau nhiều tháng năm dài không biết... đá lông mi đã biến ra thành...đôi mắt mang hình viên đạn! Nàng suýt bật cười to lên vì bỗng dưng lại nhớ ra được *bản* nhạc có cái câu vô duyên này. Mắt bồ câu, mắt lá *răm* thì còn có đâu mi cuối mi, chứ mắt mà "mang hình viên đạn" thì chắc là "ngang chàng" như con đường một chiều rồi thình lình nhọn hoắc ở cuối đuôi! Nàng nhăn mày kêu thầm. Không hiểu "thằng cha" nhạc sĩ nào đã sáng tác ra cái bài hát *quái* gở ấy nhỉ. Không hiểu Picasso của nền âm nhạc đã *mọi* móc ở đâu ra cái cảm hứng từ đôi mắt *one way* tóe *lửa* ấy để... rặn ra được một ca khúc đây... tính chiến đấu như vậy. Nàng vui vẻ lót hai tay làm gối kê đầu nghĩ ngợi, chả biết những

người có "đời sống nội tâm phong phú", có trình độ thưởng ngoạn âm nhạc cao xa hơn nàng thì sẽ rung cảm trước những mặt hồ thu mang tính cách... hăm dọa ấy như thế nào, chứ theo cái trí hiểu "thường thường bậc trung" của nàng, em nào mà vô phúc vớ phải đôi mắt thuộc loại... súng ống, vũ khí, đạn dược ấy thì dẫu có miệt mài đi học vài ba khóa *make up* cũng không biết tô điểm vẽ vời ra làm sao! Nàng chép miệng. Thật khổ thân cho anh chàng nào đó, nếu vì lỡ mồm, đòi bắt chước ông thi sĩ tiền chiến làm một con thuyền thì không biết có đủ can đảm để bơi lội trong giòng mắt ...*lethal weapon* ấy hay không?

Nàng bật cười khoái chí. Tuy nhiên sau đó chừng vài giây là nàng lại phải thầm kêu trời, vì chợt nhận ra cái khoảng không có chồng của "cố nhân" chàng mới nguy hiểm làm sao. Nàng nghĩ ngay đến câu tình cũ không rủ cũng tới, và đột ngột nghe hai má mình nóng rân ran. Quỷ thần ơi, không biết "thằng chả" đã mời "con mẻ" tới, hay "con mẻ" ...tự mời tới nhà nàng đây nữa! Ái chà, thăm viếng, "tha hương ngộ cố tri", nghe sao mà tình tứ nhưng lại hết sức là ...đàng hoàng. Nàng "gừ" lên. "Con mẹ" này quả là thuộc loại thâm độc, vì thử hỏi trên đời này có ai dám bắt bẻ hay lên án một người đến thăm bạn cũ trong cái tư cách nghiêm trang đứng đắn như vậy hay không –mà nhất là người bạn này còn có hỏi ý kiến, hay nói đúng ra là có... xin phép vợ một cách chính thức nữa? Nàng tức tưởi nhớ lại gương mặt hí ha hứng hửng của chàng từ hôm nhận được tin tức của "con mẻ". Trời ơi, niềm hạnh phúc và hân hoan đã phơi bày trong từng hành động, từng cử chỉ của "thằng chả" một cách lộ liễu, trơ trẽn y hệt như gương mặt của một người đàn bà đã nhổ trọc hết cả chân mày. Cái điệu cà chớn của "thằng chả", ông Phan Khôi mà còn sống và nhìn thấy được, dám cũng động lòng thi phú mà sáng tác thêm bài tình... sồn sồn chứ chẳng chơi đâu!

Nàng bặm môi lại, điên tiết gắn cho chàng cái tội bạc bẽo. Nàng rên hừ hừ như trời đột ngột đổ tuyết. "Con mẻ"... cũ xì, xưa rích như trái đất chứ có mới mẻ gì đâu mà "thằng chả" cũng định... thay lòng đổi dạ với mình. Thật là đời không lường trước được chữ ngờ, mình... (nàng hơi ngập ngừng một chút) thủy chung, son sắt bao nhiêu thì "thằng chả" lại cà chớn bấy nhiêu...(Hai giây im lặng trước khi hùng hồn luận tội). Chứ không phải sao, vì mới tháng trước đây, mình cũng có nhận được cái thư của nhỏ bạn, kể lể chuyện gặp lại "người xưa" gửi lời nhắn nhe, thăm hỏi mình um sùm mà mình đâu có "hồ hởi phấn khởi" như "thằng chả". Nhỏ bạn mình viết, tụi tao ra bờ sông ngồi, mỗi đứa uống một ly nước dừa để nhớ mày. Nhắc đủ thứ chuyện về mày. À, hắn vẫn còn nhớ ngày đầu tiên quen với mày, là ngày tao và mày dành cái ghế xuôi chiều gió để không

bị rối tóc, Hắn nhớ cả cái thói quen ăn dừa cứng cạy của mày. Bảo ngày xưa vẫn sợ có hôm mày làm gãy cái răng khểnh, răng duyên vì thứ dừa cứng cạy đó... Thật bây giờ mới rõ trắng đen, bây giờ mình mới biết được cái "tâm địa" của "thằng chả". Mối tình đầu của mình còn thơ mộng và lâm ly mùi mẫn gấp mấy lần cái mối tình em tan trường về, anh theo Ngọ về của "thằng chả", vậy mà khi biết ra "cố nhân" vẫn còn nhớ đến mình, thì mình chỉ bồi hồi, chỉ đỏ mặt lên chút chút chứ đâu có thẩn thờ ngơ ngác như "thằng chả"!

Nàng nằm xuội lơ. Thả hồn bay đi mười mấy ngàn cây số về tận cái thị xã bên sông đầy kỷ niệm của mình, rồi đột ngột bẻ quặt tay lái, "tốp" ngay trên hình ảnh một khuôn mặt vẫn được nhiều người khen là hiền lành và phúc hậu. Thật tình mà nói thì nàng thấy chàng cũng đã có vẻ bớt chộn rộn, bớt dọn dẹp, bớt lo âu như những bữa đầu tiên. Nhưng..., như vậy cũng đâu có nghĩa là chàng... bình thường. Chàng đã tặc lưỡi, rồi lại còn mỉm cười bâng khuâng nói với nàng:

– Nghĩ lại cái thời mới lớn thấy buồn cười chi lạ. Bọn con trai tụi anh lúc đó đi đâu cũng ôm kè kè mấy quyển triết, mấy tập thơ của Phạm Công Thiện, Bùi Giáng..., có thằng cứ mở miệng là bàn tới Kant, tới Sartre, y như mình là triết gia thứ thiệt, dù chả hiểu tí gì về tư tưởng của mấy ổng. Nhiều thằng khác thì quanh năm suốt tháng không bao giờ có dịp đi đâu ra khỏi thành phố vài ba chục ki lô mét mà vẫn cứ hăm hở làm thơ kiểu "chân lãng tử ăn mòn sương cát bụi..."

Giá như những điều này chàng kể cho nàng nghe hai, hay ba tuần lễ trước, thì chắc chắn là đã được nàng vui vẻ chia với chàng ít nhiều xúc động rồi. Bởi vì dẫu cái thời mới lớn của chàng có ngô nghê và đáng buồn cười cách mấy đi nữa, cũng có nhiều điểm được nàng chấp nhận cho là dễ thương. Thỉnh thoảng nàng vẫn hay trêu chàng mỗi bận chàng kể lể hoặc "thương về dĩ vãng" lúc tình cờ nghe lại mấy bài nhạc cũ hay nhận được một cái thư của ông bạn già nào đó nhắc nhở về "những ngày xưa thân ái" của chàng. Nàng hay làm bộ khơi chuyện rồi chọc quê chàng về cái thời có những người con gái Việt Nam da vàng đi xe Vélo Solex, "đôi tay hoàng yến ngủ trong găng", mặc áo dài chít eo... quê ba cục, nghe ca sĩ thời thượng Thanh Thúy, Phương Dung ca tụng "nỗi buồn gác trọ", "tàu đêm năm cũ"... Nhiều lần nàng đã diễu, chê chàng sến và nhại dáng đứng "áo đầm một vạt" tung bay trong gió của Marilyn Monroe để trêu cái kiểu "cổ điển" của chàng. Và lần nào cũng vậy, lần nào nàng cũng phải phì cười vì khuôn mặt hiền lành của chàng bỗng đỏ ửng lên một cách rất dễ thương.

Nàng kêu lên trong bụng, cảm thấy "nội tâm đau khổ" dữ dội vì nghĩ

rằng đó chỉ còn là những ngày... hạnh phúc, những ngày thuộc về "ngày xưa", là lúc chưa nghe tới cái tin có một "con mẹ" sắp... gần đất xa trời (sắp chưa nhỉ, mới bốn mươi hai, theo lời chàng nói hôm qua) ghé thăm. Đó là lúc nàng còn rất coi thường cái khả năng... ngoại tình của chàng, còn không thèm "suy tư âu lo men thuốc đắng trên môi" bởi vì cái khoảng cách một thập niên tuổi giữa hai người đã giúp cho nàng luôn luôn đứng vững ở tư thế tự tin. Bạn nàng nhiều lúc đã khen nàng khôn, biết chọn một... ông già để trao thân gửi phận, khỏi phải lo lắng ghen tuông gì. Nàng "hừm" nhỏ trong cổ họng. Đàn ông, già thì già nhưng lòng dạ cũng dễ dàng bạc phết như thứ vải tám nhuộm đen theo tiêu chuẩn của nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa chứ có thua gì ai đâu! Nàng mang máng cảm thấy có một cái gì đó không được yên ổn trong chàng lúc này. Chừng như trong cái giọng kể lể của chàng bây giờ, đã phảng phất nhiều thứ không phải xuất phát từ những tình cảm "xa quê hương nhớ mẹ hiền" bình thường nữa. Chàng hay "dõi mắt xa xăm" rồi cười cười một mình, coi như sự hiện diện của nàng chỉ là một "bóng mờ nhân ảnh". Thường nàng vẫn hay làm quân sư quạt mo cho đám đàn bà thuộc con cháu mấy đời của... Tào Tháo, lần quẩn tới lui chẳng biết suy tư thời cuộc hay đớn đau thân phận gì, nên bèn đem hết tim gan tì phế thận của mình ra mà nghi ngờ các đức lang quân của mình. Nàng đã lên giọng... tâm lý học, khuyên răn rất hùng dũng:

– Mấy bà mà lo lắng nhiều thì chỉ tổ nổi "mụng". Ở đời mà, cái gì không phải là của mình thì có cột, có khóa chặt cách mấy đi nữa cũng không giữ được mấy bà ơi. Nhưng mấy bà cứ tin tui đi, cứ *set it free*, cứ để cho tự do thoải mái thì mấy ổng lại không dám giở trò gì bậy bạ, lại cứ cơm nhà quà vợ cho coi.

Nàng đã "diễn thuyết" nhiều lần ở những bữa tiệc sinh nhật, những lúc mấy bà tình cờ gặp nhau trên phố, hay lúc ngồi chờ kết quả xổ hụi ở nhà một người nào đó. Và lần nào nàng cũng hiên ngang như hai bà Trưng ra trận, tâm huyết như "bác" đọc tuyên ngôn độc lập, đồng thời luôn luôn kèm theo một mớ bằng cớ chứng tỏ mình rộng rãi, dễ chịu, chẳng hạn như nàng vẫn để chàng đi... họp cộng đồng một mình, đi uống cà phê hoặc chơi cờ tướng mỗi tuần một tối với ông bạn cùng đơn vị ngày xưa v.v...

Và không biết trong đám phu nhơn quen biết với nàng, có bà nào nể nang hay thán phục nàng không, mà chính cái kiểu "thầy đời" của nàng đã làm nàng hết sức bối rối lúc có "tâm sự". Nàng lấn cấn đủ điều vì tự ái và quê, nên hoàn toàn không dám tỏ với ai cái nỗi lòng thống khổ, cũng không dám mạo hiểm nghĩ đến chuyện *set* cho chàng *free* như vẫn hăm

hở chỉ dạy người khác cái lý thuyết "làm thế nào để giữ vững hạnh phúc" của mình.

Loay hoay chống đỡ mãi muốn kiệt sức, cuối cùng nàng đành cố gắng tự... an ủi rằng "con mẻ" già hơn nàng, và chỉ ở lại thành phố này vỏn vẹn ba ngày, mà nhất quyết là nàng sẽ kè kè theo một bên để... giữ chàng, nên chắc hai người sẽ chẳng làm nên được "cơm cháo" gì, "con mẻ" chắc "đi không rồi cũng trở về không"...Nhưng rồi nghĩ tới nghĩ lui thế nào đi nữa, nàng cũng thấy lòng mình nặng nề, cái viễn ảnh về một cuộc "phiêu lưu tình ái" giữa chàng với "con mẻ" vẫn chờn vờn, nhảy múa trước mặt nàng. Cả cái dáng điệu lăn xăn chờ đợi giờ tao phùng của chàng cũng đã là một đống gai trước mắt mà nàng cố ra sức nhổ nhưng không được...

Chàng nằng nặc bắt nàng phải theo chàng đi đón "con mẻ". Lý do:

– Sợ cô ấy ngại.

Nàng rủa thầm. Đã ngại mà còn bày đặt đi thăm viếng nhau làm gì để cho nàng phải... bực mình như thế này. Lúc đầu nàng làm bộ từ chối, nhưng lại ngấm ngầm chì chiết, và hăm he trong bụng, "thằng chả" mà bảo mình ở nhà thì chết với mình! Chàng đề nghị hôm đầu tiên ba người sẽ đi ăn tối với nhau để nàng đỡ mất công nấu nướng. Nàng ậm ừ, không thèm đếm xỉa đến sự quan tâm của chàng vì bận lòng nghĩ ngợi mình sẽ ăn mặc, trang điểm như thế nào cho "cố nhân của thằng chả" hết hồn ngay từ lúc đầu gặp gỡ mới... ăn tiền. Nàng hạ quyết tâm là phải "chiến thắng vẻ vang" cái trận này, để chàng mới hết dám ngo ngoe về sau!

Nàng có cả một tủ quần áo lớn và có một cái nhìn về thời trang khá gọi là thẩm mỹ, do chịu khó lặn lội đi shop những mùa *sale off*, chịu khó chú ý đến những loại áo quần có giá trị được mua theo kiểu trả góp, và chịu khó đi lục tìm, "sưu tầm" những thứ hàng bị lỗi kỹ thuật mang về sửa lại. Nàng còn chịu khó cả việc sắp xếp mỗi thứ cho từng mùa nữa. Hằng năm, cứ vào cuối ...mùa xuân, hạ, thu, đông, là nàng lại giặt giũ kỹ lưỡng, nếu cần thì đem cả đi giặt ủi, rồi treo cất cẩn thận ở một tủ riêng. Quần áo của nàng lúc nào trông cũng rất tươm tất và dường như có vẻ mới luôn luôn. Nhiều lúc thấy nàng tỉ mỉ chăm sóc mớ xiêm y là lượt, chàng đã phải than vãn nếu nàng chịu khó bảo quản những thứ khác trong nhà như bảo quản quần áo của nàng có lẽ hai người đã giàu to từ lâu.

Nàng làm bộ hỏi chàng:

– Mình đi ăn ở tiệm Pháp hả anh?

Chàng hiền lành:

– Tiệm Pháp làm gì cho tốn hở em. Bạn anh giản dị lắm, đến mấy nơi sang trọng, chắc cô ấy không thích đâu. Kiếm tiệm Việt Nam hay tiệm Thái ăn cơm thường thôi.

Nàng mỉm cười. Nàng đã bắn một phát để tới hai mục đích. Thứ nhất là nàng đã xác định được "con mẻ" thuộc thành phần và giai cấp nào (dù rằng nàng vẫn đinh ninh bạn chàng chỉ là một bà nhà quê nhà mùa!); thứ hai là nàng đã dọ được chàng có ý định lợi dụng sự "hiếu khách" của nàng để "dợt le" với cố nhân hay không. Nàng gật gù. Gì chứ giản dị thì được. Mình sẽ "chơi" cái áo đầm nhung đen hở vai để... hớp hồn cả "con mẻ" lẫn "thằng chả". Nàng tính toán, "con mẻ" sẽ xuống phi trường lúc bốn giờ chiều, lúc trời vẫn còn hanh hanh nắng, nên nàng sẽ mặc ở bên ngoài một cái jacket ngắn, đội thêm một cái mũ cũng màu đen cho có vẻ quý phái. Nhiều đứa đã khen nàng giống... Julia Roberts (nàng hơi đỏ mặt khi nhớ lại nụ cười tủm tỉm của chàng lúc chàng nghe nàng kể lại điều này). Nàng cắn môi. Không biết "con mẻ" có biết Julia hay không nhỉ. Chắc chiều nay mình sẽ ghé lại nhà con Thủy coi sơ lại bộ phim *Pretty Woman* lần nữa để bắt chước cái dáng đi đài các của cô đào này. Nàng hấp háy mắt khoái chí. "Con mẻ" mà thấy mình lộng lẫy như một mệnh phụ thế nào cũng phải ngấm ngầm so sánh rồi tự động... rút lui.

Vài hôm trở lại đây, nàng hay lý luận một mình, những trận đánh phủ đầu thường vẫn mang lại những chiến thắng rất lớn; những kẻ chuyên dùng lời lẽ hàm hồ là những kẻ vẫn bắt được đối phương phải tịt ngòi trong những vụ cãi vã tay đôi. Nên nếu nàng xán lạn, rạng rỡ, tất nhiên "đối phương" phải lu câm, mờ tịt; nàng ngon lành phơi phới, thì "con mẻ" sẽ ỉu xìu như bánh phở khô nấu ...quá lửa.

Nàng cảm thấy yên tâm, phấn chấn lắm. Và tin chắc là mình sẽ "đối phó" được với cả hai người. Tuy nhiên gần tới ngày "đến hẹn lại lên" của cố nhân chàng, một hôm mặc thử bộ đồ, đi tới đi lui trong phòng, nàng bỗng nhận ra cái vẻ quá... trịnh trọng của mình trong lớp áo lộng lẫy ấy. Nàng giật thót mình nghĩ ngợi thế nào chàng cũng sẽ nhìn ra ngay cái thâm ý của nàng. Chắc chắn chàng sẽ thắc mắc vì sao chỉ đi ăn ở một tiệm cơm Việt Nam hay tiệm Thái bình dân, thường thường như chàng nói, mà nàng lại "lên" một bộ cánh y như... bà lớn thế này. Nàng hoảng hồn, và mặc dầu không có chàng ở nhà, nhưng nàng vẫn cuống quít cởi vội cái áo máng lên giá, rồi bần thần mở tủ đưa mắt ngó mớ xiêm y của mình mà ngẩn ngơ không biết nên chọn thứ nào! Thứ nào nàng cũng thấy hoặc quá tầm thường, hoặc quá trang trọng. Nàng biết mùa này không nóng cũng không lạnh, từ bộ vest cho đến cái váy ngắn, váy dài, từ màu sẫm cho đến màu nhạt đều có thể bắt mắt được người nhìn, nhưng dường như cái ấn

tượng "lộng lẫy" của bộ đầm nhung đen vẫn in đậm trong trí nàng, nên săm se đến thứ gì nàng cũng thấy chúng chẳng có một chút nào phù hợp với những tiệm cơm chết tiệt "tầm thường" nào đó mà chàng định đến.

Nàng thở dài chán chường, dưng không bỗng nảy ra một ước muốn rất mâu thuẫn là "cố nhân" của chàng cũng biết ăn diện, biết son phấn để nàng có thể *compete*, "thi đấu" dễ dàng hơn.

Trước ngày hẹn, nàng định bụng sẽ làm bộ dùng dằng, sẽ vờ quên cái này quên cái kia để làm trễ giờ ra phi trường cho bõ ghét, nhưng sau đó thì chính nàng lại là người rất hồi hộp và đã hối thúc chàng đi sớm đến cả nửa tiếng đồng hồ.

Nàng diện một bộ đầm nâu, có điểm những đóa hoa lớn màu vàng tươi trông rất bắt mắt, và dĩ nhiên là đã cẩn thận xịt một đống nước hoa thơm lừng. Nàng đẹp hẳn ra với vẻ vừa giản dị, vừa kiêu sa một cách rất quý phái, rất... mệnh phụ, do đã *copy* gần đúng từ trang phục cho đến kiểu cách cô nàng Julia Roberts, thần tượng của nàng. Nàng rực rỡ đến nỗi ông già của nàng (thì vẫn như thường lệ, không biết có bắt chước Đức Huy hay không, thích mặc *jeans* và áo trắng), phải chớp mắt cảm động nhìn nàng:

– Em mặc cái áo này xinh quá... Em mua lúc nào vậy?

Nàng lườm chàng:

– Hỏi chi vậy? Cái áo này em mặc muốn cũ rồi mới bày đặt khen.

Nàng rủa thầm. Bộ định hỏi để mua tặng "con mẻ" hả "cha"? Chàng cười hiền, giải thích:

– ờ, đôi khi có những thứ ở ngay trước mắt, hay chung quanh mình, bình thường mình vẫn nhìn thấy nhiều lần mà dường như phải đợi đến một lúc nào đó mới nhận ra được.

Mường tượng nếu như có một trận động đất nào đó sẽ xảy ra ở ngay trên chỗ đứng của hai người, và chàng có cái máy dò địa chấn trong tay, thì chắc chắn là chàng sẽ phải kinh hoàng vì cái độ rung chuyển ngầm ở tần số cao nhất... đứng ngay bên cạnh. Nàng mở mắt thật to nhìn chàng. A, thì ra là xưa nay "thằng chả" coi mình không ra gì cả, không thèm ngắm nghía, không thèm để một cái liếc ngang liếc dọc trên người của mình cho dù mình vẫn ở lù lù trước mặt "thằng chả" hàng ngày. Thì ra là mãi cho tới lúc "con mẻ" sắp xuất hiện, một hình ảnh trong chiêm bao mộng mị của "thằng chả" sắp "hiện bóng con người", "thằng chả" mới chiếu tướng tới mình. Cái điệu này chắc là muốn đem mình lên bàn cân, để so sánh mình với "con mẻ" xem sao chứ gì!

Cả người nàng lạnh tê. Nàng muốn run lên lập cập nên phải níu lấy cái xắc tay đang ôm trước ngực để dằn lại. Một nụ cười kiều diễm, bí ẩn, bắt chước nàng Lisa vờ vĩnh nở ra trên môi nàng. Nàng đưa mắt ngó đi chỗ khác để tránh rơi rớt trên khuôn mặt chàng, như thể vì không muốn cái chuyện không may có thể xảy ra là nàng sẽ nhào tới... bóp cổ chàng. Chàng, một ông già cũ kỹ, *classic, old fashion*, ngày này qua tháng nọ vẫn thường xuyên bị xếp vào bảng "đại hạ giá", loại *buy one get one free*, loại cho không biếu thêm, bỗng dưng được "nâng cấp" lên thành..."tài sản của quốc gia dân tộc", bỗng dưng được biến ra mặt hàng... cấm trao đổi, buôn bán. Không biết có bao giờ chàng để ý để... thống kê, hay đếm thử xem từ khi lấy chàng cho đến trước ngày "đổi đời" của chàng, nàng đã chọc quê chàng bao nhiêu lần cái câu:

– Ai mà yêu anh là em "gả" anh liền.

Tội nghiệp chàng, vì chàng không hề mảy may biết được rằng kể từ bây giờ là đã đến lúc chàng hết còn... hy vọng sẽ được nàng đem "gả" cho bất cứ ai trên cõi đời này nữa. Đã đến lúc nàng "cấm vận" chàng, đến lúc chàng hoàn toàn mất độc lập tự do hạnh phúc cho dù là càng ngày chàng sẽ càng già lọm khọm thêm lên chút ít, tóc chàng sẽ muối nhiều hơn tiêu (kiểu này chắc chắn hãng thuốc nhuộm tóc quen thuộc sẽ mất đi một khách hàng, nhưng cũng có thể hãng sữa đặc có đường hiệu ông thọ sẽ kiếm ra được... người mẫu chụp hình quảng cáo). Bây giờ là đã đến lúc chàng phải đi thưa về trình, phải chấp hành nghiêm chỉnh nhiều sắc lịnh quái gỡ của nàng, phải đầu tư rất nhiều thì giờ cho việc "điều nghiên" cách báo cáo như các quan chức xã hội chủ nghĩa vẫn làm, để "cung khai" với nàng tất cả mọi việc, từ việc lớn đến việc nhỏ hàng ngày. Bạn chàng (dĩ nhiên là chỉ toàn đực rựa) có đến nhà chơi cũng sẽ bị xem xét tư cách rất kỹ lưỡng, hồ sơ lý lịch, thành phần xuất thân v.v... phải được duyệt tới duyệt lui cho rõ ràng. Từ đây câu nói hớ hênh nào của chàng thốt ra chắc cũng sẽ bị làm kiểm điểm mệt nghỉ, và cử chỉ tình cờ nào của chàng nếu có mang tính cách đáng nghi ngờ, be sure là sẽ bị đấu tố cho tới chết.

Chàng, một can phạm mang án treo vì cái tội trót yêu đương trong quá khứ mà lại dám... cả gan mời cố nhân đến nhà, thật tội nghiệp, không biết tương lai mình đen tối, mạng sống mình chỉ còn là chỉ mành treo chuông, que séra séra như thế nào, nên tỉnh bơ âu yếm mời nàng đi uống một ly cà phê công nghiệp *self service* trong lúc chờ đợi "người tình trăm năm" của chàng xuống máy bay. Nàng dấm dẳng đi theo chàng, bụng tức ấm ách. Nhìn cái tướng lăn xăn của thằng chả đi mua cà phê kìa, coi có "đã" chưa, coi có hân hoan, hạnh phúc chưa? Nàng gầm gừ trong cổ

họng. May cho "thằng chả" là đang sống ở bên này, và "thằng chả" gặp được một người hiền như mình, chứ ở Việt Nam mà dở ba cái trò cà chớn như vầy hả, chắc chắn thế nào cũng có... án mạng xảy ra. Con em mình mới viết thư sang bảo dạo này ở Sài Gòn có cái "mốt" tạt át xít, "em" nào mà xớn xác chọc điên thiên hạ là coi mòi có ngày sẽ lãnh đủ vài...gáo loại đậm đặc vô mặt như cái tục lệ tạt nước mùa xuân của dân Lào, dân Thái chứ chẳng chơi đâu.

Chàng mang ra hai ly cà phê to tổ bố, ngây thơ than thở:

– Căn tin của hãng anh bán một đồng một ly, ở đây đắt gấp ba luôn.

Nàng cười nửa miệng:

– Phi trường mà, toàn khách du lịch thảnh thơi, dại gì "chúng" không chém.

Chàng "ờ" ngon lành, quên phéng mình cũng đang đi đón một "khách du lịch thảnh thơi", ...no cơm rững mỡ, thừa tiền thừa bạc nên mới bày ra cái trò viếng thăm, tao ngộ! Nàng lườm... lén chàng một cái sắc như dao cạo Gillette. Không biết "thằng cha" bạn nào của chàng ở bên Mỹ đã làm "cánh nhạn trao tin" cho chàng và "con mẻ" liên lạc lại với nhau như thế này. Cái "thằng cha" này coi bộ cũng rồi hơi, coi bộ thấy bên Mỹ có nhiều cầu treo, cầu sắt nổi tiếng quá nên định "chơi bạo lấy tiếng... ngu" bắc cho đôi Ngưu Lang Chức Nữ này cái cầu tre lắc lẻo để được ghi danh công thần chắc. Á à, "thằng cha" toan chuyện... phá hoại gia cang người khác hả, để đó, mai mốt mà có cái thư nào bên ấy gửi qua, thì cũng đừng mong gì tới tay ông bạn già của hắn. Chắc chắn mình là sẽ thủ tiêu hết ráo cho coi. Và hễ bao giờ có dịp mặt đối mặt, thế nào mình cũng moi móc, kiếm ra chuyện gì đó để chửi cho "thằng chả" một trận tan nát, bắt chừa cái tật xớn xác mới được.

Nàng cẩn thận uống một ngụm cà phê để vành môi không nhạt bớt lớp son bóng phơn phớt nâu rất đúng thời trang. Sau đó nàng đưa đồng hồ lên xem rồi cố pha trong giọng nói của mình một... nhà máy đường phèn, vờ vĩnh bảo chàng:

– Em vậy chứ nhiều khi đãng trí lắm à nha. Bạn bè mà cả hơn hai mươi năm không gặp nhau như anh, dám không nhận ra đâu.

Chàng hiền hòa:

– Anh cũng đâu có chắc sẽ nhận ra cô ấy.

Nàng bĩu môi:

– Thật không đó? Nghe anh ngâm thơ Hoài Khanh "giờ ngồi lại bên cầu thương dĩ vãng, nghe giữa hồn cây cỏ mọc hoang vu" đều đều mà.

Chàng phì cười:

– Anh ngâm bao nhiêu là thơ.

Nàng cãi:

– Nhưng có nhiều câu thơ tràn đầy ý nghĩa em mới nói chứ bộ.

Chàng nhăn mặt:

– Em thiệt tình! Câu nào mà em bảo là tràn đầy ý nghĩa?

Nàng ậm ừ:

– Thiếu gì câu. Như thơ của Tôn Nữ Đạm Tiên, thiên thu một mối hận lòng. Duyên trăm năm cũng ngược giòng thời gian...

Chàng cắt ngang:

– Em vớ vẩn quá đi mất. Anh nhớ câu gì ngâm câu đó chứ ý nghĩa gì đâu.

Nàng im một lúc, rồi gạ gẫm:

– Hỏi thiệt, hồi đó anh với... chị này yêu nhau bao nhiêu năm?

Chàng cười:

– Yêu gì cái thuở đó. Chỉ theo nhau đường dài, trưa trưa chiều chiều. Năm khi mười họa mới có dịp chạm mặt nhau ở cổng trường, thì vừa run lập cập, vừa hối hả nói mấy câu chẳng ăn nhập đâu vào đâu... Yêu gì mà chưa bao giờ có được một buổi hẹn hò.

Nàng le lưỡi:

– Xạo đi ông. Không hẹn hò sao biết là "của nhau"?

– Xạo gì. Thời của anh, đứng nói chuyện với nhau công khai trước cổng trường đã gọi là ghê gớm lắm rồi. Nhất là mấy cô, dễ bị bạn bè kháo ầm ĩ mình có "chú quyện" rồi.

Nàng không tin:

– Gì mà hiền dữ vậy?

Chàng gật đầu:

– Thật.

Chàng nhìn nàng, giọng hơi ngập ngừng:

– Đi học, anh hiền queo. Chỉ có hồi đi lính mới hơi bậy bạ một chút thôi.

Nàng giật mình:

– Hả, với ai? Với... bà nào hả?

Chàng lắc đầu nguầy nguậy:

– Bậy.

Nàng tra gạn:

– Vậy chứ với ai?

Chàng đỏ mặt:

– Với mấy "em gái hậu phương", mấy em mari sến gặp dọc đường.

Câu khai báo thành thật của chàng quả là có tác dụng. Nàng dịu giọng xuống:

– Lúc đó "chỉ" ở đâu mà anh bậy bạ với mấy em đó?

Chàng im. Lưỡng lự không biết nói sao. Mãi đến khi nàng nhắc lại, chàng mới đáp:

– Từ lúc vào quân trường cho đến cả mấy năm về sau, anh đâu có dịp về lại thành phố cũ... Đến lúc được về thì gia đình cô ấy đã dọn nhà đi đâu mất tiêu...

– ...

Chàng cười buồn:

– Dạo ấy anh mặc cảm nghèo, mặc cảm thi rớt, đi lính lại mặc cảm cấp bậc thấp, rồi tự ái vụn vặt đủ thứ chuyện, chẳng hạn như gửi cho cô ấy một đống thư mà chỉ nhận có hai lá hồi âm... nên sau cùng là lơ luôn, chả buồn hỏi thăm cô ấy đã ra sao, nhà dọn về tỉnh nào. Thậm chí có thằng bạn bảo biết địa chỉ của cô ấy nhưng anh cũng không ghi lại.

Nàng im. Dưng không những lời tâm sự đột ngột của chàng làm lòng nàng bỗng dịu xuống một thứ thương cảm, tội nghiệp. Nàng nhìn chàng đang chăm chú ngó xuống ly cà phê trên tay mình, vẻ ngậm ngùi. Chàng tiếp:

– Hôm nhận được thư thằng Tín nhắc tới cô ấy, anh ngạc nhiên vô cùng, không tin là cô ấy vẫn còn nhớ tới anh.

Nàng chớp mắt:

– Rồi... chị ấy bảo sẽ sang đây chơi hả?

Chàng lắc đầu:

– Thằng Tín nghe cô ấy đi công chuyện gì đó ở bên này mới đưa địa chỉ của anh cho cô ấy, bảo nếu được thì ghé thăm vợ chồng mình.

Nàng làm thinh, đưa mắt nhìn ra ngoài khung cửa kính, lòng nao nao, bồi hồi khi thấy một nhóm người vừa mới xuống xe, đang chuẩn bị tiễn biệt nhau. Nàng tự hỏi trong ba ngày người đàn bà ấy có mặt tại nhà mình, thì nàng sẽ cư xử như thế nào...

Nàng uống thêm vài hớp cà phê nữa rồi đưa ly cho chàng đi trả. Lúc chàng trở lại thì vừa vặn có vài người từ máy bay xuống, đang đi vào phòng lấy hành lý. Nàng kiễng chân lên theo với chàng nhìn vào. Chàng mới vừa tả cho nàng nghe về người đàn bà ấy qua những hình ảnh còn rớt rơi lại trong trí nhớ của chàng. Cao. Gầy. Mũi thon nhỏ. Răng khểnh. Trời ơi, hèn gì mà "thằng chả" đã chọn mình. Tự dưng nàng cảm thấy nhột nhạt, gai gốc nổi lên khắp người. Cái mớ tình cảm... ủy mị, tiểu tư sản mủi lòng vừa bùng lên lúc nãy đã tan biến đi mất trong lòng nàng. Nàng nhủ thầm, coi chừng bị ...mắc bẫy phản gián, "thằng chả" ngó hiền hiền vậy,

chứ nhiều mưu chước thần sầu lắm chứ chẳng chơi đâu. Ngày xưa mình đã mủi lòng mà lấy "thằng chả" cũng tại cái tướng hiền queo của "thằng chả", lại thêm cái âm mưu... bám trụ lỳ lợm đã làm tiêu diệt hết các "hạ tầng cơ sở" theo đuổi mình!

Nàng sốt ruột:

– Sao, "bả" ra chưa? Có nói tóc tai, quần áo ra sao không anh?

Chàng vẫn nghễnh cổ chăm chú nhìn vào phòng đợi, lắc đầu:

– Không, anh không hỏi.

Thấy chưa, cần gì phải hỏi han cho kỹ lưỡng cũng có thể nhận ra nhau cơ mà. Nàng cau mày:

– Anh có thấy loáng thoáng ai hao hao giống "bả" chưa?

Chàng kiễng chân cao lên chút nữa, cái điệu mới là đáng ghét làm sao, chặc lưỡi:

– Sao chẳng thấy người nào châu Á , tóc đen cả.

Đang nghiêng người cố nhìn vào bên trong, nghe câu trả lời của chàng, nàng chợt đứng thẳng lại, lòng khe khẽ bừng lên một tia hy vọng. Một ý nghĩ không tốt lành gì thoáng qua ngay trong trí nàng, hay là "con mẻ" bị trễ máy bay? Hoặc bị... té gãy tay gãy chân gì đó trên đường ra phi trường? Bất giác nàng mỉm cười một mình. Mà biết đâu chừng chỉ cần bị nổi một lúc... hai chục cục "mụng", là "con mẻ" đủ quê để phải hoãn chuyến bay lại rồi? Nàng thích thú nhìn lên gáy chàng, nơi những sợi tóc bạc lấp ló ẩn hiện. Nghe đây tình lang ơi, nghe Nguyễn Bính tiên đoán nè, "thế là tàn một giấc mơ, thế là hết cả bài thơ não nùng"... Nếu như hôm nay "con mẻ" mà không tới được, thì anh hãy liệu mà về bắt chước Chế Linh ca "ta xa rồi em nhé, đường em, em cứ đi..." cho đến suốt đời của anh đi nhé!

Nàng nhẹ giọng, làm bộ... lòng chợt từ bi bất ngờ:

– Chờ một lát nữa mà không thấy thì mình vào *office* hỏi thử xem nha anh.

– Ờ để coi.

Chàng đáp, hơi có vẻ không được tự nhiên. Nhưng rồi đột ngột chàng lại mềm giọng xuống:

– Sao kỳ vậy ta, chẳng lẽ...

Còn chẵn với lẻ gì nữa. Chắc chắn là "con mẻ" bị cái gì rồi. Đường phèn, mía lùi, mật ong tuôn ra ào ạt trong giọng nàng:

– Chẳng lẽ cái gì hả anh?

Chàng im một lúc lâu rồi quay lại cầm tay nàng, nhích sang một bên cho nàng có thể nhìn thấy một số ít người còn đang đứng chờ lấy hành lý cho rõ ràng hơn:

– Em nhìn kìa, chỉ có một người Á châu duy nhất là... bà ấy thôi.

Nàng há hốc mồm, sững sờ nhìn kỹ người đàn bà Á châu duy nhất như chàng nói. Nhưng dĩ nhiên là nàng cũng không thể nào tin ở mắt mình y hệt chàng. Nàng đáp nhỏ:

– Chắc không phải đâu.

Cùng lúc nàng cảm thấy bàn tay mình bất chợt bị siết chặt lại trong tay chàng:

– Cái nét mặt của người ấy... Có vẻ giống lắm em ạ...

Chàng ho lên tiếng khẽ như thể có cái gì đó nghèn nghẹn trong cổ chàng. Nàng bối rối suy nghĩ, không biết có phải là chàng cũng hy vọng người đàn bà trong lớp áo tu hành đang đứng ở trong kia, chẳng phải là bạn chàng như nàng vừa nói; hay là chàng bị sốc, bị bất ngờ... Nàng đứng im không biết nói sao với chàng. Nhưng bất giác nàng đưa mắt nhìn xuống lớp áo mệnh phụ trên người mình, cảm thấy nó đã biến ra hết sức trơ trẽn, kỳ quặc. Nàng lúng túng hỏi chàng:

– Bộ anh Tín không nói gì với anh về chị ấy sao?

Chàng ngập ngừng:

– Hình như cũng có đấy. Nhưng nó úp úp, mở mở bảo sẽ có điều làm anh ngạc nhiên.

Ngạc nhiên cái quái gì không biết nữa. "Thằng cha"... chơi quê không chỉ ông bạn già của hắn mà còn làm mình sượng cứng như thế này đây! Nàng rủa thầm ông bạn kỳ cục của chàng. Đi tu thì bảo là đi tu cho nó yên chuyện cho rồi, còn bày đặt úp mở chi nữa không biết! Nàng định thần lại, mở mắt to ra nhìn người nữ tu đang cúi xuống chuẩn bị xách cái valy gọn gàng lên tay. Nàng bỗng muốn bật cười to lên, nhưng phải cố hết sức nín lại khi nghe bên tai mình loáng thoáng một giọng nói đầy vẻ ngẩn ngơ của chàng:

– Chắc đúng là bạn anh rồi em ạ. Cô ấy đang đi ra kia kìa... Cái thằng Tín phải gió, không hiểu tại sao nó không chịu nói trước để mình chuẩn bị tinh thần gì cả.... Chả biết bây giờ thì mình nên gọi cô ấy là cái gì đây nữa!

Chàng chép miệng. Rồi thở dài nắm tay nàng đi về phía lối ra của hành khách.❐

Dường nhu

NGUYÊN MẠNH TRINH

Dường như. Nắng nhạt đôi vai
Lụa tơ nõn. Biếc. Sợi mây ngang tầm
Gió vui. Thổi tận thâm tâm
Ai hiu quạnh. Tự nhủ thầm nhớ ai?

Dường như. Nắng vãn cửa ngoài.
Con chim sẻ. Hót. Mốt mai lũng ngàn
Tro xưa. Ngọn phún lửa than
Mắt đen biếc. Vẫn bàng hoàng trăm năm.

Dường như. Lạ gối lạ chăn
Tóc hiu hắt. Sợi. Rét căm cuối đời
Nhớ. Quên. Son thẫm nét môi
Trái tim cũ. Để. Đất trời cất riêng.

Dường như. Đời rất bình yên.
Mây phiêu lãng. ở cuối ghềng hư không
Sông ai cát lấp khô dòng
Bến nào riêng để mênh mông thuyền chờ.

Dường như. Tôi. Em. Hư vô
Một kẻ khác đã mịt mờ. Chốn ai.

Trăng Mật

Thơ Thơ

Tặng Thụy và Bé Đăng

Từ Hawaii về lại L.A., trên chuyến bay của hãng hàng không Delta, nàng đã thở dài, luyến tiếc: "Thôi, thế là hết trăng mật rồi!" "Sao lại hết được?", chàng âu yếm hôn lên tóc nàng, dù còn đang ngái ngủ: "Mình lúc nào cũng vẫn là trăng mật."

Những ngày sau đó, khi hai người thực sự bắt đầu cuộc sống vợ chồng, nàng vẫn hồi tưởng lại những ngày trăng mật ở Hawaii, cho đó là những ngày đẹp nhất trong đời. Hai người mang về một tấm hình 8 x 10 chụp chung với hai con két màu sắc sặc sỡ ở bãi biển Waikiki, nàng trân trọng lồng kiếng, rồi đặt trên cái kệ sách nhỏ sát cửa sổ. Mỗi sáng thức dậy, công việc đầu tiên trong ngày của nàng là kéo tấm màn cửa cho ánh sáng lùa vào bức ảnh. Nhìn suốt vào trong đó, nàng thấy lại một bình minh hai người dậy sớm, ra biển ngắm mặt trời mọc. Màu nắng bên ngoài phả vào nền trời trong hình một thứ ánh sáng huyền diệu ngời chói. Ánh nắng đang chảy lăn tăn trên mặt biển xanh óng ánh, những mỏm đá sau lưng hai người cũng đang lấp lánh nắng vàng, vòng hoa nàng đeo cổ cũng rực rỡ bừng nở những sắc độ của mùa hè. Nhưng khi chiều đến, nắng trong hình cũng nhạt dần, màu biển dìu dịu mênh mông buồn, và màu đá thẫm lại tim tím lạnh. Hoàng hôn đang thấm dần, thấm dần dần vào không gian trong đó, gợi nàng nhớ lại một buổi chiều cuối ở đảo, hai người dắt nhau ra bãi chào từ giã Honolulu. Mỗi ngày nàng ngắm tấm hình ít nhất hai lần, và so sánh những ngày đó với những ngày nàng đang sống. Thực ra, chàng và nàng đang rất hạnh phúc, họ vẫn yêu nhau nồng nàn, nhưng nàng vẫn cứ hay so sánh, như một thói quen, để ước định giá trị của hiện tại.

Khi nàng có mang, tình cờ nàng đọc trong một cuốn sách tâm lý định nghĩa về trăng mật: "Thời gian từ lúc mới cưới đến khi có đứa con đầu

lòng". Định nghĩa này khác với định nghĩa trong tự điển, trong ý nghĩ bình thường của mọi người. Nàng hớn hở nói cho chàng hay, chàng mỉm cười bình thản: "Lúc nào cũng vậy thôi, khi có baby vẫn cứ là trăng mật chứ." Nàng phì cười, lắc đầu: "Ai lại đi honeymoon với baby bao giờ." Chàng, trái lại, không có vẻ quan tâm đến những chuyện đó. Chàng vẫn đối xử với nàng như lúc ban đầu thôi, hoặc gần như thế, hoặc trong một vài việc lại có thể còn ân cần hơn. Nhưng nàng vẫn cứ phân loại để cố tìm ra những khác biệt giữa các thời kỳ: lúc mới quen đến khi hai người "êu êu" nhau, thời đính hôn, thời trăng mật, thời hiện tại... Bây giờ, nàng và chàng vẫn giữ những săn sóc và thói quen của những ngày hẹn hò đã xa, chẳng hạn cuối tuần đi bộ exercise ngoài trời ở cái park có hồ của thành phố, hoặc ra biển nếu trời nóng; chiều chiều "tea time" ngồi uống trà nói chuyện phiếm, khi thì trà sen, khi thì trà xanh Nhật, hoặc chè Lipton, nhân trần mang từ Việt Nam sang. Sáng sớm, trước khi đi làm, chàng đều cúi xuống hôn nàng lúc đó còn đang ngái ngủ trên giường: "Bye cưng", hoặc "Ngủ ngon, Honey!". Nàng lúc nào cũng cơm nước sẵn sàng, tắm gội và trang điểm trước khi chàng về, y như thời nàng chờ chàng đến chơi nhà và ở lại ăn cơm với gia đình. Cuối tuần đi ăn tiệm, chàng vẫn cẩn thận tiếp thức ăn cho nàng như lúc mới đi ăn lần đầu; nàng vẫn lau chén đũa, rót trà nóng cho chàng như khi mới quen. Đôi khi đang ăn, nàng ngó chàng, quan sát thầm, rồi tự hỏi chẳng biết chàng có cảm thấy điều gì khang khác trong những động tác quen thuộc này không? Liệu có phải đó là sự thực, hay chỉ là một trong những cố gắng hòng duy trì và sao chép lại quá khứ? Rồi nàng lại cười thầm, tự chế nhạo chính mình là vẩn vơ lẩn thẩn... Mà có lẽ, nàng băn khoăn về điều này ngay từ ngày cưới. Cái hôm ấy, nàng như người mộng du, bị lôi kéo vào trong một khúc phim có cả chục đạo diễn khó tính điều khiển, không qua một lần tổng dợt nào. Nàng chắp tay lễ như máy, cười chụp hình như máy, bắt tay khách khứa như cái máy; và cứ thế, trong lúc ăn uống, đi chào bàn, cắt bánh, thấy hoa cưới, khiêu vũ khai mạc với chàng... nàng hoàn tất mọi việc trong một thứ tự đáng ngạc nhiên, với một tâm trạng hỗn loạn bồn chồn. Cái không khí ồn ào của một bữa tiệc cưới trong một nhà hàng Tàu, những sức ép nhiều phía của nghi lễ và thủ tục, ánh đèn chói gắt của máy quay video, nhiều giọng nói tranh nhau phát ra từ những microphone trên sân khấu, những bộ veston và những cái cổ hở bao quanh từng cái bàn tròn, bao nhiêu là con mắt dán vào cô dâu chú rể. Chưa bao giờ nàng gặp gỡ nhiều người trong cùng một lúc như vậy; cứ như là tất cả những người quen (và không quen) của cả một đời gom góp hết về đây, ào ạt kéo đến, và rồi lũ lượt kéo đi...

Đột nhiên tất cả chợt biến mất, chỉ còn lại hai người. Nàng bàng hoàng rơi tõm vào cái lặng lẽ vô cùng tương phản. Sau khi thanh toán tiền nong với nhà hàng, chàng đưa nàng về nhà dự lễ Giáng Sinh với gia đình trên chiếc Nissan Sentra quen thuộc. Vẫn là chàng, ngồi lái; vẫn là nàng, ngồi cạnh; vẫn là một buổi chiều thứ bảy hai người thường đi chơi với nhau. Nhưng nàng dường như không phải là nàng ngày hôm qua, cũng không giống như cô dâu mới một vài phút trước đây trong tiệc cưới, dù nàng vẫn còn đang mặc chiếc áo cưới trắng muốt, vẫn tấm voan dài vướng víu đôi vai trần. Chàng một tay cầm lái, tay kia nắm lấy tay nàng, như bình thường. Nàng cố gắng nói mấy câu bâng quơ về đám cưới, như vẫn chưa hoàn hồn, rồi lại càng cảm thấy cái lặng lẽ ấy loang thêm ra. Nàng liếc ngang chàng, và quyết định nhìn thẳng vào con đường freeway trước mặt.

Và cứ thế, thời gian nàng có mang vẫn mang âm hưởng honeymoon. Định nghĩa này làm nàng yên lòng. Tất nhiên, có mang trông nàng nặng nề, người phù lên, kém đẹp đi; nhưng chàng lại tỏ ra quí nàng bội phần, vì đứa bé trong bụng, đứa con đầu lòng. Chàng dành hết mọi việc nhà cần phải dùng sức như hút bụi, giặt đồ; không cho nàng xách nặng hoặc với tay quá cao...; nhắc nhở nàng uống sữa, uống thuốc bổ mỗi ngày.

Nàng sanh khó, phải mổ. Baby khỏe mạnh, thoạt nhìn nàng đã yêu ngay. Nó xinh xắn quá, bé bỏng quá, và cần có nàng biết bao. Ngày nàng rời bệnh viện, bác sĩ đòi giữ đứa bé lại vài ngày nữa vì nó bị vàng da. Hai vợ chồng ghé vào phòng N.I.C.U. thăm con trước khi về nhà, nó bị bịt mắt, nằm xấp trong lồng kính, dưới ánh đèn trắng gắt. Nàng được thò tay qua cái cửa nhỏ, xoa xoa cái lưng đỏ hỏn của đứa bé: "Baby, con chịu khó ở lại hai hôm nữa nhé, rồi bố mẹ đến đón con về. Mai mẹ pump sữa rồi mẹ mang đến cho con nghe."

Nàng hơi buồn vì không có baby cùng về. Thật vô duyên, nàng nghĩ thầm, đi sanh xong mà lại về tay không. Trên đường về, nàng suy nghĩ miên man, chẳng có gì rõ rệt. Bất chợt, chàng đặt tay lên đùi nàng, tìm bàn tay nàng, xiết chặt. Nàng nhìn chàng, mỉm cười: "Mấy ngày rồi em mới được nhìn thấy nắng, nắng đẹp quá." Đến nhà, chàng phải đỡ nàng xuống xe vì vết mổ còn làm đau. Chàng mở toang các cửa sổ cho nắng tràn vào nhà, trong lúc nàng ngồi thừ trên sofa, ngắm nghía căn phòng với những trang trí do chính tay nàng công phu sắp xếp. Tất cả vẫn rất ngăn nắp và mỹ thuật; bình hoa nàng cắm theo kiểu Nhật, cúc vàng thủy trúc trông xa vẫn còn tươi, cây đàn vẫn trong tư thế nghiêng nghiêng cạnh cái giá nhạc, sách vở trong kệ vẫn gọn ghẽ, vẫn bức ảnh hai người ở biển trong đó nắng chợt chói chang làm màu nước thêm thăm thẳm. Nàng mới ở bệnh viện có ba ngày, chẳng phải nàng đang về lại ngôi nhà yêu dấu đó

sao? Vậy mà nàng lại lạ lẫm quan sát đồ vật trong nhà như người khách mới, như mình trở về bỡ ngỡ một chút gì khang khác, như một điều nào đang diễn ra chung quanh, trong cả không khí nàng thở. Nàng nhìn chàng đang loay hoay gì đó trong phòng khách, muốn nói với chàng những cảm nhận của mình, song lại quyết định giữ lại. Cảm giác đó vẫn đeo đẳng lúc hai người ngồi ăn đối diện nhau dưới chùm đèn vàng ấm áp. Chàng rót rượu vang đỏ vào hai cái ly pha lê, hai người vẫn cụng ly, và nàng vẫn theo thói quen nói "Cheers", nhưng lần này nửa trịnh trọng nửa lơ đãng. Cảm giác ấy vẫn chờn vờn lúc chàng đỡ nàng lên lầu, lúc hai người nằm cạnh nhau trên giường. Chàng thật chu đáo, lo lắng hết mọi việc để cho nàng nghỉ ngơi (và tha hồ nghĩ ngợi). Nàng thấy cần phải nói để khích lệ chàng: "Tội nghiệp anh phải làm nhiều quá. Có mệt lắm không anh?"

Chàng nhích lại nhưng thận trọng không dám chạm vào vết mổ: "Anh thương em, em bị đau," rồi chàng khẽ nâng đầu, luồn cánh tay làm gối cho nàng: "Hôm nay anh đón em về nhà, giống như đám cưới lần thứ hai, mình lại về với nhau."

Nàng xúc động, rơm rớm nước mắt: "Mình đang bước qua thời kỳ parenthood, hết honeymoon rồi."

Chàng vỗ vỗ nhẹ vai nàng: "Vẫn còn mà. Em đừng theo định nghĩa của người ta. Mình có định nghĩa riêng của mình chứ. Honeymoon không tùy thuộc vào thời gian, vào nơi chốn nhất định nào cả. Đó là do mình làm ra."

Chàng nói hay quá, và dễ thương biết bao. Trong bóng tối êm đềm màu hồng nhạt của cây đèn ngủ, nàng lim dim mắt, thoải mái, lắng nghe một thứ tình cảm hân hoan đang trào dâng, xua tan cái cảm giác xa lạ lúc mới đặt chân về nhà. Và bất chợt, nàng hiểu ra tại sao. Hai người về lại nhà, không có baby đi cùng. Bây giờ, chỉ có chàng và nàng không thôi thì không còn đủ nữa. Ba ngày qua ở bệnh viện, đứa bé đã trở thành một phần không thể thiếu được của nàng, của đời sống, của hai người. Nàng thèm được ôm con, thèm được cho nó bú, thèm được cảm thấy cái thân thể bé bỏng của nó cục cựa trong lòng mình. Không có nó, nàng thấy mình vô ích, và nôn nóng bồn chồn. Nàng dụi đầu vào ngực chàng: "Sáng mai mình vào thăm baby sớm mà". Chàng đã bắt đầu thở đều và to dần, không thấy chàng trả lời, nàng mỉm cười, nhắm mắt lại cố không nhúc nhích để khỏi làm chàng thức giấc.

Hai người đón con về đã hơn một tuần. Khách khứa và những cú điện thoại thăm hỏi chúc mừng làm nàng mệt nhoài, nhất là nàng vẫn chưa quen thức khuya và dậy cỡ nửa đêm cho con bú. Tuy đã hết sức cố gắng, nàng đôi lúc thấy mình thiếu khả năng đối phó với thằng bé. Mỗi bận thay

tã hoặc chùi đít cho nó, nàng căng thẳng toát mồ hôi, lo ngay ngáy rằng nó sẽ đái cầu vồng bất chợt, và nước đái sẽ làm ướt cái cuống rốn chưa khô của nó. Mỗi lúc cho con bú, nàng liên tục nhìn đồng hồ, canh xem nó đã bú bao nhiêu phút rồi, còn phải bú bao nhiêu phút nữa, không hiểu mình có đủ sữa cho con không. Thằng bé bú xong, nàng lại sốt ruột chờ cho nó ợ sữa, không thấy nó ợ là nàng lại cuống lên. Nàng thèm có sự kiên nhẫn và điềm tĩnh của chàng, nghĩ thầm: "Có lẽ mình chưa quen đó thôi." Nàng sợ nhất là lúc phải tắm cho nó một mình, lóng ngóng vụng về tát nước gội đầu và rửa đít cho thằng bé. Nó càng dãy dụa nàng càng cuống quít. Khi bất chợt nó khóc ré lên vì khó chịu, nàng hoảng hốt, xuýt xoa: "Mẹ xin lỗi con, mẹ xin lỗi con. Mẹ làm con đau hở bé. Bé đừng giận mẹ nhé!" Thằng cu tí vẫn khóc ằng ặc, nàng ân hận như vừa phạm lỗi với nó. Nàng cố nhẹ nhàng hơn, cẩn thận nâng niu cặp đùi bé xíu ngọ nguậy lên để thay vào tấm tã mới.

Cả ngày nàng quanh quẩn trong nhà với đứa bé. Vết thương chưa lành, không cho phép nàng lái xe. Đứa bé chưa chích ngừa, nàng cũng không dám mang con ra đường; nên không thể đi đâu được. Đó cũng giống như tự giam cầm, tách biệt khỏi thế giới bên ngoài, ngay cả đối với họ hàng, bè bạn. Nhiều lúc nàng thèm được nói chuyện với ai đó cho đỡ cô độc, nàng cho radio chạy suốt ngày để nghe tiếng người nói; hơn bao giờ hết, nàng thấy sự hiện diện của chàng là cần thiết biết bao. Mùa đông đã đến, chiều xuống vội vã, cứ đến 5 giờ là nàng bắt đầu ngóng qua cửa sổ, mong nhìn thấy ánh đèn xe chàng. Chỉ cần có chàng trong nhà, nhìn chàng nằm ngủ, nghe tiếng chàng ngáy, điều đó cũng đủ làm nàng yên lòng. Đứa bé cần có nàng chăm sóc, nàng ý thức dần, vì nó, nàng cần có chàng hơn trước nữa. Nàng mơ hồ một mối liên hệ mới mẻ đang hình thành giữa hai người, và những nhu cầu cần được chàng chăm sóc, nuông chiều không còn chi phối nàng nhiều như trước. Có vẻ như là có con rồi nàng lớn lên một chút, bớt những nhõng nhẽo với chàng.

Thời kỳ "baby blue" đã qua, tâm trạng ức chế và "depressed" không còn dằn vặt nàng nhiều nữa, những cơn khóc thầm vô cớ cũng thưa dần rồi biến mất. Nàng đã thành công trong việc làm quen với đứa bé, không còn phải lo "đối phó" nữa, mà là uyển chuyển hợp tác với nó, lúc thì tuân theo những mệnh lệnh đòi hỏi của nó, lúc thì tìm hiểu để hướng nó theo ý mình... Dầu vậy, thằng nhỏ vẫn là bài toán đố với mẹ nó, nhất là vấn đề giờ giấc ăn-ngủ-thức của nó không theo một qui tắc nào cả. Nàng không có thời gian cho mình nữa, đôi lúc nàng cũng thấy khó chịu với khuôn mặt nhợt nhạt không son phấn của mình, bất mãn với thân hình mình (nàng cứ ngỡ sanh xong thì sẽ thon gọn ngay, nào ngờ...). Nhìn mình

trong gương, nàng khắt khe: "Trông chẳng còn hấp dẫn gì cả!" Nhưng lúc này, đứa bé mới là chính, chàng trở thành đối tượng phụ. Có lẽ trong mắt chàng thì nàng cũng xuống hạng như thế, nàng tự an ủi: "Thôi, thế lại càng đỡ phải make up mỗi ngày."

Sinh hoạt của ba người thu gọn lại trong cái phòng ngủ, gọn hơn nữa thì trên cái giường ngủ. Đứa bé nằm chính giữa, chăn gối ngổn ngang chung quanh; lẫn với tã lót, yếm dãi, receiving blanket... Chàng và nàng có thể vắt ngang dọc theo hai cạnh song song hoặc vuông góc của cái giường. Một không gian bừa bãi nhưng ấm cúng. Có những buổi chiều, nàng ôm con cho bú, chàng nằm xoài theo đường chéo cái giường thiếp đi vì mệt. Bên ngoài, mặt trời mùa đông đã tắt từ lâu, những ngôi nhà trước mặt sương mù đã bôi nhòe hình thù, cành thông già gió đu đưa kẽo kẹt đập vào kiếng cửa, gió hú từng chập như tiếng gọi của Thần Đêm. Nhưng mùa đông đã dừng lại ngoài kia. Trong này là tổ ấm, chỗ nương tựa, nơi ẩn náu, là chàng đang say ngủ, là đứa bé bú no bụ bẫm. Nàng sung sướng ngây ngất khi nó nhoẻn cười với nàng, giây phút này là một trong những khoảnh khắc hiếm hoi nàng cảm nhận được ngay hạnh phúc quanh nàng và gia đình bé nhỏ của nàng. Nàng miên man với hai chữ "gia đình", và chợt nhận ra, lâu nay nàng không còn băn khoăn tới những định nghĩa của danh từ trăng mật nữa.

Bữa cơm tối là thời gian hai người dành cho nhau. Họ đặt con vào cái xe đẩy, vừa ăn vừa ngắm nó. Nếu đứa bé chịu ngủ thì chàng và nàng sẽ vừa enjoy bữa ăn vừa nói đủ thứ chuyện với nhau. Nhưng đã hơn hai tuần nay, cứ từ 6 giờ chiều trở đi là cu tí tỉnh như sáo, dù đã no nê. Hai người vừa mới ngồi xuống: "Mời Anh", "Mời Em" thì nó đã ọ ọe. Nàng bảo: "Nó khóc vì chán nằm một chỗ, cho nó nghe nhạc Giáng Sinh đi." Chàng chọn cái CD có bài "Christ is born the holy child", mà trẻ con Việt Nam hay hát là "Cục te te, có con gà rôti; gặp người dây thép nó kêu cục te te. Cục te te, có con gà rôti; gặp người dây thép nó kêu tí tè."

Nàng nói với con: "Con ơi, bài này con thích nhất nè. Con nghe quên cả bú nè. Hay không con?" Thằng bé có vẻ lắng nghe, nó nghển nghển cái đầu, mắt sáng lên, tay khuơ khuơ. Chàng cầm tay nó đưa lên đưa xuống: "Con đánh nhịp nhé. Lớn lên con làm nhạc trưởng nhe!"

Hai người vừa ăn vừa nhìn đồng hồ, "Trời ơi, gần 8 giờ rồi! Em sắp phải pump sữa." Chàng hỏi: "Con ăn xong lúc mấy giờ?" Nàng chau mày lẩm bẩm: "3 oz lúc 5 giờ rưỡi, 2 oz rưỡi nữa lúc 6 giờ. Vậy là nó ăn xong lúc 6 giờ rưỡi. Đến 9 giờ nó mới được ăn tiếp."

Thằng bé chợt oe oe lên như phản đối, hai tay chụp lấy cái yếm đưa vào mồm. Chàng bảo: "Nó đòi ăn." Nàng: "Không được. Nó mới ăn xong."

Chàng xót xa: "Nhưng mà nó đói." Nàng cương quyết: "Nó sẽ bị đầy bụng. Phải kỷ luật mới được."

Hai người lại ăn vội vã. Nàng ăn một tay, tay kia đưa đẩy cái xe cho nó đỡ khóc. Lúc nàng mỏi tay thì chàng tiếp sức. Nhưng hôm nay cu tí nhất định không đầu hàng bố mẹ, tiếng khóc của nó bắt đầu tăng cường độ nghe ằng ặc. Kỷ luật của nàng tiêu tan, chàng đứng bật dậy: "Để anh cho bé bú." Nàng hỏi: "Bú trước hay tắm trước? Hay là mình cho nó bú một nửa, rồi tắm, rồi bú tiếp?"

Hai người hý hoáy quấn thằng bé vào cái khăn bông cho ráo nước, rồi đặt nó lên bàn cân: "Trừ bì chưa anh?" Chàng đáp: "Rồi." Nàng reo lên: "Mười ba pounds. Sắp phải thay quần áo mới cho con rồi!"

Chàng ngắm con mê man say sưa nên mất cảnh giác với cái vòi rồng của nó. Một tia nước hình cầu vồng bắn đúng vào bụng chàng, thằng cu tí rùng mình đái lia sang cả nàng. Nàng cằn nhằn: "Trời ơi, em hết áo mặc rồi. Mới tắm xong." Chàng an ủi: "Nước đái con sạch mà. Baby làm baby shower cho bố mẹ mà."

Khi "hoàng tử bé" đã no đủ và chịu nằm ngủ thì đã quá mười hai giờ đêm. Nằm dài trên giường, chàng và nàng im lặng; cái im lặng trong đêm càng thêm im ắng vì vắng tiếng khóc của thằng bé. Nàng mò mẫm tìm bàn tay chàng, hai người xiết chặt tay nhau trong bóng tối. Bất giác nàng mỉm cười, liên tưởng đến hình ảnh hai chiến sĩ đang khuyến khích, truyền nghị lực và can đảm cho nhau; hai chiến sĩ giờ nằm mệt nhoài sau một ngày phụng sự hết mình cho chú thiên thần bé nhỏ. Chàng khẽ trở mình, kéo nàng vào lòng: "Mệt không em?"

Nàng ngáp: "Không, vui chứ."

Chàng hỏi: "Anh làm gì được cho em?"

Nàng rúc đầu vào ngực chàng, cảm thấy mình nhỏ bé cần được che chở:

"Đủ rồi. Cứ như thế này, đừng thay đổi."

Chàng xiết nhẹ nàng vào lòng: "Như... vẫn là trăng mật phải không?"

Nàng cười nhỏ, sợ làm con thức giấc: "Vâng, tuần trăng mật thứ sáu."

"Tại sao?"

Rồi chàng chợt hiểu:

"Ồ, mai là baby được sáu tuần rồi!"❐

Phù Thịnh

Hồ Minh Dũng

Chuyện nầy, cố nội tôi kể cho ông nội. Ông nội kể cho cha tôi. Cha tôi kể lại cho tôi nghe thời thơ ấu. Khi cha tôi qua đời, trong cảnh côi cút buồn bã, tôi thường nhớ lại và vẽ vời tưởng tượng thêm, tự khua chuông đánh trống giữa cõi lòng hoang vắng, một mình.

Gia phả dòng họ tôi đã bao đời chẳng có ai làm nên trò trống gì. Cho nên việc cố tôi vào Nội, được coi như một sự sắp xếp có chủ đích của định mệnh: sông có khúc, người có lúc. Không ai khác hơn, chính ông nội tôi, khám phá ra điều nầy và vui mừng, đắc lực truyền đạt lại cho con cháu, vắn tắt trên bia đá dựng chễm chệ trước mộ phần cố và dài dòng khúc chiết hơn, khắc trên gỗ quý đặt trang nghiêm trong từ đường.

Đám con cháu sinh sau đẻ muộn, trong đó có tôi, trà trộn trên dòng đời quẩn bách, phải vin vào chiếc gậy vô hình đó mà ngoi lên, ngẩng mặt giữa đời.

Trong khi gia tộc tôi le lói một chút vinh quang thì bàn dân thiên hạ không ngớt đào bới, câu nệ, cố chấp. Họ toa rập coi cố nội tôi như một người quái đảng, dị kỳ. Cái ân tứ ngày nào nhờ cố tôi nhọc nhằn mà nhà vua miễn sưu cao thuế nặng cho cả một xứ sở rộng lớn nầy, chẳng còn ai nhớ đến.

Dĩ nhiên là công việc của cố tôi phục vụ trong cấm thành không ai biết rành rọt. Họ chỉ suy diễn rông rắn từ những chuyến về làng đầy nghi trượng rườm rà của cố tôi.

Xưa nay, từ kinh đô Huế về quê tôi, dưới chân núi Mu Rùa gần cửa Tư Hiền, bằng thuyền, kẻ sang người hèn, đều xuôi hạ lưu sông Hương rồi rẽ theo sông Thủy Tú, thuận buồm xuôi gió chỉ mất non một ngày. Cố tôi khác, lộ trình về gập ghềnh, khúc khuỷu hơn nhiều. Cho thuyền ngược lên thượng nguồn, thả neo giữa ngã ba Tuần trong chốc lát, cố ra đứng ở mui, bâng khuâng nhìn núi non trùng điệp một hồi, rồi nhổ neo vòng qua

đôi Vọng Cảnh, len lỏi giữa những rừng cây bạt ngàn, xuyên qua thác ghềnh hiểm hóc rồài xuôi theo sông Nong về đồng bằng, chậm chạp trôi qua nhiều cánh đồng chiêm bát ngát, *trước khi giong buồm ra đầm Đá* Bạc. Hàng chục mái chèo khua động sóng nước lóe sáng trong trời chiều, từng nhóm vịt trời bay lượn vòng quanh cùng với mây hoàng hôn rực rỡ đưa thuyền cập bến Túy Vân. Cuộc hành trình nầy phải mất hai ngày.

Lần nào cũng thế, cố tôi về vẫn thế, không hề thay đổi. Chờ cho đến thượng tuần tháng giêng, khi không khí mùa xuân ở hoàng thành bớt phần rộn rã là cố tôi đã cho *người sơn phết lại con thuyền*. Và, lúc quan chánh tổng sức dân địa phương chong đèn đốt đuốc ra đón thì ánh trăng nguyên tiêu đã bàng bạc trên bầu trời.

Không phải, người ta chờ cố tôi về, để được ăn mấy bữa thịt xôi ê chề trước sân đình làng hay được xem vài tuồng hát bộ diễn lại sự tích quân lính triều đình ra oai hùng hổ truy đuổi bọn tàn quân con nuôi Lê Văn Duyệt, chạy dài *thất điên bát đảo đến tận* Đồng Tháp Mười, do gánh hát rong của bầu đoàn thê tử họ Đoàn ở làng Chuồng tự biên tự diễn. Cũng không phải, người ta chờ đợi, từng chủ hộ, quây quần quỳ quanh cố tôi, để chờ từ chiếc lồng ấp khổng lồ, mang từ điện Càn Thành về, cố tôi trịnh trọng quây đầu về phương Bắc, gập lưng lạy mấy cái, rồi dùng đôi đũa bằng sừng tê giác đầu bịt vàng ròng sáng bóng, gắp ra trao cho họ một đốm lửa than do *nhà vua gửi* về, gọi là chút ơn mưa móc đầu năm đã tưới đến tận gốc ngọn cỏ hèn.

Mà họ chờ đợi, được tận mắt, nhìn thấy cố tôi, một người, cũng lọt lòng mẹ khóc oe oe ở chốn nầy, là đứa bé mồ côi mẹ sớm, chiều nào cũng chạy nhiều vòng ngoài bờ biển, rượt theo những con dã tràng ốm o trên bãi cát lẫn lộn cuội, sỏi và vỏ ốc. Dưới chân núi Mu Rùa kia, những người tuổi *tác về chiều*, *mấy ai* quên, hình ảnh thằng nhóc con thân mình đen đúa, từng buổi rạng đông lên, đứng trên ụ đá, ngơ ngáo nhìn biển trời rạo rực một lúc, rồi đâm đầu nhảy xuống ghềnh đá, biến mất. Khi xuất hiện trên đường về, lưng nó đeo nặng chĩu mấy xâu tôm hùm và cua đá. Lớp da mỏng xanh rờn bọc bên ngoài mớ xương thịt ít ỏi của nó, lại bị đá nhọn, san hô và càng tôm cua cứa kẹp chảy máu ròng ròng.

Khi mẹ chết, bà con xóm giềng và cha nó đều khóc, chỉ mình nó không khóc. Đứng ở góc nhà tối tăm lặng câm, trân trối nhìn xác mẹ. Chờ người thân lấp huyệt mẹ rồi, suốt ngày nó vào chân núi vác đá ra đắp lớp lang lên mộ mẹ. Chẳng bao lâu, người đàn bà chết đói bó chiếu đem chôn ấy, có một ngôi mộ, chỉ thua mộ thân sinh ông tri huyện hồi hưu một lớp vôi vữa bọc ngoài. Xong việc, nó bỏ làng đi biệt. Mười mấy năm sau, *thằng bé trở về*, nghiễm nhiên trở thành một vị quan đương triều tưng

bừng cờ quạt.

Lúc đó, cố tôi như ở trên trời rơi xuống. Nhìn thấy cố, người quen kẻ lạ, sửng sốt như nhìn thấy một biến cố. Nhờ phúc đức tổ tiên mà có, việc nhân nghĩa dành gánh vác không nhường cho ai, là cố tôi. Thời lai đổ điếu thành công dị, cũng là cố tôi!

Trong ánh sáng lập lòe đèn đuốc, gương mặt cố xúc động lướt nhìn qua, không bỏ sót một ai, không bỏ sót một vật thể nào, rồi đăm đăm soi vào màn đêm bằng những ánh mắt tìm kiếm hốt hoảng. Bầu trời vẫn đầy sao. Cây cỏ hai bên đường đang thì thầm báo tin đâm chồi nẩy lộc. Điều cố tôi tìm kiếm, ai cũng hiểu. Khoảnh khắc đó, tâm trí ông, bần thần lạc lõng y như lúc đứng giữa ba Tuần nhìn bốn phía. Hằng năm, ông chọn một thời điểm như thế để về cố hương, ai cũng hiểu.Trên con thuyền rộng lớn của ông lại càng dễ hiểu hơn, ngoài mấy thứ tùy thân đơn sơ, còn biết bao thứ khác, để cho đám dân bần cùng nầy có cơ may nhìn thấy, sờ mó tới, một lần, mà không cần phải cúi đầu nghi lễ bước qua cửa Hiển Nhơn.

Những con tôm he sống từng đàn sum vầy quanh bờ biển Gò Công xa xôi, được dân chài bản địa làm mắm gửi ra biếu hoàng thái hậu, dùng không hết, bà cho ông, ông nhịn ăn đem về, mới mở nắp ra mùi thơm hoàng gia tỏa bay vù vù lên tận chóp núi. Biết ông về, vua đích thân mở kho Thố chi, mỗi năm, tặng cho ông ba chục lạng bạc và một món quà tượng trưng cho vương quyền. Có thể là, một sợi tóc, trong muôn ngàn sợi tóc bị bôi vôi của nữ tướng Bùi thị Xuân, bị cạo trọc để chịu xiềng xích, trước khi dẫn lên pháp trường Nam Giao cho voi chà. Có thể là, một đoạn mây rừng sơn ngũ sắc, bằng đốt ngón tay, cắt ra từ chiếc roi mà vua hăm hở đánh sưng mông nhà nho Nguyễn Hàm Ninh phạm tội khi quân giữa bữa tiệc linh đình, một mảnh hoa lan-trường-kiếm phơi khô mà Tố Như tiên sinh trong lúc đi sứ sang Tầu tạt vội qua thăm lầu Hoàng Hạc nhặt mang về dâng, mà Thế Tổ hoàng đế, khi lâm chung còn căn dặn phải bảo quản kỹ càng, hay là một miếng mẻ sành tách ra từ những chén bát năm xưa tiên vương dùng để đựng sơn hào hải vị trọng đãi sứ thần nhà Thanh sang phong vương.

Những phẩm vật nầy, cỡ như dõng tướng Nguyễn Tri Phương, ngực đeo thẻ bài huân-kỳ-thạc-phụ, bốn mùa mặc ngự phục bằng nhung thêu lưỡng long chầu nguyệt, khi về làng cũng không có nổi, huống chi hạng cá mè như quyền Chưởng Doanh Long Vũ Hô Oai cắn răng cho giặc Chày Vôi chặt đứt cánh tay để cứu nguy ngai vàng ở cửa Tả Dịch, hoặc loại tép riu như biện lý Văn Chất cho hồ vôi trộn với nước mắt của mình để đốc ba vạn dân binh sôi gan, mửa mật xây Vạn Niên lăng.

Hơn cả vua, hoàng thái hậu, ngoài hũ mắm tôm bách nhật khổng lồ

kia, còn tự tay ân cần đeo lên vai cố tôi cái ruột tượng bằng vải hoàng bố *đựng đầy thóc giống nàng hương mà thân sinh bà đem từ miệt Gò Đen* Nam bộ ra. Khi đưa cố tôi khỏi hoàng thành, bà cho phép cố được đi ngang qua Cửu Đỉnh đặt trước Thế miếu trong một khoảng cách, chỉ có những người trong hoàng tộc thân cận, hay quan tòng nhị phẩm nội triều trở lên mới được phép.

Đi ngang qua Cửu Đỉnh, nếu cánh tay trong tư thế đưa ra sờ được, có nghĩa là, hạng người đó đã ở trong lớp hào quang, có thể cầm quạt, bưng trà rượu đứng sát bên long sàng. Ngoài ra, nhà vua còn cho phép họ được tùy nghi sử dụng tất cả những thức ăn thừa của mình như biểu hiện cho một ân tình keo sơn kín đáo.

Cố tôi, được ân huệ đó, nhưng không hề đụng đến. Không phải " đạo người quân tử chẳng ăn đồ dư " mà ông để làm một việc khác hơn. Nhờ một kép hát vai hề nổi tiếng -tên đội Cung- trong Thanh Bình Thự, đã từng chọc nhà vua cười sặc sụa giữa lúc đang buồn thối ruột vì quê ngoại bị *kẻ thù mũi lõ mắt xanh dày xéo. Tay nầy, thuê đám thợ săn ở vùng cận* sơn, lùng sục khắp rừng núi A Sao, A Lưới để bẫy bắt cho được một con vượn mới sinh. Cố tôi tự tay xây một cái chuồng bằng đá ong để nuôi nó giữa lùm cây bách, bên hông điện Càn Thành, về phía đông-bắc, nơi đây đã có miếu thờ thần Dược. Hằng năm đến mùa hoa sen nở rộ trong hồ vọng nguyệt là quan ngự y mang lễ vật đến cúng thần, xin hái lá bách về biến chế bách-diệp-tửu cho các cung tần mỹ nữ trong uống ngoài thoa để trừ tà, mỗi khi được nhà vua chiếu cố ban ơn cho được nhìn thấy gió bão trên núi Vu Sơn.

Khi vượn lọt vào tay người, chỉ bằng bắp chân. Cố tôi, thay vì phấn chấn quay cổ về nơi cửu trùng mà thư thả nhai từng thứ hiếm quý vua ban, *thì đem cho vượn ăn, chẳng bao lâu nó lớn mạnh, tinh khôn, bước đi bằng* hai chân, chững chạc như con người thời trai tráng.

Biết được chuyện nầy, vua hỏi lẫy :

" Ta đây làm vua hay khanh làm vua ? "

Cố tôi biết trước điều nầy sẽ xảy ra, bình tĩnh tâu :

" Xin hoàng thượng tha tội chết, kẻ tiểu nhân ni đã thề với thiên lôi, nếu mần việc chi vì tư lợi, xin cứ cho sấm sét đánh bể đầu."

" Rứa thì răng dám đem con vật lạ tặc, mặt mày nhăn nhăn nhó nhó vào chốn đế khuyết? "

" *Muôn tâu, chẳng qua làm phận cây tràm cây chổi, phải lo quét* cho sạch bụi bặm quanh gốc đại thọ đó thôi."

Vua vuốt mấy sợi râu thưa màu râu bắp già, chặc lưỡi :

" Chà, to gan ! Dám ví ta là gốc cây nhớp nhúa. Trước đây ta vị tình, có cho phép khanh nói thẳng, nói thiệt. Nhưng cũng phải uốn lưỡi bảy lần để cái đầu mới hòng còn dính trên cổ. Không khéo, ta lại một phen mang tiếng là không biết chọn mặt gửi vàng đó nghe. "

" Cúi xin bớt giận, lắng nghe lời giải bày tâm huyết. Nếu bỏ chút thì giờ vàng ngọc, kính mong hoàng thượng hạ cố đến nơi tiểu nhân hành sự mới biết sự tình."

"Ừ, để đó, nay mai cơn cúm ni hết, ta đến. Liệu mà lo dọn phân tro đi, đừng để cho mũi ta phải ngửi mùi phàm tục. Mà khanh nè, ta nghe con vật nớ, ăn cái chi mà bộ điệu giống người như đúc, phải không ? "

Cố tôi cúi lạy tạ, rồi gãi đầu :

" Cái nớ, là chuyện của trời đất tạo tác, tiểu nhân không hiểu nổi. Giống người cũng giống, mà không giống cũng không giống. Có điều ni lạ lùng, khi ở giữa rừng nó khác, về nơi lầu son gác tía nó khác."

Nhà vua hất hơi liền mấy cái, hất hàm :

" Khác cái chi ? "

Cố tôi chu miệng vào vành tai đầy vết sẹo rỗ của nhà vua, nói nhỏ. Nghe xong, vua thở phào nhẹ nhõm, vói lấy bình ngự tửu ngâm đầy xác rắn cạp nia, kỳ nhông tía, cắc kè lửa, cá ngựa Lãng Cô, da bàn chân gấu chó Chiết Giang, nách tê ngưu Tây Tạng, rót thưởng cố tôi một chung rồi mở đôi mắt sáng ngời nhìn ra cửa sổ, Mây và bóng chiều nhạt nhòa vẽ vô số hình thù kỳ dị trên nền trời. Cố tôi cũng nhìn theo, phía dưới những hình thù ấy, lãng đãng từng đàn chim bay.

Cuối năm, khi trời bắt đầu mưa bụi, những cánh mai tứ thời do đám hậu bối trong hoàng tộc mang từ các hoa viên ở Vạn Xuân về hay từ các phủ ông hoàng, bà chúa tận Vỹ Dạ lên, đặt chen chúc vòng quanh " cánh đồng ngự " bắt đầu nở là từng đàn chim bay về. Cũng như mây, vô số loài chim hình thù lạ lẫm, đến rồi đi.

Chim, trong ý nghĩ của người đời, chẳng khác chi mây và hoa, chỉ để tô thắm một phần nào cho trần thế vốn quá trần trụi, mà con người đang sống tưởng chừng như lao đao không được yên vui trong đó. Ở cố tôi, thêm một điều: nhớ mẹ.

Khi xưa, vác đá đắp mộ hiền mẫu, không biết chim ở đâu ngoài biển khơi, chim ở đâu trên núi cao, cùng với châu chấu, chuồn chuồn, ve sầu bay về theo sát sau lưng ông nhiều thế? Trong trời lộng gió, hàng ngàn đôi cánh mịn màng vỗ nhịp đều đặn phát ra một thứ âm thanh ngồ ngộ, nghe như lời mẹ ru con. Lúc sinh tiền, ngày giỗ cố, cha tôi thường tìm mua một ít chim bồ câu về, rang gạo nếp cho ăn no mấy hôm, rồi mang ra

giữa mảnh đất hương hỏa (đất nầy ngày xưa vua ban riêng cho cố tôi) mở cửa lồng cho chúng tung bay, trướùc sự chứng kiến vỗ tay vui mừng của đông đủ bà con nội ngoại và bọn mục đồng trong xứ. Cha tôi làm việc nầy thành khẩn, hoan hỷ chẳng thua gì những ngườùi cầu nguyện cho hòa bình hay phóng sanh để phổ độ cho chúng sinh bớt sa vào cõi lầm lạc.

Khi còn đi học, tôi miệt mài nghiên cứu về cố tôi như nghiên cứu môn lịch sử cổ đại. Nhưng không hẳn tin rằng, mỗi lần về thăm cố hương, cố tôi phải cho ngược lên dòng nước, cắm thuyền giữa ngã ba Tuần và len lỏi qua nhiều chặng đường khuất khúc như thế để được nhìn thấy chim trời. Bởi vì, quê hương tôi, vào mùa xuân cố về có biết bao nhiêu chim. Ngay trên "cánh đồng ngự " khi mấy thửa ruộng lúa trồng riêng lấy gạo cho vua ăn gặt xong, cũng có nhiều chim bay về, chưa kể đến, ngày rằm mồng một những người thái giám tâm phúc của cung Gia Thọ trải ba chiếc chiếu hoa trước nhà thư hiên, rắc lên đó một mớ hoàng lương rang vàng hạ thổ cho chim trời ghé ăn, coi như một nghĩa cử chiêu hiền đãi sĩ, an ủi kẻ tứ chiếng giang hồ.

Vua đem chuyện cố tôi nuôi vượn nói với mẹ. Vốn sinh trưởng ở miệt vườn ruộng đồng bao la, bà chưa từng thấy con vật ở giữa rừng già ấy bao giờ, lại nghe nó sinh hoạt, đi đứng đại để như người, biết bưng chén cơm để ăn, biết cười khóc, hờn giận, biết chấp hai chân trước, đưa lên quá đầu, vái tạ khi thấy bóng nhà vua đến từ xa. Mấy trăm con két, lông đủ bảy màu cầu vồng, lục lọi tìm mua ở xứ thượng du Bắc Cạn, Lạng Sơn, nổi tiếng bắt chước tiếng người, vỗ về dạy bảo lắm phen cũng chỉ quanh đi quẩn lại mấy tiếng chào vua, chào bà, ăn ngon, ngủ yên... Con vượn nầy, ngoài những tiếng ấy, còn tuôn ra một loạt, ai chưa tận tai nghe khó mà tin không giết oan ai, không thù hiềàm ai, vạn thọ vô cương, ngồi trên ngôi như ngồi dưới đất, khiêm hề, đại khiêm hề. sống gửi thác về hề...

Khi đến xem vượn, Thái hậu không ngớt chặc lưỡi khen thầm. Đúng là người không ra người, thú không ra thú. Giữa thú và người, cái lằn biên chỉ là kẽ tóc chân tơ. Đôi mắt đục ngầu đầm nỗi buồn xa vắng. Hai chân sau đứng thẳng lên, bước từng bước tự tín, vững vàng như kẻ anh hùng băng qua trận mạc vừa kết thúc. Về phần thú, lần đầu tiên trong đời được liếc thấy một động vật giống cái, mình mẩy nhấp nhô cuồn cuộn đồi cao lũng thấp sau lớp áo xiêm lộng lẫy, nó rú một tràng âm thanh não nùng! Mùi son phấn, hương hoa lài, hoa ngâu từ giống cái ấy và mùi lạ lùng của da thịt đám xuân xanh theo sau toát ra làm cho nó bàng hoàng nao núng. Cả một khối cơ bắp linh hoạt ấy bỗng như sụn xuống, trong chốc lát nét mặt hí hửng thường ngày bỗng sa sầm tối tăm, tuyệt vọng.

" Ơ, xem kìa, dường như nó khóc, phải không chú Bi ? "

Cố tôi cũng không ngờ diễn biến tâm lý con vật xảy ra thất thường đột ngột như thế. Nước mắt, dù người hay vật, có ở lúc nầy, giữa chốn nầy, theo quan niệâm của những người bảo bọc ngôi báu, quả là một hiện tượng suy tàn, một điềm báo sắp đến hồi mạc vận. Như thế, cố tôi sẽ bị vô kỳ đồ hình. May thay, trời xui đất khiến, cố tôi lên tiếng :

" Bẩm lệnh bà, con vượn ni bị bắt lìa mẹ từ lúc mới lọt lòng, lại xa nơi quê cha đất tổ, nên trông thấy lệïnh bà đoan trang, hiền thục, không khỏi chạnh nhớ đến mẹ, cũng như tiểu nhân ni, mỗi lần thấy bóng lệnh bà là tưởng như mình đang đứng bên ngôi mộ mẹ dưới chân núi Mu Rùa đó thôi. "

" Trời đất ơi, thảm thương hè ! Sao chú không tâu với hoàng thượng cho người lên trên núi mà tìm mẹ nó bắt về đây nuôi luôn. Coi chừng, chia lìa tình mẫu tử là đoản hậu đó nghe."

Vua đứng bên cạnh, xòe chiếc quạt sặêc sỡ làm bằng lông đuôi loài công chỉ sống trong rừng trúc tỉnh Thiểm Tây bên Tàu, ve vẩy mấy cái để xua cái mùi không mấy thân quen, rồi nói nhỏ với mẹ :

" Trong lúc xã tắc đang rối loạn mà mẹ bày vẽ chi chuyện xa vời, rắc rối. Con nói cho mẹ mừng, sáng ni gặp nó, trưa ni con ăn thêm được một bát vây cá mập và hai qủa trứng chim cút, ngon. Chừ con thấy trong bụng hứng khởi ghê. Có lẽ tối ni con đem Bích-La-giai-tân ra vườn thượng uyển vừa ngắm đom đóm, vừa tính chuyện làm răng cho mẹ có được một đứa cháu nội để bồng."

Thái hậu nguýt dài con :

" Úi chà, đã làm vua rồi mà còn dại dột! Hết chỗ rồi sao lại chung chạ với nhau giữa màn trời chiếu đất, lỡ ra trúng thượng mã phong, về suối vàng làm sao ngửng mặt lên nhìn các đấng tiên vương ? "

Vua chống chế :

" Mẹ thì hay lo chuyện bao đồng, dịch đậu mùa hành con suốt tám tháng mà thân con có hề hấn chi mô, sá chi đồ gió sương mong manh mà mẹ dọa con. Trước ni, con nhiều lần vui vầy với Kim-Long-mỹ-nhân suốt đêm giữa nớ, không cần phải theo bài bản giáo huấn rườm rà của hoàng khảo để lại cũng vui thỏa trăm bề. Chính cái thứ ánh sáng hư hư ảo ảo toát ra từ đít lũ đom đóm, còn giúp cho con nhiều điều hơn là hoa đăng muôn hồng ngàn tía trong cung Khôn Thái. Mẹ có tin con nói không ? "

Lần nầy thái hậu không cầm được cơn giận :

" Im. Ta không muốn nghe lời xàm bậy thốt ra từ cửa miệng của đấng minh quân. Trước đây, biết được, ta sẽ cho ăn đòn nhừ tử như hồi con lợi dụng lúc mưa to gió lớn, bỏ bê việc nước, ăn nằm li bì với mấy con gái nhà quê hôi rong hôi bùn dưới núi Túy Vân. Cứ coi cái gương ta, ngày mới

nhập cung, phải lên che lều gấm tận cổng Văn Thánh, để cung nữ gánh nước suối về nấu thân và rễ cây thạch xương bồ cho ta tắm suốt ba ngày liền, mới được gần thánh thể. Vong linh các vị tiến sĩ sống khôn thác thiêng yên nghỉ trên đó, đã chứng dám tấc lòng trinh bạch của ta. Tự hậu, ta nghiêm cấm con làm chuyện mà Phật Thánh cũng phải che mắt lắc đầu. Sống cho ra thể thống để bá tánh được nhờ. Lần nầy, lỡ rồi, để ta sai gia nhân làm mấy mâm cơm đem cúng ở Thế miếu, con theo ra đó mà tạ tội. Còn nữa, hãy nghe ta dặn kỹ, lúc nào con cũng gài sẵn cái trâm trên tóc để phòng khi hữu sự... Ông nội con, bẩm sinh khỏe như Hạng Võ, lại quanh năm nằm trên đống chánh lão sơn sâm, nhục thong dong, ba kích thiên, dâm dương hoắc, xuyên quy, bạch truật mà còn bị... nữa là. Cẩn tắc thì vô ưu, nghe chưa ? "

Vua ấp úng :

" Dạ. Nhưng con xin có lời..."

" Lời chi, cho phép nói."

" Mẹ nói các vị hiền nhân quân tử trên nớ dòm mẹ tắm, con nghe không yên lòng. Dù rằng đi nữa, họ cũng một thời làm rường cột cho nước nhà, nêu cao khí tượng giữa sông núi."

Thái hậu quắc mắt :

"Đó là tâm con u ám nên có ý nghĩ không trong. Lời ta không sâu sia như con tưởng."

Lần nầy, nhà vua cụt hứng, không nói gì nữa. Khi hai người cùng với cố tôi thả bộ trên con đê lót gạch chạm trổ hoa văn băng ngang qua cánh đồng ngự, bỗng thái hậu quay lại hỏi :

" Chú Bi nè, sao ở dưới ruộng nầy tót rạ, cỏ lông, cỏ lác mọc um tùm, mà tôi không hề nghe một tiếng ếch, nhái, cóc, ễnh ương hay chàng hiu nào kêu hết hè ? "

" Bẩm lệnh bà, những thứ nớ đều là loại côn trùng hèn mọn, tiểu nhân nầy không muốn cho chúng kêu phủ lấp đi lời ca tiếng nhạc trong chốn hiển dương, nên cho rải tro sầu đâu trộn vôi xuống để trừ khử chúng đi."

" Mô Phật ! Chú có lòng với mẹ con tôi như thế thì quý hóa, nhưng mần việc nầy xem ra thất đức. Chúng tôi đây, kiếp nầy, ngồi trên đầu trên cổ thiên hạ, đã là mang tội bất-đồng-lưu -tục rồi. Chú coi, chỉ tính sơ sơ một ngày thôi, nội trong nhà bếp lo cho hoàng thượng, cũng có hàng chục tá gia cầm, gia súc, tôm cá, cua sò, cà cuống, nhộng ong, mối chúa bỏ mạng. Chưa kể đến ngày đơm tháng kỵ, đình đám, tiệc tùng gấp trăm, gấp ngàn. Tội ấy ai mang? Huống chi, nay chú lại vì tình sâu nghĩa đậm mà sát hại thêm sinh linh, thì kiếp sau chúng tôi trầm luân vật vã giữa

chốn ba đào, làm sao mong níu được mạn thuyền Bát Nhã. Vả lại, tôi vốn sinh ra ở chốn ruộng vườn, xưa kia khi chưa núp dưới bóng hoàng bào, vẫn coi bọn chúng là bạn bè tri kỷ. Nay thân thế tuy có khác, lòng vẫn thấp thỏm nhớ về. Chú ráng giúp tôi để ruột gan khỏi cồn cào, bứt rứt nghe."

Chưa bao giờ nghe thái hậu nói ra những lời thống thiết như thế, cố tôi liền trấn an :

" Muôn tâu, tiểu nhân đã có phương kế hồi phục rồi. Từ rày, tiểu nhân không giao phân vượn cho thái y viện trộn với tóc tiên, liên tu làm thuốc tễ chữa bệnh bồn chồn lo lắng nữa, mà đem phơi phóng trộn với cám nếp rải xuống ruộng cho côn trùng ăn. Chẳng mấy lúc, bọn chúng nhờ lượng từ bi của lệnh bà mà ùn ùn kéo đến chật ních."

Như rót mật vào lòng, Thái hậu vui mừng nói với con, cũng cốt cho cố tôi nghe :

" Miệng thế gian nói quả không ngoa, kẻ nào sinh ra trong bọc là chí khôn. Chú Bi đây lại sinh trong bọc điều, hèn chi việc gì chú ấy làm cũng có ý đồ. Đã nhiều năm nay, nhờ có chú ấy mà con gióng được chuông buổi sáng, đánh được trống buổi chiều để cảnh tỉnh người đời. Xem ra, con người một chữ cũng nghèo như chú ấy mà giúp cho triều đại ta biết bao công việc sáng giá. Còn hạng người đao to búa lớn cỡ như Ông ích Khiêm, Trương Đăng Đệ cũng chỉ nghênh ngang uống rượu bên mấy khẩu súng thần công rỉ rét hay hạng quanh năm ngồi dính đít trên đống tứ thư ngũ kinh như Tùng Thiện, Tuy Lý nhà ta cũng chỉ đeo cái mộng nhổ cỏ cú trên mồ Đỗ Phủ, Thôi Hộ mà thôi. Trời thương ta mới sai chú ấy đến làm phên dậu. Không biết chú ấy có muốn bứng thêm " hoa kiểng" về trồng không? Ta cũng còn nhiều cháu gái đang ngày đêm vén màn ngóng trông kẻ đến gieo cầu, tuy không được nhan sắc vẹn toàn cũng là nòi giống cây trầm, cây quế. Kỳ nầy, chú ấy về quê, con nhớ gửi theo phẩm vật cho đàng hoàng, trước cúng thần Cửa biển Tư Dung, sau cúng cho mẹ chú ấy. Việc trên đầu trên cổ phải nhớ, không được lơ là."

Rồi quay lại với cố tôi :

" Chuyến nầy về, tôi nhờ chú ghé tạt qua trạm Thừa Nông, xem coi quan Thị Độc Phạm Phú Thứ bị hoàng thượng đồ về làm lính thú dưới đó thế nào? Tôi nghe phong thanh, ông ta chẳng buồn rầu gì hết trọi, mà còn suốt ngày cùng với bọn con đen hát nghêu ngao đi mò rạm, mò ốc ngoài kênh rạch. Ai đời lại để cho một vị tiến sĩ trong viện Hiền Tập có tiếng chẳng màng danh lợi, chỉ vì muốn thánh nghiệp ta bốn bể theo về mà dâng sớ can gián để phải chịu đọa đày nơi bùn lầy tục lụy. Cũng nhờ chú, thay mặt mẹ con tôi, vái trước với thần Cửa biển, mai sau nếu bầy chim

mọn nầy run rủi không còn cành cây để đậu, thì cũng nhờ thần mở rộng cánh tay cho thuận buồm ra khơi để xuôi về phương Nam, sống những ngày tàn nơi cố quận."

Căn dặn kỹ càng rồi, thế mà năm ấy cố tôi về, đức Từ cũng tiễn ra khỏi Đại Cung Môn, dí vào tay cố tôi một cái hộp bằng đồi mồi cẩn xà cừ, nói thêm :

" Chúc chú về vui vẻ đề huề nơi chôn nhau cắt rốn, cho tôi gửi lời thăm bà con làng nước. Nhớ lên đúng hẹn kẻo con vượn nó chờ chú tội nghiệp. Không có chú, giao cho Ngô thái giám trông nom, tôi không yên tâm, hoàng thượng cũng không dám đến gần để nghe nó nói vài lời khuây khỏa ruột gan. Khi lên, chú gắng tập cho nó nói bớt ngọng ngịu đi chút nữa, sau nầy sứ Tàu qua cho họ nghe để chừa cái thói ba hoa chích chòe, coi dân ta là đồ mọi rợ man di. Đừng quên phân phát hạt lúa giống của thân sinh tôi để cho dân tình bớt cơ cầu, cánh cò cánh vạc cũng có sức mà vẫy vùng đôi cánh. Biếu thêm chú mấy cái tăm xỉa răng bằng lông đuôi bạch tượng bịt bạc nầy để xỉa sau khi ăn cho khỏi sâu. Cái răng cái tóc là gốc con người. Răng cỏ mà lung lay thì dù ăn gan rồng tim phụng cũng như chột nưa, củ chuối mà thôi, chú đừng coi thường. À, quên. Trong hộp còn có lọ dầu khuynh diệp nguyên chất. Chú về, có ra ngủ đêm ngoài mộ mẹ, lỡ trúng gió máy thì lo mà cạo gấp. Tôi nghe, hồi trước Lê Quý Đôn về đó xem phong thổ, đang đi ngang tàng ngoài bãi biển thì bị gió xô cho lăn đùng bất tỉnh, may có bọn dân chài cứu kịp."

Cố tôi sụp lạy mấy cái rồi ra bến Thương Bạc.

Giòng sông Hương mùa xuân. Thời cố tôi đang sống cũng đã thế. Như một dải lụa đào mới lấy trong kho nội phủ ra còn thơm lừng mùi kén tằm ủ dạ lai hương. Giòng sông quá đỗi mênh mông, cơ hồ như bấp bênh, nổi trôi không biết đâu là bờ bến, không biết đâu là cội nguồn. Những đám mây lăn tăn của mùa đông cũ còn quyến luyến ở lại soi xuống mặt nước thướt tha như một đàn thiên nga bơi lội. Giòng sông như treo lên cao, bơ vơ, lơ lửng giữa ngọn gió đầu mùa nặng chĩu mùi hoa rừng.

Hơn một trăm năm qua, biết bao cuộc bể dâu dồn dập, sự thế thăng trầm, nhân quần ly tán. Dòng sông vẫn thế. Vẫn là tấm lụa đào thênh thang bay ngun ngút giữa đời.

Bên kia sông, núi non trùng điệp, sương mù ngoi lên từ những lũng thấp lan tỏa chia ngàn cây ra thành từng mảng nhỏ chơ vơ. Núi Ngự Bình thời đó là một con trâu già ngủ muộn, trên lưng mang đầy ung nhọt của một triều đại xế chiều.

Việc gì cố tôi làm cũng có " ý đồ " . Thái hậu muốn nói đến ý đồ trong sáng, minh bạch. Thật ra, những việc làm đầu tiên của cố tôi là do thôi thúc bởi tính năng động, hiếu kỳ. Cố tôi được may mắn sinh ra trong bọc điều, trên đỉnh đầu lại có hai cái xoáy trâu, tóc tủa ra đều đặn và un lên như hai cánh hoa vạn thọ (trong gia phả ghi như thế), theo tướng số Đông phương là mẩu người chuyên làm những việc phi thường.

Cái chết đau đớn của người mẹ thúc đẩy cố tôi lên đường sớm hơn. Cơn lốc nghiệt ngã giữa đời tấp ông vào nơi chốn không hề tính trước. Những vết sẹo chằng chịt, bầm tím trên lưng do san hô, đá ghềnh và càng tôm cua cắt cứa ngày nào giúp ông chịu đựng được những điều cơ hồ như phi lý.

Cố tôi cả gan tự ý nuôi một con thú vốn không ai ưa thích trong cung cấm gây nên sự bàn cãi xôn xao tại kinh đô, tạo ra một huyền thoại mập mờ rộng khắp dân gian trong lúc vận nước dầu sôi lửa bỏng chỉ còn trong gang tấc. Nhưng đó không phải là việc đầu tiên của cố tôi làm để được tiến thân. Trước, cố tôi đã làm nhiều việc tự cổ chí kim chưa ai dám làm. Có lẽ, vì những việc nầy mà thiên hạ đã cho ông là người quái đẳng, dị kỳ chăng ?

Thuở ấy, gặp lúc tai trời ách nước, người dân quê tôi bỏ làng ra đi đều đi về phương Nam, là nơi đất đai trù phú, nưa thuận gió hòa, trâu bò chưa hề tưởng mặt trăng là mặt trời mà sợ tru rống lên. Chỉ có cố tôi là lầm lũi đi về phương Bắc.

Nhưng không đi đâu xa, chỉ quanh quẩn trong kinh thành Huế, hết An Cựu qua Bao Vinh, hết Gia Hội lên Bến Ngự, xuống Vỹ Dạ vòng lên Nguyệt Biều, đi đò ngang qua chùa Thiên Mụ, ghé Kim Long rồi leo lên những chuyến xe thổ mộ về ngó mông lung trước tám cửa thành.

Trong túi cố tôi không bao giờ có dính một xu. Đi đò đi xe nhìn nét mặt ông, người ta cũng không mong chi trả tiền. Khi đói quá, dừng lại trước quán ăn, thấy nét mặt ông, người ta cũng không nỡ lòng làm lơ. Nét mặt ấy, khi thiếu nụ cười, giống như một mảng đất sét vuông vắn, có những nét chấm phá nhất thời mà đụng đến là biến dạng, méo mó đi. Nhưng khi điểm một nụ cười, thì mảng đất sét kia như được lấy trong lò nung gạch ra, chắc chắn, đĩnh đạc, gắn bó ân cần với cuộc đời, sẵn sàng chia sẻ nỗi thống khổ với người khác.

Thường thì cố tôi men theo con kênh đào bao quanh Thành Nội, ở đó khi trời chạng vạng, không biết người từ đâu mang tới những mâm cơm đặt trên bờ cỏ, vội vàng vái lạy mấy cái rồi lặng lẽ biến mất vào hẽm tối.

Ngoài cố tôi, còn có biết bao trẻ mồ côi, kẻ thất cơ lỡ vận, các nhà nho hết thời không biết xoay xở vào đâu để sống còn, các " mệ" trong

hoàng tộc sa vào chốn cờ gian bạc lận, hay mê muội chạy theo đuôi đám hồng quần, đêm đêm ngồi trên mạn thuyền gõ nhịp sanh buông câu nam ai, nam bình mà tan gia bại sản. Họ đến đây, cũng như cố tôi, lòng dạ không chút nảy may vướng vất chuyện đời, coi việc "thừa thần như huệ" là một biến hóa nhiệm mầu của hàng vạn cô hồn quan quân chúa Trịnh và Tây Sơn gục chết dưới chân thành lũy nầy.

Khi họ ăn, hoa sen hoa súng và hoa lục bình đua nhau nở dưới hồ. Những lúc trời quang mây tạnh, sao hôm lên, vầng trăng lên, tưới xuống đám người xơ xác nầy một thứ ánh sáng lung linh mờ ảo, làm cho người ta liên tưởng đến những tráng sĩ trên đường hành hiệp mệt mỏi, ghé qua một phạn điếm lộ thiên uống rượu, ngâm thơ. Và, đám nầy, sau khi no nê, cũng như những người mang cơm cúng đến, âm thầm tứ tán vào trong mấy con hẽm quanh co.

Chỉ có một mình cố tôi ở lại. Gom hết những thứ người không thể ăn được, chờ cho đến khuya, lẫn lộn trong đám con buôn, mang về nhà một người quen ở tận Địa Linh. Lần nào cố tôi cũng thủ sẵn trên tay một vài mẩu xương để liệng cho mấy con chó của quan phụ chính nằm chờ sủa trước cổng phủ.

Một đêm, bọn lính canh phủ rình sau hàng dâm bụt tóm cổ được cố tôi, lục soát xong, cai đội hạch hỏi :

" Mi thuốc chó để lẻn vào nhà cạy cửa, phải không ? "

Cố tôi bướng bỉnh :

" Phải."

" Các thứ trong bị ni mi cũng ăn trộm, phải không ? "

" Phải."

Một tên lính chay lấy làm lạ:

" Xực xong, răng không vất đi, lại mang cò kè theo, cho bị bắt quả tang ? "

Cố tôi tỉnh khô:

" Vất uổng, đem về cho heo."

" Mi có biết đây là nhà của bậc cao minh, có quyền tiền trảm hậu tấu không ? "

" Biết."

" Biết răng dám liều mạng. Không sợ chết à ? "

" Sợ cũng sợ mà không cũng không."

Cai đội nghe nói chối tai, ra lệnh trói cố tôi lại, đốt đuốc lên, dẫn vào trình báo với quan lớn. Vừa mới thấy quan, cố tôi ngửng mặt lên trời cười. Quan dụi đôi mắt mờ yếu mấy lần, hỏi:

" Mi cười hay khóc ta không phân biệt được ? "

" Bẩm đại nhân, con cười."

" Cười cái chi ? "

Cố tôi nhớ lại câu chuyện người ta bàn tán với nhau khi ngồi ăn trên bãi cỏ, trả lời, trên môi còn giữ nụ cười:

" Đại nhân mới cưới được hầu non, cả thiên hạ đều vui lây, con cũng vui."

Đó là câu nói mà quan phụ chính còn sướng hơn cả những câu đối tứ phương gửi về chúc tụng "ngựa già phi nước đại qua cánh đồng màu mỡ, phì nhiêu". Nhìn thấy gương mặt cố tôi (lúc cười) khôi ngô, lương thiện, lại ăn nói lưu loát, quan cho mở trói, nhỏ nhẹ :

" Mi còn trẻ, răng không lo học hành lập thân mà đi ăn trộm ? "

" Bẩm, nhà con nghèo không có ăn, mần răng học được. Còn ăn trộm thì không. Thấy của rơi ngoài đường con cũng không lượm."

" Răng định cạy cửa ? "

" Con nhận bừa như rứa để mong thấy mặt đại nhân."

" Thấy ta chi ? "

" Coi đại nhân có diện mạo ra răng mà ... đa tình."

Quan cười xòa :

" Thằng nầy độc đáo! Thôi tha. Từ nay đừng lảng vảng gần cổng phủ ta. Cũng dùng cho mấy chú cẩu qúy của ta khỏi xương xóc thừa mứa của dân thường nữa nghe. Đi đi."

Nấn ná không chịu dời bước, cố tôi nói thêm, như phát xuất tận đáy lòng :

" Con nghe người hầu non ni đi chân chữ bát, lông mày ngọa tàm, hai mắt đơn phụng, nước da bồ quân, đít vịt lưng ong, trên miệng lại có lông măng rậm rạp. Sợ đại nhân...trị không nổi. E phí phạm của... trời cho."

" Y chang như mi nói. Ả nầy quá quắc, ta trị không nổi thiệt. Bây chừ phải mần răng ?"

Vờ vò đầu suy nghĩ giây lát, cố tôi hiến kế :

" Ở chóp núi Mu Rùa có nhiều cây khô mục, con bửa củi sống chán khối, răng đại nhân không cho người lên trên nớ bắt về, rang vàng nghiền thành bột trộn với ngọc hành dê chưng cách thủy mà ăn. Ăn vô, người trăm tuổi nằm chờ bên miệng huyệt còn vùng dậy huýt sáo đi tìm... huống chi đại nhân mới ngoài bảy mươi."

" Lạ đời hè. Mi nói có căn cơ hay phách tấu?"

" Bẩm, tam đợi nhà con đội mồ sống lại cũng không dám nói láo với đấng quan liêu, huống chi hạng mạc rệp như con."

Như mở cờ trong bụng, quan móc túi :

" Tạm thời cho mi mười xu. Nửa tháng sau, ghé lại. Kết qủa như ý, ta trọng thưởng. Lần sau, nói năng phải giữ mồm giữ miệng, không được dùng tiếng đít gà đít vịt mà ví qúy nhân của ta nữa, nghe chưa ? "

Cố tôi dạ một tiếng lớn rồi hăm hở cáo từ. Vườn tược kẻ vương hầu có khác, ban đêm mùi hoa thiên lý cuộn bay thơm phức. Những cụm hướng dương mới rạo rực quay về phía mặt trời hồi chiều, nay lại cùng với sương đêm bừng sáng long lanh bên những đóa quỳnh hoa chấp chới nở. Trên những hàng cây lưu niên, chim ăn đêm và dơi kéo về lay động cành lá. Dưới hồ nước trong veo, đàn cá lia thia có nhiều màu tương phản với màn đêm bơi lội rào rào. Cảnh tượng ấy, chạy đuổi theo cố tôi suốt đường về nhà người quen. Mọi người đã ngủ từ lâu. Chỉ còn một người thức.

Đó là một cô gái trắng da dài tóc, đã biết vò hoa hải đường lấy nước thoa lên đôi môi cho đỏ thắm thêm. Mỗi lần đám quan lại áo mũ cân đai, đeo theo thẻ bài khắc dụ vua trước ngực, rầm rập khắp làng trên xóm dưới để tuyển gái đẹp vào cung, là phải lấy lọ nồi bôi lên mặt mày, tay chân hay chạy vào buồng để trốn. Nhìn thấy cố tôi về trước ngõ, mừng rơn :

" Anh ác lắm, bắt tui chờ dài cổ."

Cố tôi cảm động, cầm lấy bàn tay ấm áp của cô gái hồi lâu, rồi kể hết đầu đuôi câu chuyện, có thêm thắt nắm muối cho có vẻ "ách giữa đàng quàng vào cổ". Nghe xong, cô gái ấm ức.

"Rồi tui đốt nhà thằng cha nớ cho coi. Không chừng hắn dụ anh tính chuyện có trăng quên đèn đó nghe. "

Cố tôi dúi vào tay cô gái mấy đồng tiền mới đúc :

" Nói nhỏ, kẻo rước họa vô thân. Đây nì, chia cho người tui thương một nửa, một nửa gửi về nuôi cha tui. Sớm mai Bé Châu đi chợ mua vải may quần áo mới, rồi mua bốn cái giò heo nạc, mấy lạng huyết, về nấu bún bò đãi cậu mợ và mấy em. Cuối tháng ni, tui đưa Bé Châu về Sình coi đua ghe."

Không ngờ cô gái bắt bẻ :

" Không thèm đồng tiền của kẻ giàu sang nhỏ. Tui mà thèm thì đã ló mặt ra cho bọn đi tìm vợ vua thấy rồi. Ai đời anh lại khinh nhà tui. Chín mười con heo anh đem thức ăn về nuôi lớn chật chuồng, cậu mợ nói muốn chọc tiết lúc nhỏ cũng được, tha hồ ăn và cho lối xóm. Cần chi phải chờ đồng tiền bạc bẽo nớ. Còn anh muốn người ta đem kèn trống, võng kiệu đến rước tui đi hay răng mà dám rủ tui tới nơi đông đúc? "

Biết lỡ lời, cố tôi xuýt xoa :

" Xin lỗi. Tui nói quá đà.Thương nhau thì chín bỏ làm mười. Chịu không ? "

Chỉ chờ một câu nói đại để như thế là cô gái nhoài người tới, sà vào

lòng cố tôi, ép sát lại, hai người nhanh chóng trở thành một tảng đá chôn hờ trên mặt đất chông chênh, nóng hầm. Sau đó, như những cơ hội thuận tiện trước, hai người đem nhau ra đống rơm sau góc vườn. Chun vào lỗ hổng, tan biến vào nhau cho đến khi gà gáy canh ba.

Cô gái tên Bé Châu ấy là vợ cố tôi thuở còn hàn vi. Sau nầy, khi công thành danh toại, dĩ nhiên cố tôi có nhiều điều kiện tậu thêm năm thê bảy thiếp. Nhưng cố tôi một mực chung thuỷ với mối tình đầu. Mỗi lần nghe thái hậu chì chiết nhắc đến hạng con gái nhà quê hôi rong hôi bùn, lòng cố tôi lại dâng lên một niềm cảm xúc, tựa hồ như ai nhấc bổng mình lên bay lãng đãng giữa trời cao, như được ngồi ngây ngất trên cánh chim bằng lướt qua những thác ghềnh cheo leo, những ruộng đồng trù phú. Người con gái nơm nớp lo sợ bị bắt phải dựa-mạn-thuyền-rồng ấy, khi cố tôi tạm giã từ lên xe tứ mã vào cửa Thượng Tứ, chạy theo níu lại, mếu máo: "Thiếp gửi theo chàng vật ni, muối mặn gừng cay xin đừng bỏ nhau!"

Về sau, có tên thái giám tâu lại với vua. Vua gạn hỏi, cố tôi đem lọn tóc của vợ cắt gửi theo ngày ấy ra trình. Vua ngắm nghía hồi lâu, rồi phán:

" Đây là loại tóc dài mà không quăn, mượt mà không dính, đen tuyền mà không tối tăm. Cạo ra khỏi da đầu rồi còn tươi. Xa thân người rồi, còn thơm mùi hoa bưởi, hoa cau. Coi bộ, hàng trăm kẻ má đào, son phấn lòe loẹt ngày đêm xum xuê bên ta, không ai sánh nổi. Khanh có vui lòng cho trẫm thấy mặt chủ nhân mớ tóc nầy trong khoảnh khắc không ?"

Lệnh vua như lệnh trời, cố tôi chần chừ không biết xoay xở ra sao. Tinh ý, vua bảo:

" Nhà Lý, lấy của dân đúc chuông quá lớn, đánh không kêu, đem bỏ ngoài ruộng cho rùa vô làm tổ, lại bắt các nhà sư đi quanh chùa chiền hàng vạn lần dãi nắng dầm mưa để gõ mõ đọc kinh cầu cho mình sống lâu. Nhà Tiền Lê lấy chuyện róc mía lên đầu người đã phát nguyện quy y làm trò giải trí. Moi tên cha ông ra chửi làm món khai vị bữa ăn. Nhà Hậu Lê thì ép vợ bậc công thần khai quốc ra vườn Lệ Chi làm chuyện dâm tà cho ma quỷ chống mắt lên coi chơi. Chưa nói chi đến con mụ chúa Chè cho thằng Trịnh Sâm nếm cạn cái mùi âm thịnh dương suy mà bán thân bất toại. Riêng đức trạch nhà trẫm bao đời sáng ngời dưới hai vầng nhật nguyệt. Khanh chớ lo."

Mối nghi ngờ vẫn chưa tan, cố tôi tung hỏa mù :

" Muôn tâu hoàng thượng, ngặt vì con vợ tiểu nhân ngoài mớ tóc, không có cái chi ra hồn ra vía. Mình thì thẳng đuộc như cây tre, mắt ốc

bưu, mũi cà chua, ai thấy cũng co giò bỏ chạy. Tiểu nhân không dám phạm tội đem chuôm chà tới trước mắt rồng."

Vua thấy nét mặt méo mó, mất hết thần sắc của cố tôi liền tin lời, lại sai người lấy trong kho báu ra ban cho cố tôi một đôi giày kết bằng da ngựa nuôi riêng trong vườn Lục Bộ, một ống bát hút thuốc trà đẽo khoét, chạm trỗ tinh vi bằng gỗ hoàng tâm. Còn thêm lời khen :

" Từ ngày quan phụ chánh tiến cử khanh cho trẫm, trẫm chẳng khác chi người mù quờ quạng mò được gậy trúc. Lời chi khanh thốt ra trẫm nghe cũng xuôi tai. Phải, không nên để cho trẫm thấy mun tro của bếp nhà người thường. Khanh không thiệt lòng giúp rập thì trẫm đã phạm thêm một lỗi lầm nữa. Thật lòng, cái học của trẫm chưa tới mô, ruột còn trống không, phàm những người được sung vào chức sư phó dạy dỗ trẫm không phải là bậc cự nho tiếng tăm xứng đáng, phần lớn là những ông tú cỗi cằn, chỉ kham nổi việc dạy trẻ con, lần lữa yên thân với cái hư chức nhàn nhã ấy. Ai nói làm vua sướng, trẫm đây làm vua rằng không vui ! Khi còn là hoàng tử, trẫm được thong dong rong chơi đầu non cuối biển, lấy của ngon vật lạ giữa đời dễ như lấy vật trong túi áo. Bây chừ bó thân giữa cái ngai vàng tù túng ni, việc chi trẫm làm, bọn ngự sử cũng rình mò can gián hay mách bảo với mẹ trẫm. Khi ăn, ngủ, đọc sách, ngắm cảnh, trà rượu cũng đếm không xuể bọn thuyền quyên bao quanh mình trẫm. Rứa mà lòng trẫm cũng quạnh hiu như ngồi bên chân cầu Ô Thước, mòn mỏi đợi chờ ai. Năm tháng thì trôi, tóc trên đầu trẫm lấm tấm muối tiêu rồi. Sinh hữu hạn tử vô kỳ. Vương đạo như vua Đường, vua Tống rốt cuộc rồi, cũng chỉ mong bốn biển im hơi lặng tiếng, thâm sơn muôn dặm khóc lóc chốc lát mà thôi. Ước chi, khi trẫm nhắm mắt xuôi tay nằm trên đồi hoang, khanh không về chân núi Mu Rùa mà lên trên nớù, sớm tối lau chùi tấm bia khắc sâu nỗi lòng của ta cho thiên hạ tỏ tường, không còn oán trách ta ngồi trên ngôi vị lâu mà sự nghiệp xoàng."

Nói đến đây thì nước mắt nhà vua chảy ròng ròng. Đám cung nữ và thái giám hầu cận thất kinh. Đứa thì sắp chạy trình báo với thái hậu, đứa thì lo chuồn ngã sau cho các quý phi ở cung Khôn Thái biết. Nhưng vua kịp thời ngăn lại, gườm mắt, quát :

" Tụi bây là đồ vô dụng, muốn mẹ ta cho ta ăn đòn nữa hay răng mà thóc mách. Chỉ xuống viện Thuận Huy triệu La-Chữ-giai-tiệp-dư lên lau nước mắt cho ta thôi. Mau."

Bọn tả hữu đi rồi, cố tôi định hỏi cầu Ô Thước là cầu nào, ở xa hay gần, để tìm cách cứu vãn tình thế, thì nghe lời vua hỏi :

"Ngoài trẫm ra, khanh là người đàn ông độậc nhất trong cung cấm, phải không ? "

" Muôn tâu, chỉ có độc một chắc tiểu nhân thôi. Đã mấy lần tiểu nhân xin ra ngoài thành giữ dê, giữ bò để lấy sữa cung phụng cho hoàng thượng, mà hoàng thượng không cho."

" Phải, khanh phải ở bên trẫm. Lòng ngay thẳng của khanh đã biến khanh thành một thái giám ngoại hạng, còn hơn cái bọn vì giá áo túi cơm mà tự thiến của qúy không có chi quý bằng. Bọn hắn chẳng hay ho chi, thầm thò thầm thụt đào ngạch khoét tường dòm trộm mỗi khi trẫm vọc nước giỡn trăng. Thậm chí có đứa chơi cha, viện cớ đuổi ruồi, đuổi bọ để sờ chạm đến chỗ tối kỵ của cung phi trẫm. Mấy năm trước, khi khanh chưa vô đây, lắm chuyện oái oăm làm trẫm điên đầu. Hết ai, mấy đại thần văn võ chân đi hia, tay cầm hốt, trong lúc bàn bạc việc quốc thái dân an với trẫm, mà hai con mắt thì chớp rắn, chớp rít trên cổ, dưới mông của người mà trẫm đang hồi sủng ái đứng hầu bên cạnh. Hạng người đã mòn gót qua lại nơi cửa Khổng sân Trình mà còn như rứa, thì chấp chi cái bọn du thử du mục ở ngoài, trèo lên cây cao, dòm vô tam cung lục viện. Thử hỏi, nếu trẫm không có lòng khoan dung, độ lượng, thì liệu cái lưỡi bửu kiếm ni còn nằm trong vỏ không ?"

Ngừng lại, uống một hớp trảm mã trà, vua tiếp :

" Tâm đắc trên đời mấy ai có được. Khanh đã đem lại cho trẫm biết bao điều mà kinh sách dành cho bậc đế vương không hề nhắc tới. Giả dụ như quan phụ chánh không vì trẫm mà tiến cử khanh, thì sau góc vườn thượng uyển làm răng mà có một đàn bửa củi sinh sôi nẩy nở hàng vạn con như rứa. Đừng nói chi chuyện khanh nhọc công lặn lội tìm kiếm, mới đây đem về cho trẫm một nàng con gái chăn trâu ở La Chữ thôn.Thì ra, xưa nay trẫm vẫn tưởng con nhà quyền qúy, sống trong nhung lụa mới là... Không ngờ, tấm thân ngồi trên lưng ngưu mã, phơi giữa sương đồng gió nội, ăn sim móc rừng rú, uống nước vũng nước ao, mà đưa trẫm chu du trong cõi chớp lạch mưa nguồn thỏa thuê như rứa !"

Niềm tin nhà vua gửi vào cố tôi ngày mới nhập Nội không còn nghi ngờ gì nữa. Càng về sau càng vững vàng hơn. Cố tôi không ngừng tìm kiếm những gì mà người khác không thể tìm kiếm. Chẳng những đem đến cho vua một niềm hoan lạc hiếm hoi mà còn cho đám thục nữ không phải khắc khoải sợ ngày xuân qua mau.

Khi vua già yếu không còn ăn được bao nhiêu, cố tôi phải biến chế thêm thức ăn cho vượn, cũng từ những món thượng hạng lấy trong bếp của vua, nó ăn nhưng suốt ngày rầu rĩ, không nói một tiếng nào nữa. Cho đến một hôm, chờ trăng mọc, nó tông cửa chuồng, vọt ra ngoài, húc vỡ tan mấy chậu hoa cúc đại đóa bên thềm điện Càn Thành, băng qua khỏi cánh đồng ngự, quay đầu về phía cung Gia Thọ, ngửng mỏ hít mấy hơi,

rống lên một hồi dài, phóng ba bốn cú đá hậu, rồi vin vào cành sứ già, phóc ra hoàng thành, hướng về núi, biến mất.

Vua buồn bực, cho đó là điềm không lành. Nhưng thái hậu lại khen cố tôi nuôi một con vật có nghĩa. Cái giây phút nó dừng lại, quay đầu về cung Gia Thọ rống lên, là lúc bà đang sống trong một giấc mộng vàng son.❑



Đường xuôi xa

TRIỀU HOA ĐẠI

Tặng Song Hồ và Trần Thiện Hiệp

Tựa hồ một sáng không hẹn gặp
nắng mưa, rơi rụng. Chim bốn mùa
bất biến như khi cùng chúng bạn
cợt đùa tựa thể lại thiên thu

lịch sử - nhớ một thời xa lắc
gợi chi nào trí nhớ xuôi vai
anh em đó. Người còn kẻ mất
ngày lơi xa dốt đuốc đêm dài

người chị. Lắt lay đời bóng mỏi
dúa em buồn trổ giọng tiếc thương
chiến trường xa! Ai người Kinh Bắc
bể dâu chi để lại oán hờn

rừng lá rụng, xạc xào chân bước
về đâu, về đâu? Ta cuối ngày
bên kia sông nước nhu hờn đỗi
ngập ngừng bàn tính chuyện chia tay

cuộc chiến. Nán lại, ngồi tính sổ
lỗ lời gì xương máu anh, em
hai mươi năm thoảng như cơn mộng
cấy niềm tin lại để lãng quên

ví nhu đêm nay không cùng gặp
đọc lại câu thơ nhớ đến người
sẵn rượu. Ta mời ta chén nữa
năm tàn, trăng thức ngủ trên vai

rồi mai! người sẽ về đâu đó
chút nắng dong dua ở cuối ngày
sông, núi vẽ lên trí nhớ cạn
tay chèo, lòng mỏi biết sao đây?

bạn ta không dưng nói chuyện nhảm
cái chi lấp bể với vá giời
trò hề. Thôi kệ, ngày mai tính
nâng chén đi nào - lại cuộc chơi

nâng chén đi nào. Trăng thức ngủ
nữa mai nắng để lại trên sông
vết xước kia, chiến trường Kinh Bắc
đường xuôi xa. Xuân xót ở trong lòng

Cành Lê Hoa Mùa Đông

Phùng Nguyễn

Trần ngước mắt lên nhìn chiếc đồng hồ tròn mặt đen trên vách tường nhà bếp. Chín giờ ba mươi. Không tệ lắm, chàng nghĩ, chỉ tốn bốn mươi lăm phút để sửa soạn một bữa điểm tâm cho ba người. Trên chiếc bàn ăn nhỏ, ba đĩa sứ màu trắng đựng hột gà "ốp la" và mấy miếng "ham" thái mỏng. Ở giữa bàn là một chiếc đĩa nhựa hình bầu dục trên đặt ba ổ bánh mì nhỏ nướng quá lửa, một lọ tiêu, một chai xì dầu lớn, một hộp giấy đựng sữa tươi, và một cuộn khăn giấy chưa khui. Trần xoa tay, nhìn chiếc bàn ăn lần cuối rồi bước đến căn phòng nhỏ, nơi có những âm thanh xôn xao từ chiếc TV vọng ra sau cánh cửa đóng kín. Trần mở cửa, thò đầu vào phòng quan sát. Trên chiếc giường nhỏ chăn gối bừa bộn, An Bình và Thanh Bình, hai đứa con gái nhỏ của anh đang dán mắt vào chiếc TV ở góc phòng. Chàng lắc đầu nhìn con, cố tình lớn giọng để át tiếng ồn ào từ chiếc máy truyền hình:

"Mời hai tiểu thư ra ăn sáng. Nhớ tắt TV."

"Con phải coi Power Ranger mà ba!"

Thanh Bình phản đối.

"Chút nữa coi tiếp. Bây giờ ra ăn sáng để nguội hết."

Hai đứa nhỏ rời khỏi phòng một cách luyến tiếc. Trần rót sữa vào hai chiếc ly thủy tinh đặt cạnh mấy đĩa thức ăn, bảo con:

"Hai đứa ăn đi, xong uống hết ly sữa cho ba."

"Con muốn ăn cereal, " An Bình nhăn nhó, "Ăn thịt không tốt đâu!"

"Ai nói với con vậy?"

"Mẹ. Cô giáo cũng nói vậy nữa. *Cereal* có *fiber*."

Trần đứng lên, với tay nhắc hộp cereal duy nhất trên đầu tủ lạnh. Hộp nhẹ tênh. Anh kê hộp vào tai, lắc lắc làm bộ nghe ngóng rồi hỏi lớn, ra vẻ khôi hài:

"Hello, hello. Có ai ở nhà không?"

Hai đứa nhỏ cười khúc khích. Trần ngồi xuống, bảo con:
"Thôi hai con ăn đở đi. Nhà hết cereal rồi."
Lại có tiếng của An Bình:
"Sao bánh mì của ba đen thui vậy?"
"Tại nó bị cháy. Lựa chỗ không cháy mà ăn."
"Mẹ nói ba không biết *cook*!"

Phải rồi, chàng nghĩ, Hạ vẫn nói hoài câu đó. Em mà bịnh một cái là nhà này ăn mì gói.

Bữa ăn sáng trôi qua khá nhanh. Hai đứa nhỏ vào phòng coi tiếp chương trình hoạt họa sáng thứ Bảy. Trần ngao ngán nhìn mớ thức ăn còn thừa khá nhiều trong mấy chiếc đĩa. Uổng công trình sửa soạn cả buổi sáng! Có tiếng cửa phòng mở ra rồi khép lại nhẹ nhàng trong lúc chàng lúi húi cho mớ thức ăn thừa vào thùng rác. Chàng quay lại. An Bình đứng ở cửa phòng nhìn chàng mỉm cười.

"Sao con không coi TV nữa?"

"Con không muốn nữa. Ba có đi làm không?"

"Không. Hôm nay ba ở nhà với mấy con mà!"

"À há!"

An Bình reo lên như khám phá ra một điều gì mới lạ. Trần có thói quen đến sở làm vào sáng thứ Bảy. Không ai bắt buộc, nhưng chàng nhận thấy mình có thể giải quyết được nhiều công việc hơn trong cái không khí tĩnh mịch của văn phòng vào ngày cuối tuần. Bây giờ, chàng muốn dành hết những giờ phút có được của hai ngày thứ Bảy và Chúa Nhật cho hai đứa con gái nhỏ của chàng. Bởi vì, theo thỏa thuận, chàng chỉ được gặp con vào những ngày này mà thôi.

Lúc Trần dọn dẹp xong mớ chén đĩa, kim đồng hồ nhà bếp chỉ đúng mười giờ sáng. Lúc này Thanh Bình cũng đã thôi xem TV. Hai chị em chúng nó đang lúi húi tô vẽ trên những tờ giấy in chàng mang về từ chỗ làm để làm giấy nháp. An Bình chín tuổi, và Thanh Bình nhỏ hơn chị hai tuổi. Lúc đặt tên cho con, Trần chỉ mong chúng nó có một tuổi thơ êm đềm. Vậy mà...

Có tiếng chuông điện thoại reo. An Bình ngẩng lên hỏi:

"Con bốc điện thoại được không ba?"

Không đợi anh trả lời, nó nhanh nhẹn rời ghế, chạy đến chỗ đặt chiếc điện thoại cầm tay trên chiếc bàn nhỏ cạnh chiếc sofa.

"Hello?"

"..."

"Dạ phải... Dạ khỏe."

"..."

"Dạ có ạ. Cô chờ ba con một chút..."

An Bình mang chiếc điện thoại cầm tay đến gần chàng, nói nhỏ:

"Cô Loan đó ba."

Giọng nói của đứa nhỏ bình thản, và khuôn mặt không lộ vẻ gì khác thường. Trần thở phào, đón lấy chiếc điện thoại, nói nhỏ vào ống nói: "Hello? Loan đó hả?"

"..."

"Ờ, đúng rồi. Mới đón mấy cháu về tối hôm qua."

"..."

"Thì còn phải hỏi! Cả tuần cha con mới gần nhau mà. Sáng nay anh còn làm điểm tâm cho tụi nó nữa."

"..."

"Bị sắp nhỏ chê quá trời! Tại chúng nó được mẹ săn sóc quen rồi, anh không bì được."

"..."

"Anh... lớn rồi, có thể tự lo cho mình. Vả lại, cũng đâu có ai tình nguyện đâu!"

"..."

"Vậy sao? Ai vậy? Loan có thể cho anh biết được không?"

"..."

"Hỏi trái tim mình hả? Vụ này hơi kẹt, tim anh nó vừa câm lại vừa ... điếc, chắc cũng còn khá lâu mới hỏi thăm nó được."

"..."

Có tiếng An Bình kêu lớn phía sau:

"Ba ơi ba! Lại coi Thanh Bình vẽ ba với mẹ nè!"

Trần lật đật lấy tay che miệng ống nói của chiếc điện thoại, quay lại trả lời con:

"Ờ ờ. Ba tới liền..."

Chàng quay lại, tiếp tục cuộc điện đàm dang dở:

"Loan nói tối nay hả? Lở hứa với mấy đứa nhỏ dẫn chúng đi *Chuck-e-Cheese* hôm nay. Hay là Loan đến chơi với tụi này?"

"..."

"Anh hiểu, thôi để dịp khác. Loan đã hứa thì nên giữ lời. Cha con anh OK mà."

"..."

"Vậy à? Loan không nói thì anh cũng chẳng biết là Tết nhứt đến nơi rồi! Đi chợ Tết thì chắc mấy đứa con anh thích lắm. Cũng phải mua cho chúng một chút quà."

"..."

"Đồng ý. Chiều thứ Bảy tuần tới anh ghé đón Loan. Đi chơi vui vẻ nghen. *Bye*."

Trần cúp điện thoại, bước đến chỗ hai đứa nhỏ, tự nãy giờ vẫn chờ chàng đến thưởng ngoạn công trình của chúng. Trên tờ giấy khổ rộng ở chiếc bàn cà phê là một mớ hình thù hỗn độn, xanh đỏ tím vàng. Có hoa, có lá, có những khuôn mặt người, lệch lạc, biến thể. Chàng cố *nín* cười, hỏi:

"Trời ơi! Ai vẽ mà đẹp quá vậy?"

Thanh Bình *hớn hở* lên tiếng:

"Con đó ba. Ba có thấy mẹ không? Mẹ thoa son đó."

Trần nhìn theo ngón tay nhỏ nhắn của con. Một vòng tròn bằng bút chì màu từ đó tỏa ra những con giun quắn quíu màu đen (Hạ uốn tóc quăn), hai chấm tròn to tướng màu *xanh* ... lá cây (Hạ thích vẽ quầng mắt xanh dương nhạt), và một vành bán nguyệt đỏ rực (thật ra, màu son môi ưa thích của Hạ nhạt hơn nhiều).

"Mẹ đẹp không ba?"

"Đẹp lắm."

Trần trả lời. Chàng biết mình nói thật. Không khó khăn lắm, chàng nhận ra ... chính mình *trong* cái hình tròn kế bên Hạ với mớ tóc chỉa ra như lông *nhím* và cái miệng có những cọng râu màu ... tím nham nhở. "Tại sao râu ba màu tím?" Trần than thở. Hai đứa nhỏ cười vang, thích thú.

"Vậy còn An Bình và Thanh Bình của *ba* đâu?"

"Đây nè, đây nè!"

Hai đứa *nhỏ* tranh nhau chỉ rối rít. Bỗng dưng bức tranh nguệch ngoạc của đứa bé bảy tuổi trông rất thực, rất quen thuộc. Chàng cũng có một tấm hình như thế. Hạ và chàng đứng ở phía sau hai đứa con *nhỏ*, tươi cười. Hình chụp ở trong khu công viên quốc gia cạnh hồ nước trên núi. Bức hình vẫn được chưng ở bàn giấy của chàng, từ dạo đó.

Trần chợt tỉnh giấc. Có tiếng sột soạt ở phía ngoài cánh cửa phòng ngủ của chàng. Mới sáu giờ rưỡi sáng, căn phòng tù mù trong khối ánh sáng yếu ớt chiếu ra từ ngọn đèn ngủ nhỏ xíu. Giờ này mấy đứa nhỏ còn ngủ, nhà chàng lại không nuôi súc vật. Trần khẽ khàng ngồi dậy, tiến ra phía cửa. Có tiếng hí *mũi* sụt sịt và tiếng thút thít của đứa bé. Trần hoảng hốt, *mở* cửa thật nhanh. Ngồi bệt dưới thảm, lưng dựa vào bức vách dọc hành lang dẫn đến căn phòng ngủ nhỏ, An Bình đang ngồi khóc thút thít. Thấy chàng, nó chồm dậy ôm lấy cha, òa lên nức nở. Trần cuống quít, ẳm con ra phòng khách, dỗ dành.

"Con sao vậy? Con thấy ác mộng ...ờ...ờ... *bad dream* hả?"
"Dạ."
An Bình trả lời, giọng dứt quãng trong cơn nức nở.
"Có ba đây rồi, con đừng sợ. Mà con thấy gì vậy?"
"Con thấy ba..."
Nó bỗng òa lên khóc trở lại. Trần cuống quýt, ôm lấy con, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó. Đợi cho cơn nức nở của đứa nhỏ dịu xuống, anh nhẹ nhàng hỏi tiếp:

"Con thấy ba làm sao?"

"Con thấy ba đi chơi bỏ con với An Bình ở nhà một mình."

"Ba đâu có bỏ đi chơi hồi nào đâu? Đó chỉ là nằm mơ thôi mà."

Môi dẩu lên, An Bình phụng phịu:

"Có mà! Mai mốt ba đi chơi với cô Loan đó!"

Trần ngớ người. Thì ra nó nghe hết cuộc điện đàm buổi sáng hôm nay giữa Loan và chàng.

"Cô Loan rủ ba đi chợ Tết mua quà cho con. Cha con mình cùng đi với nhau mà."

"Con không muốn."

Trần làm lành:

"Con không muốn đi chợ Tết thì thôi vậy. Mình đi nơi khác chơi." Đứa nhỏ trả lời, giọng nghiêm trang:

"Con không muốn ba đi chơi với cô Loan!"

Trái tim Trần chợt đập hụt một nhịp. Chàng chới với cúi xuống nhìn con. Đứa nhỏ cũng đưa cặp mắt nhòa lệ nhìn chàng. Cặp mắt này... cặp mắt này... giống Hạ quá đi thôi. Anh với em đến đây là hết thật rồi... Trần buồn rầu hỏi nhỏ:

"Con không thích cô Loan sao? Ba thấy cô ấy hay chìu mấy con lắm mà..." "Không phải đâu! Tại con không muốn mẹ khóc hoài."

"Chuyện gì mà khóc hoài? Mà có ai làm gì mẹ con đâu?"

"Cũng tại Barbie đó!"

"Barbie?"

"Barbie cô Loan mua cho Thanh Bình đó. Mẹ hỏi của ai cho, nó nói của cô Loan bạn của ba. Mẹ giật lấy liệng thùng rác. Thanh Bình khóc quá trời. Rồi mẹ ôm Thanh Bình khóc hoài làm con cũng khóc theo!"

Trần vừa cảm động vừa bực mình. Chàng bảo con:

"Thôi để ba mua cho nó con búp bê khác."

"Mẹ mua cho Thanh Bình rồi ba. Giống y như Barbie của cô Loan."

An Bình ngưng lại rồi giật giật gấu áo anh, giọng van lơn:

"Nghe ba! Ba đừng đi chơi với cô Loan nữa nghe ba?"

Trần thở dài đánh sượt, trả lời:

"Thì thôi vậy! Tuần tới ba dẫn mấy con đi chợ Tết."

"Đi chợ Tết làm gì hở ba?"

"Thì... thì... đi mua đồ. Mua quần áo mới cho mấy con."

Trần lúng túng trả lời. Chàng có dự tính chuyện mua sắm, Tết nhứt gì đâu!

"Mình kêu mẹ đi chợ Tết mua đồ nghe ba?"

Trần ngạc nhiên. Con nhỏ này được voi đòi tiên!

"Tại sao lại phải đi chung với mẹ?"

"Tại mẹ nói ba không biết mua đồ!"

Lúc nào cũng mẹ! Mẹ thế này, mẹ thế kia. Mẹ bảo thế này, mẹ bảo thế kia! Anh chả được tích sự gì cả. Mua món đồ nào cũng vừa xấu lại vừa đắt. Trần ngần ngừ trả lời con:

"Mẹ đâu có muốn đi chung với ba. Mẹ đi với boyfriend của mẹ mà."

"Mẹ đâu có *boyfriend*! Chú Phong chỉ là friend của mẹ thôi mà. Chú ấy đòi dẫn mẹ với mấy đứa con đi restaurant mà mẹ đâu có đi. Mẹ nói khi nào ba đón con với Thanh Bình là mẹ về bên bà ngoại mà."

Nó ngập ngừng một chút rồi nói tiếp:

"Hay là để con gọi mẹ bên bà ngoại cho ba nói chuyện nghe ba?"

Chàng bối rối nhìn con, lòng phân vân không biết nên trả lời như thế nào. An Bình, vẫn khuôn mặt lem luốc những vệt nước mắt, ngước nhìn anh. Đôi mắt của nó trong quá, sáng quá, lấp lánh một niềm hy vọng... Trần đứng dậy, kéo tấm màn che cửa sổ qua một bên. Mặt trời đã lên, ánh nắng mai làm lấp lánh những giọt sương trên đám lá xanh mơn mởn của cây lê hoa trước hiên nhà. Những chiếc lá non! Chàng thật là vô tình. Mùa Đông đã thật sự đi qua mà chàng đâu có hay. Khi chàng dọn đến khu apartment hai phòng này thì trời đã vào Thu. Những chiếc lá trên cành lê hoa đã trở màu và bắt đầu rơi rụng. Suốt mùa Đông, chàng đã quá quen thuộc với những cành lê hoa trơ trụi in hình trên nền trời xám xịt. Chàng cũng xám xịt và trơ trụi suốt mùa Đông...

Một cơn gió sớm thổi qua, những chiếc lá nhỏ màu lục nõn trở mình uốn éo. Ở phía dưới gốc lá, những nụ hoa non nhú ra chi chít. "Không biết những nụ hoa này có kịp nở đúng vào dịp Tết hay không?" Trần tự hỏi. Trần thích hoa lê. Ở thành phố của chàng, có một con đường trồng toàn loại cây này. Vào dịp Tết âm lịch, cây trổ bông, từng chùm. Hoa lê màu trắng, có năm cánh trông giống như hoa mai. Hoa nở nhiều đến độ, trông từ xa, mỗi cây lê hoa trở thành một đóa hoa trắng khổng lồ. Những khi có dịp đi ngang khu này mùa hoa nở, Hạ cứ trầm trồ một cách thèm thuồng. Phải chi mình xin được một cành về chưng mấy ngày Tết...

Lại một cơn gió thổi qua. Những chiếc lá non lại uốn éo, chen lấn, xô đẩy nhau trên cành. Những chiếc lá non của mùa Xuân, của hy vọng. Hy vọng của Hạ, hy vọng của Loan, hy vọng của chàng, hy vọng của mấy đứa con chàng. Hy vọng cũng chen lấn, kèn cựa, xô đẩy nhau để tìm đất sống, để có cơ thành tựu. Có lần chàng lẩn thẩn tự hỏi phải chăng hy vọng chỉ hướng về tương lai. Chàng nghĩ những cành lê hoa đơn giản hơn mình nhiều. Chúng nằm lặng lẽ, trơ trụi trong mùa Đông giá lạnh để ấp ủ nhựa cây cho lũ lá non và những nụ hoa yêu kiều khi mùa Xuân đến. Nếu chúng cũng rắc rối như chàng, con đường có nhiều cây lê hoa mà Hạ và chàng vô cùng ưa thích rồi sẽ tiêu điều biết bao!

Gấu áo Trần chợt bị ai đó giật nhè nhẹ. Chàng cúi xuống. An Bình đã đến bên cạnh chàng từ lúc nào. "Con gọi mẹ nghen ba?" nó nũng nịu nhắc lại câu hỏi.

* *Lê Hoa: Tạm dịch từ Flowering Pear, còn gọi là Fruitless Pear, thuộc giống lê nhưng không có trái. Hoa Flowering Pear có năm cánh, màu trắng, thường nở vào khoảng cuối tháng Hai dương lịch, trùng hợp với Tết Việt Nam. Flowering Pear rất phổ biến ở miền Trung tiểu bang California, Hoa Kỳ.*

Đón đọc

Văn Học số Tân Xuân 119

Hương vị mùa Xuân vẫn tràn đầy trong:

* *Bên dòng sông Skagit* của Diệp Mỹ Linh
* *Chuyện vợ chồng người đào vàng* của Võ Đình
* *Một ngày hơi khác mọi ngày* của Trần Doãn Nho
* *Chứng tích tình yêu* của Hoàng Chính
* *Người đàn bà ở cuối đường gió* của Phạm Ngũ Yên
* *Cho một lần gặp gỡ* của Nguyễn Hiền
* *Có chở trăng về kịp?* của Ngô Nguyên Dũng
* *Thơ mông lung*, biên khảo của Tạ Quốc Tuấn
* *Thơ cụ thể*, Ngu Yên giới thiệu
Và nhiều sáng tác giá trị khác của Song Thao, Rừng, Nguyễn Trung Hối

ra đầu tháng 3.1996.

Nước non ngàn dặm...
THƯỜNG QUÁN

Thềm hiên Quách Tấn

Nắng dọng trũng mắt chiều đã đi xa
Con mắt sẫm còn lại cười hiền từ bể xanh khuya khoắc
Ngôi sao chiều bên kia đang ửng trăng
Những cánh quạ đen mùa thu trôi cùng những hạt nước

Hải Đức

Một lần ngại trước thông già cung kính
Chẳng một lần lầm lỡ không u?
Tuệ Sỹ

tôi đứng chỗ anh nhìn ra căn vườn
những đốm nắng một lần
những khoảng hoa một lần
ngọn gió từng thổi tới
căn phòng từng sáng lên

thung lũng dưới xa
bà mẹ vòng nôi
gánh chiều hoa sữa

Phố Huy Tưởng

nhiều năm hiên xanh
thu lại
nửa giờ

tôi ngồi đâu
anh đứng đâu

tất cả chúng ta đều
luống cuống

hiên sinh
vẫn bàng hoàng sao ấy
chỗ ghé ngắn ngủi
viền phố dứng tựa.

Đêm Hồ Tây

gió rừng bạt ngàn
nhiều năm nhìn mãi vào nước
gió ngắt từng cơn, chiếc áo trần xanh để vậy, tóc tai
thời gian, người hàng xóm

kéo màu bạc và cho anh thêm chút vương vướng
trong những bài thơ trầm trầm giọng đọc
đi qua nương vườn cống rãnh phố xá làng mạc
tôi biết gì anh yêu đất

đêm một góc sóng hồ trở lật
giấy dắp
ôi gió gió rừng bạt ngàn

Đèo Cả

tất cả tầng không Chim
lảo
đảo
xóa xóa đồng lau chạy
mông
mông

bao kẻ qua đây từng chí cả
ngày tàn mặt lặn
rụng
không
không

Đèo Ngang, Mưa

Nước đen - còi rú buổi chiều lá hoảng sợ
Cây rừng thương tật củi co câm
Thân thích bó nào gánh tộc họ
Rễ dâm tủa ngược trẻ lầm lầm
Còng gánh anh em người già cả
Treo đường truông rú mưa thâm thân
Ngậm một miệng ba chữ gập gãy
Họng một bụm nước trào tran tràn
Thân, đốt cao lương đắng đại đại
Nhổ lên đất thịt nhổ ra ănVỏ như da cây ngày rụi rạ
Vừa mới lọt lòng đã thuộc phần
Nước, nước thâm đặc cậy há hốc
Răng cỏ sọ hầu tổ tông nằm
Đổ lên đầu cổ trẻ đường núi
Mưa dập mưa giông mưa thân bằng
Chân trượt xấy chiều, đêm chớp nhọ.

Đi tìm

Ngụ Thuyết

Tiếng vỗ tay nổi lên một tràng ngắn rồi lác đác rời rạc. Bỗng tiếng vỗ tay lại nối tiếp, lần này ròn rã đều đặn hơn, nghe rào rào như tiếng sóng. Tôi ngạc nhiên chú ý lắng nghe. Thì ra đó là thứ tiếng từ trong máy ghi âm. Người giới thiệu dường như chưa hài lòng, nói tiếp :"Xin quí vị cho thêm một tràng pháo tay thật to." Tôi làm theo. Những tiếng vỗ tay thật và tiếng trong máy hòa lẫn vào nhau khó phân biệt. Tôi nhìn nàng. Nàng ngồi yên. Nàng ngồi quay lưng vào tường, nhìn thẳng lên sân khấu, còn tôi thì ngồi ở chiếc ghế cạnh bàn nhìn ngang. Chúng tôi chọn được cái bàn nhỏ này ở một góc phòng chỉ có hai ghế ngồi, nhờ thế chúng tôi tha hồ nói chuyện với nhau không sợ ai nghe. Chúng tôi cần phải giải quyết cho xong một việc.

Một cô ca sĩ bước ra sân khấu nghiêng người chào khán thính giả, đầu khẽ cúi xuống, một tay cầm máy vi âm đưa vào gần sát miệng tay kia vén mấy lọn tóc bên trái hất lui ra sau vai, và để cho mái tóc bên phải buông thõng xuống tỏa thành cái rèm thưa đu đưa trước lồng ngực nở nang theo chuyển động nhè nhẹ của đôi vai. Người ca sĩ lầm rầm mấy lời giới thiệu bài hát mới, giọng nói ngang ngang bỏ bớt các dấu. Tiếng hát cất lên. Tiếng trống, tiếng kèn, tiếng đàn cuốn theo dìu dặt. Những tràng vỗ tay thật và giả lại vang lên. Thỉnh thoảng tiếng sáo miệng chát chúa chen vào. Cổ vũ hay phản đối hay ngẫu nhiên, thật khó đoán. Các ca sĩ trên sân khấu dường như không để ý điều đó, thản nhiên đứng chờ những âm thanh ồn ào kia lắng xuống rồi nói mấy lời nghe thật quen tai:"Xin cảm ơn quí vị. Để đáp lại thịnh tình của quí vị, tôi xin hát bài ..." Cứ thế, lặp đi lặp lại.

Hơn hai mươi năm, lần đầu tiên tôi trở lại phòng trà. Gọi là phòng trà chắc là sai, vì ở đây có rượu, có ca nhạc, có khiêu vũ, nhưng không có trà. Hơn hai mươi năm. Đó là thời gian. Còn không gian? Hơn nửa vòng quả đất. Thế mà cái không khí vũ trường của Sài Gòn ngày xưa đang muốn tái diễn. Có khác chăng là bây giờ ánh đèn màu rực rỡ hơn, trang phục của

người trình diễn cũng như người xem sặc sỡ hơn, kèn trống huyên náo hơn, và nét mặt người nào người nấy hăm hở hơn. Đặc biệt là thỉnh thoảng có những điệu múa phụ họa. Tôi chưa liên kết được nhạc và vũ – thứ này lên non, thứ kia xuống biển. Nhớ Sài Gòn xưa của những năm tháng lao đao, của những Mỹ Phụng, Tự Do, Grand Monde, Đồng Khánh ... quay cuồng trong cơn lốc thời cuộc. Những tin chiến sự dồn dập, những tổn thất, chết chóc. Và những chiến sĩ về phép từ các đơn vị Dù, Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Sư Đoàn 7, Sư Đoàn 5 ... mới ngày nào còn rất thư sinh nay bước vào phòng khiêu vũ trong bộ đồ trận mất đỏ kè, mồm văng tục. Hai mươi năm!

Nhiều ca sĩ cũ thay nhau xuất hiện, khuôn mặt có già đi đôi chút, giọng hát có khàn khàn và hụt hơi đi đôi chút, nhưng thời gian không có tác dụng mấy đối với những con chim sơn ca, họa mi, hoàng oanh, bạch yến ... này. Một điệu Tango ngập ngừng:

" ... Em bước chân qua thềm. Mưa vẫn rơi êm đềm . Và chỉ làm phố buồn thêm ..."

– Này, em này, hồi đó mỗi lần bài này đánh lên nhiều đứa ngứa tay ngứa chân không chịu nổi. Anh thuộc được mấy câu. Anh hát theo em nghe nhé.

Nàng lặng thinh. Nàng giận tôi. Nàng giận tôi mấy hôm nay. Thường lệ vào buổi chiều thứ bảy, chúng tôi kéo nhau đi ăn ngoài. Phở hoặc bún bò hoặc hủ tiếu ... Sau đó chúng tôi đi mua sắm lặt vặt rồi lái xe loanh quanh mấy con đường lớn và cuối cùng mướn phim về coi. Nàng thích phim bộ – những bộ phim dài đến hai chục, ba chục cuốn, xem cả tháng không hết. Tôi không thích xem. Ngồi với nàng một lát tôi rút lui vào giường lật sách tiếng Anh ra học dăm ba dòng rồi ngủ thiếp lúc nào không hay. Những lúc dỗ mãi giấc ngủ không được, tôi lại ra phòng ngoài chen một chỗ nằm bên cạnh nàng trên chiếc ghế sô-pha lơ mơ nghe những nhân vật trong phim đôi đáp tiếng được tiếng mất, nghe hơi ấm của nàng chuyền qua, nghe thân thể nàng rung động những lúc nàng cười hoặc tấc lưỡi hoặc sụt sịt khóc, và cứ thế giấc ngủ êm đềm lại đến với tôi. Đôi khi cao hứng nàng vỗ vào vai tôi, nhéo vào đùi tôi, anh nè, anh nè. Tôi ngái ngủ trả lời lẩm nhẩm chẳng đâu vào đâu. Đến một , hai giờ sáng, nàng kéo tôi vào giường. Tôi chỉ muốn có những giấc ngủ mệt nhọc, lười biếng, không mộng không mơ. Đại khái buổi tối cuối tuần của chúng tôi là thế.

Nhưng hôm nay khác. Nàng muốn tôi phải trả lời dứt khoát câu hỏi mà tôi không muốn trả lời chút nào. Nàng bảo:

– Anh nói rõ ý định của anh đi. Em không bắt buộc anh phải đồng ý, nhưng có gì anh cứ nói. Xong mình đi ăn.

– Em muốn anh nói gì ? Được rồi, em muốn gì anh cũng bằng lòng. Vấn đề là thời gian. Tôi vừa nói vừa cười. Nàng sốt ruột:

– Xin anh đùng cười nữa!

– Vậy em muốn anh khóc hay sao đây? Không kiềm chế được nữa, nàng đứng dậy mở cửa đi ra khỏi phòng. Cánh cửa đóng sầm sau lưng nàng. Tôi ngạc nhiên. Phản ứng đột ngột như thế này nơi nàng tôi mới chứng kiến lần đầu. Cơn giận nhen nhúm trong tôi. Bỗng có tiếng mở cửa nhè nhẹ, nàng đi vào, mặt mày ráo hoảnh, lặng lẽ nói:

– Xin lỗi anh. Thôi ... bây giờ mình đi vậy. Ăn gì hả anh? Hôm nay đổi bữa ăn "Mắm và rau"?

Tôi nhìn nàng dò xét. Tôi chưa biết rõ nàng nhưng có cảm tưởng nàng không phải là người dễ tính . Tôi nói cho có nói:

– Em muốn anh trả lời thì anh ... chà chà ... anh phải bắt đầu như thế nào hả em ...

Nàng ngắt lời:

– Thôi anh. Để khi khác. Bây giờ đi ăn.

– Anh muốn đi xa xa một chút. Anh muốn có nhiều thì giờ ...

Nàng lại ngắt lời:

– Vâng, đồng ý. Để em đưa anh đi Long Beach coi tàu thủy cặp bến. Rồi tìm nhà hàng người Miên ăn thử. Lần trước đi Long Beach mình quên ghé ăn Hủ Tiếu Nam Vang.

Tôi tính toán. Cũng chẳng có xa gì. Ban đêm đường vắng đi nửa tiếng là tới. Nhìn tàu đến tàu đi buồn bỏ mẹ. Cô bé này kỳ quá, tàu bè có gì đâu mà coi. Thấy tôi im lặng nàng nói tiếp:

– Hay anh thích đi nơi khác?

Tôi biết đi đâu bây giờ. Ở trên đất Mỹ mới năm sáu tháng tôi chưa nhân diện được đời sống nơi này. Đang còn hưởng phụ cấp của nhà nước, chưa kiếm được việc làm, thi lái xe hai lần đều trượt. Tôi gặp nàng từ hồi mới qua, rồi thân mật dần. Nàng chở tôi đi nhiều nơi vào dịp cuối tuần, tôi thấy nơi nào cũng giống nơi nào. Đâu đâu cũng xe cộ vội vã, đường sá chằng chịt, phố xá lạnh lẽo. Có lẽ đi bộ hay đi xe đạp thích hơn, thấy được phố phường, tôi thầm nghĩ. Nhưng ở đây toàn là xe hơi.

– Anh thật lạ. Mới qua mà không chịu đi đây đi đó thì làm sao quen được cuộc sống mới. Suốt tuần em làm việc mệt nhọc thì cuối tuần anh phải đi với em chứ.

Nàng thường nói như thế khi thấy tôi lừng khừng không muốn đi đâu. Những ngày khác trong tuần tôi sống co cụm. Trừ hai buổi sáng phải đến một cơ quan xã hội trình diện học tiếng Anh lai rai, nếu vắng mặt tiền trợ cấp sẽ bị cắt, tôi quanh quẩn suốt ngày trong phòng – nấu ăn, giặt giũ,

lau chùi, hút bụi, và chờ nàng về. Chúng tôi sống với nhau như thế đã được ba tháng. Tôi không hỏi han gì về quá khứ của nàng. Nàng cũng không biết nhiều về tôi ngoài câu chuyện tôi bị vợ bỏ ngay từ khi đặt chân lên đất Mỹ.

Hôm đó, sau mấy chuyến bay kéo dài hơn hai ngày, tôi đáp xuống phi trường Los Angeles. Theo đoàn người rất dài đi qua khỏi những dãy hành lang lộng lẫy, tôi nhận ra Thi, vợ tôi, trong đám đông người chờ đón thân nhân. Sau hơn mười lăm năm gặp lại chúng tôi nhận ra nhau ngay. Thi trắng trẻo ra, mập thêm một chút, và vẫn cái nhìn đầy bóng tối, cái dáng âm thầm lặng lẽ. Ngày xưa Thi tiễn tôi đi cải tạo thì cũng đôi mắt đó, đôi mắt như chực tuôn ra hai dòng lệ đầy ứ. Chỉ có khác là ngày xưa một mình Thi đứng vịn chiếc xe đạp bên cổng trường Trần Quý Cáp nhìn theo đoàn xe mang chúng tôi đi, bây giờ bên cạnh Thi còn có một người đàn ông lạ mặt. Trông hắn ta như con người máy. Hai người mời tôi vào một quán ăn gần chỗ đón thân nhân, trao cho tôi một bức thư ngắn. Tôi đọc nhanh. Tôi chấp nhận những lời đề nghị trong thư. Mà không chấp nhận thì làm cái trò gì bây giờ ? La hét ? Đánh đấm ? Nằm vạ ? Theo đúng sự sắp xếp ghi trong thư, Thi và người đàn ông đó đưa tôi ra xe tắc-xi chở tôi về một căn phòng nhỏ trong khu có nhiều người Việt Nam.

Ngày hôm sau có người đem đến cho tôi một lá thư khác, cái thư cuối cùng kèm theo mấy thứ giấy tờ cần chữ ký của tôi, vài câu chúc và một số tiền mặt. Thư không có địa chỉ người gởi, chỉ cho biết hai vợ chồng đó ở một tiểu bang xa đến đón tôi hôm trước và bây giờ họ đã rời nơi đây. Đi Mỹ theo diện HO tôi được hưởng trợ cấp của nhà nước trong bảy tám tháng, mỗi tháng được một số tiền nhỏ. Tôi cố chi tiêu gói ghém trong số tiền nhỏ đó, còn tiền của Thi tôi giữ nguyên. Hai ngày tiếp theo tôi ngủ vùi, phần vì mệt mỏi vì chuyến bay xa, phần vì giờ giấc của Mỹ và Việt Nam sai biệt quá nhiều. Những ngày kế tiếp tôi ăn uống qua loa và ngủ. Tôi thèm ngủ.

Rồi nàng tới. Nàng nhỏ tuổi hơn tôi nhiều. Nàng luôn mồm gọi tôi chú chú. Sao chú ngủ nhiều thế. Chú bị bệnh hả? Chú cần mua thuốc không? Chú HO mới qua hả? Thím đâu? Mấy đứa con của chú đâu? Chú ở đây một mình sao? Chú đã đi làm giấy tờ chưa? Ai đưa chú đi? Chú có biết cháu là láng giềng của chú không? Phòng cháu ở ngay trước mặt của chú đó .... Cô bé làm quen nhanh chóng, tự nhiên. Dần dần tôi biết thêm ít điều về nàng. Vượt biên lúc mười lăm tuổi theo vợ chồng người chị ruột, kẹt hơn năm năm trên đảo mới được thanh lọc, đã ở Mỹ hơn mười năm.

– Cháu ở đây một mình. Bồ hả? Dĩ nhiên là có rồi từ ngày trên đảo. Ô, loạn quá. Cháu nghĩ lại còn thấy ớn. Chú đừng tò mò biết làm gì. Đến

được đất Mỹ mỗi đứa đi mỗi đường giống như chú vậy đó. Cháu chán đàn ông quá, nay chỉ biết làm ăn kiếm tiền. Bảo lãnh mẹ cháu qua được, thế là xong cuộc đời.

Rồi nàng giúp tôi đi làm giấy tờ ở sở xã hội, đi trình diện học tiếng Anh, đi mua đồ ăn và cho gởi vào tủ lạnh. " Cháu tội nghiệp chú đó thôi, chớ không có gì hết, nghe." Vâng, quả thật không có gì hết trong vòng vài tháng đầu. Nàng coi tôi như chú, tôi coi nàng như cô bé. Tôi lơn tuổi hơn nàng nhiều. Tôi lại hay vô ý trước những săn sóc của nàng. Thường thường sau những giấc ngủ ngày thật dài, lúc tỉnh dậy nằm nán trên giường tôi nghĩ đến Thi. Thi bây giờ ở tiểu bang nào nhỉ ? Mấy năm đầu tôi ở tù cải tạo, Thi thăm tôi nhiều lần. Chuyển trại ra Bắc Thi cũng có đi thăm. Khi biết rằng ngày về vô định, tôi khuyên Thi theo gia đình trốn ra nước ngoài. "Ở lại thì chết cả lũ, không chừng em ở bên ngoài chết trước, anh ở trong tù chết theo sau." Nói gở như thế mà cuối cùng thuyết phục được Thi. Nàng chịu đi. Hơn mười năm sau tôi được tha về, cứ vài ba tháng một lần được Thi gởi thuốc Tây, tiền, và quà. Rồi Thi bảo lãnh tôi đi Mỹ.

Câu chuyện của tôi kể cho nàng nay đoạn này mai đoạn khác tựu trung chỉ có thế,rất bình thường, nghe rất quen tai như trăm ngàn chuyện tù tội khác. Tôi không biết nàng có tin tôi không. Nàng chỉ cười nhìn tôi và nói:

– Em biết rồi. Thôi anh đừng nghĩ đến cái thứ đàn bà đó nữa.

Vâng chúng tôi gần gũi nhau thêm, bắt đầu từ cách xưng hô. Tôi không hỏi nhưng những lúc vui miệng nàng nói chuyện cũ. Tôi nghe lơ đãng, trả lời ậm à. Cách đây một tháng chúng tôi quyết định ở chung phòng. Tưởng thế đã yên thân nhưng dần dần nàng đổi tính. Không còn nói năng tíu tít mỗi khi đi làm về, không còn trách tôi ngủ li bì suốt ngày để đến khuya lục đục không cho ai ngủ được. Tôi nghĩ rằng chắc là cô bé đã chán mình rồi. Cùng lắm mình dọn đi nơi khác. Nhưng hình như tôi nghĩ sai. Một hôm kéo nhau vào quán phở, trong khi chờ đợi món ăn mang tới, nàng nói một cách khá trịnh trọng:

– Anh nè mình phải tính chuyện đi chớ. Anh thấy em thế nào ?

– Anh thấy em như đứa cháu gái của anh.

– Thật vậy sao ? Anh sống với cháu gái cái kiểu này à ? Không, em muốn anh nói chuyện đàng hoàng.

Tôi không biết trả lời ra sao cả. Tôi chỉ muốn tình trạng hiện tại của nàng và tôi cứ thế tiếp tục, không tiến không lui. Tôi không muốn có một sự thay đổi nào. Điều tôi muốn nhất là ngủ nhiều vào ban ngày, đầu óc ù lì, buổi chiều nghe tiếng xe nàng về, nghe cái giọng Nam tíu tít ngọt ngào, nhìn cái tuổi trẻ phơi phới. Thế thôi. Đôi khi tôi cảm động trước cách cư

xử tử tế của cô bé tốt bụng và thông minh này. Tôi đoán gốc của nàng là ở một vùng quê Hậu Giang nào đó, có ba trước kia đi lính Cộng Hòa hay đi Cảnh Sát Quốc Gia, có lẽ học được vài năm bậc Trung Học, hồi còn ở Việt Nam chắc là làm thợ may, nay là thợ lắp ráp điện tử mà vẫn sắm sẵn nào máy may, máy vắt sổ, kim chỉ, kéo, thước dây, đầy đủ. Và điều này thì chắc là đúng, nàng sẽ chán tôi, không sớm thì muộn.

Vốn thông minh, thấy nét mặt của tôi có nét gì bất ổn, nàng bỏ lững câu chuyện, đứng dậy trả tiền phở và kéo tôi về nhà. Hôm nay nàng trở lại chuyện cũ.

– Hay anh thích đi nơi khác ?

Tôi có biết đâu là đâu đâu. Một ý nghĩ chợt lóe lên, hay là đến phòng trà Việt Nam nghe nhạc ?

– Em đồng ý chứ, vào đây sống lại cái không khí mấy mươi năm về trước. Nghe hát và nhảy. Mình ra nhảy một bản đi.

Nàng không nói, lặng lẽ nhìn tôi. Tôi chợt nghĩ lại. Lỡ nàng không biết nhảy, lỡ nàng coi khinh tôi, một kẻ đã "quá đát" mà cứ giở trò bắng nhắng. Nhưng mặc kệ đêm nay tôi thử sống hết mình xem sao. Cái không khí nơi đây kéo tôi về quá khứ. Lại những lời ca điệu nhạc quen quen, vang vang, vọng vọng:

" .... Lời ru miệt mài
Ngàn năm ngàn năm ..."

Ngàn năm mây trắng, ngàn năm sực tỉnh, ngàn năm thương hoài, ngàn năm văn hiến. Giấc mơ đó thật là êm đềm mà cũng thật là bi thảm ! Em có nghĩ như thế không, tôi nói nhẩm trong đầu.

– Em không thích nhảy thì thôi. Ngồi nghe nhạc, xem người ta nhảy coi bộ cũng vui. Đêm nay để anh trả tiền. Anh giàu mà, yên chí. Anh có cả xấp tiền bà đó để lại, hôm nay anh nhất quyết đem ra xài. Mà xài đêm nay có là bao đâu, còn xài dài dài nữa. Em uống rượu? Không hả ? Anh kêu rượu cho anh. Còn em ? Nước ngọt nhé ?

Bỗng tôi thấy trẻ lại. Tôi trẻ lại hai mươi tuổi, bằng tuổi nàng. Vậy mà nàng cứ nhìn tôi khó đăm đăm. Trông nàng lạc lõng. Mặc kệ, tôi xé rào đêm nay. Rồi ngày mai? Ngày mai thì đã có việc của ngày mai. Tôi gọi cho nàng coca, và cho tôi rượu.Những luồn ánh sáng tỏa ra từ trái cầu thủy tinh xoay quanh trên trần nhà quét vào ly rượu sóng sánh vàng tạo thành nhiều màu sắc rực rỡ. Tôi uống nhanh và gọi thêm.

" Em như giọt rượu nồng. Dìu ta vào cuộc mộng ..."

Lại bài hát quen. Không, không, em không bao giờ là giọt rượu nồng

của anh cả, em là xô nước đá dội vào mặt, là cặp mắt trâu to và buồn, là cái nhìn tối sầm. Anh cũng chưa bao giờ bước vào cõi mộng. Cõi của em và anh là cõi vật vờ. Em còn nhớ chứ. Tôi nói lầm bầm một mình, nhưng có nói đúng sự thật không đấy. Dường như tôi cũng có một thời mộng mơ với nàng.

– Anh, nè, nè. Tốp đi. Anh uống nhiều rồi.

Ồ! Tốt quá, cuối cùng cô bé mở miệng. Tôi bỗng thấy muốn nói ba hoa chuyện cũ cho nàng nghe.

– Em cứ để cho anh uống thêm. Uống hôm nay ngày mai cai. Rồi em lái xe chứ có phải anh lái đâu mà sợ. Hôm nay anh không uống nhiều đâu. Có một lần anh uống như điên. Hồi đó lâu rồi, nó thách anh. Thắng ? Không phải. Du ? Đúng hắn. Cái anh chàng học hay chơi gì cũng giỏi, kể cả uống rượu. Anh nhận lời thách vì anh có cách ăn gian – chốc chốc vào phòng vệ sinh mửa thốc tháo ra, gọi là cho chó ăn chè, rồi trở lại bàn uống tiếp. Cuối cùng anh có thắng cuộc hay không, anh không nhớ, chỉ nhớ được tụi nó đưa về nhà một người quen chớ không phải về Đại Học Xá ....

Nàng bỗng vui vẻ chen vào:

– Đại học xá là cái gì ?

– Là nơi sinh viên ở.

– Nghĩa là các anh còn học mà đã đi nhậu dữ ?

– Vâng. Thật ra cũng có đứa học xong nhưng cứ ở lì không chịu dọn đi nơi khác. Có đứa đã dọn đi thỉnh thoảng ghé lại chơi ít tuần.

– Vậy hả ? Cũng vui. Rồi sao nữa ?

– Rồi lại đi.

– Không phải em muốn hỏi vậy. Đưa về nhà rồi sao nữa ?

– À, rồi cả bọn ngủ vùi trên giường, dưới sàn, quên treo mùng, để muỗi Sài Gòn tha hồ làm thịt. Trưa ngày mai ngủ dậy thấy bầy muỗi bụng tròn vo bay là là không muốn nổi. Vì cái bụng nặng hay vì say ?

– Chắc vì say đó anh. Máu của anh toàn là rượu !

Cô bé hết giận rồi.

– Mà anh nè, nói nhỏ nhỏ một chút. Chung quanh người ta nghe đó.

– Nhưng cái dàn nhạc mắc dịch khua ầm ỉ át cả tiếng anh nói. Cho nên anh phải hét.

– Đúng là anh say rồi.

Tôi gọi thêm rượu.

– Chưa say đâu. Biết rằng mình chưa say tức là chưa say. Nhưng mà rượu nó kỳ cục lắm. Khi buồn uống rượu cho vui. Nhưng uống nhiều vô thấy hết vui, cái buồn kéo tới. Khi vui lại cũng muốn uống rồi cứ thế uống dài dài, đâm ra nói lảm nhảm cho hả hơi lại mất cả vui. Vả lại ...

Nàng nhanh nhẩu góp ý:

– Đồng ý anh. Rốt cuộc là rượu không tốt. Nhưng mà nè, hồi nãy anh nhắc đến bồ cũ hả ? Cô nàng có đôi mắt nai tơ thơ ngây nào vậy ? Nghe tức cười. Người đẹp mắt trâu!

– Mắt trâu ? Sao lại mắt trâu ? Anh quên mẹ nó đi rồi. ờ ... ờ ... Thôi để anh nói với em chuyện khác. Biết bao chuyện khác cần nói hơn. Chuyện cái số tiền của bà đó anh phải xài. Có năm lý do anh phải xài. Một là hồi còn trong tù anh xài tiền bả, hai là ra tù anh tiếp tục xài, ba là nếu cần thì anh trả lại, có quịt ai đâu mà sợ ...

– Anh ơi. Nói nhỏ một chút đi!

– Ừ thì nhỏ. Mấy lần là rồi ? Hai hả ... Hai là không xài lỡ bị trộm lấy, ba là biết bả đâu mà đi trả, bốn là ... bốn là anh phải đi tìm Thi ... trên những con tàu, những chiếc xe chạy ngược chạy xuôi. Hồi đó anh còn trẻ lắm. Trẻ hơn em nữa, em đừng tưởng bở. Xe lửa chưa bị tụi nó phá đường rầy, chưa bị mìn. Chưa, sắp sửa thôi. Một vài nơi đã bị. Nhưng anh thích đi xe lửa. Đi lui đi tới trong các toa nhìn trong nhìn ngoài, nhìn trời nhìn đất. Khuya có buồn thì mò đến toa nhà hàng để nhậu. Anh nhớ ... những cái bàn vuông nhỏ phủ khăn trắng, mỗi bàn có một cánh hoa hồng cắm trong bình hoa thủy tinh cao cổ. Em ơi, sao anh cứ nhớ cái cảnh này hoài vậy, nghĩa là cái cảnh sắp xảy ra chớ không phải cái chuyện cô bán hàng ngồi ngủ thiếp, hai tay ôm choàng lên quầy hàng, má tựa vào một bên vai, mớ tóc đen xỏa túa ra. Con tàu lũi vào đêm đen, bánh sắt nghiến lên đường sắt, xọc xà xọc xạch, chốc chốc tiếng còi lẻ hú lên vội vã. Xe lúc lắc, đầu cô ta lúc lắc. Anh nh ìn chăm chú những sợi lông măng vàng vàng trên hai cánh tay trần đó. Bỗng một hồi còi khá dài rúc lên, xe bớt tốc độ. Cô bán hàng giật mình ngẩng đầu nhìn anh ngơ ngác. Anh cười trừ, móc túi lấy tiền trả chai bia và bao thuốc lá. Đoàn tàu như muốn ngừng nhưng lại đổi ý rục rịch chạy. Anh quay người giấu nụ cười, đẩy cửa sổ lên tìm một chút không khí. Bỗng thấy có một đoàn tàu khác chạy song song kế sát ngược chiều. Sát nhau lắm, với tay là tới. Vài người ở toa bên kia mặt còn ngái ngủ thò đầu ra cửa sổ nhìn ngửa nhìn nghiêng. Ngoài trời tối đen, trong toa ánh đèn vàng mờ mờ. Bỗng anh thấy nàng.

Tiếng kèn đồng rè rè một điệu thấp, giọng nói tinh nghịch của cô bé bỗng nghe rõ hơn:

– Phải đó, chú kể chuyện bồ cũ cho cháu nghe đi. Nghe chuyện tình của chú thì tuyệt quá. Hổm rày chú cứ làm bộ miệng câm như hến.

– Em khỏi lo. Anh sẽ kể tuốt. Bốn mắt gặp nhau. Cặp mắt nàng nhìn anh sửng sốt, tự nhiên anh thấy tim đau nhói. Hai con tàu ngược chiều cứ chạy bương bương. Anh đâm hoảng. Khuôn mặt đó, hai con mắt trâu đó

đáp lại anh lóe ra cái ánh sáng kỳ dị. Có phải không em, mắt trâu thì to và buồn và đầy chịu đựng, nhưng nó cũng có ánh sáng. Anh chồm người ra ngó theo thiếu đường đầu anh đụng toa tàu bên kia, khuôn mặt khuất đi thật mau, anh buột miệng kêu to lên một tiếng, anh nghe như có tiếng kêu đáp lại. Hai tiếng kêu có gặp nhau không hay bị hàng trăm bánh xe nghiến lên trên đường sắt cuốn đi mất. Cái chuyện đó đeo đẳng theo anh mãi, nó nhập vào cuộc đời anh, nó làm nên số phận của anh. Anh tin ở số kiếp. Từ đó hễ có dịp là anh tìm nàng. Tìm trên hai con tàu, trên hai chiếc xe đò chạy ngược chiều mất vết tích của nhau nhanh để lại tiếng kêu ơi ới chợt vang lên chợt tắt của vài ba hành khách vô danh. Tìm trên những chiếc bắc. Anh đoán em người miệt Vĩnh Long Cần Thơ, em thường đi qua bắc, những chiếc bắc chạy qua chạy lại trên sông Tiền sông Hậu gặp nhau giữa dòng nước bắn tung tóe lên sàn tàu của nhau, hành khách trố mắt nhìn nhau xem thử có thấy người quen. Anh cũng trố mắt nhìn tìm nàng. Anh không hình dung ra nổi khuôn mặt của nàng, nhưng nếu gặp chắc chắn anh nhận ra ngay. Kỳ cục thật. Anh không tìm nàng trong lớp học, hồi đó anh còn đi học, anh không tìm nàng trong đám học trò anh dạy, về sau anh có đi dạy tư kiếm ăn. Không tìm trên đường phố, trong đám đông.

– Anh nói gì em không hiểu. Trống, kèn, xập xỏa rùm beng, nghe muốn bể ngực. Em không nghe anh rõ. Nhưng mà rồi sao nữa anh ?

– Cuối cùng anh gặp ...

– Ô, có chuyện đó sao ? Lại có cái chuyện gặp con nhỏ đi xe lửa ?

– Không phải. Cuối cùng anh gặp Thi. Nàng học ở Đà Lạt về Sài Gòn có việc, anh thì đã bị động viên vào lính, may được ở Sài Gòn. Cả miền Nam đang trãi qua thời kỳ sôi động. Ngày, đảo chính. chỉnh lý, phản chiến, biểu dương lực lượng. Đêm, giới nghiêm, tiếng xe chuyển quân rì rầm, tiếng đại bác gào thét, và những trái hỏa châu sáng lạnh lửng lơ trên những bầu trời tăm tối. Mới hôm qua Bình Long, An Lộc đứng vững mà hôm nay Phước Long đã thất thủ. Cuộc sống hiện tại lên cơn sốt thường trực báo hiệu cho ngày mai giông bão. Còn quá khứ ? Suốt mấy mươi năm từ khi anh biết suy nghĩ toàn là những chuỗi ngày loạn ly, nồi da xáo thịt, và thù hận. Tuổi ấu thơ và niên thiếu chìm trong lo sợ, tuổi trưởng thành bơ vơ. Cuộc đời bấp bênh trôi nổi. Thế mà khi gặp Thi anh không muốn nhìn cái thực tại đó. Anh muốn có một cái gì lâu dài bền vững, anh muốn sống mãi mãi bên Thi. Những ám ảnh cũ anh quên. Những hoang mang cũ anh coi là chuyện ngông cuồng của tuổi trẻ.

Anh yêu Thi đắm đuối. Hễ kiếm được ngày phép là anh mò lên Đà Lạt , cái thành phố trước kia anh cho là lạnh lẽo, buồn chán. Bên cạnh Thi anh mới thấy được một Đà Lạt hoàn toàn khác, mới thấy được những con

đường thơ mộng chạy giữa những hàng anh đào hoa nở hồng lên như mỉm cười, những mặt hồ sóng lăn tăn êm ả soi bóng Thi và bóng núi đồi, những ngọn thông vẫy tay chào đón, những thác ghềnh réo gọi giục giã. Nơi Thi đang sống, đang hít thở bầu không khí yêu đương, đang đi về trên con đường lát đá dẫn tới chiếc cầu gỗ bắc ngang ngọn suối nhỏ ngày đêm chảy róc rách đến thác Cam Ly mà anh và Thi đã qua nhiều lần, trên những góc phố buổi tối trời giá buốt Thi cho anh gởi bàn tay lạnh cóng của anh trong túi chiếc áo choàng Thi khoác bên ngoài cho anh nghe những rung động mơ hồ dưới lớp vải ấm, những góc phố quen thuộc đó có mấy cửa hàng bán sữa đậu nành nóng, có lạc rang, có bắp nướng thoa mỡ hành của những em bé má đỏ ửng khăn trùm kín cổ ngồi sau lò bếp than đặt bên lề đ ường quạt ngọn lửa chốc chốc bùng lên tỏa khói và tỏa mùi thơm ngào ngạt, những nơi đó chiến tranh không thể bén mảng tới. Đau thương, chết chóc cứ việc xảy ra nơi khác, còn Đà Lạt của Thi là ngoại lệ. Mỗi lần từ giã nàng trở về Sài Gòn anh đều mang cái cảm giác của một người rời tiên cảnh xuống trần thế. Mỗi chuyến đi thăm Thi là một lần trễ phép. Lính tráng thời chiến bê bối như thế nên chuyện phải đến là anh bị đổi tới một đơn vị chiến đấu xa Sài- Gòn.

Thời gian này cũng là lúc tình hình chiến sự vô cùng nguy ngập. Địch xua quân tràn qua Bến Hải chiếm Quảng Trị rồi chiếm luôn Huế. Tây Nguyên bỏ ngỏ, ta ùn ùn kéo về duyên hải. Những phần đất khác lần lượt bị tràn ngập nhanh chóng. Đồng-minh rũ áo phủi tay. Một số đơn vị trưởng cao cấp thoát thân ra nước ngoài trước sự khuyến khích và thỏa thuận ngầm của những thế lực muốn sắp lại bàn cờ thế giới. Bọn chúng anh, những con rắn mất đầu, sửng sốt, bàng hoàng, uất ức. Rồi miền Nam thân yêu sụp đổ. Đơn vị của anh tan rã. Nước mất, nhà tan, anh còn lại gì? Còn Thi của anh chăng, Thi mà mới ngày nào anh ôm trong tay mà nay,sau bao nhiêu biến cố dồn dập trong một thời gian thật ngắn, anh tưởng như đã xa nhau mấy kiếp. Thi có còn đó không? Hay là có đó rồi mất đó như bọt nước, như bóng ngựa qua cửa sổ, như hình ảnh người con gái trên toa xe lửa khuất nhanh . Không, không thể như thế được. Anh phải đi tìm Thi.

Những ngày đầu khi chưa bị lùa vào trại tập trung, anh đi Đà Lạt, lòng nặng trĩu. Một tên lính của đoàn quân thất trận sẽ cư xử như thế nào đây khi gặp gia đình nàng và nàng ? Anh kinh ngạc và cảm động. Thi và tất cả mọi người đều vui mừng và niềm nở đối với anh hơn hẳn trước kia. Trong hoạn nạn, trong nỗi đau chung của đất nước, người ta bỗng cảm thấy gần nhau hơn và cần nhau hơn. Thế là Thi ở trong tầm tay. Anh tiến thêm một bước nữa, ngỏ lời cưới Thi và được gia đình nàng chấp thuận. Đám cưới đơn sơ, vội vàng.

Một tuần sau đó anh bị gọi đi trình diện học tập cải tạo.

– Tội nghiệp anh. Nghĩa là trước kia anh yêu bà đó lắm. Nghĩa là anh chỉ sống với bả có mấy ngày rồi đi ở tù, rồi sau 15 năm anh mới gặp lại. Vậy mà chỉ gặp một chút đã bỏ rơi đành đoạn. Sắt đá đến thế là cùng. Cái thứ đàn bà lật lường đó thế nào cũng gặp quả báo. Đời bây giờ quả báo nhãn tiền. Anh cứ tin em đi, chờ xem, sẽ thấy ngay. Cho nên... Tiếng vỗ tay bỗng vang dội át tiếng nói của nàng. Như có luồn điện chuyền, mọi người đứng nhổm dậy la to tán thưởng. Những tiếng "bis! bis!" những tiếng huýt sáo nổi lên rần rần. Nàng ngừng nói nhìn lên sân khấu. Tôi thì mệt nhoài nghe hơi rượu bốc lên đầu, thái dương giật liên hồi, trống ngực đánh thình thịch. Tôi mong có chỗ để ngả lưng nằm dài ngủ. Một người hầu bàn đi len qua dãy ghế trước đến bên chúng tôi hỏi xem có gọi gì thêm. Nàng gọi rượu.

– Đêm nay anh muốn say thì em cho say. Rượu vào tha hồ lời ra.

– Em muốn phục rượu anh đó hả? Thế thì anh sẽ nhất định không nói. Anh chỉ muốn một điều là...là...anh sẽ đi tìm Thi để...để...

– Để vạch cái mặt đó ra chứ gì? Anh có ký mấy thứ giấy tờ, chắc là có giấy ly dị. Nhưng không sao. Mình có thể nhờ luật sư nói cho tòa biết lúc đó anh mới qua chân ướt chân ráo chẳng hiểu gì nên bị gạt. Chắc chắn anh thắng kiện và được bồi thường xứng đáng.

Tôi nốc thêm mấy hớp rượu. Bụng cồn cào, cổ nhờn nhợn.

– Em, em. Đưa giùm anh vào cái phòng đó. Bật đèn lên, khóa cửa lại, tôi ngồi phịch xuống sàn nhà tựa lưng tựa đầu vào tường. Khổ quá, tôi không nôn ra được. Tôi muốn lấy tay móc họng. Tôi muốn nói thật nhiều cho hả hơi. Tôi nói thế nào đây cho nàng hiểu.

Thi ơi, anh phải đi tìm em. Để nói cho ra lẽ. Để nói rằng một là ...anh rớ tới cái gì là hư cái đó, rằng hai là cái số kiếp của anh nó vậy đó, cái số kiếp suốt đời đi một mình...Anh, bọn anh... Vâng, tất cả bọn anh đều là như thế. Lẽ ra anh không nên làm khổ em quá nhiều...cho nên em đừng buồn, đừng ái ngại khi phải bỏ anh. Đừng để lương tâm đè nặng, đừng nghĩ ngợi lôi thôi. Hai là, không phải. Ba là...ồ, căn phòng quay cuồng, đám người vật lộn ngả nghiêng. Giọng ca rít, không gian xé, kèn trống nổ tung. Đâu đây có tiếng đại pháo gầm, đại liên xén đứt hàng cây trước giao thông hào. Đoàn quân thất lạc trơ lại một mình Thi của anh giữa những hàng dây kẽm gai lủng lẳng nón sắt lỗ chỗ dấu đạn, giày lính rách toạc còn dính máu, một mình Thi ngồi trên mô đất cỏ tranh tua tủa đâm thủng tim gan nhớn nhác kiếm tìm ... ❐

Ghi chép

Nguyễn Huy Thạch

● Tủ sách Librio: 82 tác phẩm, 5 triệu bản

Tủ sách Librio, do nhà xuất bản J'ai lu thành lập, tính đến tháng 10, 1995 đã in được 82 tác phẩm với số lượng 5 triệu bản và đã bán sạch.

Theo chủ trương của người xuất bản thì tủ sách Librio đặc biệt tái bản những quyển truyện đặc sắc trên thế giới, có nội dung lôi cuốn độc giả trẻ. Sách được in dưới hình thức gọn, đẹp và giá rẻ vừa với túi tiền sinh viên, học sinh.

Quyển đầu tiên do Tủ sách Librio ấn hành cách đây mới một năm rưỡi. Từ đó đến nay, những quyển bán chạy nhất trong tủ sách này là *Kẻ Đội Lốt*, của nhà văn Mỹ ăn khách Stephen King, 163,000 bản; *Hóa Thân*, của nhà văn Tiệp Khắc Frank Kafka, 140,000 bản; *Chiếc Băng Màu Lốm Đốm* của nhà văn Anh Conan Doyle, bán được 142,000 bản; *Lúa Trên Đồng* của nhà văn nữ người Pháp Colette, bán được 133,000. Trông người rồi nghĩ đến số ấn bản sách xuất bản của Việt Nam ta, cả trong nước lẫn ngoài nước, than ôi!

● Giải văn chương Pháp 1995

Hằng năm cứ đến tháng Mười một, ở Pháp lại công bố các giải thưởng văn chương.

Giải Médicis năm nay trao cho hai nhà văn Vassilis Alexakis với tác phẩm *Tiếng mẹ đẻ* (La langue maternelle) và nhà văn gốc Nga Andrei Makine với tác phẩm *Bức chúc thư Pháp* (Testament Francais). Giải Médicis cho tác giả nước ngoài vào tay nhà văn Ý Assandro Baricco với *Lâu đài của sự giận dữ* (Château de la colère).

Đoạt giải Femina năm nay là nhà văn Emmanuel Carrère với tác phẩm *Lớp học tuyết* (Classe de neige). Nhưng giải thưởng văn chương lâu đời (có từ năm 1903) và đáng giá nhất về mọi phương diện là giải Goncourt. Ngày 13-11-1995 lúc 13 giờ ở quán cà phê Prouant (Paris), Hội đồng giám khảo giải Goncourt đã đồng ý chọn tác phẩm *Di chúc Pháp* để trao giải. Như vậy chỉ trong vòng một tuần, nhà văn Makine đã nhận được hai vinh dự lớn: giải Médicis và giải

Goncourt.

Cũng cần nói thêm, cùng ngày công bố giải Goncourt, còn có một giải văn chương khác nữa cũng khá quan trọng là giải Renaudot. Năm nay nhà văn đoạt giải này là Patrick Besson, 39 tuổi, với tác phẩm *Anh em nhà Braban* (Les Braban) kể về câu chuyện xảy ra ở vùng ngoại thành Paris với đầy rẫy những tệ nạn xã hội, trộm cắp... mà anh em nhà Braban đã phải hứng chịu.

Cuốn *Vũng Cạn* (La souille), một trong bốn tác phẩm vào chung kết giải Goncourt, của nhà văn Frank Olviver Giesbert, 46 tuổi, giáo sư triết học và trong ban chủ biên tờ *Le Figaro*, đã đoạt giải Fuillaume le Conquérant do Hội đồng tư vấn tỉnh Haute et Basse Normandie trao tặng, vì nội dung là câu chuyện về đời sống của một nông dân vùng Normandie.

• Vài nét về tác giả và tác phẩm giải Goncourt

Nhà văn Pháp gốc Nga Andrei Makine đã viết trực tiếp bằng ngôn ngữ Pháp. Ông sinh ở vùng Siberia ngày 10 tháng 12, 1957, học đại học Kalinine và Moskva, rồi trở thành giáo sư ở tỉnh Novgorod và là cộng tác viên tạp *chí Văn Học Hiện Đại và Nước Ngoài*. Makine mới định cư ở Pháp tám năm thôi, nhưng nhờ có văn tài lỗi lạc và lại sử tiếng Pháp xuất sắc, nên ông đã có những tác phẩm nổi tiếng, trong đó có Người con gái của một anh hùng xôviết. Trong tác phẩm *Di chúc Pháp*, ông mô tả cuộc đời của chính mình, có bà ngoại là người Pháp sinh trưởng ở vùng Neuilly sur Seine (nhân vật Charlotte Lemonnier trong tiểu thuyết). Bà sống thời thơ ấu ngắn ngủi ở vùng Paris và sau đó đến nước Nga hồi đầu thế kỷ này. Tuy sống trong vùng hoang vu, tuyết băng giá lạnh, nhưng bà vẫn hoài hương vùng Paris ấm áp. Cả nước Pháp mộng mơ và đầy huyền thoại sống mãi trong lòng bà cùng với ngôn ngữ tiếng Pháp bà gìn giữ và dạy lại cho đứa cháu của mình. Bà cất giấu những kỷ niệm của thuở ấu thơ trong chiếc rương nhỏ, đó là những tờ báo cũ, những hòn sỏi nhỏ..., những thứ bà coi như bảo vật, luôn nhắc nhở bà về nỗi hoài hương một đất mẹ xa xôi. Tác giả đã trải qua những ngày hè thú vị bên cạnh bà ngoại và có những kỷ niệm thân thương với bà, đó là nguồn cảm hứng để tác giả viết nên *Bức chúc thư Pháp*.

Cũng nên nói thêm, sự chọn lựa của Hội đồng giám khảo giải Goncourt thường làm hài lòng nhiều tầng lớp, nhiều lứa tuổi ở Pháp. Vì theo thông lệ từ tám năm nay, ngoài Hội đồng giám khảo chính thức ra còn một hội đồng giám khảo nhỏ tuổi nữa bao gồm các học sinh lớp 10 và lớp 12 các trường trung học ở nhiều tỉnh của Pháp. Từ khi hội đồng thứ hai này ra đời tới nay, thì có năm sự lựa chọn

của họ đúng với bậc đi trước và cũng có khi khác biệt. Năm nay hội đồng giám khảo trẻ này đã chọn tác phẩm **Bức chúc thư Pháp**. (Huỳnh Mỹ Long, Paris, 11-1995)

• A. Makine trả lời phỏng vấn về giải Goncourt 1995

Trả lời phỏng vấn của tuần báo *Paris Match* số ra ngày 23.11.1995 về cảm tưởng của ông khi chia sẻ cùng Alexakis giải Médicis, Makine cho biết khi nhận được giải thưởng với Alexakis ông rất hài lòng, nhưng hơi bất mãn vì ông thích có một giải thưởng trọn vẹn hơn là một giải thưởng bị chia sẻ. "Tôi rất vui sướng khi đứng bên cạnh một nhà văn đã được khẳng định như Alexakis, nhưng tôi cảm thấy mình ở thế hạ phong, giống như ngồi trên ghế phụ bên cạnh một diễn viên nổi tiếng. Giải Goncourt khiến tôi mãn nguyện: bởi vì tôi không phải chia sẻ với ai."

Nói về việc ông đã học tiếng Pháp như thế nào khi còn ở Nga, nhà văn Andrei Makine cho biết bắt đầu là những câu hát bằng tiếng Pháp của bà ngoại khi ông mới lên bốn. Sau đó ông nói tiếng Pháp với mẹ và em gái. Và ông đọc sách Pháp.

Khi Liên Xô diễn ra tình hình đổi mới, Andrei Makine tiếp, ông nhanh chóng hiểu rằng điều này sẽ đưa đến một chế độ tư bản kiểu mafia, với những kẻ mới phất lên, "mà ở đấy không thể có tôi." Cho nên, nhân chuyến đi công tác Paris, ông quyết định ở lại xin tị nạn chính trị. "Tôi chẳng quen biết *ai* cả. Và hành lý tôi có chỉ là một cái vali."

Kể lại cuộc sống khó khăn lúc đầu của một người tị nạn chính trị tại Pháp, Andrei Makine nói ông bạ đâu ngủ đó. Có lúc ông đã ngủ trong một hầm mộ tại nghĩa trang Père-Lachaise. Về bạn bè cũ, Makine nói khi họ biết ông rời bỏ đất nước, nhiều bạn đã quay lưng lại với ông.

Về công việc sáng tác, Andrei Makine cho biết ông cần sự yên tĩnh, bởi vì khi viết ông cần tập trung 100%. Ông viết tay, bởi vì ông không có máy đánh chữ, cũng chẳng có máy vi tính. Khi chưa có một chỗ ở nhất định, ông thường ngồi viết trên băng ghế. "Tôi ngồi đâu cũng được, đặt xấp giấy nháp trên đùi để viết, đó là thói quen từ thời bên Nga."

Trả lời câu hỏi điều gì đã kích thích ông, khiến ông cầm lấy bút viết, Andrei Makine cho rằng đó là "kỷ niệm và hồi ức. Con người nhớ lại tức là đã sáng tạo. Khi nhớ lại, bạn đã sống một cách phi thường với các biến cố, bởi vì bạn sẽ chọn những thời điểm quan trọng để viết..."

Một ngày của ông như thế nào?

Trả lời câu hỏi trên của phóng viên tờ *Paris Match*, Andrei Makine nói: "Cuộc sống thực của một tác giả chẳng có gì thú vị cả. Theo tôi, nó chỉ bắt đầu từ ngày ông ta chết

đi. Thật khó mà giải thích. Cuộc sống của một nhà văn không phải là loại bi kịch theo nhịp các bữa ăn. Tôi có ăn hay không cũng chẳng quan trọng. Tôi không tổ chức cuộc sống. Tôi chỉ có viết, và mọi thứ còn lại tự nó diễn ra và tôi cũng chẳng hiểu vì sao."

Ông cho biết ông làm việc 16 giờ một ngày, nhưng cũng có khi ông chỉ làm việc vào ban đêm. Cũng có lúc trong nhiều ngày liền ông chẳng viết được một chữ nào. Và có khi nửa đêm chợt thức dậy nhảy xuống giường để ghi một ý tưởng.

Công việc viết văn có nuôi sống được ông không?

Andrei Makine cho biết: "Rất ít. Mỗi khi nhận được tiền tác quyền, tôi lại xem mình như một người giàu có. Nhưng chỉ sáu tháng sau, tôi chỉ đủ tiền để mua nửa ổ bánh mì. Tôi không có nhiều nhu cầu: bánh mì, sữa và trà. Tôi uống rất nhiều trà."

Đáp câu hỏi là ông có làm một nghề nào khác để sinh sống không? Andrei Makine cho rằng nếu người ta có hoài bão viết thì chỉ nên sống với công việc viết mà thôi. Thật ra có một số nhà văn có công việc khác để mưu sinh, và chỉ ngồi trước trang giấy khi nào rảnh rỗi thôi. Ông cũng có dạy vài giờ tại đại học khoa học chính trị, nhưng công việc ấy chẳng mang lại cho ông lợi tức gì nhiều. Cái lợi của công việc dạy học này là cho ông cơ hội tiếp xúc với những người trẻ và thực tế hàng ngày.

Văn chương đã gây cho ông điều gì?

"Một nỗi đau khổ dữ dội, đồng thời cả một niềm hạnh phúc bay bổng. Mỗi người đều có một cường độ hạnh phúc hay bất hạnh. Nhưng với tôi, tất cả những điều đó đều được nhân lên gấp bội, nhờ văn chương."

● Tế Hanh nhớ về Xuân Diệu

Trên tạp chí *Văn Nghệ Saigon* số 223 trong một bài viết nhân kỷ niệm 10 năm ngày mất Xuân Diệu (1985-1995), nhà thơ Tế Hanh đã kể lại chuyện Xuân Diệu tuổi Thìn có "tứ thìn": giờ thìn, ngày thìn, tháng thìn, năm thìn.

Vào năm Canh Thìn (1940), trên báo Ngày Nay số Tết có loạt bài Vịnh các văn nhân - trong đó có chân dung Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Xuân Diệu - và bài thơ đề Vịnh Xuân Diệu mở đầu bằng câu:

Năm nay năm tuổi của chàng

nghĩa là Xuân Diệu năm đó mới 24 tuổi (sinh năm 1916).

Tế Hanh cho biết ông sinh năm 1921, thua Xuân Diệu 5 tuổi. Và năm Canh Thìn - ông mới 19 tuổi - đã nhận được giải của Tự Lực Văn Đoàn cho tập *thơ Nghẹn Ngào* - sau này in lấy tên là Hoa Niên.

Trong tấm bằng có đủ bảy chữ ký, gồm bốn nhà văn (Nhất Linh,

Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam) và ba nhà thơ (Thế Lữ, Tú Mỡ, Xuân Diệu).

Theo nhà thơ Tế Hanh, Xuân Diệu là người có thực tài, có vốn hiểu biết phong phú sâu rộng. Ông có viết được nhiều thể loại truyện ngắn, truyện ký, ký sự, ghi chép, viết nghiên cứu, tiểu luận, phê bình, giới thiệu và dịch thuật.

Trong bài này Tế Hanh đã phát biểu: "Nói riêng về thơ, tôi thấy có ý kiến nói thơ Xuân Diệu trước Cách mạng hay hơn hẳn sau Cách mạng. Điều này rõ quá! Công bình mà nói thì hiện tượng này còn bao gồm cả Lưu Trọng Lư, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng v.v..."

Cũng trong bài nói trên, ở một đoạn sau, Tế Hanh lại nhắc:

"Rõ ràng thơ Xuân Diệu, đặc biệt với thơ trữ tình trước Cách mạng, là hay hơn hẳn ở giai đoạn sau... Đã hơn một lần có người hỏi Xuân Diệu: Anh làm thơ tình hay thế mà sao lại đi làm thơ chính trị? thì Xuân Diệu trả lời thẳng thắn

Có nhiều lúc tôi làm thơ chính trị
Nếu hình thức có hơi non một tí
Không việc gì hoan hỉ vỗ tay reo

Và, một cách tế nhị "chính trị", Tế Hanh nói rằng: "Về cơ bản, văn tài Xuân Diệu ở giai đoạn sau này phát triển chủ yếu theo ngã tiểu luận nghiên cứu, phê bình chứ không phải là thơ."

Có phải những người yêu thơ Xuân Diệu ai cũng nhận ra được những điều này, nhưng phải đợi đến 10 năm sau ngày ông mất, người trong nước mới "dám" nói lên sự thật thi ca này?

Nếu một mai tôi sẽ giã từ
Vẫy chào cõi thực để vào hư
Trong hơi thở cuối dâng trời đất
Cũng vẫn si tình đến ngất ngư

(X.D.)

● Qui Nhơn: một con đường mang tên Xuân Diệu

Bình Định, quê hương miền Trung Việt Nam là nơi sản xuất nhiều văn nghệ sĩ Việt Nam. Nhà thơ Xuân Diệu là một niềm tự hào của Bình Định. Một nguồn tin cho biết tỉnh Bình Định đã xây một ngôi nhà mô phỏng ngôi nhà Xuân Diệu ở lúc thiếu thời. Nhà gồm ba gian: gian giữa để thờ, hai gian còn lại trưng bày các hiện vật và tiếp khách. Kinh phí xây dựng khoảng 200 triệu đồng Việt Nam (khoảng 20,000 Mỹ kim). Công trình dự định hoàn thành vào dịp kỷ niệm 10 năm ngày Xuân Diệu mất, nhưng vì do thời tiết mưa bão liên tiếp, nên dời lại, và sẽ khánh thành vào tháng Hai, 1996. Trước đó, tỉnh Bình Định đã đúc tượng Xuân Diệu. Tượng bán thân bằng đồng, nặng khoảng 40 kg. Và cũng nguồn tin trên cho biết hệ thống tên đường Qui Nhơn sẽ được sắp xếp lại. Và một con đường mang tên Xuân Diệu có khả năng ra đời.

• Cuốn sách mở màn năm 1996: Thư Gửi Bạn Ta của Bùi Bảo Trúc

Ngày 6 tháng Giêng, 1996, tại Phòng sinh hoạt nhật báo Người Việt, nhà văn Bùi Bảo Trúc, tác giả những lá thư viết từ Hoa Thịnh Đốn, đã trình làng tác phẩm Thư Gửi Bạn Ta, tuyển tập I, do nhà Văn Nghệ xuất bản.

Đây là tập sách (mở đầu) gồm những bài viết hàng ngày cuả Bùi Bảo Trúc trên trang báo của tờ Người Việt ấn hành tại Nam California. Tính chất nóng hổi, nhưng đầy nghệ thuật của những lá thư viết về *người và việc* vừa xảy ra và đang được nói đến trên nước Mỹ - và cả ở Việt Nam nữa - đã được Bùi Bảo Trúc viết bằng một giọng văn dí dỏm mà uyên bác, chua cay mà văn chương,... Những bài viết này cho thấy một Bùi Bảo Trúc nhạy bén, sắc sảo, kịp thời, uyên thâm, "chữ nghĩa đầy mình". Ông là một ngòi bút mạnh mẽ và phong phú... Không một người và việc nào xẩy ra trong đời sống mà không được ông đề cập đến, và đặc biệt là ông đề cập đến với cả chiều sâu lẫn chiều rộng.

Ngòi bút của Bùi Bảo Trúc vừa là "một con dao, vừa là một đoá hoa", Nguyễn Xuân Hoàng đã ví von như vậy khi nói về những lá thư của Bùi Bảo Trúc. Buổi ra mắt sách của Bùi Bảo Trúc do nhà xuất bản Văn Nghệ và nhật báo Người Việt tổ chức, thu hút đông đảo bạn đọc và thân hữu tham dự. Các nhà văn, nhà báo như Mai Thảo, Nguyên Sa, Võ Phiến, Lê Đình Điểu, Bùi Vĩnh Phúc...dịp này đã phát biểu về những lá thư Hoa Thịnh Đốn của tác giả Bùi Bảo Trúc.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, trong lời đề tựa cho cuốn Thư Gửi Bạn Ta của Bùi Bảo Trúc, cho rằng "Những Lá Thư..." của bùi Bảo Trúc là một thứ "Cô vọng ngôn chi, cô thính chi" (Nói láo mà chơi, nghe láo chơi) rất hiện đại. Nguyễn Xuân Hoàng viết: "Chúng ta đang sống trong một thời đại đầy ngập những biến cố. Những biến cố lịch sử và những biến cố cá nhân. Thế giới không ngừng biến động quanh ta từng giây từng phút, dồn dập, chồng chất lên nhau, không phải chỉ là cái trước cái sau hay cái trên cái dưới mà trùng trùng điệp điệp trộn lẫn vào nhau vô thủy vô chung.

Nhìn cho ra được những biến động nào ảnh hưởng đến cuộc sống chúng ta đã là khó, nói lên được những biến động ấy bằng một thứ ngôn ngữ nhuần nhuyễn đầy hình ảnh và văn chương điều đó càng khó hơn.

Thế nhưng , bạn tôi, Bùi Bảo Trúc đã làm được việc đó - ít nhất là qua những lá thư ông viết từ Hoa Thịnh Đốn và tập trung một số trong tập mở đầu của bộ sách mang chung một tựa đề *Thư Gửi Bạn Ta*.

Có thể nói đây là một tác phẩm gồm những ghi nhận nóng bỏng đầy nghệ thuật về người và việc, phản ánh một cách đầy đủ về những gì đã xảy ra trong cuộc sống thường *ngày của chúng ta.*

Tôi gọi *Thư Gửi Bạn Ta* là những *ghi nhận* chứ không phải là những *ghi chép* bởi vì Bùi Bảo Trúc mặc dù là người nhậy cảm với thời sự và thời cuộc, nhưng ông không hề (sao) chép chuyện người và việc *vừa xảy ra đang nói đến*, mà ông nhận (định) tại sao, cái gì, thế nào, ra sao, tới đâu..., qua đó ông dẫn dắt người đọc đến một khẳng định, phủ định hay một nghi vấn khác không thời sự một chút nào.

Bởi vì đối với Bùi Bảo Trúc *thời sự chẳng qua chỉ là một cái cớ.* Ông đóng cái cớ ấy xuống trang giấy và treo lên đó những suy nghĩ và tình cảm của mình với một nụ cười đôi khi tinh quái. Vì thế, những lá thư gửi bạn ta của ông không chỉ là những phiếm luận, tạp ghi, tạp bút, *mà đôi khi còn là những bài* nhận định thời sự chính trị và văn học nghệ thuật khá là sâu sắc.

Người đọc có dịp theo dõi những bài viết hằng ngày của ông trên nhật báo *Người Việt* thấy ngay tính chất tài tình của ông trong chữ nghĩa. Đó là một cây bút có *sức liên* tưởng dồi dào, nhiều màu sắc, một hiểu biết có căn cơ, một trí nhớ mạnh mẽ, và một trái tim dễ xúc động.

Qua những lá thư của ông, người ta giật mình nhìn ra được một bộ mặt khác của *người và việc*, bộ mặt mà người ta tưởng rằng nó phải là thế này, nhưng giờ đây đã có người cho thấy nó phải là *thế kia.* "Thư Gửi Bạn Ta" của Bùi Bảo Trúc là một thứ *cô vọng ngôn chi, cô thính chi** đương đại được viết bởi một tác giả rất điêu luyện chữ nghĩa, giàu có kiến thức, tràn ngập hiện tại-quá khứ và một nụ cười mím chi.

Cám ơn bạn ta, cám ơn những *lá thư gửi cho một người nhưng để* cho nhiều người cùng đọc".

• Salman Rushdie được giải thưởng văn học Anh

Hôm thứ Tư, 3 tháng Giêng, nhà văn Salman Rushdie, người hãy còn phải đương đầu với án tử hình của Iran đã đoạt giải thưởng văn chương hàng đầu của Anh quốc về tác phẩm mới nhất của ông. Giải văn học Whitbread của Anh quốc trao cho Rushdie về tiểu thuyết "Tiếng Thở Dài Cuối Cùng Của Người Moor" (The Moor's Last Sigh), một truyện về triều đại Ấn Độ, trị giá 2,000 bảng anh. Lần sau cùng Rushdie đoạt giải là vào năm 1988 với cuốn "Những Vân Thơ của Quỷ" (The Satanic Verses). Tác *phẩm này bị Iran cho là xúc phạm* đến người Hồi giáo, và ông đã bị lãnh tụ Hồi giáo Cách mạng Iran, Ayatollah Ruhollah Khomeni, lên án tử hình vì tội phạm thánh. Mới đây, ông cũng được nhiều người

ủng hộ để được giải Booker, một giải thưởng văn chương hàng đầu của Anh Quốc, với tác phẩm mới nhất của ông, nhưng người ta ngạc nhiên khi giải thưởng lại về tay Pat Barker với cuốn thiên anh hùng ca thời thế chiến thứ nhất mang đề tựa "Con Đường Ma" (The Ghost Road) của bà.

Ấn Độ không cấp chiếu khán cho nhà văn Taslima Nasrin

Một nhóm tranh đấu tôn giáo cuồng tín đã tố cáo chính phủ Ấn Độ, vào ngày thứ Ba 2 tháng Giêng 96, là đã ngăn cản không cho phép nhà văn nữ, người Bangladesh, Taslima Nasrin tham dự một cuộc hội thảo thế giới bằng cách trì hoãn việc cấp chiếu khán cho nhà văn nữ này. Trong một bản công bố, Hiệp Hội Duy Lý Ấn Độ cho biết: Nhà văn nữ Taslima Nasrin đã nộp đơn xin cấp giấy chiếu khán tại Tòa Đại Sứ Ấn Độ ở Đức. Nhưng hồ sơ này không bao giờ được chấp nhận cũng như không bị thẳng thừng từ khước. Bản thông cáo còn cho biết: Hồ sơ chiếu khán được nhà văn nói trên nộp vào ngày 22 tháng Mười Hai, 1995, và được nhân viên của Tòa Đại Sứ cho biết là không đủ thời gian để cứu xét vấn đề an ninh. Tổ chức Hiệp Hội Duy Lý Ấn Độ tổ chức cuộc hội thảo trong hai ngày 27 và 28 tháng Mười Hai, và đã thông báo cho các nhóm tranh đấu quốc tế nhằm chống lại các trào lưu tôn giáo chính thống. Nhà văn Nasrin rời Bangladesh đi Thụy Điển vào tháng Tám năm 1994, sau khi tòa án tối cao ở Bangladesh chấp thuận cho được tại ngoại hầu tra về tội danh lăng mạ Hồi giáo. Vụ "lăng mạ" này căn cứ trên cuộc trả lời phỏng vấn của nhật báo *India's Stateman*, theo đó Nasrin phát biểu: Thánh kinh Coran của Hồi Giáo phải được duyệt xét lại toàn bộ." Nasrin cho biết những lời phát biểu của bà đã bị trích dẫn thiếu, nhưng nhật báo *India's Stateman* phủ nhận điều này.

Sẽ ra mắt một ngày gần đây

VIẾT LÊN TRỜI XANH

truyện dài mới nhất của **Hoàng Khởi Phong**

Viết về Chiến tranh, Cái chết, Hận thù và Lòng Thương yêu

Món quà Xuân ý nghĩa của những người mê văn chương

Văn Khoa xuất bản

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Lâm Chương Dorchester MA; Tiến Võ Charlottesville VA; Trần Tiễn Ngạc M.D. Stockton CA; Hàn Song Tường Houston TX, Anh Hồ (đổi địa chỉ); Hồng Huy Canada; Nguyễn Khoa Điềm Reseda CA; Hồ Viết Nhị Houston TX; Trần Hồng Châu Anaheim CA; Ngô Vũ Bích Diễm Hunt Beach CA, Lê Thúy Phương Westminster CA, Thnah T. Nguyễn Austin CA, Trần Quí Phiệt Kerrville TX; Phạm thị Khuyên Gr Prairie TX; Bùi văn Học Germany; Lâm Tú Anh Issaquah WA; Resource Center Woodville High School Australia; RMIT Libraries Coburg Australia; Tự Lực Bookstore Westminster CA; Chung Phướcc Khánh Boston MA; Phuong Chung Vancouver Canada; Nguyễn Công Thuần Vestal NY; Trang Châu Montréal Canada; Fields Corner Branch Lib. Dorchester MA; Denver Public Lib CO; Alfred Jaeger Inc, New York; Trung Việt Bookstore Montreal Canada; Kim Thúy Huntington Beach CA; Nguyễn H. Lân Seattle WA; Bùi Bích Hà Tustin CA; Đặng Đình Kỳ Jacksonville FL; Harvard-Yenching Lib MAS; Anh Ho Kilauen HI; Thân v Thuận Wheeling IL; Van Nguyen Calgary Canada; Tôn Thất Ân Medford MA; Trần Thiện Hiệp Kent WA, Thiên Nga Bookstore Houston TX, Nguyễn thị Bé Fairfax VA; Nguyễn Công Bằng Lansdale PA; Buick Bui City of Industry CA; Nguyễn văn Tạ Bankstown Australia, Lê Hữu Nghĩa Merylands Australia, Nguyễn Linh Quang Paris; Ecole des Langues Orientales Pars, Thư viện Diên Hồng, Nguyễn Xuân Hương San Jose CA; Sóng văn (q/c) gửi từ Woodbridge VA; Nguyễn Cường France; Lê văn Hữu San Jose CA; Lê Tấn Tài El Cajon CA;

Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Lệ Hằng, nhà văn và tác phẩm, truyện ngắn Mượn Hồn gửi từ Australia; Thềm ký ức trăng xanh gửi từ San Jose CA, Thềm hiên Quách Tấn, Hải Đức, Phố Huy Tưởng, Đêm hồ Tây, Đèo Cả, Đèo Ngang, mưa gửi từ Mt. Waverley Australia; Ngộp gửi từ San Diego CA; Thơ Võ Đình Tuyết gửi từ Hatfield PA, Và em mùa xuân gửi từ San Jose CA; Làn tóc gửi từ Fountain Valley CA, Lời cho yêu dấu gửi từ Springfield VA, Giả đò gửi từ Hunt Beach; Rất gần tôi một cõi lặng im gửi từ Winter Haven FL; Bất chợt Huế gửi từ Orlando FL; Thơ và truyện của Đức Thuần gửi từ San Jose CA; Trăng

mật gửi từ Artesia CA; Hôn lễ, Chiếc nôi, Ngọn cỏ mùa xuân, Cây lạ, Hoa dừng, Chiếc lá, Đốt lá gửi từ Portland OR; Đời như là một đêm ảo nguyệt, Vì sao cô đơn, Bơ vơ gửi từ Oregan; Nghe nhạc, Nghe kinh, Phôi pha, Lâm viên gửi từ Muenchen Germany; Biệt thự cho thuê gửi từ Cupertino CA; Mấy đoạn thơ rời, Tình ngơ ngẩm về gửi từ Falls Church VA, Viet Nam Forum gửi từ Berlin Germany; Những cuối năm buồn gửi từ Garden Grove CA; Quá hay Qua gửi từ Germany; Di chỉ mùa xuân năm 2000 gửi từ San Jose CA; Mắt bão Downsview Canada; Về, Mười mảnh vụn gửi từ Montréal Canada; Mùa xuân nào cho em, Âm thanh tình yêu... gửi từ Vancouver WA; Chủ đề muôn thuở gửi từ Orlando FL, Thơ tình viết từ trại Z30C, Chùm oán thi tứ tuyệt mới gửi từ Phenix AZ

Thiệp xuân của Triều Hoa Đại, Nguyễn Trung Hối, Nguyễn Hoàng Linh, Lưu Phạm. Cai văn Khiêm, Bách Việt Youth Club, Phạm Ngũ Yên, Nguyễn Ngọc Tuấn, Đào Đức Chương, Trần Thiện Hiệp, Tôn Thất Ân, Thanh Tuệ....

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn của một số văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác, và mục ***Tác giả và Tác phẩm*** **sẽ kéo dài đến tháng 5.1996.**

Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn.

Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại.



📖 ***Hãy cho ta sống giùm đời nhau & Tình***, thi tập thứ tư và thứ năm in chung thành tập đôi của Ngu Yên, Nhà Văn Thơ Mới Houston xuất bản. Ngu Yên là một trong những nhà thơ hải ngoại muốn đem những cái mới cho thi ca, muốn thoát ra ngoài cái đơn điệu trầm buồn quen thuộc từ lâu không cho thơ được tự do tung tăng. Hai tập thơ in chung lần này của Ngu Yên chẳng những táo bạo về ý mà còn táo bạo trong cách trình bày, dùng kiểu chữ và cỡ chữ như là một phương cách để diễn ý. Những gì mới bao giờ cũng gây ngỡ ngàng

cho bạn đọc. Nhưng thơ hiện đại trên thế giới đã từ lâu sử dụng những *chất liệu mới do tiến bộ của khoa* học truyền thông mang lại, không còn sử dụng chất liệu duy nhất là ngôn ngữ nữa. So với trào lưu chung, Ngu Yên vẫn còn rất rụt rè.

Lật hết từ trong ra ngoài, không *thấy đề giá bán.* Về chuyện này, Ngu Yên vẫn còn lãng mạn quá đà.

📖 ***Hai mươi năm văn học Việt Nam Hải ngoại***, 2 tập, dày gần 1600 trang khổ lớn, do Ông Trương Đình Nho Giám đốc nhà xuất bản Đại Nam chủ trương, Cao Xuân Huy, Khánh Trường, Trương Đình Luân thực hiện, bìa cứng mạ chữ vàng, giới thiệu 158 tác giả hải ngoại, giá toàn tập là 60 Mỹ kim. Bộ sách có lẽ đồ sộ nhất từ xưa tới nay ở hải ngoại, với tham vọng lớn là giới thiệu được càng nhiều càng tốt những người sáng tạo nghệ thuật ở mọi ngành thi ca, văn xuôi, hội hoạ, nhiếp ảnh.... Tham vọng như thế tất gặp nhiều trở ngại và không thể tránh những khiếm khuyết. Như tất cả mọi tuyển tập loại này, bộ sách dư một số tác giả và thiếu một số tác giả. Lỗi đánh máy khá nhiều, cả phần tiểu sử tác giả lẫn phần văn chương. Nhưng khiếm khuyết trầm trọng nhất là kỹ thuật ấn loát. Tuy Đại Nam đem sách qua in tận Đài Loan, nhưng nhà in thiếu tinh thần trách nhiệm, thấy ảnh các tác giả lem nhem không còn hình dạng mà vẫn in bừa. Nghe nói nhà Đại Nam đã buộc nhà in in lại, và đợt sách phát hành sau sẽ khá hơn.

Dù sao, đây cũng là một cố gắng lớn lao đáng phục của nhà xuất bản Đại Nam, Cao Xuân Huy, Khánh Trường và Trương Đình Luân. Một tư liệu rất tốt cho bạn đọc và các nhà nghiên cứu tìm hiểu về văn chương hải ngoại.

📖 ***Thơ tuyển Tô Thùy Yên***, tác giả trình bày và xuất bản, in trên giấy quí màu vàng nhạt, dày 220 trang, giá 15 Mỹ kim. Một nhà thơ lớn từ thời Sáng Tạo như Tô Thùy Yên, có thơ được hâm mộ và truyền tụng suốt bốn thập niên, nhưng mãi đến nay mới in tập thơ đầu tay. Từ đây bạn đọc hết phải lục soạn sách báo cũ mới để chép lại những bài thơ mình ưa thích như *Anh hùng tận, Hề ta trở lại căn nhà cỏ, Chiều trên Phá Tam giang, Tiếng tượng ta về nơi bản trạch, Trường sa hành, Ta về*...Tập thơ xếp đặt theo thứ tự thời gian sáng tác, nên rất tiện cho bạn đọc và các nhà nghiên cứu tìm hiểu những chuyển biến trong thi nghiệp của Tô Thùy Yên. Mặc dù thời gian trải dài trên nhiều thập niên, toàn tập thơ vẫn cho thấy cái nhất quán của thơ Tô Thùy Yên như chất bi tráng trong ý, tính cổ điển trong lời, tiếp nối cái truyền thống đã có từ Nguyễn Du, Cao Bá Quát tuy tác giả chịu ảnh hưởng nhiều của văn hóa Tây phương.

Một tập thơ cần có *trong mọi* tủ sách gia đình để đọc đi đọc lại

mãi. Tạp chí Hợp Lưu nhận phát hành sách giùm cho tác giả. Bạn đọc ở xa muốn có tập thơ gửi ngân phiếu về Hợp Lưu, PO Box 277 Garden Grove CA 92642, phần ghi chú ghi "Thơ Tô Thùy Yên". Âu châu thêm 5 MK air mail, Úc Á châu thêm 7 MK air mail.

📖 ***Ra biển gọi thầm***, tuyển tập truyện ngắn của Trần Hoài Thư, tác giả tự xuất bản, tranh bìa Nguyễn Quốc Tuấn, phụ bản của Rừng, sách dày 222 trang, giá 12 Kỹ kim. Trần Hoài Thư là một nhà văn đã nổi tiếng ở Sài gòn trước năm 1975, tác giả của bốn tập truyện ngắn và cộng tác thường xuyên với các tạp chí văn chương uy tín như Bách Khoa, Văn, Văn Học, Vấn đề, Trình bày, Ý thức, Khởi Hành, Thời Tập...Định cư tại Hoa kỳ trên 15 năm nay, vì bận học hành và mưu sinh anh viết ít đi, chỉ mới hai năm gần đây Trần Hoài Thư mới tái xuất giang hồ với sức viết hăng say như thời Sài gòn cũ. Hai mươi truyện trong tập gồm 5 truyện cũ đã đăng trên báo Sài gòn tác giả viết lại, và 15 truyện mới viết ở hải ngoại. Nhiều bạn văn nhận xét đọc lại Trần Hoài Thư thấy người bạn văn lâu nay bặt tin viết y như thời xưa: lãng mạn, cuồng nhiệt một cách hồn nhiên. Nhận xét ấy đúng cho rất nhiều nhà văn khác, mà bút pháp đã định hình từ thời trước 1975.

Sách có bán tại các hiệu sách. Liên lạc với tác giả :Trần Quý Sách, 719 Coolidge Street, Plainfield, NJ 07062, USA.

Phone: (908) 769-8459.

📖 ***Dấu vết văn hóa Việt trên đường Bắc Mỹ***, tập 2 của Phạm Quốc Bảo, Việt Hưng xuất bản, sách dày 350 trang, giá 16 Mỹ kim (ngoài Hoa kỳ thêm 4 MK).

Tuy nhan đề sách dễ tạo cho bạn đọc cảm tưởng đây là một cuốn sách khảo cứu về văn hoá di dân Việt tại vùng Bắc Mỹ, nhưng nội dung sách lại gồm nhiều bài viết ngắn đề cập đến đủ loại sinh hoạt của đời sống, của người Mỹ cũng như người Việt. Những bài viết ấy lại viết như một bài feature đăng báo, nên nói cho đúng hơn, đây là một cuốn tạp luận về đới sống tại Mỹ nói chung, qua những sự kiện xảy ra đăng tải qua báo chí hay loan tải qua truyền hình. Những người mới tới có thể tìm thấy trong sách này những điều cần biết một cách chung chung để dễ dàng thích nghi với cuộc sống mới.

Liên lạc : Mrs Ngọc Hương Ngô Phạm

14381 Pleasant St. Garden Grove CA 92643 USA

Phone: 714-531-8639. Cước phí gửi sách: Hoa kỳ và Canada thêm US$3.00, Âu châu US$5.00, Úc và Á châu US$7.00.

📖 ***Bóng đèn tà nguyệt***, truyện dài của Hồ Trường An, Minh Văn xuất bản, bìa của Nguyễn Quốc

Tuấn, sách dày 250 trang, giá 16 Mỹ kim. Khung cảnh truyện là miền Nam thời thuộc địa, gia đình của những ông hội đồng, cai tổng sống sung túc giữa đồng quê trù phú có con cái chịu ảnh hưởng của phương Tây. Tác giả cố ý dùng một bút pháp và lối kể chuyện đặc biệt miền Nam y như tiểu thuyết miền Nam hồi đầu thế kỷ. Chất phong tục hồn nhiên rộn rã trên từng trang sách. Đọc Hồ Trường An lúc nào cũng thấy vui. Sách do Minh Văn xuất bản và phát hành. Địa chỉ liên lạc: 2808 Graham Rd, Falls Church VA 22042

Phone: 703-698-8490. Fax 703-204-9239.

📖 ***Chân trời lam ngọc 2***, ký sự của Hồ Trường An, Minh Văn xuất bản, sách dày 200 trang, giá 13 Mỹ kim. Sau thành công của loại chuyện cà kê về đời sống của giới cầm bút như Giai thoại hồng, Thông điệp hồng, Chân trời lam ngọc 1, Hồ Trường An thừa thắng xông lên cho ra Chân trời lam ngọc 2, viết về Viên Linh, Phạm Thăng, Nguyễn văn Ba, Lê Quang Xuân, Huỳnh Hữu Cửu, Nguyễn Tấn Hưng & Hồng Lan, Trương Anh Thụy, Mai Thảo, Trần văn Tích, Trần thị Nhật Hưng, Việt Phương, Bích Xuân, Hứa Hoành, Xuân Vũ, Thụy Khanh. Viết về ai, Hồ Trường An cũng kể chuyện giao tình với các tác giả bằng một giọng chân thật và trìu mến, đọc vừa thoả mãn tò mò vừa thích thú. Sách cũng do Minh Văn xuất bản và phát hành.

📖 ***Văn Sử Y Dược trong truyện chưởng Kim Dung***, của Trần văn Tích, Thanh Văn xuất bản, bìa của Nguyễn Đông, sách dày 214 trang, giá 12 Mỹ kim. Bạn đọc mê truyện Kim Dung không thể không mua đọc cuốn tiểu luận sâu sắc này. Bằng kiến thức quảng bác về văn học, sử học, y lý Trung hoa, Trần văn Tích vừa diễn giải vừa đính chính một số vấn đề học thuật trong truyện Kim Dung qua bản dịch tiếng Việt. Nhiều bài trong cuốn tiểu luận này đã được trích đăng trên Văn Học trước khi xuất bản. Những sách khác Trần văn Tích đã cho in trước đây có: Tư tưởng Lão Trang trong y thuật Đông phương (An Tiêm 1972, Xuân Thu 1990), Đông y xybécnêtic (Câu lạc bộ y học dân tộc 1981), Sự muôn năm cũ (Làng Văn 1992), Nho y Nguyễn đình Chiểu (An Tiêm 1993). Sách do nhà xuất bản Văn Nghệ phát hành.

📖 ***Thư gửi bạn ta***, của Bùi Bảo Trúc, Văn Nghệ xuất bản, sách dày 364 trang, giá 16 Mỹ kim. Ngoài Hoa Kỳ thêm 3 MK. Tuyển tập gồm những lá thư Hoa Thịnh Đốn Bùi Bảo Trúc đăng đều đặn trên Người Việt từ nhiều năm qua, làm say mê rất nhiều độc giả hải ngoại. Mỗi trang sẽ đem lại ít nhất một nục cười cho người đọc, vì từ những chuyện thời sự, lúc nào Bùi

Bảo Trúc cũng tìm ra những điểm dí dỏm và sâu sắc của đời sống. Nhà xuất bản nhận xét rất đúng về tác phẩm khi viết: "Để có 360 nụ cười, giúp các bắp thịt mặt hoạt động chăm chỉ, làm đầy các vết nhăn, đem lại nét trẻ đẹp cho người đọc mà không cần phải căng da mặt, hãy đọc "Thư Gửi Bạn Ta" tập 1. Nguyễn Xuân Hoàng giới thiệu. Khánh Trường vẽ bìa.

📖 ***Viết cho Mẹ và Quốc hội***, của Nguyễn Văn Trấn, Văn Nghệ xuất bản, sách dày gần 500 trang, vừa là hồi ký chính trị vừa là tự sự của một người tự coi là nhân chứng lịch sử, dùng giọng văn dân dã Nam bộ để đả kích cay độc đảng cộng sản Việt Nam, tác động mạnh mẽ tâm lý, tư tưởng người đọc. Toàn bộ nội dung sách đả kích lên án sự lãnh đạo và các đường lối chính sách của Đảng, đả kích thẳng vào một số lãnh đạo chủ chốt như Trường Chinh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt, Đỗ Mười...Lần đầu tiên một cán bộ cộng sản cao cấp tiết lộ hết những chuyện động trời của nội bộ Đảng. Sách bán giá 20 Mỹ kim. Ngoài Hoa Kỳ thêm 3 MK. Một cuốn sách đang gây bàn tán khắp nơi.

📖 ***Một lần đi, anh yêu***, thơ và nhạc Nguyễn Tấn Hưng, H&L Productions xuất bản, Nhạc sĩ Nhật Ngân và Thu Hồ giới thiệu, phụ bản Vũ Thái Hoà và Trương Vũ. Địa chỉ liên lạc : H&L Productions, P.O. Box 430165 Houston, TX 77243-0165. Giá bán 15 Mỹ kim. Tác giả có gửi kèm hai cassette Tình Muộn và Chỉ một lần trao.

📖 ***Hoa thơm cỏ lạ,*** truyện ngắn hay quốc tế do Nguyễn thị Chân Quỳnh dịch, An Tiêm Paris xuất bản, sách dày 290 trang, giá 12 Mỹ kim. Nguyễn thị Chân Quỳnh là một nhà nghiên cứu văn học có bài đăng thường xuyên trên Văn Học. Lâu lâu chị cũng tìm những truyện hay và dịch ra Việt ngữ. An Tiêm xuất bản tập truyện dịch này của chị, gồm những tác phẩm đặc sắc của những nhà văn tiếng tăm trên thế giới như Saki, Dame Daphne Du Maurier, Somerset Maugham, Dame Ivy Compton-Burnett, George Orwell, H.G. Wells, Katherine Mansfield.

Như tất cả các cuốn khác của An Tiêm do Thanh Tuệ chăm sóc, cuốn này rất đẹp, trang nhã.

Sách do nhà Văn Nghệ tổng phát hành ở vùng Bắc Mỹ. Bạn đọc ở Âu châu muốn mua sách xin liên lạc về Nhà xuất bản An Tiêm hoặc Mr. Trương Tuệ, 14 Villa des Acacias, 202 Rue d'épinay, 95360 Montmagny , France. Điện thoại 39 84 00 84

Sẽ phát hành nay mai...

Lý luận và phê bình
Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975-1995

bùi vĩnh phúc

- Trình bày diện mạo cũng như dòng vận động của văn học Việt hai mươi năm qua ngoài nước trên nhiều khía cạnh, với một cái nhìn nhận định, đánh giá sâu sắc và đầy tính thẩm mỹ.
- Chia sẻ một số suy nghĩ và lý luận về mỹ học phê bình. Đặt dòng phê bình lý luận này trong bối cảnh chung của văn học thế giới.
- Phê bình và nhận định một số tác phẩm cụ thể, và trong tiến trình nhận định và thẩm thức ấy, trên một số góc độ, làm rõ diện mạo cũng như phong cách văn học của những khuôn mặt văn nghệ như Phạm Duy, Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, Tô Thùy Yên, Thanh Tâm Tuyền, Mai Thảo, Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Xuân Hoàng, Hoàng Khởi Phong, Quyên Di, Hồ Trường An, Nguyễn Ngọc Ngạn, Trần Diệu Hằng, Phan Thị Trọng Tuyến, Lê Thị Huệ, Vũ Quỳnh Hương, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Bùi Bích Hà, Trần Mộng Tú...
- Phác họa chân dung văn học với những nét nổi bật nhất của rất nhiều nhà văn nhà thơ khác trong tiến trình vận động của hai mươi năm văn học Việt ngoài nước.
- Sách dày trên dưới 750 trang.

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ

P.O. Box 2301 • Westminster, CA 92683
hoặc 10881 Oak Street • Stanton, CA 90680
Tel.: (714) 527-5761

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

ĐÃ IN

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Qúy Toàn - $14.00
NGHỆ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NOI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00
MÂY TRẮNG THONG DONG
Huyền Không - $10.00
TRĂNG HOÀNG CUNG
Phùng Quán - $8.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:

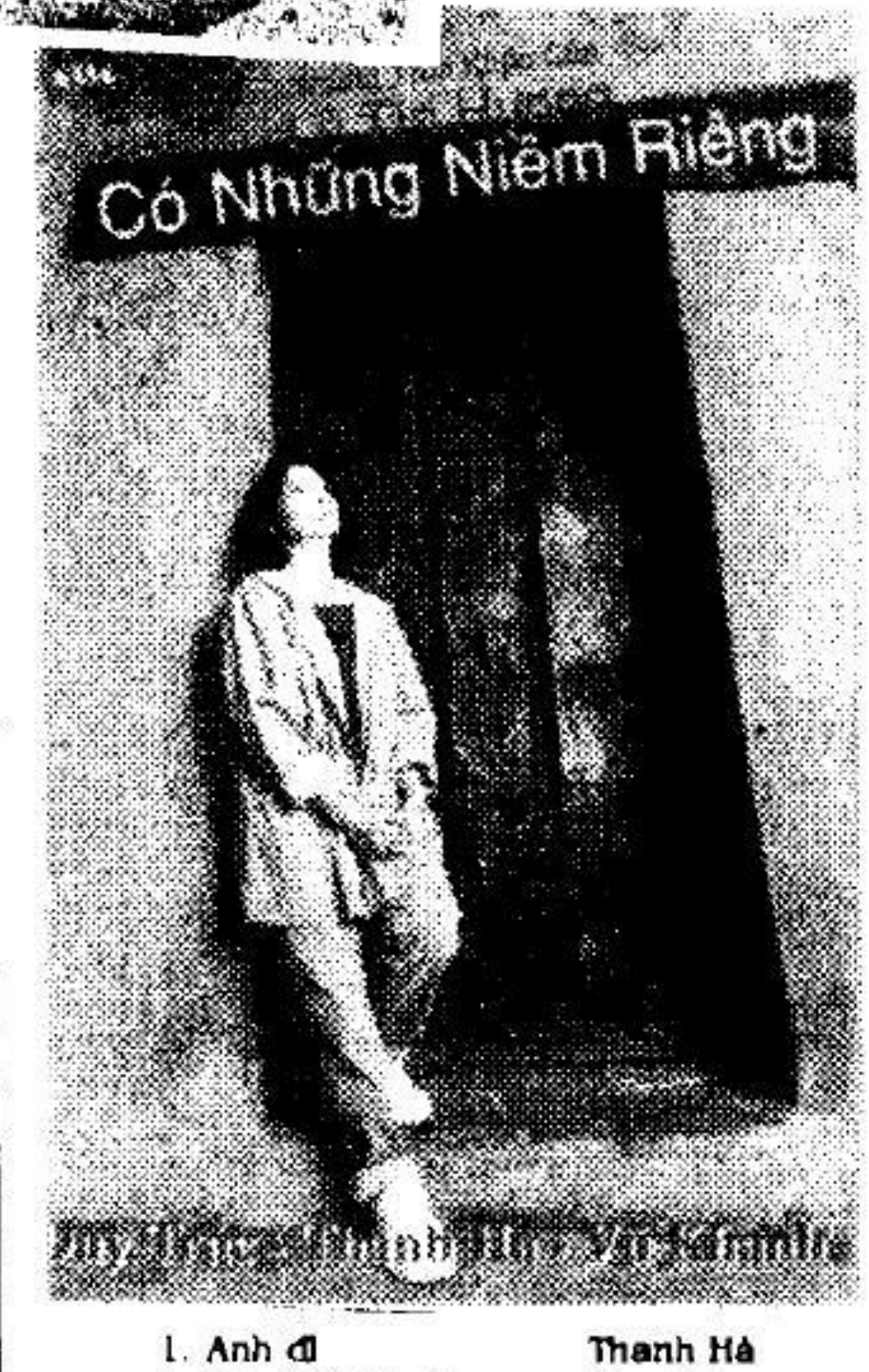
VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761



Dòng Đời Mong Manh

những nhạc khúc mới của Lê Tín Hương.

Buồn mãi quanh ta — THÁI HIỀN
Dòng đời — LÊ UYÊN
Tim buồn lên tiếng gọi — ANH DŨNG
Trăng viễn hoài — THÁI HIỀN
Người có nhớ ta chăng — BẠCH YẾN
Cũng dành chia xa — LÊ HUỲNH
Tàn phai — LÊ UYÊN
Ngày rời — ANH DŨNG
Bóng cũ chiều mưa — THÁI HIỀN
Dòng đời mong manh — LÊ HUỲNH



1. Anh đi — Thanh Hà
2. Còn biết về đâu — Duy Trác
3. Đừng bao giờ hứa — Thanh Hà
4. Vùi trên lối mòn — Thanh Hà
5. Như cánh chim trời — Duy Trác
6. Một góc đời — Thanh Hà
7. Như mây như mưa — Vũ Khanh-T.Hà
8. Trả lại cho đời — Duy Trác
9. Hoài mong — Thanh Hà
10. Có những niềm riêng — Thanh Hà

Với hai mươi tình khúc của *Lê Tín Hương* qua dòng nhạc ý thơ là những nỗi niềm riêng còn đang khắc khoải, ray rứt, dấu kín theo ngày tháng nổi trôi bên ***Dòng Đời Mong Manh***. Chắc chắn bạn cũng phải một lần lắng đọng, bàng hoàng và cảm xúc. Vì đó là nỗi niềm chung của tất cả chúng ta.

Hai CD **"CÓ NHỮNG NỖI RIÊNG"** và **"DÒNG ĐỜI MONG MANH"** chọn lọc này không thể thiếu trong tủ nhạc của mọi người yêu nhạc, yêu cách diễn tả thâm trầm sâu sắc của tác giả nữ *Lê Tín Hương*.

TRUNG TÂM HƯƠNG NHẠC
P.O. BOX 2054-M72 ■ Westminster CA 92684 ■ (714) 839-2950 ■ Fax 531-4292

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. ____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn _____ năm,
từ số _____ tháng _____, gởi hạng _____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$ _____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt. ____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

Người giới thiệu _____

Địa chỉ _____ Apt. ____

Thành phố _____ Tiểu bang _____ Zip _____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THU VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng My kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề tên cho Van Hoc. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

Printed by

MEKONG PRINTING

2421 W. First Street • Santa Ana, CA 92703 U.S.A.
Tel: (714) 558-9595 • Fax: (714) 558-7960

Nhà xuất bản
VĂN NGHỆ
trân trọng giới thiệu



VIẾT CHO MẸ & QUỐC HỘI

của NGUYỄN VĂN TRẤN

Sách dày gần 500 trang, vừa là hồi ký chính trị, vừa là tự sự của một người tự coi như là một nhân chứng lịch sử, dùng giọng văn khẩu thuật (cách nói dân dã Nam bộ) để đả kích cay độc Đảng ta và tác động mạnh mẽ (có tính kích động) tâm lý, tư tưởng của người đọc. Toàn bộ nội dung cuốn sách đả kích, lên án sự lãnh đạo và các đường lối, chính sách lớn của Đảng từ trước đến nay, đả kích vào một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng (như đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt, Đỗ Mười), gọi hẳn những đồng chí này là bọn "Bắc hà" dốt nát, "lái lợn" v.v... *(trích báo cáo (mật) của "Nhóm Công Tác Viên - số 5-BC)*

Giá 20MK. Ngoài Mỹ thêm 3MK.

&



THƯ GỬI BẠN TA

của BÙI BẢO TRÚC

Mỗi trang sẽ đem lại ít nhất một nụ cười cho người đọc. Để có 360 nụ cười, giúp các bắp thịt mặt hoạt động chăm chỉ, làm đầy các vết nhăn, đem lại nét trẻ đẹp cho người đọc mà không cần phải căng da mặt, hãy đọc THƯ GỬI BẠN TA tập I. Nguyễn Xuân Hoàng giới thiệu, Khánh Trường vẽ bìa.

Dày 360 trang. Giá 16MK, ngoài Mỹ thêm 3MK.

•

Đã có bán tại các nhà sách trên thế giới, hoặc liên lạc với:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683. USA

Giá $8.00

visual poetry

magazine